

BAN LIÊN LẠC CỰU CHIẾN BINH TIỂU ĐOÀN 59



TIỂU ĐOÀN

59

ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

ST

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

TIỂU ĐOÀN

59

ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

Chịu trách nhiệm xuất bản
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PGS. TS. PHẠM MINH TUẤN

Chịu trách nhiệm nội dung
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
ThS. NGUYỄN HOÀI ANH

Biên tập nội dung: ThS. CÙ THỊ THÚY LAN
ThS. NGUYỄN THỊ HẢI BÌNH
ThS. VŨ THỊ MAI LIÊN
ThS. NGUYỄN VIỆT HÀ

Trình bày bìa: NGUYỄN NGỌC ANH
Chế bản vi tính: NGUYỄN THỊ THÀNH GIANG
Đọc sách mẫu: NGUYỄN THỊ THÀNH GIANG
BÙI BỘI THU

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội, ĐT: 080 49221, Fax: 080 49222, Email: suthat@nxbctqg.vn
Website: www.nxbctqg.org.vn, Sách điện tử: www.stbook.vn, www.thuviencoso.vn

TIỂU ĐOÀN

59

ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

BAN LIÊN LẠC CỨU CHIẾN BINH TIỂU ĐOÀN 59

TIỂU ĐOÀN

59

ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Hà Nội - 2022

PHẦN I

Chỉ đạo nội dung:

Đại tá **PHẠM ĐẠO**

Nguyên Chính trị viên Tiểu đoàn 59

Người viết:

Lê Vĩnh Đề

Tổ chỉnh lý:

Tạ Hồng Tiểu, Nguyễn Đình Thị,

Nguyễn Đình Tân, Trương Công Vọng, Nguyễn Luyện

Sưu tầm tư liệu:

Vũ Khắc Minh, Ông Ích Triễn

Ngô Văn Ngọ, Nguyễn Viết Sang, Phan Đắc Lực

Có sự tham gia góp ý của các đồng chí:

Thiếu tướng **Phan Hàm** - *Nguyên Trung đoàn trưởng*

Các cán bộ cơ quan, Tham mưu, Chính trị Trung đoàn 803

Đại tá **Thái Văn Thịnh**, Đại tá **Lê Hoàng**, Thượng tá **Nguyễn Nhật Quang**

Các cựu chiến binh Tiểu đoàn 59 tại Đà Nẵng

PHẦN II, PHẦN III

TS. Dương Thị Thanh Hương, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

ThS. Đạo diễn Nguyễn Sỹ Bằng, Hãng phim Tài liệu và Khoa học Trung ương

CN. Nguyễn Tuấn Anh, Hãng phim Tài liệu và Khoa học Trung ương

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Ngày 23/9/1945, được sự giúp đỡ của quân đội Anh, thực dân Pháp đã tiến công Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai. Âm mưu của chúng là nhanh chóng dùng lực lượng quân sự sẵn có đánh chiếm Sài Gòn và Nam Bộ, làm bàn đạp đánh chiếm toàn bộ Việt Nam, lập lại chế độ thuộc địa và Liên bang Đông Dương. Theo Chỉ thị “Toàn dân kháng chiến” của Trung ương Đảng (ngày 12/12/1946) và “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh (ngày 19/12/1946), cả nước bước vào cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ và tự lực cánh sinh, nhằm đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược, giành độc lập tự do.

Tại chiến trường Nam Trung Bộ, trước yêu cầu nhiệm vụ của cách mạng, Tiểu đoàn 59 đã được thành lập tháng 6/1950, hoạt động độc lập trên địa bàn Quảng Nam - Đà Nẵng; đến tháng 11/1951, Tiểu đoàn được sáp nhập đội hình của Trung đoàn 803 chủ lực cơ động Liên khu V. Trải qua những năm tháng chiến đấu và xây dựng, từ khi còn là các đơn vị chiến đấu biệt động tác chiến độc lập ở vùng địch hậu đến lúc trưởng thành chiến đấu trong Trung đoàn chủ lực, Tiểu đoàn 59 đã tham gia nhiều đợt hoạt động, chiến dịch lớn trên địa bàn các tỉnh Liên khu V và liên tiếp lập nhiều chiến công vang dội, tiêu biểu là các trận đánh Ai Nu, Lệ Sơn, Thượng An - lô cốt Đầu Đèo, Vườn Gòn - Đá Bàn, Kon Braih (Kon Rẫy), Đắk Đoa,... Từ trong quá trình học tập, rèn luyện, sinh hoạt và chiến đấu, Tiểu đoàn 59 đã có nhiều tấm

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

gương điển hình của cán bộ, chiến sĩ được trân trọng và học tập như: Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Lựu, Chính trị viên Phạm Đạo, Tiểu đoàn phó Trần Ngọc Anh, gương hy sinh anh dũng của các đồng chí Trần Xung, Nguyễn Bá Dương, Nguyễn Lớn... Chiến công của Tiểu đoàn 59 đã góp phần cùng nhân dân cả nước kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Để có thêm nguồn sử liệu chính thống về Tiểu đoàn 59 anh hùng, đồng thời là dịp cho thế hệ sau thể hiện trách nhiệm, sự tri ân đối với thế hệ trước - những người đã cống hiến xương máu và cả cuộc đời cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật phối hợp với Ban liên lạc Cựu chiến binh Tiểu đoàn 59 xuất bản cuốn sách *Tiểu đoàn 59 - Anh hùng của lòng dân*.

Từng trang sách như những thước phim tài liệu, phục dựng lại quá trình hình thành, phát triển của một tiểu đoàn bộ đội đặc công đã chiến đấu anh hùng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp; được viết lại qua sự ghi chép cẩn thận, những hồi ức, lời kể đầy xúc động của các cựu chiến binh Tiểu đoàn 59, đồng thời là sự gửi gắm tình cảm, sự tôn kính của lớp lớp con cháu dành cho thế hệ ông cha; từ đó góp phần giáo dục lịch sử và truyền thống yêu nước cách mạng cho các thế hệ hôm nay và mai sau.

Trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 9 năm 2022

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT



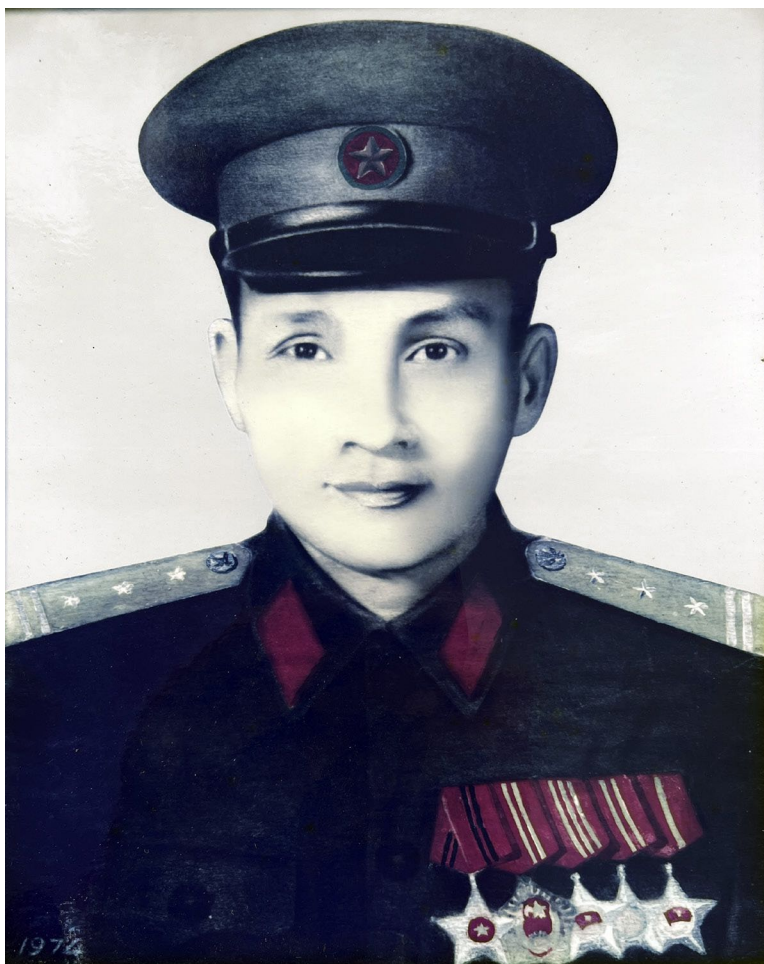
CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
(1890 - 1969)



ĐẠI TƯỚNG VÕ NGUYỄN GIÁP
(1911 - 2013)



ĐỒNG CHÍ NGUYỄN LỮ
(1913 - 2005)
Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 59



ĐỒNG CHÍ PHẠM ĐẠO
(1923 - 2013)
Chính trị viên Tiểu đoàn 59



Lễ kỷ niệm 50 năm Ngày thành lập Tiểu đoàn 59,
Trung đoàn 803 Liên khu V (tháng 6/2000)



Các cựu chiến binh Tiểu đoàn 59 chụp ảnh lưu niệm
nhân Lễ kỷ niệm 50 năm Ngày thành lập Tiểu đoàn 59, Trung đoàn 803
Liên khu V (tháng 6/2000)

THẮP LỬA TRI ÂN

Chiến thắng Lệ Sơn đêm 18/9/1952 và Chiến thắng Đồn Nhất - Hải Vân Quan đêm 24/9/1952 là hai trong số những chiến công vang dội của Tiểu đoàn 59, Trung đoàn 803 Liên khu V. Năm nay, năm 2022, nhân kỷ niệm 70 năm chiến thắng Lệ Sơn và Đồn Nhất, các chiến sĩ của Tiểu đoàn 59 thừa thành lập đã viết về những kỷ niệm không thể nào quên, về những năm tháng gian khổ của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trên chiến trường Nam Trung Bộ - Tây Nguyên, về những trận đánh gan dạ, dũng cảm, đầy mưu trí và lập công xuất sắc, bổ sung thêm vào cuốn *Lịch sử Tiểu đoàn 59 Trung đoàn chủ lực 803 Liên khu V* xuất bản năm 2000. Những câu chuyện dung dị mà truyền cảm, không văn hoa mà chân thực, thuyết phục, chứa đựng trong đó tình cảm thiêng liêng của những người lính xả thân vì nước, vì dân đã được Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản thành cuốn sách *Tiểu đoàn 59 - Anh hùng của lòng dân*.

Tiểu đoàn 59 được thành lập ngày 10/6/1950 tại Tam Kỳ, Quảng Nam. Tiểu đoàn trưởng đầu tiên là ông Nguyễn Lựu - Nguyên chiến sĩ du kích Ba Tơ anh hùng. Tiểu đoàn được sinh ra từ nhân dân, vì nhân dân mà chiến đấu. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Tiểu đoàn đã đánh và đánh thắng hàng trăm trận, có những chiến công đã đi vào lịch sử quân sự Việt Nam và lịch sử đảng bộ các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên. Tiêu biểu như trận Lệ Sơn đêm 18/9/1952 tại Hòa Tiến, Hòa Vang,



TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

thành phố Đà Nẵng; trận Đồn Nhất đêm 24/9/1952 tại đỉnh đèo Hải Vân; trận Thượng An ngày 21/01/1953 tại đỉnh đèo An Khê, tỉnh Gia Lai; trận Vườn Gòn - Đá Bàn ngày 20/4/1953 tại Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; trận Kon Braih ngày 28/01/1954 tại Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum; nhân dân cảm phục về những chiến công đó nên đã dựng bia chiến thắng, ghi nhớ công lao của Tiểu đoàn 59 tại nơi các trận đánh diễn ra ở Đà Nẵng, Gia Lai, Kon Tum và nhiều nơi khác. Chiến lợi phẩm lớn nhất của Tiểu đoàn 59 là khẩu pháo 155mm thu được của thực dân Pháp trong trận tiêu diệt cứ điểm Thượng An - lô cốt Đầu Đèo tại An Khê, Gia Lai, ngày nay được đặt trang trọng tại Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam, dưới chân Cột cờ Hà Nội như là bằng chứng của những chiến công vang dội. Thực dân Pháp khiếp sợ đã treo giải 2.000 quan nếu ai tiêu diệt hoặc cung cấp thông tin về Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Lữ. Đồng đội yêu mến, kính trọng Tiểu đoàn trưởng hiền lành, ít nói mà gan dạ.

Tôi tự hào được sinh trưởng trong một gia đình có truyền thống cách mạng và là con trai út của Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 59 can trường ấy - ông Nguyễn Lữ. Tôi sinh ra trong những năm tháng chiến tranh ác liệt của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, được Cha đặt tên và gửi gắm trong đó khát vọng “Hòa Bình” cho đất nước, quê hương.

Gia đình chúng tôi trân trọng cảm ơn các Chú - đồng đội của Cha tôi, cảm ơn Bộ Quốc phòng, Thành ủy Đà Nẵng, Quân khu 5, Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật; cảm ơn các nhà sử học, các nhà nghiên cứu sưu tầm đã dày công tìm kiếm, nghiên cứu, biên tập để cho ra đời cuốn sách, thước phim, những bằng chứng lịch sử dựng lại

quá trình xây dựng, chiến đấu, cống hiến của Tiểu đoàn 59 và Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Lựu.

Chúng tôi sẽ gìn giữ cuốn sách *Tiểu đoàn 59 - Anh hùng của lòng dân* cùng với bộ phim tài liệu *Tiểu đoàn 59 - Họ đã sống và chiến đấu* như gia sản báu truyền để mãi tự hào về người Cha kính yêu của mình cũng như đồng đội của ông; trao truyền cho con cháu tinh thần xả thân vì nước, khát vọng cống hiến cho Tổ quốc của cha ông mình để tiếp tục vững bước trên con đường Cha đã chọn.

Kính Cha và đồng đội Tiểu đoàn 59!



Nguyễn Hòa Bình

Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng,

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao

Hà Nội, ngày 02/9/2022

PHẦN I



LỊCH SỬ TIỂU ĐOÀN 59



LỜI GIỚI THIỆU*

Nhân dịp kỷ niệm 50 năm thành lập Tiểu đoàn 59, các đồng chí Cựu chiến binh Tiểu đoàn 59 đã biên soạn cuốn sách *Lịch sử Tiểu đoàn 59 Trung đoàn chủ lực 803 Liên khu V* nhằm ghi lại những mốc son về một thời hào hùng của đơn vị, đặc biệt là những nỗ lực vượt qua mọi gian khổ, hy sinh, đóng góp những chiến công xứng đáng của cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn cho công cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do của Tổ quốc.

Tiểu đoàn 59 ra đời từ trong phong trào chiến tranh nhân dân, chiến tranh du kích trên chiến trường Quảng Nam - Đà Nẵng và tiếp tục được phát triển, trưởng thành trong Trung đoàn 803 chủ lực cơ động Liên khu V trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Tiền thân của Tiểu đoàn là các đội biệt động, bộ đội địa phương hoạt động nội thành, chiến đấu phòng ngự bảo vệ thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam từ những ngày đầu toàn quốc kháng chiến.

Năm 1950, theo chủ trương của Liên khu ủy và Bộ Tư lệnh Liên khu V về xây dựng lực lượng vũ trang nhằm đáp ứng yêu cầu chiến đấu ngày càng cao của chiến trường Liên khu, Đại đội 6 (Đà Nẵng), Đại đội 4, Đại đội 11 (Quảng Nam) được tập trung lại để hình thành Tiểu đoàn 59.

Sau khi thành lập (ngày 10/6/1950), Tiểu đoàn được giao nhiệm vụ hoạt động độc lập trên địa bàn Quảng Nam - Đà Nẵng;

* Đây là Lời giới thiệu của cuốn sách *Lịch sử Tiểu đoàn 59 Trung đoàn chủ lực 803 Liên khu V* xuất bản năm 2000 (BT).

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

đến tháng 11/1951, Tiểu đoàn được sáp nhập đội hình của Trung đoàn 803 chủ lực cơ động Liên khu V.

Dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng và Đảng bộ Liên khu V, từ khi còn là Đội biệt động, Đại đội độc lập, đến khi phát triển thành Tiểu đoàn tập trung cũng như khi chiến đấu trong Trung đoàn chủ lực, Tiểu đoàn luôn nắm vững và vận dụng sáng tạo phương châm tác chiến *“Du kích chiến là chính kết hợp với vận động chiến, đẩy mạnh vận động chiến tiến tới”*, từ đó gắn bó, phối hợp chặt chẽ và làm nòng cốt trong phong trào chiến tranh nhân dân phát triển ngày càng cao trên địa bàn Quảng Nam - Đà Nẵng và các tỉnh trong Liên khu V. Tiểu đoàn đã kết hợp chặt chẽ giữa chiến đấu và xây dựng, không ngừng học tập, rèn luyện nên đã nhanh chóng trưởng thành từ bộ đội địa phương tiến lên hoàn thành tốt nhiệm vụ trong Trung đoàn chủ lực.

Truyền thống tốt đẹp của Tiểu đoàn là luôn nêu cao tinh thần *“Quyết chiến, quyết thắng”* trong mọi nhiệm vụ, kể cả những tình huống khó khăn, ác liệt nhất.

Bằng cách đánh linh hoạt, từ nhỏ đến lớn, từ phân tán đến tập trung, từ chiến đấu độc lập đến hiệp đồng binh chủng, trong đó nổi lên là vận dụng sáng tạo phương thức tác chiến *“Kết hợp chặt chẽ tác chiến du kích với tác chiến tập trung của chủ lực”* vào điều kiện cụ thể của chiến trường và chức năng, nhiệm vụ được giao, Tiểu đoàn đã từng bước đáp ứng yêu cầu chiến đấu ngày càng cao, góp phần đánh bại âm mưu bình định đồn dân, thủ đoạn kết hợp giữa hệ thống tháp canh, đồn bốt với quân ứng chiến càn quét của địch; tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực, nhiều đồn bốt kiên cố và cả những binh đoàn thiện chiến của địch.

Trải qua 9 năm chiến đấu và xây dựng, từ khi còn là các đơn vị chiến đấu biệt động tác chiến độc lập ở vùng địch hậu

đến lúc trưởng thành chiến đấu trong Trung đoàn chủ lực, Tiểu đoàn đã tham gia nhiều đợt hoạt động và sáu chiến dịch lớn trên địa bàn các tỉnh Liên khu V.

Tiểu đoàn đã tiêu diệt hàng chục tháp canh, lô cốt, 11 đồn kiên cố, hàng chục trận chống càn quét lớn của địch, loại khỏi vòng chiến đấu trên 2.000 tên địch, thu hàng nghìn súng lớn nhỏ trên các chiến trường Quảng Nam - Đà Nẵng, Khánh Hòa, Gia Lai, Kon Tum, trong đó có các trận đánh xuất sắc đạt hiệu suất cao như: trận tiêu diệt Đồn Nhất trên đỉnh đèo Hải Vân bắt sống tên quan hai Pháp đồn trưởng; trận bôn tập 12km diệt đồn Kon Rẫy ở Kon Tum; trận cường kích tiêu diệt đồn Thượng An - lô cốt Đầu Đèo ở An Khê thu khẩu pháo 155mm lớn nhất trên chiến trường miền Nam; trận phối hợp diệt đồn và tập kích Binh đoàn cơ động 100 (GM100) ở Plei Ring, tiêu diệt hơn 800 tên lính Âu - Phi. Tiểu đoàn còn phối hợp chặt chẽ với bộ đội địa phương đánh bại các cuộc hành quân càn quét lớn của địch ở Điện Hòa (Quảng Nam), chiến khu Đá Bàn (Khánh Hòa) diệt 400 tên lính Âu - Phi. Những thành tích khá toàn diện trên của Tiểu đoàn đã góp phần xứng đáng vào thắng lợi cuối cùng của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Sau ngày đình chiến, Tiểu đoàn được lệnh bổ sung về Trung đoàn 210 để thành lập Sư đoàn chủ lực 305.

Ngay khi tập kết ra Bắc, Tiểu đoàn đã tiếp tục phát huy truyền thống trong nhiệm vụ mới, chống địch cưỡng ép di cư, xây dựng quân đội tiến lên chính quy, hiện đại, đồng thời trực tiếp tham gia nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Tiểu đoàn được phân công tham gia xây dựng công trình Đại thủy nông Bắc - Hưng - Hải¹.

1. Nằm giữa trung tâm đồng bằng Bắc Bộ, được giới hạn bởi sông Hồng ở phía Tây, sông Đuống ở phía Bắc, sông Thái Bình ở phía Đông, sông Luộc ở phía Nam. Các tỉnh, thành phố Hà Nội, Bắc Ninh, Hưng Yên và Hải Dương đều có một phần địa bàn trong tứ giác này.

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

Đầu năm 1959, do yêu cầu thực hiện công nghiệp hóa đất nước, một bộ phận của Tiểu đoàn chuyển qua xây dựng Nông trường chè Vân Lĩnh (Phú Thọ), còn một bộ phận chuyển sang Lữ đoàn Dù (sau đó là Lữ đoàn Đặc công), tiếp tục về miền Nam chiến đấu, góp phần xây dựng lực lượng vũ trang Liên khu V trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Quá trình chiến đấu, cống hiến của Tiểu đoàn 59 góp phần phản ánh rõ nét sự đúng đắn của đường lối chiến tranh nhân dân và đường lối xây dựng lực lượng vũ trang của Đảng trên địa bàn Liên khu V.

Tiểu đoàn đã trải qua 9 năm chiến đấu và xây dựng, lập nên nhiều chiến công rực rỡ, tiêu biểu cho truyền thống quyết chiến, quyết thắng của Quân đội nhân dân Việt Nam và chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong thời đại Hồ Chí Minh.

Theo yêu cầu chung và nguyện vọng chính đáng của các đồng chí cựu chiến binh Tiểu đoàn 59, tôi xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc trong và ngoài quân đội cuốn sách *Lịch sử Tiểu đoàn 59 Trung đoàn chủ lực 803 Liên khu V*. Đây như là một cuốn tập ghi chép về lịch sử Tiểu đoàn từ khi là bộ đội địa phương của Quảng Nam - Đà Nẵng đến lúc chiến đấu, trưởng thành trong Trung đoàn chủ lực cơ động của lực lượng vũ trang Liên khu V.

Nguyên Ủy viên Trung ương Đảng

Thế trưởng Bộ Quốc phòng

Tư lệnh Quân khu 5

Trung tướng Nguyễn Đôn

Chương I

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ CHIẾN ĐẤU ĐỘC LẬP CỦA TIỂU ĐOÀN 59 TẠI CHIẾN TRƯỜNG QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

I. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH

Bước vào năm 1950, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta đã giành được những thắng lợi hết sức quan trọng.

Thực dân Pháp bị thất bại, ngày càng lúng túng, buộc phải chuyển từ chiến lược đánh nhanh thắng nhanh sang đánh kéo dài. Ta từ tích cực cầm cự chuyển sang phản công, tiến công địch. Hội nghị toàn quốc lần thứ ba của Đảng (tháng 01/1950) nêu rõ nhiệm vụ quân sự cần kíp: *“Một mặt chiến đấu để tiêu diệt sinh lực địch, một mặt gấp rút bồi dưỡng và xây dựng quân đội nhân dân, để trong năm nay thực hiện đầy đủ điều kiện chuyển sang tổng tiến công”*¹.

Thi hành quyết định của Bộ Tư lệnh Liên khu V, ngày 10/6/1950, tại thôn 10, xã Tam Chánh, huyện Tam Kỳ (nay là thành phố Tam Kỳ), Tiểu đoàn 59 được thành lập.

Ban Chỉ huy Tiểu đoàn gồm hai đồng chí:

- Đồng chí Nguyễn Lữu - Tiểu đoàn trưởng
- Đồng chí Phạm Đạo - Chính trị viên

Tiểu đoàn khi mới thành lập gồm hai đại đội:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, t.11, tr.203.

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

- Đại đội 6 độc lập của thành phố Đà Nẵng.

- Đại đội 11 của tỉnh và cơ quan Tiểu đoàn bộ gồm các cán bộ tham mưu tác chiến, chính trị, hậu cần và các phân đội trực thuộc.

Cuối năm 1950, Tiểu đoàn được bổ sung thêm Đại đội 4 bộ đội địa phương của tỉnh.

Đại đội 6 hình thành từ những đội công tác biệt động của thành phố Đà Nẵng và được bổ sung đội vũ trang tuyên truyền. Lực lượng này đã tổ chức nhiều trận đánh táo bạo, nhiều mũi thọc sâu vào thành phố, cả ban đêm lẫn ban ngày, gây cho giặc Pháp nhiều nỗi kinh hoàng, như trận đánh vào sau Cỏ viện Chàm (nay là chợ Nại Hiên). Ngày 17/8/1949, hai chiến sĩ biệt động Nguyễn Văn Hiên và Võ Minh Tâm đã ném lựu đạn diệt 20 tên lính Lê dương đang chơi quần vợt.

Đêm 20/3/1950, hai chiến sĩ Nguyễn Huấn và Võ Minh Tâm đóng giả sĩ quan ngủ đột nhập Nhà hàng Morin - Frères dự buổi chiếu bóng dành riêng cho sĩ quan Pháp - ngủ, dùng lựu đạn tấn công diệt gần 100 tên. Sau đó hai chiến sĩ ta bị địch bắt dẫn về tra tấn, khai thác. Do không khuất phục được nên chúng đưa đi xử bắn nhưng hai đồng chí đã mưu trí trốn thoát, trở về đơn vị (*xem phần Phụ lục*).

Đại đội 6 do đồng chí Lê Quang Diên làm Đại đội trưởng, đồng chí Đỗ Xuân Cảnh làm Chính trị viên.

Đại đội 11 gồm phần đông là các cán bộ, chiến sĩ đã chiến đấu ngoài mặt trận, do bị thương hoặc ốm đau nên được chuyển về hậu phương điều trị, an dưỡng, sức khỏe dần hồi phục, chờ ngày trở về đơn vị chiến đấu. Ngoài ra còn có một bộ phận anh em thợ không chuyên (ouvrier non spécialisé) từ Pháp trở về nước sau Hiệp định Sơ bộ ngày 06/3/1946 tình nguyện tham gia bộ đội chiến đấu.

Phần I: Lịch sử Tiểu đoàn 59

Đại đội 11 do đồng chí Phạm Đức Cần làm Đại đội trưởng, đồng chí Nguyễn Đồng Thái làm Chính trị viên.

Đại đội 4 gồm lực lượng bộ đội địa phương của tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng và được bổ sung thêm một số chiến sĩ của các đơn vị khác. Trưởng thành từ đội quân du kích, bám đất giữ làng với đủ mọi loại vũ khí thô sơ từ hầm chông, cạm bẫy đến lựu đạn, mìn, súng trường..., Đại đội 4 đã gây cho địch nhiều nỗi kinh hoàng.

Đại đội 4 do đồng chí Nguyễn Quang Toàn làm Đại đội trưởng, đồng chí Nguyễn Khâm làm Đại đội phó.

Về tổ chức Đảng, toàn Tiểu đoàn 59 tổ chức thành một Liên chi gồm 4 chi bộ, trong đó có 3 chi bộ đại đội và 1 chi bộ cơ quan.

II. QUÁ TRÌNH CHIẾN ĐẤU ĐỘC LẬP TẠI CHIẾN TRƯỜNG QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG (TỪ THÁNG 6/1950 ĐẾN THÁNG 11/1951)

1. Tham gia chiến dịch Hoàng Diệu mùa hè năm 1950

Bước sang hè năm 1950, Liên khu ủy và Bộ Tư lệnh Liên khu V quyết định mở một đợt hoạt động rộng lớn trên các chiến trường miền Nam Trung Bộ và phát động chiến tranh du kích để tiêu hao, kiềm chế địch ở vùng tạm chiếm, từng bước làm phá sản chủ trương “Chiêu an, bắt lính, điều quân” của địch.

Tại mặt trận Quảng Nam - Đà Nẵng, ta mở chiến dịch mang tên Hoàng Diệu. Theo lệnh cấp trên, Trung đoàn 108 tiến ra chiến trường Quảng Nam - Đà Nẵng, Tiểu đoàn 59 vừa mới thành lập sẽ ở lại phối hợp.

Trước khi xuất quân, Tiểu đoàn tranh thủ củng cố tổ chức, mặc dù thời gian làm công tác chuẩn bị hạn chế nhưng các chi bộ vẫn mở hội nghị quán triệt nhiệm vụ đến các đảng viên, động viên

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

tinh thần thi đua lập công mới, củng cố lại các tổ chức Đảng. Tiểu đoàn ủy đã giao nhiệm vụ cho đảng viên làm đầu tàu, anh dũng trong chiến đấu, tiêu diệt địch, bảo vệ nhân dân, gương mẫu lãnh đạo quần chúng hoàn thành nhiệm vụ.

Cùng với Trung đoàn 108, Tiểu đoàn đã tham gia trận chống càn ở Điện Hòa (Quảng Nam). Thời điểm lúc đó cánh đồng Quảng Nam đang vào vụ thu hoạch mùa, nhân dân ngày đêm lo sợ địch đi càn cướp lúa. Do vậy, bảo vệ dân, bảo vệ lúa là nhiệm vụ rất quan trọng.

Ngày 04/11/1950, địch huy động một lực lượng trên 1.500 quân từ các nơi, cùng với số quân ở các đồn Bình Long, Phong Thử, Vĩnh Điện, Ngũ Giáp có hỏa lực, phi pháo yểm trợ mở một trận càn lớn vào Điện Hòa nhằm thực hiện âm mưu cướp lúa. Tiểu đoàn 59 - một cánh quân của trận chống càn - đã hiệp đồng cùng Trung đoàn 108 chặn đánh địch suốt từ 5 giờ đến 17 giờ. Tuy địch đông, hỏa lực mạnh, nhưng với sự mưu trí và lòng dũng cảm, ta đã biết cách tổ chức chiến đấu, chia cắt địch ra từng mảng, bám sát nhau, dùng mọi vũ khí sẵn có như lựu đạn, lưỡi lê, súng trường xông lên tiêu diệt địch. Quân số địch đông, tràn ra nhiều hướng, buộc ta phải đối phó ngăn chặn nhiều nơi, chia thành từng tiểu đội, trung đội và cả tổ ba người tự động chiến đấu, có bộ phận đánh giáp lá cà, quần nhau với địch trong ruộng lúa. Sau gần trọn một ngày, ta đã tiêu diệt và làm bị thương nhiều sinh lực địch, khiến chúng không những không thực hiện được âm mưu cướp lúa mà còn bị tổn thất nặng nề, phải bỏ dở trận càn và rút lui.

Ngày 09/11/1950, địch lại huy động một đại đội lính ngự càn quét khu vực phía Nam cầu Kỳ Lam, song ngay lập tức bị

Phần I: Lịch sử Tiểu đoàn 59

Đại đội 11 và Đại đội 4 mai phục tại Dốc Bút (Điện Phong) chặn đánh, diệt 70 tên. Cũng vào thời điểm đó, Đại đội 6 chuyển quân vào Trà Kiệu hoạt động tiêu diệt một trung đội lính ngự khi chúng kéo quân càn vùng Chiêm Sơn.

Sau khi chiến dịch Hoàng Diệu kết thúc, Tiểu đoàn 59 vẫn ở lại chiến trường khuếch trương chiến quả, đồng thời bảo vệ an toàn hành lang cho Trung đoàn 108 trở về hậu phương.

Đầu năm 1951, Bộ Tư lệnh Liên khu điều Tiểu đoàn 59 vào Quảng Ngãi đóng quân tại chợ Bò, huyện Bình Sơn. Thời gian này, Tiểu đoàn được đứng trong đội hình Trung đoàn 108 để học tập, củng cố nhằm nâng cao chất lượng hoạt động.

Về chính trị: Công tác củng cố và phát triển Đảng được đưa lên hàng đầu, tập trung vào khâu giáo dục lý tưởng cách mạng, mục tiêu chiến đấu cho cán bộ và chiến sĩ. Đại đội 6 được Tiểu đoàn ủy chủ trương xây dựng thành một đơn vị điểm, một đại đội mạnh toàn diện, chất lượng được nâng cao. Quân số của đơn vị lúc bấy giờ là 180 đồng chí, trong đó có 138 đảng viên.

Về quân sự: Học tập kỹ chiến thuật, tiếp thu thêm một số bài học cơ bản, nhất là cách đánh địch nằm trong công sự, trước mắt đánh cho được tháp canh của địch.

2. Về lại chiến trường Quảng Nam - Đà Nẵng

Sau gần 5 tháng đóng quân ở Quảng Ngãi, vừa củng cố, vừa luyện tập, Tiểu đoàn 59 được lệnh của Liên khu trở lại chiến trường Quảng Nam - Đà Nẵng hoạt động độc lập với nhiệm vụ: Tổ chức đánh tiêu diệt một số tháp canh, diệt từng bộ phận nhỏ của địch đi lùng sục, cướp bóc nhằm phá thế kìm kẹp của địch ở vùng tạm chiếm.

Đánh tháp canh là đánh địch nằm trong công sự - một vấn đề hoàn toàn mới mẻ đối với bộ đội Liên khu V. Lúc bấy giờ,

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

đánh phá hệ thống tháp canh (chiến thuật Delatour¹) là một yêu cầu bức thiết, nhằm đánh bại chủ trương củng cố hành lang vùng chiếm đóng, đẩy lùi lực lượng kháng chiến ra ngoài, thực hiện chính sách chiêu an, bình định của địch. Cách đánh này ta chưa từng kinh qua trong thực tiễn nên phải vừa đánh vừa rút kinh nghiệm.

Tháp canh được chọn đánh đầu tiên là tháp canh Thanh Tú thuộc địa phận xã Điện Hòa, ven đường quốc lộ 1. Nhiệm vụ vừa vinh quang vừa khó khăn này được giao cho Đại đội 11. Trước ngày xuất quân, Tiểu đoàn đã tổ chức buổi họp phát động khí thế thi đua. Sau khi nghe rõ mục đích, ý nghĩa trận đánh, trong toàn đơn vị càng nhen lên mối căm thù đối với giặc Pháp xâm lược, khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, yêu nhân dân, quê hương. Từ cán bộ đến chiến sĩ, từng đơn vị nhỏ tiểu đội, trung đội cùng trao đổi xây dựng tinh thần đoàn kết hiệp đồng trong chiến đấu và nêu quyết tâm diệt giặc lập công. Cuộc họp đêm hôm đó tuy giản dị nhưng rất đổi thiêng liêng như một buổi tuyên thệ: đoàn kết, hiệp đồng thi đua lập công đầu.

Vào một đêm tháng 5/1951, quân ta nổ súng tiến đánh tháp canh Thanh Tú. Như đã dự kiến trước, trận đánh gặp khó khăn ngay từ đầu. Nguyên nhân là do cách đánh của ta còn mới mẻ, kỹ chiến thuật chưa quen, chưa có kinh nghiệm, trong khi địch nằm trong công sự, lại có hỏa lực mạnh phản kích điên cuồng. Song với quyết tâm cao, ta tập trung hỏa lực trung liên, tiểu liên liên tục áp chế mạnh vào các lỗ châu mai, không cho bọn địch ngóc đầu dậy để phát huy hỏa lực ra ngoài. Địch thân đồng chí

1. Delatour: viên tướng Pháp đề ra chiến thuật tháp canh, đã áp dụng thành công tại Maroc, sau đó được thực dân Pháp cử sang Việt Nam.

Phần I: Lịch sử Tiểu đoàn 59

Trần Ngọc Anh - Tiểu đoàn phó (trong thời gian từ Quảng Ngãi về Quảng Nam hoạt động, đồng chí Trần Ngọc Anh đã được đề bạt lên Tiểu đoàn phó) trực tiếp sử dụng khẩu trung liên, bình tĩnh nhả đạn vào các hỏa điểm của địch, tạo điều kiện thuận lợi cho xung kích lao lên áp sát vào lô cốt, dùng lựu đạn tiêu diệt địch.

Sau gần một giờ đồng hồ giằng co quyết liệt, với ý chí kiên cường và sức tấn công mãnh liệt của quân ta, quân địch đã hoàn toàn bị tê liệt. Tháp canh Thanh Tú bị diệt, ta toàn thắng. Đây là thắng lợi có ý nghĩa hết sức quan trọng, đúc rút kinh nghiệm cho những trận đánh tháp canh sau này.

Ngay đêm hôm sau, Đại đội 6 liên tiếp tiêu diệt tháp canh Nhà Hề ở Thanh Quýt và tháp canh thôn Đông ở Nhị Giáp.

Khuếch trương chiến quả, Tiểu đoàn phân tán ra ba hướng hoạt động:

- Đại đội 11 tiến ra Tây Bắc Hòa Vang diệt tháp canh Bàu Mạc, Dốc Nhót thuộc xã Hòa Liên (nay là xã Hòa Hiệp, quận Liên Chiểu).

- Đại đội 6 tiến xuống ven biển diệt tháp canh Hồ Bà Thiên (Hội An).

- Đại đội 4 trụ lại Điện Bàn hoạt động du kích.

Sau 4 tháng về lại chiến trường Quảng Nam - Đà Nẵng hoạt động độc lập, Tiểu đoàn đã hạ được 7 tháp canh, diệt 85 tên địch, thu 5 trung liên, 15 tiểu liên, 120 súng trường và nhiều quân trang, quân dụng khác.

Những thắng lợi có ý nghĩa trong đợt hoạt động này đã chứng tỏ sự lớn mạnh của Tiểu đoàn 59 - một đơn vị vừa mới tập trung, cũng là đơn vị đầu tiên tiến đánh và đánh thắng địch nằm trong công sự, phá vỡ thế phòng ngự bằng hệ thống tháp canh của địch.

Chương II

QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG VÀ CHIẾN ĐẤU CỦA TIỂU ĐOÀN 59 TRONG ĐỘI HÌNH TRUNG ĐOÀN CHỦ LỰC 803 (Từ tháng 11/1951 đến tháng 7/1954)

Tháng 11/1951, từ chiến trường Quảng Nam - Đà Nẵng, Tiểu đoàn 59 được Bộ Tư lệnh Liên khu V điều về Bình Định để bổ sung cho Trung đoàn chủ lực 803, thay cho Tiểu đoàn 49 đi làm nhiệm vụ quốc tế ở Hạ Lào.

I. THAM GIA HỌC TẬP CHÍNH TRỊ VÀ HUẤN LUYỆN QUÂN SỰ

Đứng trong đội hình của Trung đoàn chủ lực 803, Tiểu đoàn được kiện toàn về tổ chức, trang bị, học tập chính trị, huấn luyện quân sự nhằm nâng cao kỹ năng chiến đấu. Ngoài ba đại đội bộ binh: Đại đội 6, Đại đội 11, Đại đội 4, Tiểu đoàn được tổ chức thêm một đại đội trợ chiến trang bị súng cối, đại liên.

Trong không khí phấn khởi sau chiến thắng Biên giới năm 1950, thế và lực của ta có bước phát triển, quân đội có điều kiện huấn luyện nâng cao về mọi mặt.

Nhằm quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Liên khu V lần thứ 2: *“Việc xây dựng quân đội cũng như công tác chính trị trong lực lượng vũ trang phải tập trung giáo dục lý tưởng cách mạng, mục tiêu chiến đấu, đặc biệt là phát huy tư tưởng quân sự cách mạng của Đảng, ra sức huấn luyện kỹ thuật và chiến thuật mới, học tập kinh nghiệm của chiến trường chính, của chiến dịch Biên giới”*, Tiểu đoàn đã triển khai:

Phần I: Lịch sử Tiểu đoàn 59

- Các bài học cơ bản như kỹ thuật gói bọc phá, đánh vào trận nội, phát triển tung thâm, táo trù, diệt các ổ đề kháng của địch.

- Cách đánh thủ pháo, cách đánh bọc phá, cách sử dụng thang mê, giá thiết vượt chướng ngại vật, vượt giao thông hào,... trong chiến thuật công kiên.

Ngoài ra, Tiểu đoàn còn được học các hình thức chiến thuật tập kích, phục kích,...

Về chính trị: Giáo dục cho đơn vị nâng cao lòng yêu nước, căm thù giặc và quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ.

Qua thời gian chỉnh huấn học tập quân sự, chính trị tư tưởng, kỹ chiến thuật của Tiểu đoàn được nâng cao với nhiều cách đánh mới, vũ khí được tăng cường, toàn thể cán bộ, chiến sĩ phấn khởi đón chờ thời cơ lập công.

II. THAM GIA CHIẾN DỊCH ĐÔNG XUÂN 1951-1952 TẠI NAM TÂY NGUYÊN

1. Tham gia tiêu diệt cứ điểm Ai Nu

Ai Nu là cứ điểm trên đường số 7 đoạn từ Cheo Reo đến Bà Lá do một đại đội địch chốt giữ, được xây dựng khá vững chắc theo hình tam giác, gồm ba lô cốt ở ba góc bằng gỗ, đất, đá. Trận tiêu diệt cứ điểm này được ta chuẩn bị khá chu đáo vì đây là trận công kiên đầu tiên sau khi tiếp thu kỹ chiến thuật mới.

Trong trận này, Tiểu đoàn 365 chủ công, Tiểu đoàn 59 dự bị (trước đó Trung đoàn đã cử cán bộ đi trinh sát thực địa, nghiên cứu kỹ cứ điểm và làm một cứ điểm giả gần giống cứ điểm thật tại xã Mỹ Tài, huyện Phù Mỹ để bộ đội luyện tập).

Khoảng 20 giờ ngày 25/01/1952 nhằm vào ngày 29 tháng Chạp năm Tân Mão, Trung đoàn vượt sông Ba tiến vào vị trí,

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

triển khai xong đội hình chờ lệnh nổ súng nhưng bọn địch chẳng hề hay biết. Đúng 24 giờ, lệnh nổ súng được phát ra. Hỏa lực của ta dồn dập nhả đạn vào lô cốt và tung thâm. Chưa đầy 10 phút, cửa đột phá được mở, quân ta xung kích lao vào trận nội. Đại đội 6 Tiểu đoàn 59 được điều vào chiến đấu, phát triển đánh chiếm các khu vực trong trận nội, ổ đề kháng. Trước sức chiến đấu dũng cảm, ngoan cường của quân ta, địch hoàn toàn thất thủ. Ta làm chủ trận địa. Tên Bertrand đồn trưởng người Pháp giao tay đầu hàng. Ta diệt hơn 30 tên, bắt sống 15 tên, phần đông là lính Thượng; thu toàn bộ vũ khí, quân trang, quân dụng của địch tại cứ điểm; giải phóng được 30 cán bộ và nhân dân bị địch bắt giam. Về phía ta không một ai thương vong.

Thắng lợi Ai Nu đã chứng minh, thể nghiệm hiệu quả chiến thuật công đồn đã học; tạo niềm tin cho bộ đội ta về khả năng tiêu diệt các cứ điểm kiên cố của địch.

2. Bôn tập trên 200km, góp phần đánh bại cuộc hành quân Latérite của giặc Pháp ở miền Tây Quảng Ngãi

Tháng 4/1952, địch ở Bắc Tây Nguyên cùng bọn phản động người Thượng ở hai huyện Sơn Hà và Ba Tơ hành quân đánh phá miền Tây Quảng Ngãi. Chúng huy động một lực lượng lớn gồm hai Tiểu đoàn Sơn chiến số 5 và số 8, một tiểu đoàn khinh quân số 28, một đại đội pháo 105mm. Khi một cánh quân địch đến vùng Ba Động, Ba Đình (Ba Tơ), liền bị Trung đoàn 108 chặn đánh tiêu diệt một số lớn, bắt một số tù binh. Để chi viện cho Trung đoàn 108, Bộ Tư lệnh Liên khu V điều thêm Trung đoàn 803 đang đóng quân ở Bình Định, cấp tốc hành quân lên miền Tây Quảng Ngãi. Trung đoàn tổ chức một cuộc hành quân bôn tập giữa ban ngày, trên đoạn đường dài 200km bằng tàu hỏa từ Tuy Phước ra đến Tam Quan - Chương Hòa tiếp tục bôn tập ra

Mộ Đức lên Ba Tơ - Giá Vực... Được tin có chủ lực ta đang trên đường hành quân tiếp cận, tên tướng Le Kock chỉ huy cuộc hành quân vội vã ra lệnh rút lui, bỏ dở trận càn.

Trong trận này, cả Trung đoàn 803 không được tham gia đánh trực tiếp nhưng đã góp một phần rất quan trọng cùng đơn vị bạn phá tan âm mưu của địch, bảo vệ được căn cứ kháng chiến trọng yếu của ta. Cuộc hành quân này cũng chứng tỏ sự lớn mạnh về tư tưởng và khả năng tổ chức cơ động của một Trung đoàn chủ lực Liên khu.

III. THAM GIA CHIẾN DỊCH HÈ THU 1952 TẠI QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

Bước sang năm 1952, tình hình ở Quảng Nam - Đà Nẵng hết sức khó khăn: hạn hán, mất mùa, nạn thiếu đói đang đe dọa, nhất là ở vùng Tây Bắc Hòa Vang.

Đây cũng là lúc địch triển khai rộng rãi chiến thuật tháp canh, xây dựng hệ thống tháp canh dọc theo các quốc lộ và tỉnh lộ nhằm kiểm soát các trục giao thông, kìm kẹp thôn xóm, đánh bật lực lượng kháng chiến ra ngoài. Địch họa và thiên tai làm cho nhân dân vô cùng điêu đứng.

Nhằm đối phó với âm mưu của địch, đẩy mạnh chiến tranh du kích ở vùng địch hậu, tổ chức tiêu hao tiêu diệt nhiều sinh lực địch, Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Liên khu V quyết định mở chiến dịch Hè Thu 1952 tại Quảng Nam - Đà Nẵng.

Trung đoàn 803 chủ lực lần đầu tiên xuất hiện ở chiến trường Quảng Nam, trong đó có Tiểu đoàn 59 - đưa con của quê hương lại trở về sau một thời gian chiến đấu xa. Đó là trách nhiệm lớn, là tình cảm trong sáng và niềm tin đã tăng lên, cộng thêm nghị lực dồn lên bước chân trong cuộc hành quân ròng rã

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

18 ngày đêm liên tục xuyên suốt ba tỉnh Bình Định - Quảng Ngãi - Quảng Nam để cùng toàn bộ Trung đoàn hợp điểm dưới chân núi Quế (Quế Sơn) đúng ngày quy định.

1. Diệt khu hành chính Phù Kỳ

Theo lệnh của Ban Chỉ huy Trung đoàn, trong đêm 21/7/1952, ta tiêu diệt cả hai cứ điểm ở vùng Gò Nổi, Điện Bàn:

- Tiểu đoàn 365 diệt cứ điểm Xuân Đài.
- Tiểu đoàn 59 diệt khu hành chính Phù Kỳ.

Khu hành chính Phù Kỳ có công sự, hàng rào kẽm gai và hỏa lực mạnh. Đây là sào huyệt mà bọn ngụy quyền dựng lên để quản lý hành chính ở vùng Gò Nổi do tên Việt gian Phan Vỹ (Quốc dân Đảng) người Bảo An cầm đầu. Bảo vệ cho bọn bù nhìn có một trung đội lính ngụy do tên Tây lai Pháp Phờrăngxoá (François) chỉ huy.

Chỉ huy trận đánh gồm:

- Đồng chí Nguyễn Lựu - Tiểu đoàn trưởng.
- Đồng chí Phạm Đạo - Chính trị viên.
- Đồng chí Trần Ngọc Anh - Tiểu đoàn phó.

Tiểu đoàn 59 giao nhiệm vụ cho Đại đội 6 làm chủ công do đồng chí Đại đội trưởng Trần Đàm chỉ huy, được tăng cường một trung đội của Đại đội 11.

Đúng 0 giờ ngày 22/7/1952, khi nghe tiếng súng tấn công Xuân Đài nổ thì ở Phù Kỳ bộc phá cũng bắt đầu mở rào. Trong 20 phút đầu, địch chống trả khá quyết liệt, nhưng quân ta vẫn tổ chức bộc phá liên tục. Khi khối bộc phá 20kg áp sát lô cốt nổ tung, quân ta nhanh chóng chiếm lĩnh đầu cầu và cùng một lúc các mũi xung kích lao vào trận nội. Khí thế quân ta rất mạnh, áp đảo tinh thần bọn giặc, các mũi tiến công, các bộ phận chiến đấu đã đập tan sức đề kháng của địch. Khu hành chính Phù Kỳ

hoàn toàn bị tiêu diệt. Ta làm chủ trận địa, thu 5 trung liên, 10 tiểu liên, 1 súng cối 60mm, 15 súng trường và các loại trang bị khác; bắt 8 tù binh, trong đó có tên chỉ huy người Pháp, một số khác chết và bị thương. Về phía ta có 3 chiến sĩ hy sinh.

Trận đầu ra quân thắng lợi đã góp phần động viên, khích lệ Tiểu đoàn thừa thắng tiến lên.

2. Diệt cứ điểm Vân Ly

Vân Ly là quê hương của nữ anh hùng Trần Thị Lý - người con gái Quảng Nam kiên cường, bất khuất, tên tuổi và chiến công của chị đã đi vào lịch sử.

So sánh với hai cứ điểm Xuân Đài, Phù Kỳ thì Vân Ly kiên cố hơn, do một đại đội ngự chiếm giữ. Cứ điểm được xây dựng trên một địa hình phức tạp, ba mặt đều giáp sông. Ngoài hỏa lực mạnh và công sự vững chắc, cứ điểm còn nhận được sự chi viện của pháo binh từ Ái Nghĩa, Vĩnh Điện, Đà Nẵng.

Trung đoàn giao cho Tiểu đoàn 59 làm chủ công trận đánh, được tăng cường Đại đội 213 của Tiểu đoàn 365 và lực lượng trợ chiến của Trung đoàn, gồm cối 81mm, đại liên, SKZ.

Chỉ huy trận đánh gồm:

- Đồng chí Nguyễn Lựu - Tiểu đoàn trưởng.
- Đồng chí Phạm Đạo - Chính trị viên.
- Đồng chí Trần Ngọc Anh - Tiểu đoàn phó.

Nhận nhiệm vụ đánh cứ điểm Vân Ly, Tiểu đoàn nhận định: Sau thắng lợi Phù Kỳ, khí thế của toàn đơn vị đã lên cao, lại được chiến đấu trên mảnh đất quê hương nên tinh thần thi đua giết giặc lập công sôi nổi hơn trong các tiểu đội, trung đội, đại đội. Nhưng lần đầu tiên nhận nhiệm vụ diệt một cứ điểm mạnh, yếu tố bất ngờ không còn, địch đã tăng cường đối phó, do đó ta cần chú trọng tăng cường công tác tư tưởng, tránh chủ quan khinh địch, quyết tâm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

Ban Chỉ huy Tiểu đoàn giao nhiệm vụ:

- Đại đội 6 đảm nhận hướng đột phá chính yếu.
- Đại đội 213 (Tiểu đoàn 365) phụ trách hướng đột phá thứ yếu.
- Đại đội 11 dự bị.
- Đại đội 4 dương công.

Vào lúc 1 giờ 20 phút đêm 23/7/1952, lệnh phát hỏa được ban bố. Trận đánh diễn ra ác liệt ngay từ đầu. Hỏa lực địch bắn ra dữ dội trên các hướng tiến công của quân ta. Pháo địch từ Vĩnh Điện, Ái Nghĩa tập trung chi viện tới (sau khi kết thúc trận đánh, ta mới biết địch đã điều thêm về đây hai trung đội Commando (Commăngđô) với trang bị vũ khí đầy đủ).

Tại hướng chính yếu do Đại đội 6 đảm nhận, các tổ bộc phá mở rào gặp khó khăn. Tại hướng thứ yếu do Đại đội 213 phụ trách thì bị địch phản kích điên cuồng, ta mới mở được hai lớp rào đã phải dừng lại. Đại đội trưởng Phạm Đình Dự trực tiếp lên sát hàng rào tổ chức chiến đấu và đôn đốc, động viên chiến sĩ. Trước tình huống gay go đó, Ban Chỉ huy Tiểu đoàn phân công nhau xuống sát từng mũi để động viên, giữ vững quyết tâm kiên quyết mở cho được cửa rào. Trong trận đánh đã xuất hiện nhiều tấm gương chiến đấu dũng cảm, ngoan cường, tiêu biểu là các đồng chí Trần Bá, Hồ Sĩ Đột, Nguyễn Bá Dương.

Khi hàng rào cuối cùng được mở, các mũi xung kích lao nhanh vào trận nội, chiếm được đầu cầu, từng tổ ba người thọc sâu, chia cắt, diệt từng hỏa điểm và ổ đề kháng.

Sau 2 giờ đồng hồ chiến đấu quyết liệt, quân ta đã san bằng cứ điểm Vân Ly - cứ điểm thứ ba ở khu Gò Nổi, thu toàn bộ vũ khí, diệt gần 100 tên địch, số còn lại bị bắt làm tù binh. Trong lúc quân ta đang thu dọn chiến trường thì nhân dân trong vùng kéo đến trong niềm vui, phấn khởi, chúc mừng thắng lợi của bộ đội,

nhất là khi thấy tên đồn trưởng Huệ và tên lý trưởng gian ác Nguyễn Cường đứng chung trong đám tù binh.

Theo nguyện vọng của nhân dân, mấy hôm sau, ta lập tòa án mặt trận buộc tội và xử bắn hai tên Việt gian Huệ và Cường, kết thúc cuộc đòi phản dân hại nước của chúng.

3. Chống càn tại Điện Tiến và diệt tháp canh

Bị mất ba cứ điểm trong vòng một tuần lễ, bọn địch điên cuồng vội vã điều hàng ngàn quân ở các nơi mở một trận càn quét lớn vào Duy Hưng (Duy Xuyên) và Điện Tiến (Điện Bàn) hòng tiêu diệt lực lượng chủ lực của ta.

Cánh quân càn tại Duy Hưng bị Tiểu đoàn 39 và Tiểu đoàn 365 đánh thiệt hại nặng, buộc chúng phải rút chạy, bỏ lại nhiều xác chết. Mũi quân càn vào khu du kích La Trung ở Điện Tiến đã bị Đại đội 6 và Đại đội 4 của Tiểu đoàn 59 chặn đánh quyết liệt. Trong trận này, Đại đội trưởng Đỗ Cần và Đại đội phó Đào Vinh đã thể hiện gương chiến đấu dũng cảm và tài năng của người chỉ huy. Hai đồng chí vừa chỉ huy, động viên chiến sĩ, vừa tự mình sử dụng trung liên bắn áp đảo vào đội hình địch, chớp thời cơ phát lệnh xung phong cho toàn đơn vị xông lên diệt gọn một trung đội địch, thu nhiều vũ khí. Về phía ta, có 3 đồng chí hy sinh, 1 đồng chí bị thương do bom Napan từ máy bay thả xuống.

Theo lệnh của Bộ Chỉ huy chiến dịch, các đơn vị triển khai rộng ra các hướng, tổ chức những trận đánh mới để hỗ trợ phong trào du kích phát triển mạnh ở vùng địch hậu.

4. Diệt khu hành chính Kỳ Lam

Trong khi Tiểu đoàn 365 tiêu diệt cứ điểm Túy Loan thì Tiểu đoàn 59 được giao nhiệm vụ đánh vào khu hành chính Kỳ Lam.

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

Kỳ Lam là khu hành chính của ngụy quyền, ngoài một trung đội địch đóng giữ, còn có cả một số Việt gian nhiều nợ máu với nhân dân, những tên khét tiếng phản động chiêu hồi. Tiểu đoàn giao Đại đội 6 giữ vị trí chủ công, Đại đội 4 dự bị.

Đêm 19/8/1952, đơn vị hành quân triển khai chiếm lĩnh trận địa. Vừa có lệnh phát hỏa thì trời bất ngờ đổ mưa, làm cho bộc phá, nựu xòe, dây cháy chậm đều bị ướt, phải nhiều lần lên thay đổi nựu xòe, không bảo đảm liên tục tổ chức bộc phá. Lợi dụng tình thế đó, địch trong cứ điểm ngoan cố chống trả quyết liệt. Song quân ta vẫn bình tĩnh nỗ lực áp chế, đồng thời tranh thủ triển khai công tác tổ chức chiến đấu, bổ sung nhiệm vụ và động viên tư tưởng cho các chiến sĩ.

Với quyết tâm tiêu diệt địch trong thời gian ngắn nhất, Đại đội trưởng Trần Đàm đã đến sát từng tổ chiến đấu, động viên tinh thần các chiến sĩ và xử lý kịp thời những tình huống phát sinh. Chiến sĩ Trần Xung, một bộc phá viên xuất sắc đã nhiều lần lên xuống như con thoi trước cửa mở làm nhiệm vụ thay thế nựu xòe, đổi bộc phá để đồng đội liên tục mở hết bốn lớp rào kẽm gai, dọn đường cho bộc phá 20kg lên diệt lô cốt. Trận đánh gay go ác liệt, nhưng với quyết tâm cao, bản lĩnh chiến đấu của quân ta, đến 4 giờ 30 phút sáng 20/8/1952, ta đã chiếm lĩnh hoàn toàn trận địa, thu toàn bộ vũ khí, bắt 10 tù binh, số còn lại chết và bị thương.

Trong trận đánh này, ta có 5 đồng chí hy sinh, trong đó có Đại đội trưởng Trần Đàm. Sau này khi về hậu phương, đồng chí Trần Xung được cử đi báo công tại Đại hội thi đua Liên khu V và được bầu là Chiến sĩ Thi đua Liên khu V, được đồng chí Nguyễn Chánh - Chính ủy Bộ Tư lệnh Liên khu V - phong tặng danh hiệu *"Người học trò tốt của Hồ Chủ tịch"*.

5. Diệt cứ điểm Lệ Sơn

Sau chiến thắng Kỳ Lam, Tiểu đoàn 59 nhận nhiệm vụ chủ công tiêu diệt cứ điểm Lệ Sơn, với sự tăng cường của Đại đội 211 Tiểu đoàn 365 cùng lực lượng trợ chiến của Trung đoàn.

Chỉ huy trận đánh gồm:

- Đồng chí Nguyễn Lữu - Tiểu đoàn trưởng.
- Đồng chí Phạm Đạo - Chính trị viên.

Nhiệm vụ được phân công:

- Đại đội 11 hướng chính yếu.
- Đại đội 211 hướng thứ yếu.
- Đại đội 6 dự bị.
- Đại đội 4 dương công.

Cứ điểm Lệ Sơn - thuộc xã Hòa Tiến, huyện Hòa Vang - là một cứ điểm khá kiên cố ở phía Tây Nam Đà Nẵng do một đại đội nguy hiểm giữ, được sự chi viện của các trận địa pháo của địch. Ở đây còn có tên Đội Tước - một tên Việt gian khét tiếng gian ác đã gây bao đau thương, tang tóc với bà con, xóm làng. Đồng bào vùng này đã ví:

Lò sát sinh Quá Giáng

Địa ngục Lệ Sơn.

Do đặc điểm địa hình phức tạp, ta phải làm công tác chuẩn bị rất công phu. Từ trong cánh rừng Đồng Xanh - Đồng Nghệ ở xã Hòa Khương xuống Cẩm Toại, vượt qua sông Yên mới tiến đến Lệ Sơn. Song việc đưa một tiểu đoàn tăng cường qua sông trong lúc cầu phà không có, thuyền bè tại chỗ khan hiếm là hết sức khó khăn. Thế nhưng sau mấy ngày bí mật vận động, chúng ta đã huy động được hơn 150 chiếc ghe câu của ngư dân đưa đến vị trí tập kết đúng giờ quy định.

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

Khoảng 19 giờ ngày 18/9/1952, quân ta tiến sát bờ sông Yên. Theo đúng kế hoạch đã được sắp xếp, mỗi chiếc ghe chở hai chiến sĩ. Cứ thế lần lượt cả đoàn quân với đầy đủ trang bị đã vượt qua sông một cách bí mật và an toàn.

Đúng vào tối 30 âm lịch, trời tối đen như mực, quân ta vẫn lặng lẽ theo những đốm sáng nhỏ của hàng nghìn cây hương cắm trên đường tiến quân làm lộ tiêu dẫn đến trận địa.

Đúng 0 giờ 15 phút ngày 19/9/1952, ta phát lệnh nổ súng tấn công. Công tác mở đột phá khẩu diễn ra khẩn trương, nhịp nhàng. Bộc phá 20kg phá sập lô cốt, ta chiếm được đầu cầu. Các mũi xung kích nhanh chóng xông vào trận nội. Ta đánh chiếm ngoại vi thuận lợi, nhưng khi vào trận nội thì gặp khó khăn. Một số địch nấp trong các ngách chiến hào và một số hỏa điểm còn lại đã phản ứng điên cuồng, cản trở sức tiến công của quân ta. Với tinh thần quyết chiến và kinh nghiệm của những trận đánh trước cộng với sự động viên tinh thần và tổ chức chiến đấu của cán bộ các cấp, sức mạnh của quân ta đã được nhân lên gấp bội, các tổ chiến đấu, các mũi thọc sâu, bám địa hình có lợi phát dương hỏa lực, chia cắt địch ra từng mảng, cắt từng đoạn chiến hào, lần lượt tiêu diệt từng bộ phận, tiến đến tiêu diệt hoàn toàn quân địch.

Sau hơn 1 giờ chiến đấu, khắc phục nhiều khó khăn, vượt qua mọi trở lực, Tiểu đoàn đã diệt gọn đồn Lê Sơn, thu toàn bộ vũ khí và quân trang, quân dụng. Ngoài số tù binh bị bắt trong trận này, số còn lại đều chết hoặc bị thương. Về phía ta có 12 đồng chí hy sinh, trong đó có 2 cán bộ đại đội.

Tiếng súng vừa dứt, đồng bào các thôn xung quanh đồn mừng rỡ kéo đến để chúc mừng chiến thắng của bộ đội và xem mặt tên Đội Tước. Đồng bào điểm mặt từng tên tù binh bị trói, những tên bị thương và lật cả những xác chết nằm la liệt tại

trận địa nhưng vẫn không thấy mặt tên Đội Tước. Một người dân đã thốt lên: *“Diệt được Lê Sơn mà không giết được thằng Đội Tước thì dân còn khổ”*. Giữa lúc đó thì một em gái từ bên ngoài chạy vào la lớn: *“Thằng Đội Tước đang khiêng thương binh mình ngoài đó”*. Lập tức đồng bào đuổi theo đoàn dân công tải thương, bắt trời tên Đội Tước. Té ra tên Đội Tước quý quyết, lợi dụng lúc quân ta đang chiến đấu, đã giả dạng dân công, trà trộn vào khiêng thương binh ta để tìm cơ hội tẩu thoát. Nhưng ta đã kịp thời phát hiện và xử trí tên Việt gian này.

Tòa án quân sự ngay lập tức được lập ở Hòa Khương và tên Đội Tước đã bị xử bắn.

Để giành thắng lợi tại cứ điểm Lê Sơn, ngoài ý chí quyết tâm tiến công của quân ta còn phải ghi nhận những đóng góp của nhân dân xã Hòa Tiến, Hòa Khương. Hình ảnh những chiếc ghe câu con con đưa bộ đội qua sông đánh giặc, những cây hương cắm làm lộ tiêu để bộ đội tiến quân đúng hướng sẽ luôn đọng lại qua các thời kỳ lịch sử, giúp cho thế hệ mai sau hiểu được cha ông ta đánh giặc anh hùng như thế nào và cũng là một minh chứng cho sức mạnh của chiến tranh nhân dân.

Hình ảnh đẹp trên đã được ghi lại trong một đoạn thơ của đồng chí Trương Công Vọng:

*“... Ta đánh dập đồn kẻ thù không kịp thở
Và đồn Lê Sơn ta đã điểm tử từng giờ
Đồng Nghệ, Đồng Xanh lau sậy đón đưa
Ghe câu, ngư dân sẵn sàng chờ đợi
Hàng trăm lượt chiếc lại qua hồi hã
Một chở hai người, ôi một kỳ công
Ơn nghĩa làm sao bao bọc lòng dân
Chỉ một giờ quân ta vượt sông trọn vẹn...”*

6. Diệt cứ điểm Đồn Nhất trên đỉnh đèo Hải Vân

Để chiến dịch Hè Thu 1952 tại Quảng Nam - Đà Nẵng thắng lợi trọn vẹn, Ban Chỉ huy Trung đoàn quyết định cử đồng chí Tiểu đoàn phó Trần Ngọc Anh chỉ huy Đại đội 6 và được tăng cường một trung đội của Đại đội 4 ở lại hoạt động mang mật danh “Bộ phận ĐZ” với nhiệm vụ: *“Tiến ra Tây Bắc Hòa Vang ém quân ở Khe Sơn, Lỗ Trào, Trường Định khắc phục khó khăn, nêu cao quyết tâm diệt Đồn Nhất trên đỉnh đèo Hải Vân, nghi binh đánh lạc hướng để cho đại bộ phận Trung đoàn lui quân về hậu phương”*.

Đồn Nhất án ngữ trên đỉnh đèo Hải Vân, địa thế hiểm trở, có hỏa lực mạnh, công sự và lô cốt vững chắc, bao quanh đồn có thành cao 3m, dày 1m, xây bằng đá. Lực lượng đóng giữ ở đây gồm một trung đội lính Âu - Phi tăng cường, địch còn bố trí ở đây 4 trọng liên 20mm, 15 trung liên và rất nhiều phương tiện chiến tranh khác nhằm bảo vệ đoạn đường chiến lược quan trọng: quốc lộ 1 đi qua núi, đường tàu hỏa xuyên lòng đất qua nhiều hầm.

So sánh lực lượng trên thực tế:

Về phía địch: Tuy có hỏa lực mạnh, công sự vững chắc, địa thế hiểm trở, có phi pháo yểm trợ nhưng mặt yếu là địa hình, địa vật bị che khuất, tầm quan sát và tác xạ hiệu quả thấp. Nếu bị tấn công, khả năng chi viện bằng phi pháo ít tác dụng, viện binh từ Đà Nẵng ra để ứng cứu không kịp thời, nhất là ban đêm.

Về phía ta: Tuy có gặp một số khó khăn nhất định như bộ đội phải hành quân xa, mang vác nặng, vượt qua nhiều núi cao, suối sâu, mục tiêu tấn công tương đối kiên cố mà trang bị của ta chưa được hoàn chỉnh, nhất là hỏa lực; nhưng thuận lợi của ta vẫn là cơ bản: bộ đội trên đà phấn khởi từ những thắng lợi trước, có quyết tâm chiến đấu cao, chuẩn bị kỹ lưỡng, tranh thủ được yếu tố bí mật, bất ngờ.

Phần I: Lịch sử Tiểu đoàn 59

Từ nhận định đó, đơn vị hạ quyết tâm: Nêu cao tinh thần, ý chí tiến công cách mạng, khắc phục mọi khó khăn, gian khổ, sử dụng mọi biện pháp và kỹ chiến thuật để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Từ 18 giờ tối 23/9/1952, tại vị trí thôn Trường Định, xã Hòa Liên, quân ta bắt đầu hành quân liên tục suốt đêm 23 và cả ngày 24. Tối 24/9/1952, đơn vị đến được vị trí tập kết. Khoảng 23 giờ, quân ta vượt qua quốc lộ 1, bí mật triển khai đội hình chiến đấu vào sát chân thành và đưa quả bộc phá 20kg áp sát chân tường, dưới lô cốt cao sừng sững của địch mà chúng không hề hay biết.

Đúng 1 giờ 30 phút ngày 25 tháng 9, một tiếng nổ lớn vang dội núi rừng, tiếp theo là các cỗ súng của ta nhằm vào lô cốt địch chế áp mãnh liệt. Sau giây phút bàng hoàng, các cỗ súng trong đồn địch mới bắn trả ra ngoài. Bộc phá 20kg không đủ sức phá vỡ bức tường thành dày 1m. Trong lúc đó, địch tập trung hỏa lực bắn mạnh ra các hướng có quân ta, ngăn cản sức đột kích. Tình thế vô cùng khó khăn. Đồng chí Trần Ngọc Anh lệnh cho các hỏa lực chế áp mạnh vào lô cốt và các hỏa điểm, đồng thời điều động thang lên dựng vào lô cốt để leo lên đánh thủ pháo, lựu đạn. Do thang quá ngắn, đồng chí Dương Thêm đã bình tĩnh nối hai thang làm một nhưng vẫn không leo lên đến được lô cốt. Hỏa lực địch tiếp tục bắn dồn dập, song nhờ có địa hình, địa vật bên ngoài che chắn nên quân ta vẫn bảo toàn được lực lượng.

Tiểu đội trưởng Nguyễn Bá Dương đã mưu trí, táo bạo dùng sức nâng thang lên cho thang áp sát vào thành lô cốt để đồng đội leo lên vai mình rồi trèo lên thang đánh thủ pháo, lựu đạn

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

vào lô cốt. Lô cốt bị diệt, các tổ xung kích lao vào trận nội. Trong lúc giữ thang, đồng chí Nguyễn Bá Dương không may bị trúng đạn nhưng vẫn kiên quyết giữ chặt thang không rơi, chờ đồng đội đến tiếp sức.

Khi quân ta vào trận nội đã gặp phải sức chống trả quyết liệt của địch. Với sở trường thọc sâu chia cắt của các tổ xung kích, các mũi tấn công, lại được yểm trợ tích cực từ cây trung liên của đồng chí Nguyễn Đình Thị, quân ta đã tiêu diệt từng bộ phận, từng hỏa điểm của địch. Địch không còn khả năng chống cự, hoàn toàn bị tê liệt trước sức tiến công áp đảo, quyết liệt của quân ta. Sau 2 giờ chiến đấu ngoan cường, ta đã diệt được cứ điểm Đồn Nhất.

Ta bắt sống tên quan Hai (Trung úy) đồn trưởng người Pháp và tên xạ thủ súng trọng liên 20mm; thu 3 khẩu trọng liên 20mm, 11 khẩu trung liên, 10 khẩu súng ngắn và các quân trang, quân dụng khác (trong số súng thu được có súng địch dự trữ ở trong kho).

Về phía ta, đồng chí Nguyễn Bá Dương cùng 6 chiến sĩ đã hy sinh. Tinh thần chiến đấu quả cảm của các đồng chí sẽ sống mãi trong lòng đồng đội và nhân dân (*xem phần Phụ lục*).

Chiến dịch Hè Thu 1952 tại Quảng Nam - Đà Nẵng kết thúc thắng lợi. Đó là kết quả của sự kết hợp giữa hoạt động quân sự và hoạt động chính trị, giữa tác chiến của bộ đội chủ lực với chiến tranh nhân dân, phát triển chiến tranh du kích.

Trong thành tích chung của Trung đoàn 803 có chiến công của Tiểu đoàn 59, cụ thể đơn vị đã diệt 5 cứ điểm, 5 tháp canh, đánh 1 trận càn.

Qua chiến đấu thắng lợi, Tiểu đoàn 59 đã trưởng thành lên một bước cả về mặt chính trị, tư tưởng và kỹ chiến thuật.

IV. THAM GIA CHIẾN DỊCH ĐÔNG XUÂN 1952-1953

Năm 1952, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đã bước sang năm thứ tám. Cục diện chiến trường phát triển ngày càng có lợi cho ta, chúng ta càng đánh càng mạnh, địch càng ngày càng lún sâu vào những thất bại, khó khăn.

Sau thất bại ở Tây Bắc rồi Thượng Lào, địch đã thay đổi tướng chỉ huy nhưng vẫn không đảo ngược được tình thế. Quân dân Liên khu V phấn khởi thi đua tăng gia sản xuất vượt qua thiên tai, bội thu mùa vụ, nạn đói được đẩy lùi, khắp nơi giăng cao khẩu hiệu: “Thực túc binh cường, ăn no đánh thắng”, quyết tâm tập trung dồn sức người, sức của ra tiền tuyến.

Liên khu ủy, Bộ Tư lệnh Liên khu V quyết định mở chiến dịch Đông Xuân 1952-1953. Bộ Tư lệnh đã điều vào chiến dịch này hai trung đoàn chủ lực: Trung đoàn 803 và Trung đoàn 108. Hướng hoạt động là An Khê.

An Khê nằm về phía Tây tỉnh Bình Định. Địch bố trí nơi đây thành một cụm cứ điểm, một bình phong án ngữ đường 19 nhằm ngăn chặn quân ta tấn công vào cửa ngõ Tây Nguyên. An Khê nằm sát vùng tự do của ta, mọi hoạt động của ta dễ bị địch theo dõi, nên muốn đánh vào An Khê ta cần có kế hoạch nghi binh chu đáo.

Để đánh lạc hướng địch trước và trong những ngày hành quân đi chiến dịch, ta vẫn giữ đúng quy luật hoạt động bình thường. Trên các bãi tập chiến thuật, ban ngày không ngớt tiếng hô xung phong, đêm đêm trên các đồn giả ở Mỹ Tài vẫn nghe rõ tiếng bộc phá nổ, tiếng quân ta ca hát rộn ràng, nhưng kỳ thực các Tiểu đoàn 39, 59, 365 trợ chiến đã bí mật xuất quân về hướng An Khê, còn những tiếng hò hét xung phong lẫn tiếng bộc phá nổ là do đơn vị thu dụng đảm nhiệm làm kế nghi binh.

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

1. Tham gia diệt cứ điểm Tú Thủy

Tú Thủy là cứ điểm kiên cố nhất trong hệ thống cứ điểm của địch ở An Khê, đóng trên một quả đồi, có tường rào cao, cách cấu trúc công sự, bố trí lưới lửa khá đặc biệt. Sát chân thành phía trước có nhiều ụ đất đắp mô nhưng thực chất bên trong là hỏa điểm mạnh. Do bố trí hiểm hóc, nên sẽ khá lợi hại khi phát dương hỏa lực, ta chưa hề gặp ở chiến trường Liên khu V. Sau này, ta đặt cho cứ điểm Tú Thủy tên gọi khác là “*Mả Đạm Tiên*”. Đặc biệt vào tháng 3/1947, ta đã tổ chức đánh cứ điểm này nhưng không thành công.

Trong trận đánh đó, với tinh thần quyết tử, quả cảm, chỉ có súng trường, lựu đạn, mìn tẩu, bom ba càng, đầu chít khăn đỏ, bộ đội ta đã hiên ngang đánh vào đồn với lời thề: “*Không thắng giặc quyết không trở về*”. Tuy vậy, ta không hạ được cứ điểm, trong hy sinh, mất mát này có đồng chí Vi Dân - Trung đoàn trưởng.

Chính từ dấu ấn lịch sử này, bọn địch càng huênh hoang, khoác lác cho rằng: “*Bao giờ sông Côn cạn nước thì Việt Minh mới hạ được đồn này*”. Còn quân ta thì càng thêm nung nấu mối hận thù, quyết tâm diệt cứ điểm.

Trận đánh lần này do Tiểu đoàn 365 chủ công, Đại đội 6 Tiểu đoàn 59 dự bị, Đại đội 4 và Đại đội 11 Tiểu đoàn 59 dương công.

Đêm 13/01/1953, khi nghe tiếng súng của Trung đoàn 108 đánh vào cứ điểm Cửu An, bọn địch ở Tú Thủy lập tức dồn dập nổ súng, yếu tố bất ngờ không còn nữa, ta hoàn toàn áp dụng chiến thuật cường tập. Địch chống trả quyết liệt, tình thế trở nên khó khăn, ta mở xong các lớp rào ngoại vi thì nhiều chiến sĩ đã hy sinh trước khi cửa mở do vấp phải hỏa điểm ngầm địch bố trí sát mặt đất, bên dưới chân thành. Khi phát triển vào trận nội, ta vẫn bị những hỏa điểm tương tự xuất hiện cản trở. Pháo địch

Phần I: Lịch sử Tiểu đoàn 59

từ An Khê, Thượng An bắn tới tập xung quanh cứ điểm để chi viện cho địch ở Tú Thủy.

Đại đội 211 và Đại đội 212 của Tiểu đoàn 365 bị tổn thất nặng. Trung đoàn phải điều động Đại đội 213 và Đại đội 6 Tiểu đoàn 59 vào đánh trận nội. Quân ta không hề nao núng, mang tinh thần quyết chiến, quyết thắng, lớp lớp xông lên, dùng thủ pháo, lựu đạn thọc sâu, chia cắt diệt từng hỏa điểm địch, từng tổp địch, dùng cả thủ đoạn đánh gần bằng báng súng, lưỡi lê, xung phong áp đảo địch, đánh gục từng tên địch ngoan cố. Mặt khác, do tung lực lượng dự bị vào đúng lúc, nên sức mạnh của ta được tăng cường, mọi sự kháng cự của địch đều bị áp chế. Ta làm chủ trận địa, toàn bộ lực lượng địch bị chết, bị thương và bị bắt sống. Ta thu toàn bộ vũ khí, trong đó có khẩu pháo 88mm còn nguyên vẹn.

Về phía ta, có 49 cán bộ và chiến sĩ hy sinh, trong đó có 5 cán bộ đại đội. Riêng Đại đội 6 có 6 chiến sĩ hy sinh. Giải quyết xong chiến trường, không ai bảo ai, mọi người đều tìm đến mộ đồng chí Vi Dân, không một nén hương nhưng tất cả con tim cùng thôn thức:

“Vi Dân ơi! Anh đừng ân hận

Có chúng tôi đã đến bên anh

Làm trọn lời thề nghĩa nước tình non

Rửa hận cho anh mở mang vùng giải phóng”.

(Trích thơ của Trương Công Vọng)

2. Truy kích địch rút khỏi Kom Lía

Mất hai cứ điểm Tú Thủy và Cửu An trong một đêm, binh lính địch các nơi đều vô cùng hoang mang, lo sợ. Ban Chỉ huy Trung đoàn nhận định: Địch ở Kom Lía có thể rút chạy và giao nhiệm vụ truy kích, đón lõng diệt địch cho Tiểu đoàn 59. Tiểu đoàn 59 nhanh chóng phân công Đại đội 6 và Đại đội 4 đón lõng,

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

truy kích và chặn đường rút chạy của địch. Do tinh thần đã bị lung lay đến tận gốc rễ nên khi vừa nghe súng nổ, địch đã vội vã vút vũ khí chạy thực mạng trốn vào rừng. Ta tiếp tục truy kích đến cùng và bắt sống một số tù binh, thu hơn 50 khẩu súng các loại.

3. Diệt cứ điểm Thượng An - lô cốt Đầu Đèo, thu đại bác 155mm

Thượng An và Đầu Đèo nằm sát vùng tự do của ta, uy hiếp trực tiếp con đường tỉnh lộ từ Vĩnh Thạnh đến Vườn Xoài và đoạn quốc lộ 19 từ Phú Phong lên Đồng Phú. Thượng An và Đầu Đèo nằm gần nhau, chỉ cách đường số 19 chạy ngang qua. Cái khó nhất ở đây là hai điểm này đều đóng trên mỏm đồi, khó tiếp cận. Địch còn bố trí ở đây khẩu đại bác 155mm, hằng ngày uy hiếp đến tính mạng và đời sống nhân dân quanh vùng.

Đặc biệt, khi Tú Thủy và Cửu An bị diệt, ban đêm địch không dám ở trong đồn, kéo quân ra ngoài nằm chờ cho đến sáng hôm sau mới vào lại. Theo đó, để đánh được địch, ta phải tổ chức theo dõi quy luật hoạt động của chúng. Nhiều đêm ta bố trí dàn sẵn đội hình, chờ địch vào. Tiểu đoàn giao cho Đại đội 11 tổ chức vây ép, bắn tỉa, uy hiếp mạnh vào Đầu Đèo để buộc quân địch ở ngoài phải kéo vào.

Đêm 21/01/1953, ta nổ súng diệt Đầu Đèo, bọn địch ở Thượng An đang nằm ngoài vội vã rút vào trong đồn. Ta bí mật bám sát chân chúng. Thừa lúc địch mở cửa vào đồn, Đại đội 6 đã tiến hành cường kích. Tuy ban đầu bị bất ngờ, nhưng bọn địch vẫn kịp thời phản ứng chống trả quyết liệt. Giai đoạn đầu ta mở đột phá thuận lợi, nhưng càng vào sâu trận nội lại vấp phải công sự ngầm như bên Tú Thủy. Nhờ rút kinh nghiệm của Tú Thủy, Đại đội 4 đã bình tĩnh, mưu trí, dùng mọi khả năng sở trường và vũ khí như thủ pháo, lựu đạn lần lượt diệt các hỏa điểm hiểm hóc,

các ổ đề kháng, tiêu diệt địch, hạn chế thương vong. Nhiều tấm gương chiến đấu dũng cảm, kiên cường đã xuất hiện như các đồng chí Nguyễn Quang Dầy, Nguyễn Lệnh, Dương Thận,...

Khi ta chiếm lĩnh hoàn toàn trận địa thì trời sáng rõ, máy bay địch đến quần lượn trên bầu trời và ném bom vào cứ điểm. Trong lúc đó, lô cốt Đầu Đèo chưa giải phóng xong.

Do địa hình quá phức tạp nên việc đưa khối thuốc nổ 20kg lên đánh lô cốt Đầu Đèo gặp nhiều trở ngại. Mãi đến lần thứ tư, đồng chí Nguyễn Lớn mới tìm được cách khắc phục, đặt được quả bộc phá vào đúng vị trí. Địch trong lô cốt bắn ra, nhưng đồng chí Nguyễn Lớn vẫn bình tĩnh giật nụ xòe. Lô cốt bị đánh sập và đồng chí Nguyễn Lớn cũng anh dũng hy sinh.

Diệt được cứ điểm Thượng An, diệt luôn lô cốt Đầu Đèo trên một địa hình hiểm trở có chi viện của phi pháo, Tiểu đoàn 59 đã thể hiện một quyết tâm cao và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Trận này ta thu được nhiều vũ khí, giá trị nhất là khẩu đại bác 155mm làm nức lòng quân dân Liên khu V, đặc biệt là nhân dân huyện Bình Khê (Bình Định) từ nay không còn bị pháo địch uy hiếp, gây chết chóc thương đau.

Qua chiến thắng trận này, sổ vàng của Tiểu đoàn ghi công các liệt sĩ Nguyễn Vấn, Trần On, Nguyễn An, Nguyễn Quang Triệu, Trần Luy, Nguyễn Lớn.

Việc chuyển khẩu đại bác 155mm về vùng tự do cũng là một kỳ công đặc biệt. Để nhanh chóng chuyển hàng tấn thép nặng nề ra khỏi trận địa trong khi máy bay địch vẫn quần lượn trên bầu trời, ta phải tháo rời từng bộ phận của pháo, huy động dân công và cả nhân dân trong vùng cùng lực lượng quân đội chuyển về hậu phương an toàn.

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

4. Đánh viện trên đường số 19

Chỉ trong vòng 9 ngày, một loạt cứ điểm như Cửu An, Tú Thủy, Thượng An, Eo Gió, Đầu Đèo bị diệt, tuyến phòng ngự trên đèo Măng Giang trực tiếp bị uy hiếp. Tổng chỉ huy quân viễn chinh Pháp Sa-lăng vội vã điều ba tiểu đoàn dù thuộc lực lượng dự bị chiến lược đến An Khê.

Theo lệnh của Bộ Chỉ huy chiến dịch, Trung đoàn 803 đã điều Tiểu đoàn 39, Tiểu đoàn 59 và lực lượng trợ chiến nhanh chóng triển khai diệt địch theo dự kiến từ trước.

Ngày 24/01/1953, địch hành quân, chúng đi rất thận trọng, bộ phận đi đầu sục sạo trước ở hai bên bìa rừng. Bộ đội ta bí mật chờ chúng vào trận địa. Nhờ chiếm được địa hình có lợi, ta đã phát dương hỏa lực mạnh vào đội hình địch. Quân địch đông, hỏa lực mạnh ồ ạt chống trả nhưng bị quân ta chặn đánh quyết liệt, cả một tiểu đoàn dù bị quân ta kẹp chặt, trận đánh giáp lá cà diễn ra. Trước sức tấn công mãnh liệt của quân ta, quân địch quay đầu tháo chạy nhưng bị quân ta truy kích tới cùng. Ngay lúc đó, máy bay địch tới bắn chặn đội hình truy kích của quân ta, chúng thả bom Napan cháy dữ dội buộc ta phải dừng cuộc truy kích.

Quân địch chết và bị thương la liệt. Tiểu đoàn dù số 1 nguy bị thiệt hại nặng, hơn 100 tên bỏ mạng, hàng trăm tên khác bị thương, bị bắt. Ta thu được rất nhiều vũ khí.

Về phía ta, có 30 đồng chí thương vong (gồm lực lượng của Tiểu đoàn 39 và Tiểu đoàn 59), chủ yếu là do bị máy bay bắn phá.

Ngày 28/01/1953, ta kết thúc chiến dịch, giải phóng một vùng đất rộng lớn từ đèo An Khê xuống phía Đông. Tiểu đoàn 59 đã đóng góp một phần xứng đáng vào chiến công này.

V. THAM GIA HOẠT ĐỘNG CHIẾN DỊCH HÈ 1953, TIỂU ĐOÀN ĐỘC LẬP VÀO KHÁNH HÒA HOẠT ĐỘNG, DIỆT HÀNG LOẠT THÁP CANH, ĐÁNH BẠI MỘT TRẬN CÀN LỚN CỦA ĐỊCH VÀO CHIẾN KHU ĐÁ BÀN

Sau chiến thắng An Khê, Liên khu V tổ chức hội nghị tổng kết chiến dịch và Đại hội Chiến sĩ thi đua tuyên dương, trao cờ danh dự cho các đơn vị, cá nhân lập công xuất sắc. Đồng chí Trần Xung là một trong ba đồng chí được Đại hội tuyên dương.

Để thực hiện Nghị quyết quân sự của Liên khu ủy: *“Tiêu diệt địch, bồi dưỡng ta, đẩy mạnh phong trào địa phương và tạo điều kiện cho chủ lực học tập nâng cao đánh vận động”*, Bộ Tư lệnh Liên khu ủy đã chủ trương mở chiến dịch Hè 1953.

Đại bộ phận Trung đoàn 803 được lệnh lên Nam Tây Nguyên. Riêng Tiểu đoàn 59 tách khỏi đội hình Trung đoàn vào Khánh Hòa với nhiệm vụ: Tiêu hao, tiêu diệt từng bộ phận sinh lực địch, phá thế uy hiếp của địch đối với vùng du kích, hỗ trợ phong trào chiến tranh du kích vùng sau lưng địch, tham gia củng cố cơ sở chính trị, xây dựng lực lượng vũ trang và bán vũ trang địa phương.

Sau một tuần lễ vào Phú Yên, vượt sông Ba, leo dốc Chanh, Tiểu đoàn đã dừng chân tại chiến khu Đá Bàn. Trên đường hành quân, đồng chí Đại đội phó Nguyễn Văn Anh bị ốm nặng và mất khi leo qua dốc Chanh; đồng chí Cổ bị biệt kích bắn lén khi mới đến Đá Bàn.

Đơn vị vào đến nơi thì theo yêu cầu của Tỉnh ủy và Tỉnh đội Khánh Hòa, đồng chí Tiểu đoàn phó Phan Quang Tiệp cùng Đại đội 11 nhận nhiệm vụ về Hòn Hèo, một vùng sát biển Ninh Hòa hoạt động.

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

Ở Đá Bàn lúc này còn lại Đại đội 6, Đại đội 4 và Đại đội 8 trợ chiến, do các đồng chí Nguyễn Lựu và Phạm Đạo chỉ huy.

1. Diệt hàng loạt tháp canh

Ngày 06/4/1953, Đại đội 6 và Đại đội 4 diệt hai tháp canh Tân Phong và Nhĩ Sự.

Đêm 08/4/1953, Đại đội 11 diệt tháp canh Cầu Lớn trên đường đi Ninh Hòa - Hòn Khói và diệt một trung đội lính ngự, bắt 42 tù binh, thu vũ khí, giải thoát 50 dân thường bị giặc bắt.

Ngày 15/4/1953, Đại đội 11 diệt tiếp hai tháp canh Mỹ Lệ và Hội Bình ở Hòn Hèo, bắt 40 tù binh, thu vũ khí.

2. Đánh thiệt hại nặng một trung đoàn địch càn quét vào chiến khu Đá Bàn, bảo vệ an toàn căn cứ

Sau khi diệt một loạt tháp canh, Tiểu đoàn 59 phối hợp với bộ đội địa phương đánh tiếp đồn Quảng Cư. Nhưng khi hành quân đến nơi thì được tin địch đã tăng cường quân số và vũ khí, trong khi lực lượng của ta không đủ một tiểu đoàn. Lượng sức mình khó có thể giành thắng lợi nên ta đã dừng lại.

Tiểu đoàn quay trở về căn cứ chuẩn bị chống càn. Đúng như ta dự đoán, biết thông tin lực lượng chủ lực của ta đã vào Khánh Hòa, địch huy động một trung đoàn lính Âu - Phi - ngự hỗn hợp do Thiếu tướng Le Blanc¹ chỉ huy với đầy đủ hỏa lực càn vào chiến khu Đá Bàn nhằm phá căn cứ, tiêu diệt lực lượng chủ lực của ta. Tỉnh đội Khánh Hòa mở cuộc họp với Tiểu đoàn bàn cách phối hợp chiến đấu, quyết tâm tiêu diệt địch để bảo vệ chiến khu Đá Bàn (trình sát nắm không chắc, báo địch chỉ có một tiểu đoàn).

Chỉ huy trận đánh này gồm:

- Đồng chí Hà Vi Tùng - Trung đoàn phó.

1. Xem *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa* và *Lịch sử Đảng bộ huyện Ninh Hòa*.

- Đồng chí Nguyễn Lựu - Tiểu đoàn trưởng.
- Đồng chí Phạm Đạo - Chính trị viên Tiểu đoàn.

Lực lượng chiến đấu gồm: Đại đội 6, Đại đội 4, Đại đội 8 trợ chiến và một lực lượng bộ đội địa phương. Ta chọn sở “Thăng Lô” (một đồn điền cũ của người Pháp) làm điểm quyết chiến.

Theo đúng kế hoạch, ta nhanh chóng triển khai đội hình phục kích, chờ cho cánh quân địch vào trận địa sẽ xuất kích. Nhưng do lực lượng không cân sức, ta đã gặp khó khăn ngay từ đầu. Các cỡ súng của địch nhả đạn tới tấp vào đội hình ta. Bọn địch đi đầu bị ta chặn đánh trước đó đã dừng lại, quay ra phản kích, bọn địch phía sau tràn lên vây ép ta. Theo lệnh chỉ huy, các bộ phận, các mũi tiến công của ta dùng đại liên, trung liên và súng các cỡ tập trung chế áp mạnh vào các hỏa điểm địch, bắn điểm xạ chính xác và dồn dập vào đội hình địch. Với tinh thần bình tĩnh, quả cảm, quân ta luôn bám sát nhau giữ liên lạc và cự ly chiến đấu giữa các đội hình, từng tổ ba người lợi dụng địa hình, địa vật bắn tỉa, chọn đúng thời cơ bất thần xông ra dùng báng súng, lưỡi lê đánh giáp lá cà, xung phong tiêu diệt địch. Điển hình khi một khẩu đại liên địch bắn mạnh vào sườn cánh quân ta, đồng chí Nguyễn Điều đã dũng cảm chọn đúng thời cơ xông ra dùng báng súng phang mạnh vào cánh tay tên xạ thủ, nâng bống nòng súng Browning của địch lên cao, cùng lúc đó hai người còn lại trong tổ là đồng chí Lực và đồng chí Hồng đã nhanh chóng cướp khẩu đại liên, dùng súng địch đánh địch.

Với tinh thần chiến đấu ngoan cường, trận đánh kéo dài từ 10 giờ sáng đến 17 giờ chiều đã gây cho địch nhiều thiệt hại nặng. Không thực hiện được âm mưu, địch buộc phải rút lui. Tuy có gặp khó khăn từ đầu, nhưng trận này ta đã giành thắng lợi lớn, hơn 400 tên địch chết và bị thương. Đêm đến, bọn chúng phải cho máy bay đến thả pháo sáng để thu gom số quân thiệt mạng và

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

đưa số bị thương về trường Tiểu học Ninh Hòa cứu chữa. Mấy hôm sau, nhà trường phải nghỉ học để cho bọn chúng giải quyết hậu quả.

Về phía ta, có 25 đồng chí hy sinh, phần lớn là cán bộ tiểu đội, tổ trưởng tổ ba người, trong đó hầu hết là đảng viên.

Thắng lợi của trận chống càn này đã tạo được tiếng vang lớn. Chỉ với một lực lượng nhỏ, ta đã đánh thắng cả một trung đoàn địch mạnh về quân số và hỏa lực, làm thất bại âm mưu càn quét của địch, bảo vệ an toàn chiến khu Đá Bàn - một căn cứ kháng chiến của tỉnh Khánh Hòa.

Sau trận chống càn thắng lợi, theo đề nghị của Tỉnh ủy và Ban Chỉ huy Tỉnh đội Khánh Hòa, Tiểu đoàn cử một lực lượng nhỏ vào Nam Khánh Hòa hoạt động, hỗ trợ địa phương phát triển chiến tranh du kích.

Ban Chỉ huy Tiểu đoàn cử đồng chí Trương Công Vọng - cán bộ của Tiểu ban Chính trị Tiểu đoàn - cùng 9 đồng chí khác vào Nam Khánh Hòa. Đúng như nhận định, lực lượng kháng chiến ở đây, nhất là lực lượng vũ trang địa phương, còn tương đối yếu, bọn địch ít khi bị đánh nên chúng có phần chủ quan, xem thường.

Với lực lượng nhỏ nên ta vận dụng lối đánh đặc công (CKI), chỉ trong một đêm ta đã tiêu diệt ba tháp canh: Phú Nấm, Phú Cốc và Cầu Thành. Ba hôm sau, ta diệt tiếp hai tháp canh: Am Chúa và Đảnh Thạnh.

Tính đến cuối tháng 5/1953, sau khoảng hơn một tháng vào Khánh Hòa hoạt động độc lập, Tiểu đoàn đã lập chiến công lớn: Diệt 10 tháp canh; đánh thiệt hại nặng một lực lượng lớn của địch càn quét vào chiến khu Đá Bàn; tổ chức xây dựng, huấn luyện, cho Tỉnh đội Khánh Hòa một trung đội biết cách đánh đặc công; góp phần phát triển chiến tranh du kích ở vùng địch hậu.

Qua thắng lợi này, một lần nữa chứng tỏ khả năng, sở trường của Tiểu đoàn trong việc đánh phá hệ thống tháp canh và xây dựng phong trào du kích ở vùng sau lưng địch.

3. Trở về hậu phương thực hiện nhiệm vụ chỉnh huấn chính trị và huấn luyện quân sự

Tháng 5/1953, Tổng Quân ủy ra Nghị quyết về chỉnh huấn chính trị cho toàn quân nhằm mục đích: *“Nâng cao trình độ giác ngộ giai cấp của bộ đội lên một bước, làm cho tổ chức được trong sạch, củng cố nâng cao sức chiến đấu của quân đội để bộ đội trở thành một lực lượng vững mạnh, kiên quyết ủng hộ việc thi hành chính sách ruộng đất của Đảng và Chính phủ”*.

Chấp hành lệnh của Ban Chỉ huy Trung đoàn, từ chiến trường Bắc Khánh Hòa, Tiểu đoàn hành quân về đóng quân ở huyện Mộ Đức, Quảng Ngãi. Tại đây, Tiểu đoàn có hai nhiệm vụ:

- Học chỉnh huấn chính trị.
- Làm công tác bố phòng ở vùng ven biển Đàm Thủy, Quýt Lâm, Văn Hà thuộc xã Đức Phong, huyện Mộ Đức.

Chỉnh quân, chỉnh Đảng là một cuộc vận động giáo dục chính trị lớn nhất của quân đội ta lúc bấy giờ. Tài liệu học tập chung gồm: *Quân đội nhân dân và Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi*.

Qua học tập chính trị, trình độ giác ngộ giai cấp của bộ đội đã được nâng lên khá cơ bản, đồng thời khơi sâu lòng căm thù đế quốc, phong kiến; từ đó hiểu rõ phương châm “Trường kỳ kháng chiến, tự lực cánh sinh”, nâng cao ý thức chiến đấu, khắc phục tư tưởng cá nhân, cầu an, dao động, ngại gian khổ, nặng gia đình, căm thù giặc, nâng cao lòng yêu nước, yêu nhân dân; góp phần nhận thức được bản chất của Quân đội nhân dân, vì sao phải chiến đấu, vì sao phải kháng chiến lâu dài, quân đội ta là của ai,...

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

Trên cơ sở đó giúp cho cán bộ, chiến sĩ ta nhận thức sâu sắc về cuộc kháng chiến trường kỳ do Đảng lãnh đạo sẽ nhất định thắng lợi, củng cố niềm tin vào sự nghiệp cách mạng mà Bác Hồ đã soi đường, chỉ lối.

Sau đợt chỉnh huấn chính trị, Tiểu đoàn hành quân vào Bình Định, tiếp tục lấy thao trường ở Mỹ Tài, Mỹ Thắng, Đèo Nhông (Phù Mỹ) để xây dựng trận địa, đánh công kiên, đánh vận động phục kích, đánh giao thông chiến,...

Các bài học thực tế của các chiến trường qua các chiến dịch như: Trận diệt cứ điểm Kon Plông năm 1951, Ai Nu 1951-1952, Xuân Đài, Vân Ly, Túy Loan, Đồn Nhất Hè 1952, Thượng An, Đầu Đèo, Tú Thủy Đông Xuân 1952-1953 cùng các trận vận động phục kích trên đường số 19, trận đánh càn ở Đá Bàn,... đều được đem ra phân tích, học tập, rút kinh nghiệm. Tiêu biểu là học tập gương chiến đấu của tổ ba người Khương, Lục, Xá ở núi Cánh Diều, Non Nước (Ninh Bình); gương chiến sĩ thi đua Trần Xung, gương hy sinh dũng cảm của chiến sĩ Nguyễn Lớn,...

Sau 5 tháng về hậu phương học tập chính trị quân sự, Tiểu đoàn đã phát triển hơn về mọi mặt, hứa hẹn mùa lập công mới.

VI. THAM GIA CHIẾN DỊCH ĐÔNG XUÂN 1953-1954, KẾT THÚC CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC

Chiến tranh càng kéo dài, thực dân Pháp càng thất bại nặng nề. Các kế hoạch d'Argenlieu, Bolaert, de Lattre de Tassigny theo nhau phá sản. Chính phủ Pháp quyết định cử tướng Henri Navarre - một viên tướng được báo chí Pháp ca ngợi - sang làm Tổng Chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương, lập ra kế hoạch quân sự mới lấy tên là Kế hoạch Nava, hòng giành lại thế chủ động trên các chiến trường Đông Dương.

Nội dung của kế hoạch này là tổ chức cho được khối cơ động mạnh, rút bỏ những đồn bốt không cần thiết, xây dựng lực lượng mạnh, giữ thế phòng ngự ở miền Bắc, tiến công chiến lược ở miền Nam nhằm đánh chiếm các vùng tự do ở Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên thuộc Liên khu V.

Thực hiện ý đồ này, địch chủ trương mở cuộc hành quân Atlante chiếm đóng các vùng tự do nói trên, xóa bỏ thế chia cắt chiến trường, mở rộng và nối liền vùng tạm chiếm từ Khánh Hòa đến Đà Nẵng nối liền với Tây Nguyên.

Địch huy động 32 tiểu đoàn, đặc biệt có binh đoàn cơ động 100 (GM 100) là đơn vị thiện chiến ở chiến trường Triều Tiên sang, gồm toàn lính Âu - Phi, được trang bị và huấn luyện mạnh, có sức chiến đấu cao, có hàng trăm xe cơ giới, thiết giáp tham gia vào cuộc hành quân.

1. Chấp hành chỉ thị của cấp trên

Cuối năm 1953, trong đội ngũ cán bộ ở Liên khu đã xuất hiện hai khuynh hướng:

Một là, tập trung lực lượng để bảo vệ cho được vùng tự do. Vì bảo vệ vùng tự do có tầm quan trọng quyết định cuộc kháng chiến của quân dân Liên khu V trong 8 năm đấu tranh gian khổ, coi đây là một yêu cầu bức thiết.

Hai là, tập trung lực lượng cơ động, chủ động linh hoạt, phát triển lên Tây Nguyên tấn công tiêu diệt địch, để lại một bộ phận nhỏ bộ đội chủ lực phối hợp với bộ đội địa phương bảo vệ vùng tự do. Tây Nguyên là địa bàn chiến lược hết sức quan trọng. Vùng tự do Liên khu V thường bị uy hiếp vì địch đã khống chế được địa bàn Tây Nguyên. Phát triển lên Tây Nguyên là đánh vào nơi hiểm yếu và cũng là nơi địch có nhiều sơ hở; đồng thời nếu đánh vào Tây Nguyên mạnh, tiêu diệt được nhiều sinh lực địch

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

thì nhất định sẽ phá được âm mưu chiếm đóng vùng tự do của địch, từ đó phối hợp đắc lực với chiến trường chính Bắc Bộ.

Sau đó quán triệt chủ trương của cấp trên, thống nhất về nhận thức, các đơn vị đều xác định được nhiệm vụ của mình là: Phát triển lên Tây Nguyên mới đánh bại được âm mưu của địch.

Nghiêm chỉnh chấp hành chỉ thị và mệnh lệnh của Trung ương Đảng, Liên khu ủy, Đảng ủy và Bộ Tư lệnh Liên khu, Trung đoàn 803 đã hành quân lên Tây Nguyên tham gia chiến dịch Đông Xuân 1953-1954.

2. Mở màn chiến dịch diệt cứ điểm Kon Braih (Kon Rẫy)

Trước khi lên đường, theo lệnh của Trung đoàn, Tiểu đoàn 59 sử dụng Đại đội 11 đi về hướng Nam Tây Nguyên theo đường số 19 phối hợp với lực lượng địa phương làm nhiệm vụ nghi binh chiến dịch.

Theo kế hoạch, trong cùng một đêm, hai đơn vị sẽ đánh hai điểm:

- Trung đoàn 108 tiêu diệt Măng Đen.
- Tiểu đoàn 59 (thiếu một đại đội) đánh Kon Braih (Kon Rẫy). Quy ước Kon Rẫy chỉ được nổ súng sau Măng Đen.

Đêm 27/01/1954, từ vị trí tập kết cách cứ điểm 8km, đơn vị hành quân chiếm lĩnh trận địa. Đúng 2 giờ sáng 28/01/1954, tiếng súng tấn công Măng Đen nổ, song cánh quân đánh vào Kon Braih (Kon Rẫy) chưa làm xong công tác tổ chức chiến đấu.

Trong khi đó, tiếng súng ở Măng Đen nổ đã giúp bọn địch ở Kon Braih (Kon Rẫy) như được báo động, một số địch chạy ra ngoài bố trí. Các mũi, các hướng tấn công của Tiểu đoàn khẩn trương bí mật tiến sát vào chiếm lĩnh trận địa. Khi tổ bộc phá chuẩn bị mở rào thì địch phát hiện vị trí mở rào của ta. Súng địch bắn ra dữ dội. Hỏa lực ta chế áp mạnh để yểm trợ cho tổ bộc phá

lần lượt mở rào. Lúc này, một số chiến sĩ ta bị thương vong trước khi cửa mở. Chiến sĩ thi đua Trần Xung, Tiểu đội trưởng bộc phá luôn động viên tinh thần anh em và bản thân đồng chí ôm bộc phá trườn lên để anh em tiếp tục mở rào cuối cùng. Tuy đã kiệt sức nhưng đồng chí còn nằm đè lên dây thép gai bùng nhùng để chiến sĩ ôm bộc phá 20kg băng qua người mình tiến vào đánh lô cốt đầu cầu.

Cửa đã được mở, ta chiếm được đầu cầu. Một mũi xung kích lao thẳng vào nhà hầm nửa chìm nửa nổi giữa đồn, tại đây ta bắt được tên chỉ huy đồn trưởng người Pháp Le Bret. Một cán bộ của ta nói bằng tiếng Pháp yêu cầu hắn kêu gọi lính đầu hàng. Le Bret hô lớn: “Cessez le feu” (tức là “Ngừng bắn”).

Tiếng súng dứt. Trời vừa rạng sáng. Ta làm chủ trận địa, bắt 10 tù binh, trong đó có tên chỉ huy người Pháp, còn phần đông là chết và bị thương.

Ta thu được 6 trung liên, nhiều tiểu liên và súng trường, quân trang, quân dụng. Trận này, ta có 14 đồng chí hy sinh và bị thương, trong đó có đồng chí Trần Xung. Sự hy sinh anh dũng của những tấm gương tiêu biểu đó đã tô thêm truyền thống vẻ vang của Tiểu đoàn. Sau chiến thắng Kon Bراهيم (Kon Rẫy), Tiểu đoàn nhận được tin hai hôm trước Đại đội 11 đã diệt cứ điểm Pleibông ở hướng Đông Bắc đường số 19, cách thị xã Kon Tum¹ 20km.

3. Đánh địch rút chạy khỏi Kon Tum

Măng Đen và Kon Bراهيم (Kon Rẫy) bảo vệ hướng Tây Bắc thị xã Kon Tum đã bị tiêu diệt, cấp trên nhận định địch có thể bỏ Kon Tum rút chạy về Pleiku. Trung đoàn giao nhiệm vụ cho Tiểu đoàn 59 (thiếu Đại đội 11) thọc xuống phía đường số 14 đón thời cơ diệt địch từ Kon Tum về Pleiku. Ngày phục kích đầu tiên

1. Nay là thành phố Kon Tum (BT).

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

có 7 chiếc xe địch từ hướng Pleiku chạy về Kon Tum, Tiểu đoàn xuất kích diệt gọn 7 xe, tiếp đó Tiểu đoàn còn chặn đánh diệt luôn một đại đội xe bọc thép.

Hai trận này ta giành thắng lợi, nhưng chưa thực hiện đúng ý định chiến thuật của cấp trên là chốt chặn để diệt bộ phận lớn của địch khi chúng rút khỏi Kon Tum chạy về Pleiku. Do đó, địch không rút theo đường chính mà đi đường vòng theo hướng phía Tây đường số 14.

4. Tham gia diệt cứ điểm Đắc Đa

Cứ điểm Đắc Đa có cấu trúc công sự kiên cố, hỏa lực mạnh, được yểm trợ của một tiểu đoàn pháo 105mm (12 khẩu) bố trí ở Buôn Plei, cách Đắc Đa 10km. Lực lượng chiếm giữ gồm hai đại đội của Tiểu đoàn 2 thuộc binh đoàn cơ động 100 (GM 100).

Muốn tiêu diệt Đắc Đa phải tổ chức kiềm chế có hiệu quả trận địa pháo, Trung đoàn đã giao cho Tiểu đoàn 39 (thiếu một đại đội), do đồng chí Trung đoàn phó Hà Vi Tùng làm nhiệm vụ chỉ huy tập kích, kiềm chế cho được hỏa lực pháo binh trong suốt thời gian ta tấn công cứ điểm.

Ở cứ điểm Đắc Đa (đây là lần đánh thứ ba), Trung đoàn đã giao cho Tiểu đoàn 365 làm nhiệm vụ chủ công, được tăng cường thêm một đại đội của Tiểu đoàn 39 và lực lượng trợ chiến của Trung đoàn. Tiểu đoàn 59 làm nhiệm vụ dự bị và cơ động.

Đúng 2 giờ 30 phút ngày 17/02/1954, Đắc Đa nổ súng. Bộ phận phá liên tục mở rào. Hỏa lực của lực lượng trợ chiến Tiểu đoàn, Trung đoàn đồng loạt nã đạn cối, phóng bom, bắn súng SKZ,... vào trận địa.

Cứ điểm Đắc Đa không lớn, nhưng khu vực ngoại vi lại rất rộng. Do vậy, việc đánh chiếm ngoại vi rất khó khăn và thời gian kéo dài. Tiểu đoàn 39 tổ chức kiềm chế trận địa pháo của

Phần I: Lịch sử Tiểu đoàn 59

địch nhưng không đạt kết quả vì vấp phải một tiểu đoàn bộ binh địch đóng ở vòng ngoài bảo vệ trận địa pháo. Đêm đó lại đúng vào ngày rằm, trăng sáng rõ như ban ngày, mọi chuyển dịch đội hình của quân ta bên ngoài đều có thể bị địch quan sát, phát hiện dễ dàng.

Sau 30 phút chiến đấu căng thẳng, quyết liệt, cả hai hướng chính và hướng phụ vẫn chưa mở xong cửa đột phá. Trận đánh diễn ra vô cùng ác liệt, chiến sĩ ta thương vong nhiều trước khi cửa mở. Tuy nhiên sau đó, ta đã đưa được bộc phá 20kg vào đánh sập lô cốt, chiếm được đầu cầu, Trung đoàn điều Đại đội 211 Tiểu đoàn 365 và Đại đội 6 Tiểu đoàn 59 vào giải quyết trận nội. Nhờ tăng cường sức chiến đấu của đội dự bị và với truyền thống quyết chiến, quyết thắng kết hợp kinh nghiệm chiến đấu trận nội, tận dụng mọi sở trường, sở đoản, quân ta đã dũng mãnh tiến công, áp đảo địch, khiến bọn chúng hoàn toàn bị tê liệt.

Sau một giờ quyết chiến, cứ điểm Đắc Đoà đã bị diệt. Không kể số bị bắt và bị thương, ta đã diệt hơn 100 tên lính Âu - Phi. Hai đại đội lính Pháp thuộc binh đoàn cơ động 100 (GM 100) tại cứ điểm bị xóa sổ. Ta thu 3 đại liên, 2 súng cối 81mm, 10 trung liên, 30 tiểu liên, 20 tấn đạn, nhiều quân trang, quân dụng.

Về phía ta, có 27 đồng chí hy sinh, hơn 70 đồng chí bị thương.

Chiến thắng Đắc Đoà là một đòn quân sự, chính trị đánh vào một bộ phận của binh đoàn cơ động 100, đội quân Lê dương kiêu căng, huênh hoang hùng mạnh và cũng là đòn gián tiếp đánh vào cuộc hành quân Atlante của địch ở đồng bằng Liên khu V.

Sau chiến thắng Đắc Đoà, Trung đoàn 803 được tặng thưởng Huân chương Quân công hạng Ba.

5. Vượt đường số 19 - Tập kích Plei Ring

* *Vượt đường số 19*

Sau khi Đắc Đoà thất thủ, Bộ Chỉ huy Pháp ở Tây Nguyên không có ý định khôi phục lại những khu vực đã bị ta chiếm, mà bị động tổ chức lại thế phòng thủ trên tuyến đường số 19 nhằm bảo vệ An Khê - Pleiku, ngăn chặn chủ lực của ta phát triển vào địa bàn Nam Tây Nguyên. Lo sợ ta đưa lực lượng lọt qua đường số 19 sẽ gây cho chúng nhiều khó khăn, nên địch đã sử dụng một lực lượng lớn chốt chặn đường số 19 từ phía Đông đèo Măng Giang đến Pleiku, chiếm tất cả các điểm cao trên đường đi và tuần tra canh giữ để khống chế.

Về phía ta, nhằm đánh vào chỗ yếu và sơ hở của địch, Bộ Chỉ huy chiến dịch quyết định đưa Trung đoàn 803 tiến vào khu Tam giác Pleiku - Cheo Reo - An Khê, đánh mạnh vùng sau lưng địch (lúc này Tiểu đoàn 365 đã về Phú Yên hoạt động).

Vượt đường số 19 để tiến vào Nam Tây Nguyên lúc này đối với ta rất khó khăn, phức tạp, vì trên đường tiến quân chỗ nào cũng có quân địch giăng ra. Muốn đưa được một đội quân gồm 3.000 người vừa bộ đội vừa dân công đến nơi an toàn là vấn đề cần phải cân nhắc, tính toán kỹ lưỡng. Quyết tâm của Trung đoàn là bằng bất cứ giá nào cũng phải phối hợp với chiến trường chính tìm cách giam chân không cho địch kéo quân ra Điện Biên Phủ, cũng không cho địch dồn lực lượng chủ lực xuống chiến trường Phú Yên, Bình Định.

Trung đoàn tổ chức đưa bộ đội đi vòng xuống phía dưới đèo Măng Giang, vượt qua các dãy núi cao, vượt đường số 19 tiến vào phía Nam. Đây thực sự là một cuộc hành quân lịch sử, gặp không biết bao nhiêu khó khăn, nguy hiểm, nhưng cuối cùng Trung đoàn đã tiến qua Nam Tây Nguyên thắng lợi.

Sau khi nghiên cứu tình hình và xác định các mục tiêu tiến công, Trung đoàn giao nhiệm vụ trước mắt cho Tiểu đoàn 59 là diệt tháp canh Pleitàu nằm trên ngã ba đường số 14 và đường số 7. Lực lượng còn lại phục kích đánh viện và hoạt động các hướng khác.

Tháp canh Pleitàu bị diệt gọn. Các trận phục kích không thực hiện được vì địch không đi càn.

*** Phối hợp với Tiểu đoàn 39 tập kích Plei Ring, đánh thiệt hại nặng binh đoàn cơ động 100 (GM 100)**

Sau khi diệt tháp canh Pleitàu, Trung đoàn chọn mục tiêu tiến công tiếp theo là cứ điểm Plei Ring - cách thị xã Pleiku 120km về hướng Đông Nam, nằm trên đường số 7, cạnh con sông Đêkarung. Đây là một đồn nhỏ, kiến trúc theo hình tam giác, công sự trang bị ở mức trung bình, do một trung đội người Thượng đóng giữ. Phán đoán có nguy cơ bị đánh, địch tăng cường thêm một đại đội lính Âu - Phi bảo vệ phía ngoài cứ điểm.

Trung đoàn phân công:

- Đại đội 6 Tiểu đoàn 59 đánh cứ điểm.
- Tiểu đoàn 39 tập kích đại đội lính Âu - Phi.

Chiều 20/3/1954, từ vị trí tập kết cách cứ điểm 20km, mặc cho máy bay L19 của địch quần lượn trên không, lợi dụng địa hình rừng núi, quân ta đã tổ chức hành quân bên tập bảo đảm 22 giờ phải chiếm lĩnh xong trận địa. Khi lực lượng ta tiến gần đến bờ sông Đêkadung thì nhận được điện khẩn cấp trên cho biết chiều nay binh đoàn cơ động 100 (GM 100) của địch trên đường hành quân đã tạm dừng ngoài cứ điểm. Theo đó, Plei Ring không còn là một cứ điểm nhỏ, không chỉ được tăng cường một đại đội lính Âu - Phi mà giờ đây là cả một binh đoàn.

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

Trước tình huống bất ngờ ngoài dự kiến, Ban Chỉ huy Trung đoàn lúc đó chỉ còn lại đồng chí Trung đoàn trưởng Phan Hàm và đồng chí Chủ nhiệm Chính trị Nguyễn Nam Khánh đã phân vân suy tính: Đánh hay dừng? Bây giờ là 1 giờ sáng, đây là giây phút quyết định. Thường vụ Đảng ủy họp chớp nhoáng và hạ quyết tâm: Đánh! Nhưng nhiệm vụ của các đơn vị được bổ sung điều chỉnh:

- Tiểu đoàn 39 trước đây có nhiệm vụ tập kích đại đội lính Âu - Phi nằm ngoài cứ điểm nay trở thành đơn vị chủ công, tập kích vào đội hình GM 100. Tiểu đoàn 59 (thiếu) trước đây có nhiệm vụ đánh đồn Plei Ring, nay chuyển sang dùng một lực lượng nhỏ đánh đồn, còn tập trung chủ yếu tập kích bọn lính Âu - Phi nằm ngoài đồn và một bộ phận của GM 100 có liên quan trên phạm vi tiến công.

Lực lượng trợ chiến cùng các súng cối, phóng bom, trọng liên, đại liên đều dồn đánh quân nằm ngoài, chỉ dùng súng SKZ cho đánh đồn.

Trung đoàn xác định đây là tình huống đột xuất hết sức khó khăn, nhưng cũng là thời cơ vô cùng thuận lợi, hiểm có để tiêu diệt nhiều sinh lực địch.

Nhận được lệnh và kế hoạch mới, Tiểu đoàn đã nhanh chóng điều chỉnh đội hình, phân công lại mục tiêu, nhiệm vụ cho các đại đội, xác định lại quyết tâm.

Trận đánh diễn ra vào đúng đêm 16 tháng 02 âm lịch (tức đêm 20/3/1954), trăng sáng vàng vạc. Từ trên đài quan sát nhìn xuống trận địa có thể thấy rõ từng cụm nhà bạt của địch dựng ngoài cứ điểm, xung quanh ngổn ngang xe pháo. Bọn địch ngủ li bì, nằm sõng soài cả trong và ngoài lều bạt sau những ngày hành quân mệt mỏi, chúng chủ quan, ỷ lại vào sự bố phòng che chở lẫn nhau giữa số quân bên trong và bên ngoài.

Quân ta tiếp cận sát đội hình địch mà chúng không hề phát hiện.

Đến 2 giờ sáng 21/3/1954, Tiểu đoàn 39 và Tiểu đoàn 59 chiếm lĩnh xong, chờ lệnh của cấp trên. Ngay khi được lệnh phát hỏa, hàng chục khẩu súng cối, phóng bom, trọng liên, đại liên dồn dập nã đạn, trận địa ngút ngàn khói lửa. Quá bất ngờ, không kịp kháng cự, địch lẫn ra chết như ngã rạ, tê liệt từ giây phút đầu. Mấy phút sau địch hoàn hồn, một số hỏa lực trên xe cơ giới bắt đầu nổ súng chống trả. Một số khác co cụm lại thành ổ đề kháng vãi đạn ra xung quanh. Trong khi đó, các mũi xung kích của ta nhanh chóng lọt hẳn vào trận địa, từng tổ, từng mũi chia cắt địch ra từng mảng để tiêu diệt. Những xe cơ giới, những cỗ pháo bị phá hủy nằm ngổn ngang bởi hỏa lực của ta và thủ pháo của bộ binh. Súng cối của ta chuyển làn, bắn sâu vào bên trong, nơi địch còn co cụm, các mũi xung kích cũng tiến sâu vào tung thâm phát triển đến sở chỉ huy binh đoàn địch. Địch chết nhiều vô kể, một số thì đầu hàng. Trận đánh vẫn tiếp diễn, khả năng phát triển diệt địch là có cơ sở, nhưng bên ngoài trời sắp sáng nên Trung đoàn ra lệnh lui quân. Vì đường về căn cứ còn xa, công việc còn lại khá nhiều: Thu dọn chiến trường, giải quyết công tác thương binh, liệt sĩ, xử lý tù binh,... nếu không tính toán chu đáo thì sẽ gặp khó khăn.

Ngoài số địch bị chết, bị thương tại chỗ, ta bắt sống hơn 100 tên lính Âu - Phi, thu một số vũ khí. Về phía ta, có gần 30 đồng chí hy sinh.

Sau trận đánh, Trung đoàn đã nhận được thông báo từ Bộ Tổng tư lệnh: *"Ở Tây Nguyên, đêm qua có trận giao chiến lớn chưa xác định vị trí..."*

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

Theo tin kỹ thuật địch chết 936 tên, 20 xe cơ giới bị phá hủy hoàn toàn, 200 xe cơ giới và pháo bị hư hỏng nặng. Đơn vị bị đánh là binh đoàn cơ động 100. Địch đã huy động mọi phương tiện để cấp cứu, thu dọn, bắt tất cả dân làng ra khiêng xác chết suốt ngày hôm ấy”.

Cán bộ, chiến sĩ ta vui mừng với chiến thắng, một chiến thắng đặc biệt ngoài sức tưởng tượng.

Bernard Fall, một phóng viên trong hàng ngũ đối phương đã có một đoạn tường thuật như sau: “2 giờ 54 phút một đợt đạn súng cối bất ngờ trút xuống tất cả những vị trí của Binh đoàn, và cùng một lúc bộ binh địch tràn vào bắn xối xả và chính xác vào đội hình quân ta. Nhiều phát đạn cối trúng ngay vào Ban Chỉ huy Tiểu đoàn 2 Triều Tiên.

Sau đó vào lúc 3 giờ 30 phút có những tiếng hét to: “Tiến lên! Tiến lên!” vang dội, và những người lính Việt với y phục đen ồ ạt xông vào trận địa của Tiểu đoàn 2 Triều Tiên, ập vào vị trí của Đại đội 5 làm bị thương và giết chết nhiều lính, họ bắt đi quan ba Charpentier. Những người lính cảm tử của Việt Minh tiến sâu vào trung tâm chỉ huy Binh đoàn. Cuối cùng thì họ đã biến mất một cách tài tình cũng như khi họ xuất hiện...”.

Sau trận thắng Plei Ring, Bộ Tư lệnh Liên khu nhận định: Binh đoàn GM 100 đã mất sức chiến đấu. Chỉ trong vòng một tháng, một đội quân hùng mạnh, tinh nhuệ đã hai lần phải nếm mùi thất bại. Lần thứ nhất ở Đắc Đoa ngày 17/02/1954; lần thứ hai ở Plei Ring ngày 21/3/1954.

Do đó, địch không còn đủ sức kéo về vùng tự do Liên khu V để cứu nguy cho cuộc hành quân Atlante đang bị sa lầy, càng khốn đốn hơn khi phải điều quân ra chiến trường chính.

6. Chuyển quân qua đường số 7, tham gia bao vây, pháo kích cứ điểm Ai Nu

Được lệnh của Ban Chỉ huy Trung đoàn, Tiểu đoàn 59 cùng với Tiểu đoàn 39 và tiểu đoàn trợ chiến nhanh chóng di chuyển về hoạt động trên đường số 7.

Chiến dịch kéo dài, hướng chiến trường thay đổi liên tục, công tác hậu cần gặp nhiều khó khăn, nhất là thiếu gạo ăn cho bộ đội, nguồn lương thực tại chỗ không đủ cung cấp. Trung đoàn quyết định dồn tất cả súng đạn, khí tài vào một địa điểm, bố trí lực lượng canh giữ. Toàn bộ lực lượng còn lại hành quân xuống Cây Vàng, Trà Lộ miền Tây Phú Yên nhận gạo.

Giải quyết xong khâu lương thực, Trung đoàn tiếp tục công tác chuẩn bị chiến trường và chiến đấu lập công.

Ngày 10/4/1954, một đại đội lính Thượng từ bên kia sông Ba tràn qua Buôn Tàkhế càn quét đã bị Tiểu đoàn 39 tiêu diệt, Ngày 12/4/1954, tại Buôn Mabép có 2 đại đội thuộc RAT (Régiment des Tirailleurs Algériens) bị chặn đánh.

Đêm 11/4/1954, ta dùng một lực lượng nhỏ pháo kích uy hiếp cứ điểm Ai Nu rồi nhanh chóng rút quân, tổ chức mai phục đón đánh bọn viện binh đến cứu. Sáng hôm sau, ngày 12/4/1954, có 7 chiếc xe địch chạy từ Cheo Reo xuống Ai Nu, ta chưa kịp triển khai chiến đấu thì xe địch đã vượt qua nên phải kiên trì mai phục chờ đoàn xe quay trở lại. Khoảng 9 giờ 30 phút, 7 chiếc xe từ Ai Nu trở lại Cheo Reo. Lần này ta đã kịp thời xuất kích và tiêu diệt hoàn toàn.

7. Đánh vận động trên đường số 7

Sau trận diệt 7 chiếc xe địch từ Ai Nu về Cheo Reo, ta không rút về tuyến sau như thường lệ, mà di chuyển đội hình lên cách

trận địa cũ 3km, tổ chức mai phục đánh địch hành quân chi viện. Bộ đội ta bí mật và kiên trì chờ đợi.

Khoảng 12 giờ trưa, núi rừng âm vang tiếng động cơ xe cơ giới từ hướng đèo Tân Á. Tốp đi đầu là 4 chiếc xe, khi đến gần trận địa phục kích của ta, súng các cỡ từ trên xe bắn xối xả vào hai bên đường. Quân ta vẫn bình tĩnh và bí mật đợi cho chúng lọt hẳn vào thế trận mà ta đã dàn sẵn. Bất thành linh, một loạt đạn DKZ¹ phóng ra khiến cả 4 chiếc xe đi đầu khựng lại bốc cháy. Bị đánh bất ngờ và thiệt hại lớn, địch điên cuồng hò hét. Năm chiếc xe tăng từ phía sau hùng hổ tiến bắn dữ dội vào đội hình phục kích của ta. Nhưng lần lượt 5 chiếc xe này cũng bị hỏa lực DKZ bắn diệt.

Xe cháy, quân lính chết ngổn ngang, chỉ huy địch còn lúng túng chưa biết xử trí thế nào thì quân ta đã tiếp tục xung phong áp đảo, tiêu diệt những toán bộ binh núp sau xe cơ giới. Đồng chí Trung đoàn trưởng Phan Hàm lệnh cho Tiểu đoàn 39 luồn qua bên kia đường số 7 tổ chức một mũi vu hồi tiêu diệt những toán địch đang ùn lên co cụm lại phía sau các xe cơ giới.

Đường số 7 mịt mù khói lửa. Địch chết nằm la liệt, ngổn ngang cả trên xe và dưới đất, chúng bị tê liệt hoàn toàn. Ta hoàn toàn làm chủ trận địa. Trong trận phục kích này, hàng trăm tên địch bị chết, 16 xe cơ giới các loại bị cháy. Ngoài số vũ khí thu tại chỗ, mấy đêm sau quân ta còn đến tháo gỡ các súng trọng liên, đại liên gắn trên xe có khả năng sử dụng được.

Về phía ta, có 7 chiến sĩ hy sinh.

1. Đây là loại súng chống tăng lần đầu tiên xuất hiện ở chiến trường Liên khu V do Bộ Tổng tư lệnh phái vào cả súng đạn và người sử dụng.

Như vậy, chỉ trong 10 ngày, ta đã đánh thắng 4 trận trên đường số 7, tiêu diệt 6 đại đội địch, trong đó có một chi đoàn xe cơ giới.

8. Tiến xuống Phú Yên, tham gia tập kích cứ điểm Tuy Bình

Ngày 07/5/1954, quân địch ở Điện Biên Phủ đầu hàng. Thất bại thảm hại này làm cho quân địch trên khắp các chiến trường Đông Dương suy sụp. Ở Liên khu V, nhiều đơn vị thiện chiến của địch cũng bị tổn thất, kế hoạch Atlante đánh chiếm vùng tự do gần như bị phá sản. Tin chiến thắng làm nức lòng quân và dân ta.

Trung đoàn 803 được lệnh chuyển xuống Phú Yên. Nếu kể cả Tiểu đoàn 365 đi trước, thì lúc này toàn bộ Trung đoàn đã có mặt ở Phú Yên.

Sau khi chuẩn bị chiến trường, Ban Chỉ huy Trung đoàn hạ quyết tâm tiêu diệt cứ điểm Tuy Bình, nằm ở hướng Tây Nam ngã ba đường số 7 và đường số 21.

Cứ điểm Tuy Bình không lớn, tuy gọi là cứ điểm nhưng thực ra chỉ là đồn trú quân. Vị trí này chưa bị đánh lần nào nên bọn địch hết sức chủ quan. Địch bố trí ở đây gần một tiểu đoàn gồm 600 quân ở lán trại, không có công sự nào đáng kể.

Trung đoàn sử dụng lực lượng để tập kích Tuy Bình gồm:

- Tiểu đoàn 365 chủ công, đột phá hai mũi phía Tây và phía Bắc.
- Tiểu đoàn 59 hướng thứ yếu, đột phá mũi phía Nam.
- Tiểu đoàn 39 dự bị và sẵn sàng bao vây đánh địch rút chạy.

Chỉ huy trận đánh gồm đồng chí Phan Hàm - Trung đoàn trưởng và đồng chí Võ Bẩm - Chính ủy. Đêm 01/6/1954, các cánh quân vượt qua sông Ba tiếp cận địch và triển khai đội hình.

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

Đúng 1 giờ sáng 02/6/1954, ta phát lệnh nổ súng. Hỏa lực các cỡ, súng cối, phóng bom dồn dập nã đạn vào đồn địch. Khi pháo ngừng, các mũi và hướng tiến công mãnh liệt. Bị đánh bất ngờ, đội hình địch rối loạn từ đầu, chống cự yếu ớt, một số lính địch bỏ chạy thoát thân.

Sau gần một giờ chiến đấu, ta diệt gọn Tiểu đoàn 504 quân ngụy, phần lớn bị bắt làm tù binh, trong đó có một trung đội xe bọc thép gồm 3 chiếc do một trung úy người Pháp chỉ huy. Ta thu toàn bộ vũ khí, quân trang, quân dụng, đủ trang bị cho một tiểu đoàn. Về phía ta có 9 đồng chí hy sinh.

Sáng hôm sau, phát hiện có dấu vết tàn quân địch rút chạy. Trung đoàn lệnh cho Tiểu đoàn 59 và Tiểu đoàn 39 cắt rừng đón đánh. Khi ta chiếm lĩnh trận địa phục kích và triển khai đội hình xong thì tàn quân địch xuất hiện. Đội chúng lọt vào vị trí, ta nổ súng khiến địch hoang mang, hoảng sợ không dám chống cự mà vội vàng rút chạy, bỏ lại nhiều xác chết. Trên đà thắng lợi, Tiểu đoàn 59 tổ chức vây ép, bức rút Buôn Thô..., tiến tới giải phóng hoàn toàn phía Tây tỉnh Phú Yên.

9. Tập kích Màng Màng, chợ Xéo, sân bay Đồng Tác

Bước qua tháng 6/1954, tin chiến thắng vang dội khắp cả nước. Tại Liên khu V, tình hình chiến sự tiếp tục diễn ra sôi động và khẩn trương. Ở đồng bằng Phú Yên, địch bắt đầu rút các vị trí nhỏ lẻ, một số nơi liên tiếp bị ta uy hiếp. Ta lần lượt giải phóng hoàn toàn các huyện phía Tây Nam Phú Yên và phía Đông Madrắc (Đắk Lắk).

Ngày 17/6/1954, địch rút khỏi sông Cầu (Đồng Bắc Phú Yên).

Ngày 19/6/1954, địch rút khỏi Chí Thạnh.

Chủ trương của cấp trên lúc này là tranh thủ thời cơ tiêu diệt nhiều sinh lực địch, góp phần hậu thuẫn cho cuộc đàm phán ở Hội nghị Genève đang gần đến ngày quyết định.

Phần I: Lịch sử Tiểu đoàn 59

Tiểu đoàn 365 tập kích vào thị xã Tuy Hòa đốt cháy kho xăng, kho đạn, xe vận tải, đánh thiệt hại nặng Tiểu đoàn 717 của địch, tiến công cứ điểm Núi Sầm.

Tiểu đoàn 59 đánh vào khu vực Màng Màng ở phía Bắc thị xã Tuy Hòa. Và sau đó tách khỏi Trung đoàn về bên Nam sông Đà Rằng hoạt động.

Đại đội 6 đánh địch ở chợ Xéo, diệt một trung đội địch.

Đại đội 4 đánh vào Hòa Hiệp.

Đêm 19/6/1954, Tiểu đoàn 59 tập kích sân bay Đông Tác - một sân bay dã chiến mới hình thành trong kế hoạch Atlante. Đây là trận chiến đấu cuối cùng của Tiểu đoàn 59.

Sau những trận chiến đấu liên tục giành thắng lợi ở Phú Yên, Trung đoàn 803 nhận nhiệm vụ tiến theo đường số 14 và đường số 21 để tham gia những mục tiêu có ý nghĩa chiến lược.

Giữa lúc địch đang hoang mang cực độ, một bộ phận nhỏ của Trung đoàn đã vây hãm, bức rút thị trấn Madrắc. Tiểu đoàn 39 khẩn trương tiến về Bắc Buôn Ma Thuật sẵn sàng tập kích vào thị xã cuối cùng của Tây Nguyên thì nhận được lệnh đình chiến. Chiến dịch Đông Xuân 1953-1954 của quân dân Liên khu V đến đây kết thúc.

Trải qua 7 tháng liên tục chiến đấu, phối hợp chặt chẽ với chiến trường cả nước, quân và dân Liên khu V đã đánh bại hoàn toàn cuộc hành quân Atlante đầy tham vọng của địch, tiêu diệt trên 58.000 tên địch, thu trên 7.000 súng các loại. Ta không chỉ giữ vững vùng tự do Nam - Ngãi - Bình - Phú mà còn giải phóng toàn bộ tỉnh Kon Tum, phần lớn tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk.

Trong chiến dịch này, Trung đoàn 803 đã liên tục chiến đấu với nhịp độ cao và dài ngày, đánh nhiều trận then chốt đạt hiệu quả cao, góp phần đắc lực vào thắng lợi chung của Liên khu V.

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

Với một loạt chiến công triển khai kế hoạch chiến lược của cấp trên như: Kon Braih (Kon Rẫy), Pleibông, Đắc Đoa, Plei Ring, Tuy Bình, đường số 7..., số vàng truyền thống của Tiểu đoàn 59 ngày càng được tô thắm thêm những trang sử anh hùng.

Chương III

TIỂU ĐOÀN 59 SAU NGÀY HÒA BÌNH LẬP LẠI

I. TÁCH KHỎI ĐỘI HÌNH TRUNG ĐOÀN 803, VỀ QUẢNG NGÃI
THÀNH LẬP TRUNG ĐOÀN 210, THAM DỰ LỄ RA MẮT SƯ ĐOÀN 305

Sau khi Hiệp định Genève năm 1954 được ký kết, lệnh đình chiến ngay lập tức có hiệu lực từ ngày 21/7/1954, hòa bình lập lại. Tiểu đoàn 59 bước ra khỏi hỏa tuyến ngả mũ chào hòa bình và cũng có những thay đổi nhất định.

Tại thị xã La Hai, huyện Đồng Xuân, Phú Yên, sau khi nghe cấp trên phổ biến ý nghĩa thắng lợi của Hội nghị Genève, nghe các điều khoản của Hiệp định và nhận nhiệm vụ mới, đồng thời trước yêu cầu phát triển lực lượng, Tiểu đoàn 59 tách khỏi đội hình Trung đoàn 803, về Quảng Ngãi làm nòng cốt xây dựng Trung đoàn 210 và chuẩn bị dự lễ ra mắt Sư đoàn 305. Tiểu đoàn tổ chức một cuộc hành quân ra Quảng Ngãi. Tuy không có trống giồng cò mỏ, nhưng ở mỗi con phố, ngôi làng Tiểu đoàn hành quân qua giữa những ngày đất nước tươi sáng, trong niềm vui chiến thắng, đều được nhận sự chào đón, thương yêu của nhân dân - những người đã từng nuôi nấng, đùm bọc trong những năm tháng chiến tranh ác liệt, gian khó.

Cán bộ, chiến sĩ của Tiểu đoàn nhận thức đầy đủ ý nghĩa của Hiệp định Genève năm 1954 và nhiệm vụ sắp tới. Hòa bình

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

lập lại nhưng đất nước tạm chia thành hai miền, lấy sông Bến Hải (Quảng Trị) làm giới tuyến tạm thời.

Quân đội ta tập kết ra Bắc.

Quân đội Pháp tạm thời quản lý miền Nam.

Thời gian thống nhất Bắc - Nam được quy định vào dịp hiệp thương tổng tuyển cử sau 2 năm (tháng 7/1956).

Chỉ còn khoảng gần 3 tháng nữa Tiểu đoàn sẽ lên đường tập kết ra Bắc. Ba tháng quá ngắn ngủi trong khi còn nhiều việc phải làm như củng cố tổ chức, tập luyện đội ngũ tham dự lễ ra mắt Sư đoàn 305,...

Lúc này, nhiều dòng suy nghĩ đan xen trong tâm trí của các chiến sĩ bộ đội. Mảnh đất Liên khu V thân yêu và đồng bào ruột thịt nặng nghĩa, nặng tình suốt 9 năm là nơi Tiểu đoàn đã gắn bó máu xương, giữ gìn, giành giật từ tay quân thù, rồi đây phải để lại cho đối phương quản lý. Nhớ thương, vương vấn lắm!

Nhưng mỗi cán bộ, chiến sĩ tự mình nhận thức được rằng: Chúng ta chiến đấu có mục đích, có lý tưởng, được Đảng và Bác Hồ lãnh đạo, giáo dục, cho ta một ý chí, niềm tin sâu sắc, không những đủ nghị lực để vượt qua những ý nghĩ riêng tư nhỏ hẹp mà còn có thể tuyên truyền giải thích, vận động, thuyết phục mọi thành viên trong gia đình, dòng họ và cả bà con lối xóm, quê hương hiểu được rằng Đảng ta đã vượt qua bao thác ghềnh, dẫn dắt con thuyền kháng chiến 9 năm chống thực dân Pháp đi đến thắng lợi, thì rồi đây nhất định Đảng sẽ lái con tàu “Thống Nhất” chuyển bánh về Nam.

Trong những ngày còn ở lại miền Nam, đóng quân tại gò Bồi, Xuân Phương thuộc xã Phước Sơn, Tuy Phước, Bình Định - một vùng có nhiều đồng bào Công giáo, địa điểm tập kết cuối cùng trước ngày lên đường ra Bắc - tình cảm quân dân mật thiết, gắn bó

hơn bao giờ hết. Sống chung với bà con giáo dân, bộ đội ta đã tranh thủ gặt lúa, cuốc ruộng, đắp bờ, vét giếng, làm vệ sinh đường làng, ngõ xóm, dạy hát, dạy múa cho các em thiếu nhi, tổ chức những đêm lửa trại ấm áp tình quân dân. Cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn đã cố gắng làm tất cả những việc có thể để giúp dân, lưu dấu nhiều kỷ niệm sâu sắc trong lòng dân, nhất là đồng bào Công giáo.

Ngày đi tập kết, nhân dân tiễn đưa bộ đội xuống tàu trong niềm nhớ thương, lưu luyến, kẻ ở người đi, mọi người không cầm được nước mắt, hứa hẹn cùng nhau tiếp tục cuộc chiến đấu, hẹn ngày gặp lại khi đất nước thống nhất, thanh bình.

II. NHỮNG NGÀY HÒA BÌNH TẠI MIỀN BẮC

1. Chuyển quân về Thanh Hóa, tham gia chỉnh huấn chính trị và chống cưỡng ép di cư

Khi tập kết ra Bắc, vị trí đóng quân đầu tiên của Tiểu đoàn là huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. Đúng vào thời điểm trời chuyển sang đông, gió mùa Đông Bắc tràn về nên lần đầu tiên các chiến sĩ bộ đội miền Nam được “thấm” cái lạnh miền Bắc.

Lúc này, nhiệm vụ của Tiểu đoàn bao gồm:

- Chuẩn bị mọi mặt để bước vào chỉnh huấn chính trị dài ngày.
- Tham gia chống cưỡng ép di cư.

Vừa mới đến đóng quân, việc sắp xếp nơi ăn, chốn ở chưa ổn định, mọi trang bị vật chất cần thiết chưa đầy đủ song đơn vị đã nhận ngay nhiệm vụ chống cưỡng ép di cư. Tại đây, bọn phản động đội lốt Công giáo tìm mọi cách chống lại đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, gây mất ổn định xã hội, chia rẽ khối đoàn kết lương - giáo. Chúng tung tin: Chúa đã vào Nam, nếu là con chiên ngoan đạo thì phải theo Chúa, ai không đi là

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

phản Chúa, kẻ nào ở lại sẽ bị cộng sản giết sạch. Một số giáo dân nhẹ dạ cả tin, bị dụ dỗ, lôi kéo, bỏ nhà cửa, ruộng vườn dắt díu nhau về tập trung ở Ba Làng chờ tàu vào Nam.

Chủ trương của Đảng, Nhà nước ta lúc bấy giờ là phải tuyên truyền, vận động cho nhân dân nói chung và đồng bào Công giáo nói riêng nhận rõ đây là âm mưu của địch nhằm chống đối Đảng, Nhà nước, làm mất ổn định tình hình xã hội, gây thiệt hại về kinh tế; đồng thời phải vạch mặt bọn phản động. Vùng ven biển Tĩnh Gia, Thanh Hóa là nơi đồng bào Công giáo thường đi qua để vào Ba Làng - điểm tập trung cuối cùng, nên cấp trên phân công Tiểu đoàn 59 chịu trách nhiệm tuyên truyền, giải thích và ngăn cản đồng bào khi qua khu vực này. Chống cưỡng ép di cư là công tác phức tạp, chẳng khác nào một trận đánh không có tiếng súng. Chẳng kể ngày hay đêm, nắng hay mưa, cứ khi nào có đồng bào gồng gánh, bồng bế, dắt díu nhau đi qua thì lập tức cán bộ, chiến sĩ lại kịp thời ra giải thích, tuyên truyền. Mặc dù ta đã vận dụng phương châm mềm dẻo, kiên trì, dùng lời lẽ tình cảm để vận động nhưng có rất ít người đứng nghe, phần đông là chống đối, thậm chí dùng cả lời lẽ thô tục. Một số tên phản động còn trà trộn trong đám đông kích động đồng bào xông lên vượt qua hàng rào chiến sĩ để đi. Bất chấp cả văn hóa, lễ giáo, một số chị em phụ nữ thoát y xông thẳng vào anh em chiến sĩ, họ còn ném vào các chiến sĩ ta tất cả những gì họ có trong tay,... Với sự kiên trì, bền bỉ, thậm chí nhẫn nhục, dần dần những ngày sau đó, một số người lớn tuổi đã nhận ra lẽ phải, từng bước vận động gia đình, con cháu không rời bỏ quê hương, bán quán ra đi nữa. Dòng người di cư thưa dần. Cuối cùng, Tiểu đoàn hành quân vào Ba Làng, cùng với Trung đoàn 96 và chính quyền địa phương bao vây nhà thờ Ba Làng, bắt tên cha cố phản động và bè lũ chân tay, giải phóng đồng bào quay trở về làng cũ làm ăn.

Phần I: Lịch sử Tiểu đoàn 59

Với thắng lợi trong công tác chống cưỡng ép di cư, Tiểu đoàn 59 đã ghi thành tích đầu sau khi tập kết ra Bắc.

Tiếp đó, để công tác chỉnh huấn chính trị đạt kết quả, Tiểu đoàn tích cực chuẩn bị cơ sở vật chất và ổn định nơi ăn, chốn ở. Bộ đội lên núi đốn gỗ, tre nứa, vận động đồng bào cho rom rạ làm hội trường, câu lạc bộ, sửa sang các sân bóng đá, bóng chuyền, phương tiện tập luyện thể dục thể thao.

Nội dung học tập chỉnh huấn chính trị là: “Cải cách ruộng đất”. Đây là cuộc chỉnh huấn chính trị quy mô, dài ngày, nhằm giáo dục cho cán bộ, chiến sĩ nâng cao lập trường. Cụ thể là đấu tranh chống giai cấp phong kiến, địa chủ, giai cấp đã từng vơ vét bóc lột, cướp ruộng đất của nông dân, làm cho đời sống nông dân ngày càng kiệt quệ, điêu đứng. Đấu tranh thắng lợi tức là nông dân đã đòi lại ruộng đất, những thành quả đã mất do giai cấp phong kiến, địa chủ tước đoạt trước đây. Qua thời gian tập trung học tập, nhận thức của cán bộ, chiến sĩ không ngừng được nâng cao, biết ơn Đảng, Nhà nước dẫn dắt nhân dân làm cách mạng và đấu tranh giành quyền lợi chính đáng; nâng cao lòng yêu nước, yêu đồng bào, yêu giai cấp; thêm căm thù đế quốc cấu kết với phong kiến để cướp nước và bán nước, đè nén và áp bức nhân dân ta; từ đó thể hiện được lòng trung thành với Đảng, với Bác Hồ, với đất nước và xác định mục tiêu lý tưởng cách mạng một cách vững chắc và cơ bản.

Sau đợt chỉnh huấn chính trị, Tiểu đoàn đã phân công các đại đội đi làm hậu thuẫn cho các địa phương trong huyện tổ chức đấu tố địa chủ, từng bước giúp nhân dân và cán bộ địa phương thu được nhiều thắng lợi trong quá trình đấu tố.

Trong những ngày đóng quân ở Thanh Hóa, cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn vinh dự được đón Đại tướng Võ Nguyên Giáp

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

đến thăm hỏi và động viên tinh thần. Đây là kỷ niệm sâu sắc đối với bộ đội miền Nam. Anh em còn chú tâm nghe lời giải thích của Đại tướng: *“Cuộc chiến đấu chính trị của nhân dân ta lâu dài, gian khổ nhưng không phải là vô hạn định...”*. Với các chiến sĩ, nhận định đó của Đại tướng đã trở thành niềm tin và hy vọng lớn lao.

2. Chuyển quân về Nam Định, Thái Bình, Phú Thọ, tham gia xây dựng quân đội tiến lên chính quy, hiện đại

Từ năm 1955 đến 1959, Tiểu đoàn lần lượt chuyển quân về Nam Định, Thái Bình, Phú Thọ. Những ngày ở Nam Định, sống chung trong gia đình bà con giáo dân ở Thức Khóa, xã Giao Hoan, huyện Giao Thủy, bộ đội đã tuyên truyền chính sách tự do tín ngưỡng của Đảng và Chính phủ, hăng hái tham gia lao động giúp dân sản xuất, xây dựng mối quan hệ tốt giữa lính bộ đội Cụ Hồ với bà con Công giáo ở vùng Tề mới được giải phóng.

Khi Tiểu đoàn về đóng quân tại Thái Bình cũng là lúc bước vào giai đoạn rèn luyện kỹ chiến thuật, đưa quân đội ta tiến lên chính quy, hiện đại. Ngoài nhiệm vụ học tập, Tiểu đoàn còn được Bộ Tư lệnh Sư đoàn 305 chọn làm đội mẫu trong các khoa mục huấn luyện cá nhân chiến đấu, tiểu đội, trung đội chiến đấu tấn công và phòng ngự, trung đội trong chiến đấu đánh công kiên, phục vụ cho lớp tập huấn quân sự từ trung đội trưởng trở lên do Sư đoàn mở.

Khi về đóng quân ở Phú Thọ - một tỉnh trung du nhiều đồi núi, địa hình lý tưởng cho bộ đội tập luyện kỹ chiến thuật, xây dựng quân đội lên chính quy, hiện đại, theo từng mùa huấn luyện, Tiểu đoàn đã lần lượt hoàn thành các khoa mục cơ bản: từ năm kỹ thuật lớn, đến các động tác cá nhân chiến đấu, tiểu đội, trung đội chiến đấu tấn công và phòng ngự (ban ngày lẫn ban đêm), đại đội chiến đấu tấn công và phòng ngự,... Một số

khoa mục khác cũng được huấn luyện để áp dụng trong điều kiện thực tế như đại đội tấn công đồi làng, vượt sông chiến đấu, các bài bắn vào ban đêm,... Qua kiểm tra đánh giá các khoa mục, Tiểu đoàn luôn đạt 100% yêu cầu với tỷ lệ 70% đạt khá, giỏi trở lên. Song song với huấn luyện quân sự, Tiểu đoàn còn chú trọng giáo dục chính trị tư tưởng cho các cán bộ, chiến sĩ nhằm nâng cao nhận thức quyết tâm xây dựng đơn vị mạnh, tiến lên chính quy, hiện đại, đóng góp những thành tích xứng đáng vào phong trào “Thi đua tiến nhanh vượt mức kế hoạch” của Sư đoàn đề ra.

Sau hơn 2 năm kể từ ngày Hiệp định Genève năm 1954 được ký kết, quá trình hiệp thương tổng tuyển cử vẫn chưa được thực hiện. Bọn Mỹ - Diệm ra sức phá hoại Hiệp định, hô hào Bắc tiến, lấp sông Bến Hải.

Tin tức từ trong Nam đưa ra, báo chí đăng tải Mỹ - Diệm độc ác đầu độc giết hại đồng bào ta ở trại giam Phú Lợi. Những vụ tàn sát đồng bào ta ở chợ Đước, Chiên Đàn, Cây Cốc, Ngân Sơn, Chí Thạnh, chợ Mỹ Lược, đập Vĩnh Trinh,... là những tội ác tày trời của địch làm nhức nhối tim gan mỗi người dân, khiến cho chiến sĩ Tiểu đoàn càng thêm sục sôi ý chí căm thù.

Biến đau thương thành hành động, dồn căm thù lên lưỡi lê đầu súng, ở thao trường, chiến sĩ ta tập luyện hăng say, chất lượng hơn, hành động kiên quyết hơn. Tự tay chiến sĩ viết các khẩu hiệu rồi dán lên băng súng, cài lên túi ngực, chớp mũ như: “Nhắm cho trúng điểm đen là ta bắn vào tim quân thù”, hoặc “Thao trường đổ mồ hôi, chiến trường bớt đổ máu”. Kết quả huấn luyện của Tiểu đoàn được thể hiện qua các cuộc diễn tập chiến đấu tấn công bắn đạn thật có phối hợp pháo binh và xe tăng, máy bay tại thao trường Vĩnh Phú năm 1959. Tiểu đoàn đã

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

vượt qua mọi khó khăn, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và được Bộ Tổng tư lệnh khen ngợi.

Theo sự chỉ định của Bộ Tổng tư lệnh, Sư đoàn 305 tổ chức diễn tập sư đoàn tấn công. Đạo diễn và quân xanh do Bộ Tổng tư lệnh bố trí và chỉ huy. Cuộc diễn tập có Thiếu tướng Lê Quang Đạo chỉ đạo và theo dõi, đồng chí đi sát với đội hình của Tiểu đoàn 59. Cuộc diễn tập xuất phát từ Đuan Hùng qua núi Thảm xuống các thị tứ, làng mạc và kết thúc tại Việt Trì.

Trong đội hình Trung đoàn 210, các cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 59 đã đem kiến thức và kỹ chiến thuật được học áp dụng vào trong diễn tập, từ động tác cá nhân đến các tiểu đội, phân đội trong chiến đấu đều thực hiện tốt. Cuộc diễn tập đã kết thúc sau ba ngày đêm. Trong buổi nhận xét diễn tập, đồng chí Lê Quang Đạo nói đại ý rằng: *“... Một đơn vị có những chiến sĩ dũng cảm, gan dạ, thông minh, xử trí tình huống linh hoạt, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, kỹ chiến thuật giỏi như Sư đoàn 305 thì chắc chắn đánh đâu thắng đó...”*.

Đặc biệt, đồng chí biểu dương tại chỗ đồng chí Trần Ngọc Liên - xạ thủ đại liên Đại đội 4 Tiểu đoàn 59 - đã dũng cảm từ sườn đồi cao 3m ôm đại liên nhảy xuống đường phát dương hỏa lực chặn xe cơ giới “địch”.

Qua những năm tháng khổ luyện từ thấp đến cao, các cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 59 luôn nỗ lực học tập, hun đúc quyết tâm cao, đưa Tiểu đoàn đạt được những bước tiến vững chắc lên chính quy, hiện đại.

3. Tham gia xây dựng các công trình ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa

Mùa thu 1957, Tiểu đoàn 59 vinh dự là một bộ phận của Sư đoàn 305 - một lực lượng vũ trang miền Nam - tham gia lễ duyệt binh

Phần I: Lịch sử Tiểu đoàn 59

mừng Quốc khánh mừng 02 tháng 9 tại Quảng trường Ba Đình lịch sử. Trong những ngày tập luyện ở sân bay Bạch Mai, Bác Hồ đã đến thăm và nói chuyện với đơn vị. Các cán bộ, chiến sĩ đơn vị thấm thía và nhớ mãi lời Bác dặn: *“Các cháu đánh đôi giày duyệt binh thật bóng đó cũng là hành động đánh địch...”*.

Để đẩy nhanh tốc độ xây dựng Nhà máy phốt phát Lâm Thao, được lệnh của Trung đoàn, Tiểu đoàn 59 đã hành quân tới huyện Lâm Thao. Chỉ với sức trẻ và các dụng cụ thô sơ như cuốc, xẻng, dao, rựa, qua 2 ngày lao động khẩn trương, Tiểu đoàn đã san bằng 5ha đất đồi núi, góp phần giải phóng nhanh mặt bằng xây dựng nhà máy. Cán bộ, công nhân và lực lượng lao động ở đây rất khâm phục, bày tỏ lòng biết ơn tinh thần lao động cần cù, đạt năng suất cao của cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn.

Năm 1958, trong đội hình Sư đoàn 305, lấy tên là Đoàn 5, Tiểu đoàn đã tham gia làm công trình Đại thủy nông Bắc - Hưng - Hải. Ban đầu, Ban Chỉ huy công trường đưa ra định mức 0,5 m³/người/ngày. Lượng sức bộ đội, đồng chí Đoàn trưởng Nguyễn Minh Châu nhận ngay 1m³/người/ngày. Sau khi phổ biến nhiệm vụ, thời gian, chỉ tiêu, kế hoạch..., các cán bộ, chiến sĩ đã thảo luận quyết tâm và tổ chức lao động. Với khẩu hiệu: *“Lao động có tổ chức, có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất cao”* và *“Làm việc vì miền Nam ruột thịt”*, các cán bộ, chiến sĩ đã tích cực cải tiến kỹ thuật, dụng cụ và phương pháp lao động. Cùng với toàn đoàn, năng suất của Tiểu đoàn ngày càng cao, từ 1m³/người/ngày lên 7m³/người/ngày và còn hơn nữa, cứ mỗi mét khối được đánh dấu bằng một lá cờ nheo đỏ nêu trên dây, trên trụ cờ tại địa điểm lao động. Trong lao động, nổi lên những gương lao động xuất sắc như: đồng chí Liên nuôi quân, mỗi lần gánh nước uống ra công trường đều gánh 8 thùng nước; đồng chí Nguyễn Quốc Trị, Đại đội 2

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

đạt năng suất gánh đất rất cao, đột xuất có lần gánh được 220kg. Những thành tích nhỏ của từng đơn vị đóng góp vào thành tích lớn của toàn Đoàn 5, giúp Đoàn 5 vinh dự được nhận 2 quả táo của Thủ tướng Kim Nhật Thành (nhân dịp Đoàn cán bộ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên sang thăm Việt Nam, Thủ tướng Kim Nhật Thành đã gửi tặng Bác Hồ 2 quả táo quý, Bác dành tặng Ban Chỉ huy công trường Bắc - Hưng - Hải; Ban Chỉ huy công trường Bắc - Hưng - Hải tặng lại Đoàn 5 - đơn vị có thành tích cao nhất công trường; đồng chí Đoàn trưởng Nguyễn Minh Châu thay mặt Đoàn 5 xin gửi tặng lại Bác Hồ).

Đơn vị còn tham gia chặt gỗ, nứa (trên Yên Bái), đóng gạch xây dựng doanh trại khang trang, đẹp đẽ, lao động giúp dân sản xuất và hoàn thành hợp tác xã nông nghiệp.

Chấp hành chủ trương của Tổng Quân ủy và mệnh lệnh của Bộ Tổng tư lệnh, Tiểu đoàn đã đưa một số cán bộ, chiến sĩ tuổi tác lớn, sức yếu về Vân Lĩnh cùng với Trung đoàn xây dựng nông trường chè, tạo cơ sở vật chất xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Số cán bộ, chiến sĩ còn sức khỏe tiếp tục luyện quân, xây dựng quân đội thường trực, tất cả vì sự nghiệp thống nhất đất nước, vì quê hương.

Năm 1961, Tiểu đoàn được thay đổi nhiệm vụ, từ một tiểu đoàn bộ binh chuyển về Bắc Giang huấn luyện trở thành một tiểu đoàn dù trong Sư đoàn 305. Đến cuối năm 1964, Tiểu đoàn chuyển về Bộ Tư lệnh Đặc công mang phiên hiệu Tiểu đoàn 4, và cũng từ đây phiên hiệu Tiểu đoàn 59 không còn nữa.

4. Chấp hành trở về Nam theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 15 (năm 1959)

Bước sang những năm 1960, đất nước vẫn bị chia cắt, quê hương vẫn chìm đắm trong đau thương, tang tóc.

Phần I: Lịch sử Tiểu đoàn 59

“Tức nước vỡ bờ”, nhân dân miền Nam đã vùng lên đấu tranh. Tinh thần Đồng khởi Bến Tre, Trà Bồng quật khởi như đốm lửa lóe sáng giữa đêm đông, làm ấm lòng những người con yêu nước, khơi dậy tinh thần đấu tranh mạnh mẽ.

Quán triệt Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 15 (năm 1959) và hưởng ứng lời kêu gọi của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam, nhân dân miền Nam đã đồng loạt đứng lên. Cả nước sục sôi và sẵn sàng lên đường.

Đi trong đoàn quân hồi hải trở về Nam, các cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 59 lòng vui như mở hội, có cả anh bộ đội Tiểu đoàn 59 năm xưa đã lên miền trung du võ đất trồng chè, lòng lâng lâng, toại nguyện được trở về quê hương cùng nhân dân chiến đấu cho tới ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Chương IV

VÀI NÉT ĐẶC TRƯNG VÀ TRUYỀN THỐNG TIÊU BIỂU CỦA TIỂU ĐOÀN 59

Ra đời tháng 6/1950, đến giữa năm 1961, Tiểu đoàn đã trải qua 11 năm xây dựng và trưởng thành, gắn liền với chiều dài cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, có mặt ở hầu khắp chiến trường Liên khu V: từ mặt trận Quảng Nam - Đà Nẵng đến Nam Bắc Tây Nguyên, Phú Yên, Khánh Hòa. Bàn chân các chiến sĩ Tiểu đoàn còn in đậm trên thao trường nắng lửa, dưới chiến hào giá lạnh, trên các công trường lao động xây dựng ở miền Bắc trong những năm đầu hòa bình lập lại.

Xuất thân từ những du kích đầu trần chân đất, anh biệt động thành, chiến sĩ của đại đội độc lập..., qua tôi luyện trong khói lửa chiến tranh, được Đảng quang vinh và Bác Hồ vĩ đại lãnh đạo, giáo dục, lớn lên trong sự cưu mang, đùm bọc của nhân dân, Tiểu đoàn 59 đã lập nên nhiều chiến công, góp phần tô thắm truyền thống Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng...

Truyền thống đó được bắt nguồn từ lịch sử đấu tranh kiên cường, bất khuất của cha ông, hun đúc qua các thời kỳ quật khởi. Một đội quân trong tay chỉ có gậy gộc, mã tấu nhiều hơn lựu đạn, súng trường đã dám đứng lên nghênh chiến với một đội quân xâm lược nhà nghề được trang bị đầy đủ phương tiện chiến đấu. Cũng từ những bước đi chập chững ban đầu, kinh qua rèn luyện thử thách, dạn dày năm tháng, Tiểu đoàn đã vững chắc tiến lên trở thành một tiểu đoàn bộ binh đứng trong

đội hình một trung đoàn chủ lực cơ động Liên khu V với những nét riêng của chính mình.

I. NHỮNG NÉT ĐẶC TRƯNG CỦA TIỂU ĐOÀN

1. Tiểu đoàn từ những phân đội nhỏ lẻ, phân tán đã không ngừng trưởng thành, phát triển qua mỗi trận đánh, chiến dịch. Từ chỗ chỉ đánh những trận nhỏ lẻ, tiến lên biết đánh phục kích, tập kích, vận động, đánh công kiên, hiệp đồng binh chủng với quy mô tiểu đoàn. Từ chỗ được giao nhiệm vụ dự bị tiến lên đảm nhận vị trí chủ công đánh trận công kiên mở màn chiến dịch.

2. Tiểu đoàn có kinh nghiệm và khả năng hoạt động độc lập dài ngày trong vùng tạm chiếm, lúc tập trung, lúc phân tán, cơ động, linh hoạt, tác chiến tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, góp phần duy trì và đẩy mạnh phong trào du kích ở vùng sau lưng địch. Là đơn vị được giao nhiệm vụ đi đầu trong việc đánh phá hệ thống tháp canh của địch trên các trục lộ giao thông trong vùng tạm chiếm ở Quảng Nam, Khánh Hòa, Tiểu đoàn đã góp phần đánh bại âm mưu dồn dân, kiểm soát, kìm kẹp, bình định của địch nhằm tách lực lượng kháng chiến của ta ra khỏi dân.

3. Tiểu đoàn đã vận dụng sáng tạo, thành công phương thức “*Tác chiến du kích kết hợp với tác chiến tập trung của chủ lực*” vào điều kiện cụ thể của chiến trường, thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Tiểu đoàn, đáp ứng yêu cầu chiến đấu ngày càng cao của lực lượng vũ trang Liên khu V.

II. TRUYỀN THỐNG TIÊU BIỂU CỦA TIỂU ĐOÀN

Bản chất và truyền thống vẻ vang của Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng tập trung cô đọng trong lời tuyên dương của

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

Chủ tịch Hồ Chí Minh như: *“Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”*¹.

Là một bộ phận của Quân đội nhân dân Việt Nam, qua quá trình xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, Tiểu đoàn 59 đã rèn luyện, hun đúc và phát huy đầy đủ bản chất, truyền thống vẻ vang của một quân đội anh hùng. Bên cạnh đó, Tiểu đoàn còn xây dựng những nét riêng tiêu biểu, để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng đồng đội và nhân dân, cụ thể là:

1. Tiểu đoàn có tinh thần kỷ luật cao, tự giác và sẵn sàng chấp hành mọi mệnh lệnh của cấp trên, đi đến bất cứ nơi đâu, làm bất cứ nhiệm vụ gì và quyết tâm hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ trong mọi hoàn cảnh

Trong suốt cuộc trường chinh, Tiểu đoàn 59 đã 2 lần được lệnh làm nhiệm vụ độc lập hoạt động trong vùng tạm chiếm ở Quảng Nam - Đà Nẵng, Khánh Hòa. Tuy xa sự chỉ huy, chỉ đạo của Trung đoàn, tự mình phải lo liệu, giải quyết mọi vấn đề, nhưng Tiểu đoàn đã khắc phục mọi khó khăn, gian khổ, chiến đấu và chiến thắng. Trong trận tập kích Plei Ring, tình huống rất khẩn trương, nhiệm vụ thay đổi, bổ sung, cùng một lúc vừa phải đánh diệt quân đồn trú vừa tham gia tập kích quân bên ngoài đồn, nhiệm vụ rất nặng nề, khó khăn nhưng Tiểu đoàn đã nhanh chóng xác định quyết tâm, chấp hành nghiêm mệnh lệnh và đã giành được thắng lợi ngoài dự kiến ban đầu. Cũng với tinh thần đó, các đại đội trong Tiểu đoàn luôn biết nhường thuận lợi cho bạn, nhận khó khăn về mình, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.14, tr.435.

giao. Cuối chiến dịch Hè Thu 1952 tại Quảng Nam - Đà Nẵng, để bảo đảm cho toàn Trung đoàn lui quân bí mật, an toàn về hậu phương, Đại đội 6 Tiểu đoàn 59 đang hoạt động ở vùng sâu Điện Bàn được lệnh khẩn trương hành quân ra Tây Bắc Hòa Vang, tiến ra đỉnh đèo Hải Vân tiêu diệt Đồn Nhất. Đường hành quân xa, phải mất mấy ngày đêm di chuyển liên tục qua các vùng tạm chiếm, đồn bốt ken dày, địa hình phức tạp, chèo đèo lội suối, vượt dốc, trong mưa rừng gió núi, người ướt đầm nhưng vẫn giữ cho súng đạn, bộc phá không bị ướt, cuối cùng đơn vị đã đến vị trí chiến đấu đúng kế hoạch, tiêu diệt hoàn toàn cứ điểm Đồn Nhất trong khi toàn Trung đoàn đã về đến hậu phương. Cuộc lui quân của đơn vị cũng gặp vô vàn khó khăn với việc khiêng thương binh và khối lượng chiến lợi phẩm lớn ta thu được (vùng này không có dân).

Đại đội 11 cũng 2 lần được giao nhiệm vụ nghi binh chiến dịch ở Nam Tây Nguyên nhằm thu hút lực lượng địch để toàn Trung đoàn tiêu diệt các cứ điểm ở Kon Tum. Đến hè 1953, Tiểu đoàn được lệnh vào Bắc Khánh Hòa, xuống sâu vùng Đông Ninh Hòa tiêu diệt hàng loạt tháp canh, phá thế kìm kẹp của địch, hỗ trợ, phát triển phong trào chiến tranh du kích ở vùng sau lưng địch.

Chính nhờ có tinh thần kỷ luật cao, chấp hành nghiêm mệnh lệnh của cấp trên, sức chiến đấu ngày càng dũng cảm và mưu trí. Tấm gương hy sinh anh dũng của đồng chí Trần Xung trong trận Kon Braih (Kon Rẫy); đồng chí Nguyễn Bá Dương trong trận Đồn Nhất đã thể hiện rõ điều đó. Tất cả đều vì thắng lợi chung.

Tập thể đơn vị cũng như từng cán bộ, chiến sĩ của Tiểu đoàn luôn nêu cao ý thức và hành động theo tiếng gọi của trái tim mình,

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

những trái tim đã thuộc về Đảng quang vinh, thuộc về nhân dân anh hùng, sẵn sàng chấp nhận hy sinh vì mục tiêu giành độc lập, tự do cho Tổ quốc.

2. Trong lịch sử xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, Tiểu đoàn đã không ngừng bồi dưỡng và củng cố mối quan hệ máu thịt quân - dân nặng nghĩa, nặng tình, keo sơn, gắn bó ở hậu phương cũng như trong lửa đạn chiến tranh

Các cán bộ, chiến sĩ của Tiểu đoàn thấm nhuần sâu sắc: “quân đội ta từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu”. Lịch sử của Tiểu đoàn đã cho thấy, bộ đội ta vốn là những công nhân, nông dân, trí thức, học sinh,... từ trong cuộc sống nô lệ, lầm than đã cùng nhân dân vùng lên đấu tranh, nhân dân có mặt từ trong những ngày đầu kháng chiến, sống mái với quân thù, đi suốt cuộc trường chinh, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, bảo vệ quê hương, xóm làng.

Qua năm tháng chiến đấu ở hậu phương, trong trận mạc cũng như lúc không may bị sa vào tay giặc, hình ảnh anh “bộ đội Cụ Hồ” đã in đậm trong lòng nhân dân và ở đâu, lúc nào chúng ta cũng được nhân dân yêu thương, cứu mang, giúp đỡ, che chở, đùm bọc.

Giữa lòng thành phố Đà Nẵng bị địch chiếm, hình ảnh một phụ nữ bất chấp hiểm nguy để cứu mang, dẫn đường, che giấu hai chiến sĩ của đơn vị (họ bị địch bắt đưa đi xử bắn nhưng mưu trí trốn thoát, và trong khi lẩn trốn may mắn đã gặp được chị giúp chăm sóc vết thương, nuôi dưỡng và tìm cách liên lạc gửi về đơn vị an toàn) đã trở thành một kỷ niệm lịch sử thật đẹp. Nhớ mãi những ngày hoạt động ở Tây Bắc Hòa Vang, từ mờ sáng đi đánh giặc về, từng chiến sĩ được các mẹ, các chị phân phát cơm vắt trước khi đi vào hang Cùn (xã Hòa Phong) trú ẩn. Những vắt

cơm đạm bạc nhưng đã làm ấm lòng các chiến sĩ, chứa đựng nghĩa tình sâu nặng của các mẹ, các chị Hòa Phong. Hay những ổ khoai lang lót dạ trước khi đi quàn nhau với giặc suốt cả ngày ở vùng cát Điện Bàn; những bát bột củ mì mài của bà con xã Mỹ Tài, Mỹ Quang (Phù Mỹ, Bình Định) cũng làm ấm lòng các chiến sĩ sau những đêm tập trận công đồn trở về sẽ mãi in đậm trong ký ức của những người còn lại hôm nay và mai sau.

Đêm đánh đồn Lệ Sơn (xã Hòa Tiến), nhân dân quanh vùng đã bí mật huy động hàng trăm ghe câu lần lượt đưa cả Tiểu đoàn vượt sông Yên an toàn. Trời tối đen như mực, bà con đã thả hương cắm làm lộ tiêu dẫn đường cho bộ đội khỏi bị lạc khi chiếm lĩnh trận địa. Nhân dân đã cùng với bộ đội làm nên chiến thắng Lệ Sơn.

Chúng ta mãi mãi tôn vinh những truyền thống vẻ vang đó và nguyện suốt đời vì nhân dân phục vụ.

Kết thúc những trang sử của Tiểu đoàn là kết thúc một đoạn trường chinh đầy gian khổ, nhưng rất đỗi vinh quang và tự hào.

Chúng tôi - những người đã từng lớn lên trong chiếc nôi 59 - mạnh dạn viết lại trang sử này, sẽ không tránh khỏi những thiếu sót, do thời gian quá lâu, lượng thông tin hạn chế, số liệu không đầy đủ, một phần nào ảnh hưởng đến mức độ chính xác.

Với tình đồng đội thắm thiết, xin nhắn gửi đến các anh - những người đã một thời cùng chúng tôi:

Đêm đêm chiếu cỏ màn trời

Cơm đùm, áo gói vui đời chiến binh

Mong nhận được sự tham gia đóng góp bổ sung để cho cuốn sách lịch sử của Tiểu đoàn được phong phú, hoàn chỉnh hơn trong lần xuất bản sau.

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

Chúng ta hy vọng sẽ có một dịp nào thuận lợi nhất, may mắn nhất được hội ngộ để:

“... Ngồi lại bên nhau nhắc chuyện xưa

Nhắc mãi đi anh, đâu phải là thừa

Nhắc để cháu con biết ông cha thuở trước...

Và phải làm gì cho đất nước hôm nay?”.

(Trích “Trở lại đường xưa” của Trương Công Vọng)

PHỤ LỤC

TỔNG HỢP THÀNH TÍCH CHIẾN ĐẤU

Đánh:

59 trận lớn với nhiều hình thức chiến thuật phong phú, từ tác chiến độc lập đến tác chiến hiệp đồng binh chủng (cấp đại đội trở lên)

Tiêu diệt:

- 11 cứ điểm và khu hành chính
- 26 tháp canh
- 10 trận chống càn lớn nhỏ
- 2 trận vận động phục kích
- 2 trận tập kích

Diệt và loại khỏi vòng chiến đấu:

- 2.000 tên địch (trong đó có 35 tên chỉ huy Pháp - ngụy)
- Bắt sống: 500 tên
- Thu: 1.247 súng các loại gồm:
 - + 1 pháo 155mm
 - + 3 trọng liên 20mm
 - + 5 tiểu pháo 37mm
 - + 20 đại liên
 - + 100 trung liên
 - + 1.000 tiểu liên, súng trường, súng ngắn
 - + 10 khẩu cối 81mm
 - + 8 khẩu cối 60mm

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

CÁN BỘ TIỂU ĐOÀN 59

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp

Ban Chỉ huy TIỂU ĐOÀN

NGUYỄN LỰU	<i>Tiểu đoàn trưởng</i>
PHẠM ĐẠO	<i>Chính trị viên</i>
TRẦN NGỌC ANH	<i>Tiểu đoàn phó</i>
PHAN QUANG TIỆP	<i>Tiểu đoàn phó</i>
PHAN TRỌNG QUANG	<i>Tiểu đoàn phó</i>

ĐẠI ĐỘI TRƯỞNG VÀ CHÍNH TRỊ VIÊN CÁC ĐẠI ĐỘI

Đại đội 6

LÊ QUANG DIÊN	<i>Đại đội trưởng</i>
ĐỖ XUÂN CẢNH	<i>Chính trị viên</i>
TRẦN NGỌC ANH	<i>Đại đội trưởng</i>
TRẦN BÁ VƯỢNG	<i>Đại đội trưởng</i>
VŨ KHẮC MINH	<i>Chính trị viên</i>
TRẦN ĐÀM	<i>Đại đội trưởng</i>
LÊ VĂN THỊ	<i>Đại đội trưởng</i>
NGUYỄN ĐỒNG THÁI	<i>Chính trị viên</i>
PHẠM THÀNH MINH	<i>Chính trị viên</i>

Đại đội 11

PHẠM ĐỨC CẦN	<i>Đại đội trưởng</i>
NGUYỄN ĐỒNG THÁI	<i>Chính trị viên</i>
PHAN TRỌNG QUANG	<i>Đại đội trưởng</i>
ĐỖ BAO	<i>Chính trị viên</i>
NGUYỄN THÀNH	<i>Đại đội trưởng</i>
TẠ HỒNG TIỂU	<i>Chính trị viên</i>
NGUYỄN ĐÌNH DẦN	<i>Chính trị viên</i>

Phần I: Lịch sử Tiểu đoàn 59

Đại đội 4

TRẦN QUANG TOÀN

NGUYỄN HÒA

ĐỖ CẦN

TRẦN NGỌC ÁNH

ĐÀO VINH

NGUYỄN ANH

NGUYỄN LÂM

Đồng chí LÃNH

Đại đội trưởng

Đại đội trưởng

Đại đội trưởng

Chính trị viên

Đại đội trưởng

Chính trị viên

Đại đội trưởng

Đại đội trưởng

Đại đội 8

TRẦN XUÂN HỌC

TRẦN XUÂN QUẾ

NGUYỄN HÀO

Đại đội trưởng

Chính trị viên

Đại đội trưởng

Phụ lục 1

CHIẾN CÔNG ĐÁNH NHÀ HÀNG MORIN - FRÈRES

Nhận được nguồn tin từ cơ sở nội thành báo ra, tối 20/3/1950, tại rạp chiếu bóng nhà hàng Morin - Frères sẽ có buổi chiếu phim đặc biệt dành cho sĩ quan Pháp - ngụy, Ban Chỉ huy nhận định đây là cơ hội thuận lợi để ta tiêu diệt được nhiều địch, nếu giành chiến thắng sẽ có tiếng vang lớn trong lòng người dân thành phố Đà Nẵng, tạo thêm niềm tin vào kháng chiến, làm cho địch càng hoang mang, khiếp sợ. Sau khi trinh sát xác định lại nguồn tin, Ban Chỉ huy quyết định tổ chức đánh và chỉ định hai đồng chí Nguyễn Thế Huân (Trung đội phó) và Võ Minh Tâm (Tiểu đội trưởng) đảm nhận nhiệm vụ đóng vai hai sĩ quan ngụy vào xem chiếu phim. Mỗi người được trang bị 4 quả lựu đạn.

Đêm 20/3/1950, tại một địa điểm của cơ sở nội thành, hai sĩ quan (Huân và Tâm) được hướng dẫn vào ẩn nấp trong nhà vệ sinh, chờ đến giờ hành động.

Chưa đầy 2 phút sau khi đèn trong rạp phụt tắt, tập trung ánh sáng vào màn hình chiếu phim, 2 tiếng nổ kinh hoàng bỗng vang lên, rồi tiếp đến lại là 2 tiếng nổ xé tai. Cả rạp chiếu bóng náo loạn, tiếng la hét làm náo động cả bên trong và bên ngoài rạp, không ai biết chuyện gì đang xảy ra và ai là thủ phạm gây ra việc này.

Lúc này, mạnh ai nấy chạy, cố thoát ra khỏi rạp nhưng không dễ gì thoát, các sĩ quan địch xô đẩy ngã chồng, giẫm đạp lên nhau la khóc.

Trong giây phút hỗn loạn đó, Huấn và Tâm đã chủ động thoát ra khỏi rạp ngay sau 2 tiếng nổ lần thứ hai.

Nếu chân chừ lúc này thì dễ bị phát hiện, hai anh đã trà trộn vào đám sĩ quan chạy thoát ra ngoài phố.

Còi báo động, tiếng động cơ xe nhà binh rú vang, đường phố nhốn nháo, Huấn và Tâm cố gắng chạy nhưng không may bị cảnh sát bắt giữ và đưa về biệt Con Gà để khai thác suốt đêm đó và ngày hôm sau.

Chúng dùng mọi thủ đoạn dụ dỗ, răn đe, mua chuộc, đánh đập, tra tấn nhưng không hề làm nao núng tinh thần kiên cường của hai chiến sĩ.

Khoảng 16 giờ 30 phút, chuông điện thoại tại phòng giam giữ vang lên, tên sĩ quan Pháp nghe máy và trao đổi rất lâu với đầu dây bên kia nhưng không ai biết. Đến khi gần kết thúc cuộc điện thoại, tên quan Pháp nói lớn: “*Feu*” (có nghĩa là “*Bắn*”). Nghe được vậy Tâm liền la to: “Anh Huấn, chúng định đưa anh em mình đi xử bắn”.

Bình tĩnh và dũng cảm, Huấn đồng dục thét to: “*Bắn à! Thì cứ bắn ngay đi. Tao nói cho chúng mày biết, chúng tao đã có gan vào tận sào huyệt bọn bay thì bọn tao cũng nhất định sẽ thoát ra khỏi đêm nay thôi*”.

Thật ra đó chỉ là mẹo của Huấn. Anh thầm nghĩ giữa sự sống và cái chết mong manh như vậy, nếu bọn chúng non gan thì sẽ dẫn đi bắn trong đêm, giờ này trời sắp tối may ra có cơ hội thoát, chứ để sáng mai thì khó khăn hơn nhiều (đây quả thực là một cuộc đấu trí).

Không ngờ những lời nói hù dọa của anh đã làm cho địch hoang mang và đưa hai anh đi xử bắn ngay trong đêm.

Chúng buộc hai cánh tay của hai anh vào một mối dây, dẫn lên xe, trên xe có tên lính da đen đi kèm mang theo khẩu Thomon.

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

Trên buồng lái, ngoài lái xe còn có một tên Pháp mang khẩu Cécbin.

Xe từ từ chạy, trời đã tối hẳn, tên lính da đen chủ quan lại khò khạo. Lợi dụng sơ hở, Huấn lặng lẽ lần tìm mỗi dây mở, trên đường đi anh đã mở được nhưng không hề báo cho Tâm biết.

Từ chỗ bốt Con Gà đến chỗ xử bắn khoảng 2km (gọi là bốt Chó), cách ngã ba Cai Lạng 50m, là bãi cát có nhiều cây gai lười long (theo như Tâm nói thì đó là xóm Cây Quăn ngày trước).

Xe dừng lại, xe thì cao, đường bên dưới thấp, bãi cát phía ngoài lề đường càng sâu. Thằng lính da đen ra dấu bảo hai anh ra trước cửa xuống xe trước. Nhưng Huấn cứ đi sát bên Tâm, chần chừ không muốn nhảy xuống, buộc lòng tên lính da đen ra đứng trước cửa nhìn xuống đường, định co chân nhảy thì nhanh như chớp Huấn dùng đầu gối húc mạnh vào lưng, tên lính mất đà, ngã nhào lăn quay xuống đường, rồi theo đà lăn luôn xuống bãi cát.

Huấn lần thả mỗi dây và la to: “Tâm! Cờ” (tiếng lóng có nghĩa là “Chạy”).

Lợi dụng trời tối, hai anh cắm cổ chạy, mặc cho phía trước là lùm xương rồng lỏm chòm. Một loạt súng Cécbin bắn đuổi theo sau lưng. Tâm chậm chân hơn nên bị trúng 2 phát đạn xuyên qua má, bị thương nặng. Nhưng bọn chúng không đủ can đảm truy đuổi. Thế là thoát chết. Huấn tìm về đơn vị, còn Tâm chạy lạc, nhưng may mắn trong đêm đó đã tìm tới gia đình của chị Sáu Cội. Chị đã lấy thuốc băng bó và đưa ra giấu trong mả vôi ở bãi tha ma.

Sau một ngày đêm tận tình chăm sóc, sau đó móc nối liên lạc, anh Tâm đã được đưa ra khỏi thành phố trở về đơn vị an toàn.

Phần I: Lịch sử Tiểu đoàn 59

Theo nguồn tin của cơ sở báo: đêm hôm đó gần 100 tên sĩ quan Pháp - ngụy chết và bị thương.

Với chiến công trên, hai anh Huấn và Tâm được Chính phủ tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Nhì.

Khi viết lại câu chuyện này (tháng 10/1999) thì đồng chí Tâm đã từ trần cuối năm 1998 tại Khuê Trung, thành phố Đà Nẵng; còn đồng chí Huấn đã trở về miền Bắc và không rõ địa chỉ.

Chị Sáu Cội có công nuôi giấu chiến sĩ Tâm hiện vẫn đang sinh sống ở phường Thạc Gián, thành phố Đà Nẵng và đã ngoài 74 tuổi. Ban liên lạc Cựu chiến binh Tiểu đoàn 59 đã tìm đến nhà chị thăm hỏi.

Phụ lục 2

CHIẾN THẮNG ĐỒN NHẤT

Đồn Nhất án ngữ trên đỉnh đèo Hải Vân, ranh giới giữa hai tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng và Thừa Thiên - Huế. Nơi đây đã lưu giữ một dấu ấn lịch sử không thể nào quên.

Chuyện kể rằng: Vào thời phong kiến xưa, khi Triều đình Huế mở hội khoa thi, các nho sinh trong Nam vác lều chõng ra kinh ứng thí. Khi đến khu vực Đồn Nhất đều phải dừng lại bày hương hoa khấn vái, cầu cho mình gặp thời may, vận tốt, vinh quy bái tổ về làng để khỏi phụ công đèn sách.

Sau khi chiếm xong Đà Nẵng và Thừa Thiên - Huế, giặc Pháp đem quân khống chế đèo Hải Vân, lấy khu vực Đồn Nhất để cải tạo xây dựng nhiều công sự vững chắc, làm vị trí bảo vệ đường bộ đi ngang qua núi, đường xe lửa có đoạn xuyên vào lòng đất. Nơi đây là biên ải, có thế núi, thế đèo, vực sâu hiểm trở. Vua quan ngày trước đã đắp lũy, xây thành bằng gạch, cao 3m, dày 1m, sau này giặc Pháp gia cố thêm bằng đá hộc.

Để trấn an cho bọn đồn trú nơi xung yếu này, địch đã tăng cường hỏa lực mạnh, công sự kiên cố. Tại đây, mặc dù chỉ có hai trung đội lính Âu - Phi đóng giữ nhưng địch trang bị tới 4 khẩu trọng liên 20mm, 15 đại liên, trung liên và nhiều phương tiện chiến tranh khác để đủ sức cầm cự kéo dài khi bị tấn công, chờ viện binh đến.

Về phía ta, đánh Đồn Nhất là một mục tiêu hết sức khó khăn: Địa thế quá hiểm trở, xa dân, công tác chuẩn bị chiến trường

gấp rút, chưa thật chính xác. Trời lại sắp chuyển sang đông, mùa mưa lũ đang đến. Khi hành quân đi chiến đấu hay lúc lui quân đều phải vượt qua nhiều núi cao, suối sâu, không tránh khỏi những trận mưa nguồn, gió núi. Trận đánh lại không có dân công phục vụ nên sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến khâu thu dọn chiến trường.

Ngược lại, về phía địch cũng có những bất lợi: Tuy chốt giữ nơi hiểm yếu có lợi thế về địa hình, có công sự kiên cố, có hỏa lực mạnh, nhưng khả năng chi viện bằng phi pháo bị hạn chế, ít tác dụng. Đồn Nhất cách Đà Nẵng khoảng 10km theo đường chim bay nhưng khi bị tấn công cũng rất khó để viện binh chi viện kịp. Ban đêm, địch không dám xua quân đi cứu viện, đợi đến sáng hôm sau thì đã muộn.

Vào lúc 18 giờ tối 23/9/1952, từ vị trí tạm dừng tại một xóm nhỏ ven sông thôn Trường Định, xã Hòa Liên, ta quyết định xuất quân. Ngoài vũ khí trang bị, mỗi chiến sĩ mang theo ba vắt cơm để ăn trong ba ngày. Đó là sự tính toán chặt chẽ, vì khoảng thời gian này, Quảng Nam - Đà Nẵng đang bị thiếu đói, lương thực rất hạn chế.

Tuy trận địa còn xa nhưng việc hành quân phải bảo đảm tuyệt đối bí mật. Trời tối đen như mực, quân ta lặng lẽ đi dọc theo bờ sông cách đồn Quan Nam bên kia sông chưa đầy 600m, phải vượt qua trảng cát Xuân Thiều mênh mông, cách cầu Thủy Tứ (Hòa Hiệp) khoảng 700m. Tại cây cầu luôn có một tiểu đoàn lính Âu - Phi bảo vệ, đồng thời là quân ứng chiến cho Đà Nẵng; ban đêm, chúng tổ chức mai phục đánh và bắt cán bộ kháng chiến đi về. Do đó, chỉ một sơ suất nhỏ, như một tiếng va chạm của binh khí, nếu địch phát hiện thì có thể hỏng cả kế hoạch lớn.

Qua một đêm hành quân ròng rã, đến 4 giờ sáng hôm sau (ngày 24 tháng 9), ta tới được bìa rừng thuộc địa phận Hải Vân.

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

Từ đây ta hành quân ban ngày, đi trong rừng vắng, mưa gào, gió rít. Theo quyết tâm của đồng chí Tiểu đoàn phó Trần Ngọc Anh thì 20 giờ phải đến được vị trí tập kết, để kịp giờ nổ súng.

Bầu trời Hải Vân xám xịt, mưa liên tục, lên dốc, xuống khe, áo quần, súng đạn đều bị ướt, những vắt com còn lại bên hông đã rã nước mưa nhưng đội hình vẫn tiến và quyết tâm không để những khí tài, bộc phá, dây cháy chậm, chất liệu nổ bị ướt. Đó là mệnh lệnh. Mọi thứ trang bị khác và áo quần đều ưu tiên che gói chất nổ. Một hình ảnh tương phản đập vào mắt, ai cũng cảm thấy nao lòng: Trên các ngọn cây, lùm cây ven đường, những con khỉ, con vượn mẹ bồng con lom khom chạy vào các hang đá, hốc cây để tránh mưa gió, bảo vệ con mình; còn trên đường tiến quân, chiến sĩ ta mình trần, chân đất dầm mưa, đội gió, lom khom ôm bộc phá bước đi, có chiếc áo xi ta cũng đành để che cho khối bộc phá. Hành quân ban ngày giữa rừng vắng nhưng quân ta vẫn băng khuâng, lo ngại gặp dân. Bà con ta ở vùng Nam Ô, Xuân Thiều thỉnh thoảng phải vào rừng kiếm củi, mang về phố đổi mắm muối, gạo. Là đồng bào ta cả nhưng biết đâu có kẻ xấu trà trộn vào dân lành... Thôi thì cảnh giác là tốt hơn.

Khoảng 21 giờ, ta đến vị trí tập kết, nghỉ ngơi tại chỗ làm công tác chuẩn bị. Tổ điện đài (máy bộ đàm) của Trung đoàn phải theo bắt đầu mở máy hoạt động nhưng lại không bắt được tín hiệu. Đồng chí Trần Ngọc Anh chỉ định đồng chí Nguyễn Văn Anh - Chính trị viên phó Đại đội 4 - ở lại vị trí tập kết, động viên anh nuôi thu gom hết số gạo còn lại, khắc phục thời tiết, nấu cơm đọi sẵn để sáng mai đánh xong quay về chiến sĩ có cơm nóng ăn cho ấm bụng.

Đúng 23 giờ, lệnh xuất kích được phát ra. Mưa vẫn không dứt. Trời tối, lạnh. Quân ta bí mật đến gần vị trí, lặng lẽ từng

người một băng qua bên kia đường và tiến sát chân cứ điểm mà không bị địch phát hiện. Có lẽ do đêm khuya rừng vắng, lại được nằm trong công sự vững chắc nên bọn địch đã ngủ say.

Đội hình đã triển khai xong. Chướng ngại vật ngoại vi quá sơ sài nên ta đều thực hành mật phá, sau đó đưa khối bộc phá 20kg vào đặt sát bờ tường dưới chân lô cốt. Đến 1 giờ 30 phút sáng 25/9/1952, ta ra lệnh phát hỏa. Một tiếng nổ kinh hoàng vang lên giữa núi rừng. Âm thanh trườn theo vách núi, len xuống những vực sâu tạo nên tiếng rền kéo dài rừng rợn. Phải gần 2 phút sau, địch mới phản ứng bắn ra.

Lúc này, ta gặp trở ngại: Thành xây quá dày, lô cốt lại quá cao nên quả bộc phá 20kg không đủ sức phá sập. Trong khi đó, ta không có súng DKZ, bộc phá dự bị cũng không còn, địch đã kịp hoàn hồn, các cỗ súng trọng liên dồn dập nhả đạn điên cuồng. Song rất may có địa hình che chắn tốt nên quân ta đã tránh được thương vong.

Ban Chỉ huy trận đánh quyết định dùng thang áp vào tường, dùng cảm leo lên đánh giáp lá cà, quyết chiếm cho được lô cốt. Khi thấy thang ngắn, đồng chí Tiểu đội phó Dương Thêm bình tĩnh nối hai thang làm một, nhưng vẫn không đến được lô cốt. Tiểu đội trưởng Nguyễn Bá Dương đã dùng cảm, mưu trí dùng sức nâng thang lên, áp sát vào thành và dùng cả sức người áp chặt vào thang ra hiệu cho đồng đội trèo lên vai mình, leo tiếp lên thang đánh chiếm lô cốt.

Đồng chí Nguyễn Bá Dương bị trúng đạn nhưng vẫn không rời khỏi chân thang, vẫy gọi đồng đội đến tiếp sức cùng mình giữ chặt chân thang. Nhờ đó, ta chiếm được lô cốt, nhanh chóng đưa trung liên lên đặt tại đây chế áp mạnh vào trong, các mũi xung kích lao nhanh vào trận nội. Tiếng thét “Xung phong”

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

vang dậy cả núi rừng làm cho quân địch hoảng loạn. Từng tổ ba người thọc sâu các ngách hào, ngang dọc trong tung thâm, dùng lựu đạn thủ pháo, lưỡi lê diệt địch. Tên quan hai đồn trưởng và tên xạ thủ súng máy từ trong một ngách hầm lóp ngóp bò ra giao tay đầu hàng. Ta làm chủ trận địa. Địch chết và bị thương rất nhiều nhưng ta không nắm chắc được số liệu.

Ta thu 3 trọng liên 20mm, 11 trung liên, 10 súng ngắn và nhiều quân trang, quân dụng.

Về phía ta, có 7 đồng chí hy sinh, trong đó có đồng chí Nguyễn Bá Dương.

Diệt xong cứ điểm Đồn Nhất, ta rút về vị trí tập kết là khoảng 7 giờ sáng 25/9/1952. Phần đông anh em đã thấm mệt sau hơn 2 ngày hành quân chiến đấu. Về đến vị trí tập kết, đồng chí Nguyễn Ngọc Thiệu tổ trưởng máy bộ đàm báo cáo với đồng chí Trần Ngọc Anh là vẫn chưa bắt được liên lạc với Trung đoàn. Đồng chí Nguyễn Văn Anh phụ trách hậu cần báo cáo tiếp: Anh em nuôi quân thức trắng đêm để nấu cơm, mới vắt được 40 vắt thì bị một cơn lũ quét hồi 4 giờ sáng cuốn trôi sạch và cuốn theo một chiếc chảo gang. Im lặng... suy nghĩ khi khó khăn liên tục dồn đến..., nhưng ngay tức khắc đồng chí chỉ huy đã động viên tinh thần các chiến sĩ: *“Chúng ta đã chiến thắng, chúng ta đã hoàn thành nhiệm vụ. Lẽ nào phải cam chịu những biến cố gay go”, “Lửa thử vàng, gian nan thử sức”,* một đội quân đã được thử thách, tôi luyện trong chiến tranh cách mạng, thì không khó khăn nào mà không vượt qua được.

Sau khi mai táng chu đáo 7 liệt sĩ dưới chân núi Núi Chiêng và sắp xếp phân công từng nhiệm vụ cụ thể, đúng 10 giờ 30 phút sáng 26/9/1952, hơn 100 con người tiến hành khiêng vác, gồng gánh lui quân dưới bầu trời Hải Vân mây mù, gió mưa, nhằm

hướng Tây Nam mà tiến. Đến 5 giờ sáng 27/9/1952, đơn vị mới về tới Trường Định, cử người vào Khe Sanh bắt liên lạc với Ủy ban Kháng chiến hành chính xã Hòa Liên xin lương thực, đề nghị dân công đưa 9 thương binh về trạm phẫu thuật. Ngày hôm sau, đơn vị tiếp tục lên đường, đi trong vùng địch hậu, qua vùng giáp ranh, len lỏi qua các đồn chốt gác, ngày trú đêm đi để ra vùng tự do.

Về đến đèo Đá Mái (huyện Duy Xuyên), đồng chí Trần Ngọc Anh phái một cán bộ tách đội hình đi thẳng vào huyện Tam Kỳ để tìm bắt liên lạc với cấp trên. Đến nơi thì được biết: Cách đây hơn 10 ngày, bộ đội về làm lễ chiến thắng tham gia giúp dân đào kênh Ba Kỳ. Hiện Đảng bộ tỉnh Quảng Nam đang tổ chức Đại hội ở thôn Cây Sanh (xã Tam Dân, huyện Tam Kỳ). Theo hướng dẫn cụ thể, đồng chí cán bộ đến Cây Sanh xin phép được gặp anh Năm (bí danh của đồng chí Nguyễn Bá Phát trong chiến dịch Hè Thu 1952). Từ trong hội trường bước ra, đồng chí Nguyễn Bá Phát niềm nở bắt tay. Đồng chí cán bộ báo cáo: *“Thưa đồng chí! Chúng tôi - đơn vị DZ đã chiến thắng trên đèo Hải Vân diệt cứ điểm Đồn Nhất (DZ là mật danh mà Trung đoàn đặt cho Đại đội 6 khi tiến ra Tây Bắc). Đồng chí Trần Ngọc Anh cử tôi về đây báo cáo vào khoảng 22 giờ đêm nay, bộ đội sẽ về đến thôn Ngọc Bích (Tam Kỳ). Chín thương binh đã chuyển về trạm. Bảy liệt sĩ đã mai táng tại Hải Vân. Đơn vị DZ xin chỉ thị mới”*.

Nghe xong, đồng chí Nguyễn Bá Phát vui mừng nói: *“Rất hoan nghênh đơn vị DZ, mời đồng chí vào luôn trong hội trường”*. Vào tới hội trường, đồng chí Nguyễn Bá Phát đứng lên bục nói lớn: *“Kính thưa Đại hội! Xin thông báo thêm một tin vui, ta đã chiến thắng trên đèo Hải Vân, diệt cứ điểm Đồn Nhất. Do bị mất liên lạc nên hôm nay đơn vị mới về báo cáo cụ thể”*. Cả hội trường vỗ tay kéo dài. Đồng chí Nguyễn Bá Phát mời đồng chí cán bộ lên báo cáo trước

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

Đại hội. Ngập ngừng và cảm động trước sự nghiêm trang của buổi họp, đồng chí cán bộ phát biểu: *“Kính thưa Đại hội, chúng tôi diệt cứ điểm Đồn Nhất đêm 24 rạng sáng ngày 25/9, một trận đánh ác liệt và gay go nhất. Nhiều đồng chí hy sinh oanh liệt đã để lại nhiều tấm gương sáng. Đồng chí Trần Ngọc Anh cử tôi về đây báo cáo và xin chỉ thị mới”*.

Hội trường lại tiếp tục vỗ tay.

Đồng chí Nguyễn Bá Phát lần nữa nói tiếp: *“Hoan nghênh đơn vị DZ, hoan nghênh Tiểu đoàn 59, đồng chí về báo cáo lại đồng chí Anh, chúng ta là đội quân chiến thắng. Đơn vị sẽ được khen thưởng. Tôi giao nhiệm vụ: Chuẩn bị chiều mai sẽ có đoàn cán bộ tỉnh đến thăm. Bàn giao tên tù binh Pháp cho tổ địch vận”*.

Sau buổi gặp mặt động viên của đoàn cán bộ cấp trên, đơn vị tiếp tục hành quân về phía Nam, trở về với Trung đoàn và Tiểu đoàn 59.

Phấn khởi trước thắng lợi của đơn vị, thương tiếc những đồng đội đã nằm lại trên đỉnh đèo Hải Vân, đồng chí Trương Công Vọng đã sáng tác mấy vần thơ:

*“Ơi! Hải Vân quan mây vờn sóng vỗ
Hãy ru hồn cho các bạn Dương, Tho
Gió bụi thời gian đâu dễ phai mờ
Công các bạn là chiến công bất hủ
Dù cuộc sống thánh năm thiếu đủ
Ta vẫn tự hào kiêu hãnh Hải Vân ơi!”*.

VỀ VỚI KHÁNH HÒA

Kính tặng cán bộ và nhân dân tỉnh Khánh Hòa

Yêu thương lắm! Khánh Hòa ơi!
Chúng tôi đã về đây
Tiểu đoàn “Năm chín” đang say diệt thù
Bên này là chiến khu
Bên kia đồn lũy giặc
Não lòng tiếng than khóc
Trong đêm dài âm u
Nhớ ngày Cách mạng mùa thu
Đập tan xiềng xích, lao tù ra tro
Cuộc đời mới được tự do...
Giờ đây cỏ cháy đồng khô tiêu điều
Giặc Pháp ác bao nhiêu
Dân ta căm chường bấy
Khi lòng dân căm thù đứng dậy
Là nước dâng, là lửa cháy bốn bề
Này chị! Tỉnh hay mê
Ơi anh! Ngủ hay thức
Đêm nay có nghe lòng rạo rức
Rộn niềm vui chiến thắng công đồn
Súng vây ép bốn bên
Không để sót một đứa
Khắp trời đều chớp lửa
Ầm ầm vang dậy cả Sơn Khê
Khắp nơi thành thị, thôn quê
Đón tin chiến thắng tràn trề niềm vui
Tin chiến thắng khắp nơi

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

Bay về chỉ huy sở
Hòn Khói, Nha Trang gửi bao niềm thương nhớ
Lên chiến khu gian khổ anh hùng
Nam Bắc Khánh Hòa đồng loạt chuyển rung
Quê mình dậy rồi, cò reo trong nắng sáng
Giặc vào Đá Bàn bốn trăm tên bỏ mạng
Sở “Thằng Lô” ghi đậm chiến công vàng
Tân Phong, Nhĩ Sự tan hoang
Câu Lớn, Hòn Hèo hiệp đồng giết giặc
Giải thoát năm mươi thường dân bị bắt
Diệt gọn trận càn, bắt hai bốn tù binh
Phú Nam, Phú Cốc, Mỹ Lệ, Hội Bình
Vạn Giã, Tu Bông theo nhau bị hạ
Ngụy quân thua đau, ngụy quyền tan rã
Dân về làng làm du kích chiến tranh
Lực lượng vũ trang, được phát triển nhanh
Phá thế kèm du kích ngày càng mở rộng
Đoàn kết quân dân chung xây cuộc sống
Làm chủ đời mình lòng hướng tới cờ sao
Chiến thắng nào mà không có những gian lao
Ta vững tin chắc có ngày tất thắng
Đường đấu tranh nhiều chông gai mưa nắng
Vẫn có Đảng mình, dìu dắt bước chân

*

* *

Chào Khánh Hòa! Chào tất cả nhân dân
Chào những tên đất, tên sông, những tấm lòng nồng thắm
Dải đất Liên khu Năm núi dài sông rộng
Chúng tôi còn đi khắp bốn phương trời

Phần I: Lịch sử Tiểu đoàn 59

*Chúng tôi còn đi đến những nơi nơi
Giết giặc ngoại xâm khi Đảng cần, Dân muốn
Chúng tôi những người con của Tiểu đoàn “Năm chín”
Hẹn một ngày về lại... Khánh Hòa ơi!*

Viết hè 1953 - Chính lý năm 1999

Phan Đắc Lực

Nguyên chiến sĩ Tiểu đoàn 59

(Trung đoàn 803 Liên khu V thời chống thực dân Pháp)

Sử thi
TRUNG HIẾU VỆN TOÀN

Sừng sững Hải Vân hùng thiên đệ nhất quan¹!
Uy nghi Thiên Lãnh cao ngất Vọng Phu
Chín năm chung bước diệt thù
Nắng mưa chung đội, đôi lòng đồng ca
Tây Nguyên gió núi mưa ngàn
Lạnh xé da, sưởi ấm lòng tình dân
Ba người chung đắp tấm chắn
Chung nhau khói thuốc, tắm trắng giữa rừng
Trường chinh biết mấy mùa xuân
Máu xương đồng đội biết chùng nào phai
Năm mươi năm đoạn đường dài
Bên nhau ôn lại mất ai, ai còn?
Hiếu trung giữ trọn lòng son
Tiểu đoàn 59 vẫn còn hiện sinh
Từ chân đất giữ làng đánh giặc
Theo Bác Hồ thành lính nhân dân
Điện Bàn, Đại Lộc, Duy Xuyên
Hòa Vang, Đà Nẵng, Hội An quê mình
Hành trang gói gọn trên lưng
Hợp nhau thành một đạo quân Cụ Hồ.
Rừng Nghĩa Thắng ngày đêm luyện tập
Núi chợ Bò Bình Thới trú quân
Năm năm một Xuân qua Hè tới
Ve rộn ràng, gươm sáng ra đi
Bờ dâu, bãi mía xanh rì

1. Vua Minh Mạng đề.

Phần I: Lịch sử Tiểu đoàn 59

Tiến đưa mình lại trở về quê hương
Quảng Đà đất Mẹ yêu thương
Kẻ thù tìm hãm, máu xương tuôn tràn
Thù sâu chứa chất tim gan
Lệnh trên ta quyết phá tan thế kềm
Đồng Quang nâng chén chè xanh
Trận đầu không thắng tháp canh không về
Sau Thanh Tú đến Nhà Hề
Thôn Đông, Góc Gáo đánh về Chiêm Sơn
Đại đội 11 xuyên Hòa Vang
Tiêu diệt Bàu Mạc, Dốc Nhót tiếng tăm Thành Đà
Hướng Biển Đông vượt Cẩm Sa
Đại 6 tiến đánh tháp Hồ bà Thiên
Tiếng vang chiến thắng khắp miền
Kẻ thù khiếp sợ, phong trào mạnh lên.
Cuối thu theo lệnh cấp trên
Hành quân cấp tốc về miền Tây Sơn (Bình Định)
Mỹ Tài, Phù Mỹ, Quy Nhơn
Xa quê cảnh mới nổi lòng băng khuâng
Cho hay đâu cũng là dân
Lính Cụ Hồ những đưa con về nhà
Mái nhà chung 803
Trung đoàn cơ động trời xa đang chờ
Núi Rùa, chợ Đổ, đèo Nhông
Tình mơ đi tập, đêm đông mới về
Quên sao nổi bột sắn mì,
Mắm cua gừng nặng nghĩa tình lòng dân
Cuối đông Ớn đã báo Xuân (1951-1952)
Hướng Cheo Reo vượt sông quân hành

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

Hương Canh, Làng Thai, Ma Hàm,
Mưa sa gió táp, chân đi đá mòn
Giao thừa lặng lẽ vượt sông
Sương khuya lạnh buốt lửa lòng bùng sôi
Núi rừng sấm chớp vang trời,
Phóng bom trút xuống khu đồn Ai Nu
Diệt gọn buôn Bía Đại 4
Toàn đoàn tập hợp trở về Buôn Xây
Sau chiến dịch trở về Nhơn Hậu
Ngã ba Dinh, Khu 6 Quy Nhơn.
Ngày đêm mài miết thao trường
Thêm quân, thêm súng tình thương càng đầy
Lệnh Trung đoàn hành quân ngay
Toàn quân bốn tập chạy ngày chạy đêm.
Quân thù từ Bắc Tây Nguyên
Dã tâm đánh xuống hậu phương Sơn Hà
Sá chi núi dốc đường xa,
Đói lòng nhưng chẳng kêu ca một lời
Toàn đoàn đến núi hang Dơi
Quân thù nghe tiếng sợ run chạy dài

*

* *

Sau Tơ Rít¹ hậu phương yên ổn
Tiểu đoàn về đóng đất Phước Quang
Công kiên rèn luyện chuyên cần
Cầu Gành, tháp Nhạn, Diêu Trì, Ba Di
Nắng hè vội vã ra đi
Đêm trường đâu quản ngại gì gió sương

1. Cuộc hành quân Latérite của địch.

Hướng về mảnh đất quê hương
Mẹ già đang đợi, Em thương đang chờ
Nương dâu, đồng lúa héo khô
Kẻ thù o ép máu trào lệ tuôn
Mẹ già ơi! Xin đừng buồn
Chúng con, quyết bắt kẻ thù phơi thây
Lửa hờn trút xuống Phù Kỳ
Ba đêm sau đến Vân Ly tan tành
Nương dâu trở lại màu xanh
Sông Thu nước lại trong lành êm trôi
Tiếng ai như tiếng em tôi
Mong anh hết đứng lại ngồi không an
Đây rồi đồng lúa Điện Bàn
La Trung đất thép sẵn sàng chờ bay
Kẻ thù kéo đến bao vây
Đại 4 bắt chúng phơi thây giữa đồng
Bọn chúng ý chúng đông hò hét
Đại trưởng Cần kẹp chặt trung liên
Cắm thù bắn gục từng tên,
Đào Vinh, Văn Ý xông lên giữ cầu
Bom xăng lửa cháy ngút trời
Cháy da nám mặt không rời Giáng La
Thương làm sao bao mẹ già
Ôm mộ liệt sĩ lệ sa đầm đìa
Trời sang Thu chuyển đổi mưa
Đêm khuya lợi ruộng vượt đồng Châu Lâu
Ôm bọc phá ghè sâu trong dạ
Quyết tâm thề phá cứ Kỳ Lam
Dẫn đầu Đại trưởng Trần Đàm

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

Tinh binh Đại 6 Kỳ Lam tiến vào
Mưa xối xả ào ào trút nước
Căng mắt ra tìm được bờ rào
Bộc phá nổ tiếng hò xung trận
Nụ xòe hư gây cản làm sao?
Trần Xung như một con thoi
Băng qua lửa đạn đâu nài hy sinh
Sau một giờ tả xung hữu đột
Diệt sạch thù cứ điểm Kỳ Lam
Quân về thiếu bóng Trần Đàm
Thương làm sao hồi con người tài ba.
Hè đã mãn, thu sang gió lạnh
Hội quân về Cẩm Toại, Hòa Khương
Lại tiếp tục mở đường thẳng lợi
Vượt đồng xanh đến đất Lệ Sơn
Êm trôi dòng nước sông Yên
Qua sông bằng những chiếc thuyền lá tre
Lòng dân Hòa Tiến chở che,
Trời khuya bịt mắt, bịt tai quân thù
Bộc phá nổ phóng bom dội lửa
Những mũi tên xung kích lao lên
Ngô Loi, Nguyễn Lự, Nguyễn Quỳ¹
Trong gian nguy có sá gì tấm thân
Trần Luy, Nguyễn Lớn, Đình Tân
Quyết không cho chúng thoát thân phen này
Tên Đội Tước mưu bày tráo trở,
Đâu dễ gì qua mắt nhân dân
Đuổi theo tóm cổ nó ngay

1. Các chiến sĩ Tiểu đoàn 365.

Phần I: Lịch sử Tiểu đoàn 59

Tử hình bản án phơi thây chiến trường
Sông Yên ơi! Nắng chiều vương,
Chia tay nỗi nhớ niềm thương vui đây
Hải Vân cao chín tầng mây
Chim kêu ghènh đá, thành xây thuở nào
Kẻ thù án ngữ thế cao
Huênh hoang ai dám xông vào nơi đây?
Đường đi vượt suối, vượt lầy
Núi cao rừng rậm mưa bay mịt mù
Năm cơm gạo hầm lót lòng,
Đại 4, Đại 6 âm thầm tiến quân
Đêm khuya trời tối như bưng,
Lầm lẫm, lặng lẽ áp tở chân thành.
Tiểu đoàn phó Trần Ngọc Anh
Hạ lệnh phát hỏa phá thành xông tở.
Thành dày lô cốt quá cao
Thang bắt không tới tính sao bây giờ
Dương Thêm, Công Giã, Trần Thơ,
Bá Dương, Bá Chử mưu cơ tính bàn
Lấy thang chấp nổi hai thang,
Bá Dương gắng sức tay càng nâng cao
Đội đột kích trèo lao vun vút
Từ thành cao nhảy xuống sân đồn
Tấn công mãnh liệt đập đồn
Lê dương khiếp đảm lạc hồn phách bay
Trưởng đồn trối chết khuỷu tay
Lớp hàng, lớp chết phơi thây đây đôi
Sau chiến thắng cơm trôi bụng đói
Mai táng anh em, không công chiến thương

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

Bước đi chạnh nhớ chạnh thương bạn bè
Cùng đi nay chẳng trở về
Rừng khuya lay động, vỗ về hồn anh.
Mai sau ai đến Hải Thành
Thắp nén hương, tạc sử xanh về Người
Mưa rơi nặng hạt mưa rơi
An Khê vậy gọi xin rời quê hương.

*

* *

Đường đi gần một tháng trường
Màn trời chiếu đất gió sương theo cùng
Bình Dương, Châu Trúc, Trà Thung
Rừng dừa Bình Định bập bùng thâu đêm
Tập vận động, tập công kiên
Lương khô, ống nước muối vừng vội rang
Cán binh hồi hả nhịp nhàn
Súng gươm mài sắc sẵn sàng xuất quân
Bàng thay lá, gió xuân thổi lại
Hướng An Khê khăn gói lên đường
Vượt Bình Khê đến Bình Giang
Vườn xoài, Dương Phó hội quân tỵ tề
Chính ủy Nguyễn Chánh lại về động viên
Trận đầu phải thắng lời nguyện nhớ ghi.
Đồn Tú Thủy đồn thù mối hận,
Vi Dân ơi! Anh hãy yên lòng.
Rừng khuya sương phủ mịt mù
Rì rào bộ đội, điệp trùng dân công
Bộc phá nổ, SK cùng nổ
Ba - sáu - lăm xé toạc ngoại vi

Phần I: Lịch sử Tiểu đoàn 59

Kẻ thù chống trả cuồng điên
Không cho đông đội tiến lên đâu cầu.
Kiên cường Đại trưởng Mãn Châu
Thế Xương dũng cảm dẫn đầu xông lên
Lốp trước ngã lốp sau vẫn tiến
Dù hy sinh quyết chiếm đầu cầu
Lại Xang nhảy xuống hào sâu
Thang mê bị gãy lấy đầu đội lên
Máu đông đội vương đây cửa mở
Nén đau thương Đại 6 xông vào
Xốc lê nhảy xuống chiến hào
Đại trưởng Văn Thị hô hào xung phong
Trung liên đặt phất trên hầm
Từng loạt đồn dập, ghìm đầu Lê dương
Nguyễn Phùng, Sĩ Đột, Trần Xương
Quang Ngân, Phước Hữu tạt sườn đánh qua
Kẻ thù chui xuống hầm sâu
Bộc phá ống nổ, lôi đầu chúng lên
Khu đồn tiếng súng đã yên.
Quân ta bắt sống trăm tên có thừa
Thắng trận này trả thù xưa
Vi Dân thỏa dạ, Châu, Chi mát lòng.
Tú Thủy chiến thắng vừa xong,
Lệnh trên 59 diệt đồn Thượng An.
Đỉnh cao trọng pháo nghênh ngang.
Ngày đêm bắn phá khắp miền Bình Khê
Mười một vây ép bốn bề (C11)
Hoang mang giặc sợ xua quân ra ngoài.
Hợp đồng súng nổ Đầu Đèo

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

Cưỡng hành - Cưỡng kích phá rào xông lên
Đột kích 1 gấp mìn nhảy địch.
Triệu hy sinh, Hữu, Vĩn thương vong
Đột kích 2 tiếp xung phong
Đầu cầu chiếm được khó lòng tiến sâu
Tiểu đoàn đều Đại đội 4.
Trận nội phát triển không cho chúng chuồn
Hầm ngầm chúng lách, chúng luồn
Phóng mìn chống trả, ngăn đường quân ta.
Lệnh, Thân cùng với Lữ Xa
Tiểu liên, thủ pháo vượt qua chặn đầu
Bình minh tỏa sáng đã lâu
Máy bay chúng đến ném bom phá đồn
Gan vẫn kiên, chí không chùn
Tiêu diệt sạch chúng không còn một tên
Dân công, bộ đội xông lên
Hò nhau kéo pháo về miền khu V (155mm)
Bảo tàng quân đội voi nằm
Chiến công 59 sủi vàng còn ghi
Tượng đài núi Lá uy nghi,
Nơi bao đồng đội nằm đây không về
Ước gì thăm lại An Khê,
Viếng mồ đồng đội trọn bề thủy chung.

*

* *

Xuân sang hoa nở tung bừng
Tiểu đoàn về lại đóng quân Cát Tường
Đêm ngày củng cố khấn trương
Khánh Hòa khói lửa đau thương đang chờ

Phần I: Lịch sử Tiểu đoàn 59

Hè nóng bỏng lên đường Nam tiến
Vượt Phú Yên đến đất Đồng Bò
Biển Đông Thiên Lãn, Vọng phu
Tây Nam dốc Quế, dốc Chanh đây rồi
Bốn giờ sáng trèo lên dốc ngược,
Chín giờ đêm chuôi xuống Đá Bàn
Bấp hăm, lá sắn, muỗi rang
Sương khuya đá lạnh, tiếng mang tìm bầy
Cọp Khánh Hòa chính nơi đây
Nuôi quân gánh nước, hổ bầy bám theo.
Đại 11 xuống Hòn Hèo
Đại 4, Đại 6 ém quân Đá Bàn
Đêm đêm cùng với địa phương,
Lội về Phú Lễ, Phú Văn vực trào
Đây Nhĩ Sự tháp cao vời vợi.
Kia Tây Phong biệt kích Lý Ba
Tĩnh trao nhiệm vụ Đoàn ta.
Trận đầu phải thắng tạo ra phong trào
Giữa đêm hè trời sao sáng tỏ.
Lính gác đồn tiếng mõ cầm canh
Đặc công kết hợp bộ binh.
Luồn sâu vào bất địch quân bất ngờ
Bộc phá nổ tháp cao đổ sập.
Trong phút giây lửa ngập đồn thù
Tân Phong biệt kích đêm sau
Cùng chung số phận về châu Diêm Vương
Đất Hòn Khói chiến trường nổ súng
Bốt Hòn Hèo sụp đổ tan hoang
Hai nơi phối hợp nhịp nhàng

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

Kẻ thù hoảng hốt, hoang mang tột cùng
Chúng cầu cứu viện binh khẩn cấp
Để đối đầu với chủ lực ta
Hàng ngàn tên Français
Ào, ào kéo tới Bến Ghe - Đá Bàn
Quân ta ít, sẵn sàng nghênh chiến
Chờ chúng lui vận động tấn công
Đây rồi trận địa Vườn Gòn
Hỏa lực chế áp xung phong tức thì
Trung trưởng Chúc chỉ huy xung kích
Đẩy địch ra chiếm sở “Thăng Lô”¹
Đẩy thù như sóng biển xô
Buộc chúng co cụm bên bờ suối Mây
Trung liên Đình Thị thẳng tay
Ghim đầu chúng xuống không cho chúng chuồn
Đại đội 4 hợp đồng chia cắt
Gạt súng thù mãnh liệt xung phong
Lê dương khiếp đảm kinh hoàng
Lớp thương, lớp chết nằm tràn suối khô
Bốn trăm tên chung mồ nhục nhả
Dân Khánh Hòa hả dạ từ đây.
Rừng khuya tiếng nhận lạc bầy.
Ơi Chúc, ơi Cứu từ đây không còn.
Trọn đời vì nước, vì non
Ngày vui chiến thắng không còn các anh

*

* *

Bắc Khánh Hòa sự tình đã ổn

1. Đồn điền cũ của thực dân Pháp ở Ninh Hòa, Khánh Hòa.

Phần I: Lịch sử Tiểu đoàn 59

Phong trào lên ta phá được kìm
Phía Nam cần lực lượng thêm
Tấn công quân địch tận thành Nha Trang
Vì chúng lương thiếu gạo khan
Cho nên chỉ cử một đoàn tinh binh
Chín người khăn gói lộ trình
Ba ngày đêm đến tận vùng Đất Đen
Địa phương đang quá khó khăn
Kẻ thù vây hãm xe tăng, tàu bò
Ta không thể nằm co chờ địch
Quyết thọc sâu vào tận Cầu Thành
Ba người thành một đạo quân,
Một đêm cảm tử hạ luôn ba đồn (đặc công)
Phú Năm, Phú Cốc, Cầu Thành
Lửa thiêu cháy trụ tan tành ra tro
Tuần sau đánh tiếp hai nơi
Đánh Thạnh, Am Chúa đi đòi nhà ma
Quân dân vang tiếng hát ca
Mừng công dânng Bác gần xa tiếng đồn
Ngoảnh nhìn cây cỏ nước non
Khánh Hòa anh dũng mãi còn khắc sâu

*

* *

Theo mệnh lệnh về sau học tập
Rời Khánh Hòa - Quảng Ngãi ruổi rong
Sách đèn Quân đội nhân dân
Trường kỳ kháng chiến chuyên cần ngày đêm
Càng học tập sáng thêm trong dạ
Rèn lập trường, thù - bạn phân minh

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

Sẵn sàng tiếp bước trường chinh
Dù cho gian khổ, hiểm nguy đâu nài.

*

* *

Thu lại đến trúc, mai thay lá
Đất Mỹ Tài, chợ Đố chờ ta
Đồn Rùa, Phủ Cự mưa sa
Đêm đêm pháo nổ quân ta luyện rèn
Đông sắp tàn luyện quân kết thúc
Hướng cao nguyên rạo rức ngày đêm
Gáo dừa, bao lát, mắm kem
Mẹ vá tấm áo, mẹ thêm củ gừng
Năm tay mẹ rừng rưng ngấn lệ
Kể từ đây đâu dễ gặp nhau
Xóm làng để lại phía sau
Chân đi một bước lòng đau quặn lòng
Cao nguyên rừng núi điệp trùng
Vượt Kim Sơn đến Thượng nguồn Ba To
Liên khu phát lệnh giương cờ
Măng Đen, Kon Rẫy đang chờ đoàn ta
Đồn Kon Rẫy đường xa vời vợi
Súng nổ sau, chờ đợi Măng Đen
Cắt rừng bôn tập chạy băng
Trời khuya không đuốc, không đèn quán chi
Măng Đen nổ, ngoại vi chưa đến
Địch trong đồn báo động tủa ra.
Quang Ngân sẵn chiếc dao pha,
Chém ngay vào gáy một tên ngoài rào.
Trung trưởng Vương lao nhanh quật ngã.

Phần I: Lịch sử Tiểu đoàn 59

Cắt cổ thù đông đội xông lên
Phá rào bộc phá vang rền
Đạn thù ác liệt chặn đường tiến quân
Trần Xương, Huỳnh Dụ, Lê Dân
Thay nhau bộc phá mấy lần xuống lên
Xương trúng đạn không rên bò tới
Trườn người lên đê lớp rào cùng
Đẹp sao hành động anh hùng
Đột kích trận nội trùng trùng thọc sâu
Tân binh dũng cảm Ngọc Du
Gương sáng chiến đấu ngợi ca Trung đoàn
Tù binh ta bắt từng hàng
Kon Rẫy ta diệt bàng hoàng Kon Tum
Lui quân chân bước ngập ngừng
Xương, Dân, Quốc Vượng nay còn nữa đâu
Nắng vàng đọng lá rừng sâu,
Che giùm mộ bạn, đời sau ta về
Sau Kon Rẫy vượt sông Xà Nghệ
Nam Kon Tum chặn địch tháo quân
Đại 4 súng nổ tung bùng (C4)
Bảy xe đây giặc chôn chung một mồ
Kon Tum giải phóng hoan hô
Quân dân gặp mặt như rồng gặp mây

*

* *

Quên sao được chia tay đêm ấy
Mười Một lên đường độc lập cánh Nam (C11)
Lối xưa Lang Thai, Hương Canh
Nghị binh chiến dịch địch quân bất ngờ

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

Cùng địa phương phát cò nổ súng
Diệt Ka Tu, tiến đánh Kon Pông
Một mình tả đột hữu xông
Thương anh Nguyễn Liệu gian truân cuộc đời
Tuổi già đi khắp mọi nơi
Đói no chung chịu với người anh em
Theo mật lệnh tiến lên 14
Sức không nhiều dám đánh Đắc Đoa
Đâu ngờ gặp chúng lại là
GM xăng¹ chính hiệu mới qua chiến trường
Tình thế mới khôn lường chiến cuộc

*

* *

Vẫn hiên ngang nổ súng tấn công
Tuy rằng trận đánh không thành
Mười Một dũng cảm sử xanh ghi đời (C11)
Lê Đó, Lê Xuân, Ngô Loi
Hy sinh anh dũng biết đời nào quên.

*

* *

Lệnh chiến đấu một đêm trăng sáng.
Toàn Trung đoàn quyết thắng Đắc Đoa
Rào dầy, súng lớn, chiến xa
Đâu ngăn chặn nổi quân ta tiến vào
Pháo xối xả tung rào võ cốt
Gương hy sinh ngã một tiến hai
Dẫn đầu Đội trưởng Công Khai
Đôi chân dập nát vẫn nêu vai trò

1. Binh đoàn cơ động 100 (GM 100).

Phần I: Lịch sử Tiểu đoàn 59

Nghiến răng lại vừa hò vừa tiến
Áp thân mình lô cốt đâu cầu.
Lệnh Đại 6 thọc sâu chia cắt
Hợp lực cùng đồng đội 65 (365)
Cắm thù chắt chứa tim gan
Quyết diệt sạch chúng một tên không còn
GM xăng thảm bại thối đồn
Nhớ đời đôi thủ Trung đoàn Tám Ba (803)

*

* *

Tiến quân tiếp vượt qua Đắc Lắc
Vòng Măng Giang đến Đắc A Dưng
Hoa xăng lẻ, cuối xuân nở trắng
Đồn Plei Ring phủ nặng sương đêm
Mới đâu mình tưởng trăm tên
Khi ta tiếp cận hóa trên hai ngàn
Pháo xe la liệt nghênh ngang
Đây rồi lại gặp binh đoàn GM xăng (GM100)
Thế tình sợi tóc ngàn cân
Trung đoàn ủy quyết tấn công bất ngờ

*

* *

Hai con chín ba năm cùng chín (D39 D59)
Một mẹ hiền đất Quảng sinh ra
Hậu phương chung một mái nhà
Chiến trường bạn lại cùng ta trận này
Tiến hành, tiếp cận hợp vây
Áp sát lều giặc chúng không biết gì
Lệnh nổ súng, phóng bom vang dội

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

Hòa nhịp cùng súng cối S-K (SKZ)
Lê dương hoảng sợ kêu la
Lốp thương, lốp chết, lốp ra đầu hàng
Pháo xe lửa cháy ngút ngàn
Chín trăm rưỡi giặc, suối vàng vùi thây
Gương chiến đấu đời nay còn nhắc
Hữu Trử anh hùng là Triệu Tử Long
Cầm quân anh dũng vô song
Dẫn đầu đơn vị thọc sâu đến cùng
Trời hùng sáng núi rừng tỉnh giấc
Lui quân về đến bến A Dưng
Máy bay địch ném bom xăng
Nguyễn Khâm ngã xuống tuổi xuân tràn đầy
Nguyễn Thôi sức yếu thân gầy
Mỉm cười yên nghỉ trời tây gió ngàn
Mai Văn Ý nhà thơ vui tính
Rời Đề Di làm lính Cụ Hồ
Chiến trường chẳng thiếu chỗ mô
Ổng chân gãy nát không kêu một lời
Lê Ngọc Du tuổi thiếu thời
Người nổ súng trước vào đồn Plei Ring
Gãy chân Du vẫn lặng im
Yên lòng đồng đội tiến công đồn thù
Còn đây Văn Ý, Ngọc Du
Dừa xanh Bình Định nhẹ ru cõi lòng

*

* *

Lại tiếp tục lên đường tác chiến
Vượt sông Ba qua bến Cà Tung

Phần I: Lịch sử Tiểu đoàn 59

Rừng Dầu đông bản Buôn Xây
Đón người bạn cũ hôm nay lại về
Gạo đã cạn xuống quê xin gạo
Dân cây Dìeng, Kỳ Lộ góp gom
Hậu phương thêm lính thêm quân
Cả DKZ Trung ương tăng cường
Quân binh đủ lên đường đánh tiếp
Ngược sông Ba đường 7 Ma Hoàng
Vây Ai Nu bức chúng hàng
Buộc chúng cứu viện từng đàn chiến xa
Bảy giờ sáng chúng sa trận địa
Xuất kích ngay diệt gọn bảy xe
Cheo Reo bọn địch tin hay
Tiểu đoàn bọc thép lao ngay xuống đèo
Vừa đi vừa bắn dọc theo
Trục đường số 7 xuống đèo Ai Nu
Anh Hàm cùng phái viên khu
Lư Giang anh cả đổi trao thế cờ
Dịch đội hình lên gần Tân Á
Dùng ĐK chặn đứng xe tăng
Xung phong mãnh liệt hai bên
Bất chấp bom đạn dưới trên nhất tề
ĐK nổ 4 xe bốc cháy
59 xông lên, 39 hợp vây
Kẻ thù không kịp trở tay
Lính xe diệt sạch phơi thây giữa đường
Xong trận ấy xuống sừng Bà Lá
Đây sông Hinh đàn cá chào mừng.
Khẩn trương tiến đánh Tuy Bình

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

Đầu cầu của giặc quê mình Phú Yên
Lệnh phát hỏa như tên lao vút
Dập tắt ngay hỏa lực tung thâm
Ba Sáu Lăm đánh thẳng khu Đông
D59 khu Tây đột phá
Cả Tuy Bình ngập trời lửa đỏ
Một giờ sau diệt gọn khinh quân (D504KQ)
Thương thay Nguyễn Cảnh hy sinh
Người xạ thủ lừng danh trăm trận
Nguyễn Hòa ơi xin đừng ân hận
Máu xương anh đã góp cho đời
Cháu con anh đừng thẳng làm người
Điện sông Hinh sắp sáng lên rồi
Lòng đất Mẹ ngàn đời yên nghỉ
Giặc Át Lãng¹ cùng đường thế bí
Chúng đồn quân tháo chạy toi bờ
Hãy nhanh chân anh em ơi!
Tập kích thẳng Màng Màng, Chí Thạnh
Cả chiến trường dập đồn đánh mạnh
Vượt Đà Rằng vào đất Hòa Xuân
Đánh chợ Xéo diệt quân Hòa Hiệp
Đêm 20 quân ta đánh tiếp (20/7/1954)
Đông Tác sân bay bốn chiếc ra tro

*

* *

Trời sáng tỏ bình minh tỏa nắng (21/7/1954)
Tiếng súng im, chim chóc hót vang
Ngờ đâu viên đạn hoảng hồn

1. Cuộc hành quân Atlante.

Phần I: Lịch sử Tiểu đoàn 59

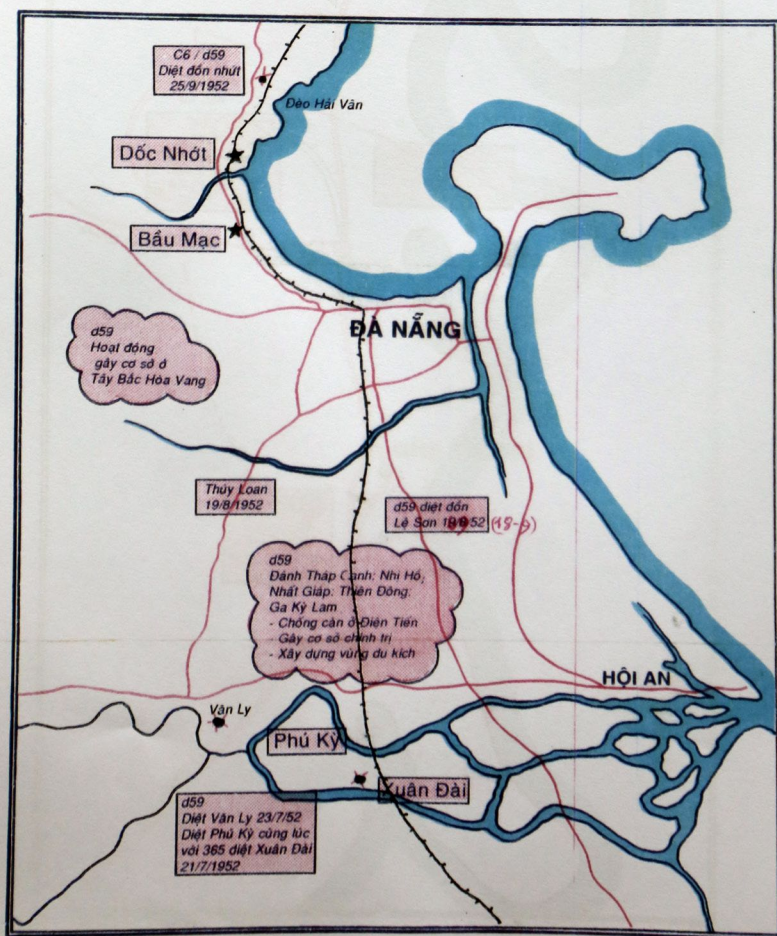
Lê Nhân ngã xuống giữa đồng Phú Yên
Thương thay người vợ dẫu hiên
Điện Hòa chờ đợi bốn mùa xuân sang
Đứa con nhỏ cha chưa biết mặt
Mong cha về khóc thét từng cơn
Lời ru năm tháng mỗi mòn
Cha con vì nước, vì non không về
Cháu ơi! Cha trọn lời thề
Chú đây, bác đấy sẽ về với con
Bên nhau ai mất? Ai còn?
Da nhẵn tóc bạc đá mòn vàng phai
Hãy vui lên đón ngày mai
Trời cao, biển rộng, sông dài của ta
Mấy lời mạo muội hôm na
Tâm tình gửi bạn gần xa vui cùng
Lính Cụ Hồ, lính Anh hùng
Tiểu đoàn 59 hiếu trung vẹn toàn.

Ngày 20/01/2000

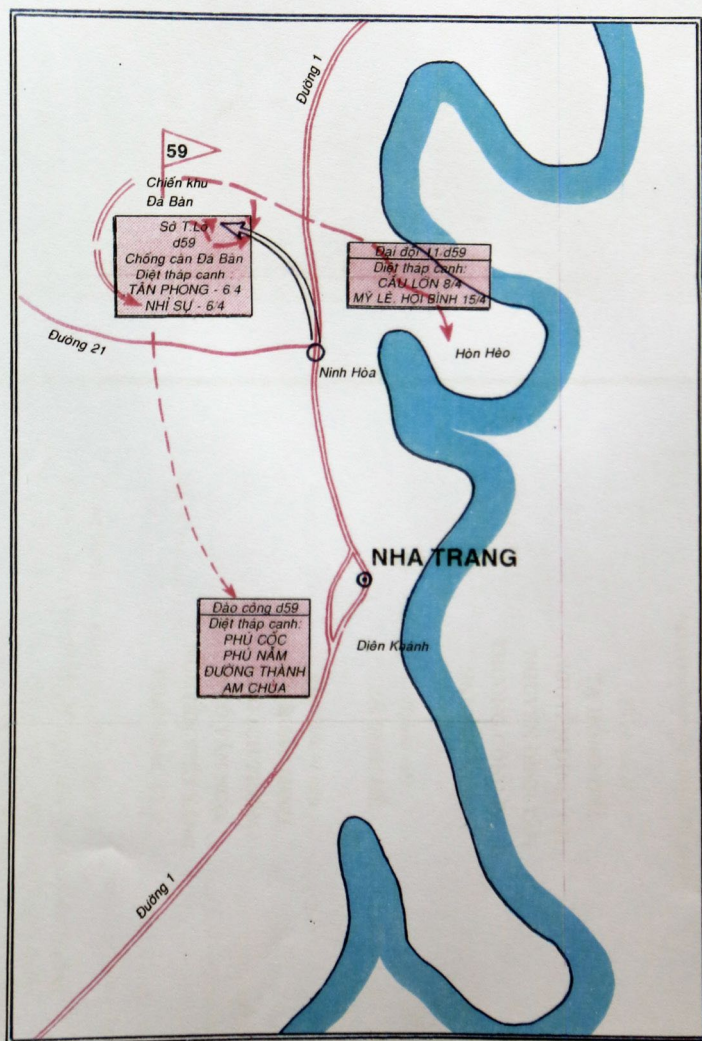
Trương Công Vọng

Cựu chiến binh Tiểu đoàn 59

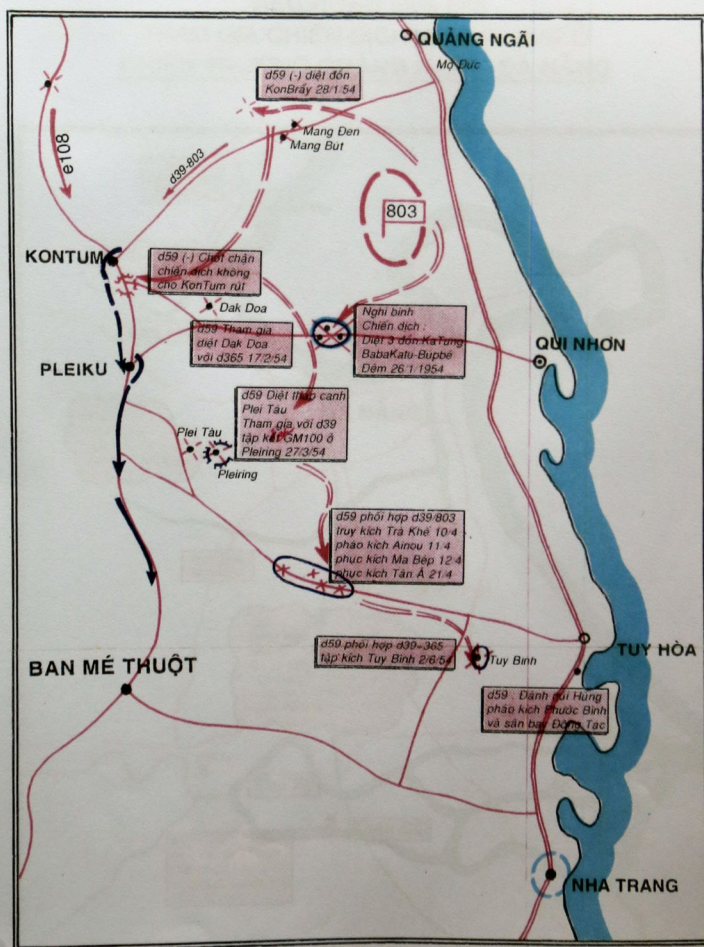
TIỂU ĐOÀN 59/E 803
THAM GIA CHIẾN DỊCH HÈ THU 1952 Ở
CHIẾN TRƯỜNG QUẢNG NAM – ĐÀ NẴNG



TIỂU ĐOÀN 59/E 803
HOẠT ĐỘNG ĐỘC LẬP Ở
CHIẾN TRƯỜNG KHÁNH HÒA
HÈ 1953



TIỂU ĐOÀN 59/E 803
THAM GIA CHIẾN DỊCH ĐÔNG XUÂN HÈ 1953 - 1954
Ở CHIẾN TRƯỜNG TÂY NGUYÊN



PHẦN II



ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN



TIỂU ĐOÀN 59 - NHỮNG CHIẾN CÔNG LỊCH SỬ

(Ghi theo nội dung phỏng vấn Đại tướng Phan Văn Giang -
Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)



Kính thưa Đại tướng!

Tiểu đoàn 59 - Chủ lực cơ động Liên khu V - được sinh ra từ phong trào chiến tranh du kích, chiến tranh nhân dân tại chiến trường Quảng Nam - Đà Nẵng, trưởng thành trong đội hình Trung đoàn 803, lập nên những chiến công vang dội, góp phần vào thắng lợi chung của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Nhân dịp kỷ niệm 70 năm chiến thắng Đồn Nhất - Hải Vân Quan của Tiểu đoàn 59, chuẩn bị hướng tới kỷ niệm 70 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, Hãng Phim Tài liệu và Khoa học Trung ương thực hiện bộ phim *Tiểu đoàn 59 - Họ đã sống và chiến đấu* để tri ân những người lính của Tiểu đoàn - những con người bình dị mà dũng cảm, tận trung, tận hiến mồ hôi, xương máu

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

và cả sự sống của mình cho Tổ quốc. Qua việc đi tìm nhân chứng và tư liệu lịch sử, chúng tôi đã tái hiện được hình ảnh về một đơn vị chủ lực của Liên khu V, có nhiều đóng góp cho thắng lợi cuối cùng của sự nghiệp kháng chiến. Từ trường hợp một đơn vị cụ thể, để bình luận về sự trưởng thành của Quân đội nhân dân Việt Nam ở chiến trường Liên khu V trong kháng chiến chống thực dân Pháp, xin Đại tướng vui lòng cho biết:

Phóng viên: *Việc thành lập các đơn vị chủ lực tại các mặt trận, thực hiện chủ trương phát triển lực lượng quân đội được đề ra tại Hội nghị toàn quốc lần thứ ba của Đảng (năm 1950), vận dụng vào trường hợp Tiểu đoàn 59 - Chủ lực cơ động Liên khu V - có ý nghĩa như thế nào với mặt trận miền Trung thưa Đại tướng?*

Đại tướng Phan Văn Giang: Sau năm 1948, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta giành được những thắng lợi quan trọng trên các mặt trận: chính trị, quân sự và ngoại giao. Trước tình hình mới và để đáp ứng nhiệm vụ mới của cách mạng, Ban Thường vụ Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định triệu tập Hội nghị toàn quốc lần thứ ba của Đảng. Hội nghị tiến hành tại Việt Bắc từ ngày 21 tháng 01 đến ngày 03/02/1950 đã xác định rõ chủ trương kháng chiến của ta là: Hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị, chuyển mạnh sang tổng phản công; xây dựng các binh đoàn chủ lực, xây dựng bộ đội địa phương, phát triển dân quân.

Thực hiện chủ trương của Đảng, tại chiến trường Liên khu V, quân chủ lực của ta cũng đã phát triển rất mạnh, đáp ứng yêu cầu kháng chiến. Tiểu đoàn 59 - Chủ lực cơ động Liên khu V là minh chứng tiêu biểu cho việc hiện thực hóa “*Nhiệm vụ quân sự cần kíp*” tại mặt trận miền Trung.

Phần II: Anh hùng của lòng dân

Dưới sự lãnh đạo của Liên khu ủy Khu V, Tiểu đoàn 59 với nòng cốt là các chiến sĩ biệt động nội thành của Đà Nẵng đã xây dựng một cách đánh sở trường - đánh đặc công, anh dũng chiến đấu và lập nên những chiến công dọc miền Trung và Tây Nguyên, tiêu biểu là: trận đánh đồn Lệ Sơn; trận đánh Đồn Nhất - Hải Vân Quan (Đà Nẵng); trận diệt cứ điểm Thượng An - lô cốt Đầu Đèo (An Khê - Gia Lai) thu khẩu pháo 155mm hiện đang trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam; trận đánh diệt cứ điểm Kon Braih (Kon Rẫy - Kon Tum). Từ trường hợp của Tiểu đoàn 59 - Chủ lực cơ động Liên khu V với những chiến thắng trên đã cho thấy, sự phát triển của phương thức tác chiến của quân đội ta từ du kích chiến sang vận động chiến là hoàn toàn đúng đắn.

Phóng viên: *Từ một tiểu đoàn độc lập đến khi chiến đấu trong đội hình Trung đoàn 803, Tiểu đoàn 59 đã nhanh chóng trưởng thành và lập nên những chiến công xuất sắc, đặc biệt là chiến thắng Đồn Nhất - Hải Vân Quan (năm 1952). Nhân dịp kỷ niệm 70 năm chiến thắng Đồn Nhất, nhìn lại chiến thắng này, Đại tướng có đánh giá như thế nào?*

Đại tướng Phan Văn Giang: Hải Vân Quan là một cụm di tích lịch sử về kiến trúc quân sự của triều Nguyễn, nằm trên đèo Hải Vân, ở độ cao 490m so với mực nước biển. Cụm bố phòng quân sự này có nhiều công trình, gồm hệ thống thành lũy, nhà kho, trụ sự, pháo đài thần công... Với vị trí chiến lược, được coi như yết hầu, khống chế tuyến đường bộ phía Nam ra Huế, nên sau khi xâm lược nước ta, năm 1826, thực dân Pháp đã tiếp tục xây dựng nơi đây thành một cứ điểm quân sự lấy tên là Đồn Nhất để bảo vệ ngọn đèo chiến lược Hải Vân. Cuối năm 1946, khi quay trở lại xâm lược nước ta, thực dân Pháp đã cho xây dựng

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

cải tạo nơi này thành một cứ điểm quân sự vững chắc với tường cao, lô cốt và giao cho hai trung đội lính Âu - Phi thiện chiến canh giữ. Trong chiến dịch Hè Thu 1952, vào ngày 25 tháng 9, Đồn Nhất đã bị Tiểu đoàn 59, Trung đoàn 803 đánh chiếm, tiêu diệt và bắt sống một số tên, trong đó có tên quan hai đồn trưởng, thu được nhiều vũ khí, quân trang, quân dụng.

Sự kiện này đã khẳng định, dù vũ khí chưa hiện đại, nhưng được tổ chức huấn luyện tốt, có ý chí quyết tâm cao, có cách đánh độc đáo thì chúng ta vẫn giành được chiến thắng trước kẻ thù là những đội quân chính quy, được trang bị hiện đại như quân đội Pháp lúc bấy giờ; đồng thời, chiến thắng Đồn Nhất - Hải Vân Quan đã cho thấy sự trưởng thành nhanh chóng của lực lượng vũ trang Liên khu V trong hiện thực hóa nhiệm vụ quân sự cần kíp mà Nghị quyết của Đảng đã chỉ rõ.

Phóng viên: *Tại Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam hiện có trưng bày khẩu pháo 155mm, đây là chiến quả của Tiểu đoàn 59 khi tiêu diệt cứ điểm Thượng An - lô cốt Đầu Đèo thuộc An Khê vào đầu năm 1953. Khẩu pháo này đã trở thành biểu tượng cho chiến thắng của quân đội ta tại chiến trường Liên khu V trong kháng chiến chống thực dân Pháp. Đại tướng có bình luận gì về biểu tượng này?*

Đại tướng Phan Văn Giang: Tháng 01/1953, dưới sự chỉ huy của Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Lựu, Tiểu đoàn 59 bằng cách đánh táo bạo, “xuất quỷ nhập thần”, chỉ trong vòng 15 phút đã tiêu diệt và làm chủ hoàn toàn cứ điểm Thượng An - lô cốt Đầu Đèo ở An Khê, Gia Lai.

Cứ điểm Thượng An - lô cốt Đầu Đèo trong kháng chiến chống thực dân Pháp nằm trên tuyến đường huyết mạch nối liền miền Trung và Tây Nguyên, được bố trí trên đỉnh đèo để khống chế

Phần II: Anh hùng của lòng dân

toàn bộ khu vực tự do của ta. Nơi đây địch bố trí hỏa lực cơ động mạnh nhất thời bấy giờ, đó là khẩu pháo 155mm, toàn bộ vùng Bình Khê (Bình Định) nằm trong tầm uy hiếp, bắn phá của địch.

Đêm 21/01/1953, Tiểu đoàn 59 thực hiện lệnh của cấp trên, tấn công tiêu diệt cứ điểm Thượng An - lô cốt Đầu Đèo, đập tan thế chốt chặn giao thông từ miền Trung lên Tây Nguyên của thực dân Pháp, góp phần mở rộng vùng tự do, tạo hành lang để quân và dân ta cơ động lực lượng, vận chuyển vũ khí, lương thực, thuốc men từ Khu V lên chuẩn bị giải phóng Tây Nguyên.

Khẩu pháo 155mm là chiến quả của Tiểu đoàn 59 trong trận đánh này, hiện lưu giữ tại Bảo tàng Quân sự Việt Nam và được xem là biểu tượng chiến thắng của bộ đội chủ lực Liên khu V thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp; là minh chứng của một thời kỳ hào hùng, oanh liệt của quân và dân ta trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc; đây cũng là một trong những bằng chứng lịch sử để giáo dục thế hệ trẻ Việt Nam về lòng yêu nước, tinh thần dũng cảm, bách chiến bách thắng của Quân đội nhân dân Việt Nam, góp phần gìn giữ, phát huy truyền thống đánh giặc, giữ nước của dân tộc, thực hiện nhiệm vụ bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Tháng 5 năm 2022

Thanh Hương - Sỹ Bằng - Tuấn Anh thực hiện

TIỂU ĐOÀN 59

TƯỢNG ĐÀI BẤT TỬ TRONG LÒNG DÂN

(Ghi theo nội dung phỏng vấn Trung tướng Nguyễn Thanh Tuấn -
Nguyên Cục trưởng Cục Tuyên huấn, Tổng cục Chính trị,
Bộ Quốc phòng)



Tiểu đoàn 59 ra đời (năm 1950) và trưởng thành trên mảnh đất Quảng Nam - Đà Nẵng, đặc biệt là Đà Nẵng vì có một bộ phận rất lớn cán bộ, chiến sĩ lực lượng tự vệ của thành phố Đà Nẵng, lúc đó gọi là Thành Thái Phiên, được cấp trên điều về, góp phần xây dựng lực lượng Tiểu đoàn 59 trong những ngày đầu thành lập. Trong quá trình huấn luyện và trưởng thành, Tiểu đoàn 59 đã cùng với lực lượng vũ trang Quảng Nam - Đà Nẵng lập được nhiều chiến công. Đặc biệt trong một thời gian rất ngắn (khoảng một tháng), Tiểu đoàn 59 đã lập hai chiến công nổi tiếp.

Một là, trận đánh đồn Lệ Sơn (nay thuộc xã Hòa Tiến, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng), ta nhanh chóng tiêu diệt gọn quân địch ở đây, tạo nên sự phấn khởi, niềm tin của nhân dân Hòa Vang

Phần II: Anh hùng của lòng dân

nói riêng, nhân dân Quảng Nam - Đà Nẵng nói chung về thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Hai là, trận đánh Đồn Nhất, ta đã tiêu diệt gọn đại đội Commando lính Âu - Phi của thực dân Pháp đang chốt giữ ở đỉnh đèo Hải Vân. Khi đó đường giao thông Bắc - Nam chỉ có một con đường độc đạo duy nhất là qua đèo Hải Vân. Đồn Nhất ở vị trí hiểm yếu đó đã khống chế toàn bộ đèo Hải Vân và khu vực lân cận. Nếu chúng ta tiêu diệt được quân địch ở đây sẽ đóng góp một phần không nhỏ vào việc đánh bại sự chiếm đóng của lực lượng quân đội Pháp trên tuyến đường huyết mạch Bắc - Nam. Trận đánh này cũng là trận đánh quan trọng sử dụng chiến thuật công đồn của Tiểu đoàn 59. Tôi được biết, tiền thân của Tiểu đoàn 59 là Đại đội 6, gồm các chiến sĩ biệt động của thành phố Đà Nẵng, hoạt động chủ yếu trong lòng địch, kẻ thù nghe danh là khiếp sợ. Vì sao khi thực hiện Nghị quyết của Đảng về nhiệm vụ quân sự cần kíp tại Quảng Nam - Đà Nẵng lại điều lực lượng tự vệ thành và đơn vị biệt động của thành phố về để thành lập tiểu đoàn? Bởi vì họ là những người con ưu tú, có tinh thần chiến đấu dũng cảm, gan dạ. Với những phẩm chất đã được tôi luyện, thử thách trong chiến đấu, hoạt động bí mật, họ đã sẵn sàng tập hợp trong một đơn vị mới, chính quy, chủ lực để bắt đầu tham dự huấn luyện một cách đánh mới: đó là chiến thuật đặc công - cách đánh mà trước đây Liên khu V chưa tiến hành. Chỉ trong vòng hơn một năm, với tinh thần thép và ý chí quyết tâm, Tiểu đoàn 59 đã tham gia nhiều chiến dịch, thực hiện nhiều nhiệm vụ, tham gia đánh đồn địch với hiệu suất rất cao, tiêu diệt gọn, thu toàn bộ vũ khí, trong đó có một khẩu đại liên tại trận đánh Lệ Sơn và Đồn Nhất - Hải Vân Quan là minh chứng cho sự trưởng thành của đơn vị.

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

Chiến thắng Đồn Nhất có ý nghĩa hết sức quan trọng, là chiến thắng đầu tiên tại Hải Vân Quan vận dụng chiến thuật công đồn đặc biệt của bộ đội Nam Bộ vào thực tiễn chiến trường tại Đà Nẵng. Đây là một phương pháp đặc biệt trong nghệ thuật quân sự của lực lượng vũ trang Việt Nam, cơ sở chủ yếu của lối đánh này là “lấy ít thắng nhiều, lấy nhỏ thắng lớn, lấy chất lượng cao thắng số lượng đông”, tạo thế đánh hiểm, đánh gần, tạo thời cơ, nắm chắc và hành động đúng thời cơ theo nguyên tắc: bí mật, bất ngờ, mưu trí, táo bạo; tích cực tiêu diệt, phá hủy mục tiêu; lấy tiêu diệt sinh lực và phá hủy phương tiện vũ khí của địch là chính, đánh nhanh, rút gọn, bảo toàn vũ khí và lực lượng. Trước đó tại Hải Vân Quan, ta chỉ đánh giao thông chiến, vì vậy, trận đánh Đồn Nhất đã mở ra một điều kiện mới, một cách đánh mới với hiệu suất chiến thắng cao, đánh dấu sự trưởng thành của Tiểu đoàn 59, cũng là bài học kinh nghiệm để sau này Tiểu đoàn 59 vận dụng một cách kịp thời, nhanh chóng vào thực tiễn cách mạng và chứng minh cách đánh đặc công thực sự là một cách đánh đặc biệt, với hiệu suất chiến đấu cao, làm kẻ địch vô cùng kinh hoàng, khiếp sợ.

Trong 5 năm tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp, Tiểu đoàn 59 là minh chứng cụ thể, sinh động cho sự trưởng thành của lực lượng vũ trang Liên khu V. Ngay từ buổi đầu thành lập, Tiểu đoàn 59 đã tham gia những chiến dịch lớn, chủ yếu là chống càn, giữ đất, giữ lúa, bảo vệ dân và đánh trận nhỏ lẻ. Tuy nhiên, do quân số ít, vũ khí trang bị còn sơ sài, thiếu thốn nên lối đánh chủ yếu của Tiểu đoàn là du kích chiến.

Tiểu đoàn 59 là một trong những đơn vị đầu tiên của Liên khu V được huấn luyện cách đánh đặc công, lập nên nhiều thành tích trong chiến đấu như tiêu diệt hệ thống tháp canh ở Quảng Nam,

Phần II: Anh hùng của lòng dân

góp phần xóa sổ hệ thống tháp canh, mở rộng vùng tự do của ta, sau đó luồn sâu tiêu diệt các cứ điểm, đồn địch có rào cao, tường cao, lô cốt vững chắc, hỏa lực mạnh yểm trợ, quân địch thiện chiến và được trang bị vũ khí hiện đại.

Để thực hiện nhiệm vụ, với những mục tiêu có tường cao, hào sâu, chốt tại các vị trí hiểm yếu, Tiểu đoàn 59 thường sử dụng một “vũ khí” đặc biệt, đó là thang tre. Những chiếc thang tre giúp bộ đội có cánh tay nối dài, tiếp cận các mục tiêu bên trong, đánh tiêu diệt địch, do vậy đã trở thành “vũ khí” bất ly thân với bộ đội, khi hành quân tác chiến thì hai người khiêng một chiếc thang cùng với các vũ khí, quân trang, quân dụng khác. Chính từ thực tiễn chiến đấu đó mà Tiểu đoàn 59 còn có một tên gọi dân dã, thương mến là “*Tiểu đoàn thang*”.

Khi trận đánh diễn ra, có tình huống bất ngờ là ta mò rào tiến vào đồn địch, tường hết nhưng vẫn còn những lớp rào cuối cùng, trong khi đó, thang tre không đủ độ dài, hỏa lực của địch ở trên cao đang làm chủ trận địa. Khi đó, người chỉ huy phải lập tức xử lý tình huống, nếu không nhanh chóng vượt qua thì bộ đội sẽ hy sinh rất nhiều. Người chiến sĩ, người chỉ huy lúc đó biến thân mình thành thang để bộ đội nhảy lên vượt qua chướng ngại vật, hàng rào, tường cao, xông vào bên trong hoàn thành nhiệm vụ, đánh thắng kẻ thù. Trận Đồn Nhất và sau này là trận Kon Braih đều có những tình huống như thế. Các chiến sĩ của Tiểu đoàn 59 luôn sẵn sàng lấy thân mình làm thang cho đồng đội chiến đấu. Chiến công và sự hy sinh anh dũng của họ, như tấm gương của các đồng chí Nguyễn Bá Dương, Trần Xung,... sẽ mãi mãi lưu lại trong trang sử vẻ vang của Tiểu đoàn và trong lòng nhân dân.

Từng bước trưởng thành từ bộ đội địa phương lên bộ đội chủ lực, từ bộ đội chủ lực hoạt động trên chiến trường quen thuộc

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

lại được điều động lên chiến trường Tây Nguyên, chiến đấu ở địa hình rừng núi, Tiểu đoàn 59 đã không ngừng phát triển và trưởng thành. Đặc biệt, khi thực hiện nhiệm vụ tiêu diệt các mục tiêu ở sâu trong đội hình phòng ngự của địch, có hệ thống vật cản dày, nhiều lớp, phức tạp, tổ chức canh phòng nghiêm mật, lực lượng bảo vệ tổ chức thành nhiều tầng, nhiều tuyến..., Ban Chỉ huy Tiểu đoàn 59 đã nghiên cứu, sáng tạo nhiều cách đánh hay, độc đáo, trên từng khu vực, địa bàn và môi trường khác nhau, khiến địch bất ngờ, khiếp sợ và nhanh chóng thất bại. Đó chính là sự trưởng thành của quân đội ta và lực lượng vũ trang Liên khu V mà Tiểu đoàn 59 là một minh chứng cụ thể.

Những chiến thắng oanh liệt của Tiểu đoàn 59 cho thấy sự kết hợp hài hòa của nhiều yếu tố: *Yếu tố thứ nhất* bắt nguồn từ truyền thống đấu tranh bất khuất, kiên cường chống giặc ngoại xâm, lòng yêu nước thiết tha, lòng căm thù giặc sâu sắc, ý chí vươn lên giành độc lập, tự do của toàn dân tộc. *Yếu tố thứ hai* là dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng bộ Liên khu V, Trung đoàn 803, bộ đội Tiểu đoàn 59 đã được trui rèn, huấn luyện có kỷ luật thép, tinh thần thép, sẵn sàng chiến đấu, hy sinh để hoàn thành nhiệm vụ cách mạng do cấp trên giao phó. *Yếu tố thứ ba* là với bản chất bộ đội Cụ Hồ, Tiểu đoàn 59 luôn gắn bó mật thiết với nhân dân, được nhân dân chở che, giúp đỡ, ủng hộ. Và *yếu tố thứ tư* là những cán bộ chỉ huy tài năng qua thực tiễn chiến đấu, qua kinh nghiệm trận mạc đã tự bồi dưỡng, tự trưởng thành, tự đúc kết, rút kinh nghiệm để có những trận đánh sau hay hơn, hiệu quả hơn so với trận đánh trước, giúp ta giảm bớt tổn thất, thương vong, góp phần vào thắng lợi chung của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Phần II: Anh hùng của lòng dân

Có thể nói, tất cả những yếu tố đó đã kết hợp, hòa quyện giúp Tiểu đoàn 59 làm nên những điều kỳ diệu của lịch sử. Đó cũng là bài học cho ngày nay, không chỉ trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa mà cả trong xây dựng và phát triển đất nước.

Với những bước phát triển, trưởng thành, những chiến công, thành tích lớn lao và những gương hy sinh anh dũng của các liệt sĩ, cả Tiểu đoàn 59 đã thực sự trở thành những anh hùng trong lòng dân, mặc dù rất tiếc là chưa ai trong số họ được phong anh hùng mà đáng lẽ họ xứng đáng nhiều lần tôn vinh như vậy.

Với cách đánh đặc công luôn sâu, lút sâu, bộ đội Tiểu đoàn 59 đã bí mật vượt qua nhiều lớp rào bằng cách phá dỡ, cắt rào, gỡ mìn, đánh nổ hoa trong lòng địch. Bộ đội nhanh chóng áp sát từng mục tiêu bên trong đồn địch, lô cốt, hầm ngầm, nhà, trại lính, đại bác và các công sự trận địa khác. Khi được lệnh nổ súng thì nổ súng từ nhà sở chỉ huy của địch và từ đó đánh bùng ra tiêu diệt gọn kẻ địch. Với cách đánh đó thì phải là những người chiến sĩ có tinh thần thép mới có thể thực hiện, vì ra trận là phải xác định rất rõ, có thể không trở về. Nguyên việc họ dám ra đi thực hiện nhiệm vụ khi cầm chắc cái chết sẽ đến đã xứng đáng là những anh hùng, chưa kể họ đã chiến đấu và chiến thắng, có người nằm lại, có người trở về sau mỗi trận đánh rồi lại tiếp tục vào sinh ra tử. Họ bỏ lại sau lưng mẹ già, con thơ, vợ đại, một lòng tham gia kháng chiến; khi hòa bình thống nhất, trở về với đời thường, họ không hề đòi hỏi hay bắn khoăn về đãi ngộ... Đó chính là phẩm chất của người anh hùng mà cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đã tôi luyện cho họ, để họ trở thành những tượng đài bất tử trong lòng dân.

Đà Nẵng, tháng 5 năm 2022

Thanh Hương - Sỹ Bằng - Tuấn Anh thực hiện

TIỂU ĐOÀN 59 - TRUNG HIẾU VỆ TOÀN

(Ghi theo lời kể của Đại tá Trương Công Vọng -
Cựu chiến binh Tiểu đoàn 59)



Tôi tên là Trương Công Vọng, bí danh là Hồng Báu, sinh năm 1933, tham gia cách mạng từ ngày 18/8/1945. Sau khi góp sức giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945, tôi tiếp tục hoạt động trong Đội vũ trang Mặt trận Liên khu V. Đến năm 1949, tôi bị giác bắt, giam cầm tại nhà lao Vĩnh Điện. Ngày 30/10/1950, tôi được kết nạp Đảng Cộng sản Đông Dương. Từ năm 1951, tôi về sáp nhập đội hình Tiểu đoàn 59 độc lập của Mặt trận Quảng Nam - Đà Nẵng, gắn bó với Tiểu đoàn đến năm 1960.

Tiểu đoàn 59 được thành lập tháng 6/1950, lúc đầu có tên là Tiểu đoàn Chung Đông Dương - hoạt động tại miền Trung và sang cả Thượng Lào, sau đó được cấp phiên hiệu là D59. Cuối năm 1950 đầu năm 1951, Tiểu đoàn được điều động đứng trong đội hình Trung đoàn 803 chủ lực cơ động Liên khu V.

Phần II: Anh hùng của lòng dân

Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Lựu trước khi được phân công chỉ huy Tiểu đoàn 59 đã từng chỉ huy một tiểu đoàn độc lập của Đà Nẵng từ năm 1947, là người từng trải, dày dạn kinh nghiệm, có tinh thần thép và kỷ luật nghiêm minh. Năm 1950, thực hiện nhiệm vụ phát triển lực lượng vũ trang của Liên khu V, ông được giao xây dựng và chỉ huy Tiểu đoàn 59 ngay từ buổi đầu tiên và suốt thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp.

Tiểu đoàn 59 gồm ba đại đội, chủ công là Đại đội 6, chiến đấu trong lòng thành phố Đà Nẵng, đa số là biệt động thành, gan dạ, mưu trí, vô cùng dũng cảm; sau đến Đại đội 4, chiến đấu ở Điện Bàn - Quảng Nam, là những du kích thiện chiến, đánh trận “xuất quỷ nhập thần”; và cuối cùng là Đại đội 11 gồm những thương bệnh binh ở chiến trường và một số lính thợ về nước tham gia kháng chiến.

Ngay từ ngày đầu thành lập, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Quảng Nam - Đà Nẵng, Đảng ủy Liên khu V, Bộ Tư lệnh Liên khu V, Ban Chỉ huy Trung đoàn 803, Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Lựu và Chính trị viên Phạm Đạo đã phát huy tinh thần quyết chiến, quyết thắng của bộ đội Cụ Hồ trong toàn Tiểu đoàn 59: như tham gia chiến dịch 50, đánh giao thông chiến trên đường số 1, diệt một đại đội Pháp và 14 xe cơ giới, tham gia chiến dịch Đông Xuân; tháng 10/1950, tham gia chiến dịch Hoàng Diệu, đánh vận động chiến tại Điện Bàn, tiêu diệt một trung đoàn lính Lê dương khiến kẻ thù khiếp sợ

Năm 1951, Tiểu đoàn 59 nhận nhiệm vụ của Liên khu V về phá hệ thống đồn bốt trên mặt trận Quảng Nam. Mùa hè 1951, Tiểu đoàn 59 đã tổ chức tấn công tiêu diệt hệ thống tháp canh của giặc Pháp, tiêu diệt 7 tháp canh quan trọng, phá vỡ mắt xích phòng thủ của địch ở Quảng Nam.

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

Sau khi hoàn thành nhiệm vụ phá tan kế hoạch về tháp canh, lô cốt của thực dân Pháp tại Quảng Nam, Tiểu đoàn 59 sáp nhập đội hình Trung đoàn 803, đi Tây Nguyên, tham gia phối hợp với các đơn vị (gồm Tiểu đoàn 365, Tiểu đoàn 39) trong chiến dịch Nam Tây Nguyên, đánh tiêu diệt đồn Ai Nu trên trục đường số 7. Sau đó Tiểu đoàn 59 về huấn luyện ở Vĩnh Phước, Bình Định. Trước đó, vào tháng 4/1951, quân Pháp đổ bộ từ Kon Tum xuống miền Tây Quảng Ngãi. Tiểu đoàn 59 cùng với các đơn vị thuộc Trung đoàn 803 từ Vĩnh Phước, Bình Định ra Trà Câu, tiến lên tới thôn Re cùng với Trung đoàn 108, chặn đánh 6 tiểu đoàn địch. Cuối tháng 4/1952, Tiểu đoàn 59 bí mật hành quân ra mặt trận Quảng Nam, đi từ Vĩnh Phước ra Quế Sơn trong 18 đêm, ngày ngủ lay lắt trong rừng:

*“18 đêm gió sương không nghỉ,
Ngày lắt lay ngủ
Con đã về đây quê hương ơi.
Trong thư máu ứ lệ đây vui.
Thù sẽ trả thù em ơi.
Ôi thôn xóm tiêu điều xơ xác.
Tiếng cầm canh... xé lòng ta...
Bà mẹ Quế Châu tay nắm lệ nhòa”.*

Về Quảng Nam, Tiểu đoàn 59 được giao đánh Phù Kỳ ở Gò Nổi, Điện Bàn; tiếp đó lần lượt đánh tiêu diệt đồn Vân Ly, khu hành chính quân sự Kỳ Lam, đồn Lệ Sơn, cứ điểm Đồn Nhất trên đỉnh đèo Hải Vân (ngày 25/9/1952) tiêu diệt một đại đội Pháp, thu 3 khẩu 20mm hoàn toàn mới. Trên đường hành quân về đến Tam Kỳ, Tiểu đoàn 59 gặp Phái viên quân khu là Nguyễn Bá Phát tại Đại hội Đảng tỉnh Quảng Nam. Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Lựu đã tặng Đại hội tỉnh Quảng Nam 5 khẩu súng côn và nhiều chiến lợi phẩm để chúc mừng Đại hội.

Phần II: Anh hùng của lòng dân

Sau chiến thắng Đồn Nhất, đầu tháng 10/1952, Tiểu đoàn hành quân về Bình Định. Cuối tháng 11, Trung đoàn 803 nhận lệnh hành quân lên An Khê tham gia tiêu diệt đồn Tú Thủy. Đây là đồn mạnh nhất An Khê lúc đó, gồm 7 hàng rào dây thép gai, chiến hào có bề ngang 3m, bề sâu 1,2m. Diệt đồn Tú Thủy ta thu được khẩu đại bác 94mm. Tháng 01/1953, Tiểu đoàn tiêu diệt đồn Thượng An - lô cốt Đầu Đèo ở An Khê, thu được khẩu pháo lớn nhất của Đông Dương lúc bấy giờ (155mm). Hiện khẩu pháo này được trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam.

Cuối tháng 02/1953, Tiểu đoàn 59 tách ra hoạt động ở Khánh Hòa, đánh ra Bắc Khánh Hòa rồi tiến vào Đông Khánh Hòa, phía Tây Nha Trang, đánh từ tháng 3 đến cuối tháng 5/1954, diệt tháp canh Cảnh Ninh, tháp canh Tân Phong ở Bắc Ninh Hòa, tiêu diệt trung tâm hành chính của địch ở Hội Bình và Ninh Hòa. Diễn hình là trận chống càn lớn nhất của địch vào khu căn cứ Đá Bàn, tiêu diệt gần 500 tên. Tháng 5, Tiểu đoàn trở về tiếp tục huấn luyện ở Bình Định.

Cuối năm 1953 đầu năm 1954, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của ta bước sang giai đoạn chuẩn bị tổng tiến công. Ngoài Bắc địch tập trung quân xây dựng tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, trong Nam mở chiến dịch Atlante, đưa vào chiến trường Khu V thêm 32 tiểu đoàn. Chủ trương của Liên khu lúc đó là toàn bộ chủ lực của mặt trận Khu V lên chiến đấu trên chiến trường Tây Nguyên. Lên đến Tây Nguyên, ta đánh trận thứ nhất ở Măng Đen, tiêu diệt tiểu khu Măng Đen và một trung đoàn của Pháp. Tiểu đoàn 59 được giao nhiệm vụ đánh Kon Braih (Kon Rẫy). Trong trận đánh này, Tiểu đoàn chỉ mất 3 tiếng đồng hồ là tiêu diệt gọn và làm chủ cứ điểm Kon Rẫy. Sau này, trận Kon Rẫy được nhà văn Nguyễn Ngọc (còn có tên là Nguyễn Báu), phóng viên

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

tốc ký mặt trận viết thành hai truyện ngắn: “Trung đội trưởng Phan Minh Thảo” và “Tân binh Lê Ngọc Du”.

Sau chiến thắng Kon Braih (Kon Rẫy), mừng 02 Tết năm 1954, Tiểu đoàn 59 tiến vào giải phóng Kon Tum. Đồng bào ra chào đón, tận tình lo cơm cho bộ đội ăn no, mừng thắng trận. Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Lữ luôn nhắc nhở kỷ luật nghiêm minh, không được lạm quyền nên bộ đội được đồng bào thương lắm. Tháng 02/1954, Tiểu đoàn 59 tiến đánh Tiểu khu Đắc Đoa, bây giờ là huyện Đắc Đoa của Gia Lai, tiêu diệt 2 tiểu đoàn quân viễn chinh và một đại đội quân địa phương của địch, bắt sống 2 đại đội, trong đó có một đại đội quân viễn chinh từ Triều Tiên.

Sau khi đánh Đắc Đoa, Tiểu đoàn tiến vào Đắc Lắc, chuẩn bị đánh đồn Plei Ring. Không ngờ ta đi tới sông Đêkarung bám đồn Plei Ring thì bị một trung đoàn viễn chinh của Pháp tấn công. Lúc bấy giờ, lực lượng ta bị hao tổn thương vong nhiều do đánh liên tục từ tháng 01 đến tháng 4, nhưng chỉ huy Trung đoàn vẫn quyết đánh, tập kích đưa bộ binh tiến sát vào đội hình của địch. Ta còn đánh địch bằng cả một đại đội pháo SKZ do anh Điện là đội trưởng người miền Bắc chỉ huy. Trận đánh kéo dài từ 11 giờ đêm đến 3 giờ sáng, ta tiêu diệt hơn 1.000 tên địch. Ngay đêm hôm đó, Trung đoàn 803 đã nhận được điện của Đại tướng Võ Nguyên Giáp ngoài Việt Bắc gửi vào, khen ngợi, động viên tinh thần anh em chiến sĩ.

Vào thời điểm đó, mặt trận Tây Nguyên cũng phối hợp, chia lửa để miền Bắc bắt đầu đánh tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Đúng ngày 07/5/1954 - ngày chiến thắng Điện Biên Phủ, Tiểu đoàn 59 và Tiểu đoàn 39 dưới sự chỉ huy của Trung đoàn 803 đã chặn đánh tiêu diệt một tiểu đoàn xe bọc thép của địch từ Cheo Reo xuống cứu nguy cho đồn Ai Nu. Ta thừa thắng xông lên

Phần II: Anh hùng của lòng dân

vượt sông Ba về miền Tây Phú Yên, tiến hành trận đánh tiêu diệt Tiểu đoàn 502 địch tại Tuy Bình, đầu cầu Phú Yên, bắt sống hơn 400 tên.

Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Lữ đích thân chỉ huy những trận đánh này, luôn gương mẫu xông pha đi đầu, khiến anh em vô cùng nể phục.

Ngày 15/6/1954, ta tiến hành tập kích toàn bộ thị xã Tuy Hòa, buộc địch phải rút chạy về cầu Đà Rằng, rồi về Nha Trang. Tiếp đó, ta chặn đánh địch từ núi Lỗ tới núi Him và kết thúc ở Nam Tuy Hòa. Đó cũng là thời điểm ta ký kết Hiệp định Genève với Chính phủ Pháp. Theo quy định, ngày 20/7/1954, miền Trung sẽ dứt tiếng súng nên đêm 19 tháng 7, Tiểu đoàn 59 được lệnh tập kích vào giải phóng Đông Bắc Tuy Hòa bây giờ là Đông Hòa - Phú Yên. Ta tiêu diệt một máy bay Muran và 2 máy bay vận tải Đakôta, vừa kịp lúc bước sang ngày 20 - hòa bình lập lại. Lúc rút quân qua đường số 1, ai cũng hân hoan, vui cười. Nhưng vừa đi được một đoạn thì bất ngờ đồng chí Lê Nhân bị trúng đạn giặc bắn lén. Đồng chí Lê Nhân mới lên Trung đội phó, là chiến sĩ cuối cùng của Tiểu đoàn 59 hy sinh trong kháng chiến chống thực dân Pháp. Đồng chí là người Điện Hòa, còn rất trẻ và dũng cảm, lại ra đi vào đúng ngày hòa bình nên đau xót vô cùng! Trước khi lên Tây Nguyên, Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Lữ đã đồng ý cho đồng chí Lê Nhân về nhà mấy ngày để cưới vợ, bây giờ khi chưa biết mặt con đầu lòng thì đã hy sinh, cho nên trong Sử thi “Trung hiếu vẹn toàn” có đoạn:

“Đứa con nhỏ cha chưa biết mặt.

Mong cha về khóc thét từng cơn.

Lời ru năm tháng mỗi mòn.

Cha con vì nước, vì non không về.

Cháu ơi cha trọn lời thề...”.

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

Trong lịch sử Tiểu đoàn 59 có ba anh em ruột Lê Hữu Giá, Lê Hữu Khế và Lê Hữu Chủ đều là những anh hùng: Lê Hữu Giá hồi kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là đại úy, trợ lý quân giới ở mặt trận B3; Lê Hữu Chủ là Sư đoàn trưởng Sư đoàn 2, hy sinh trên núi Cẩm Dơi, Quế Sơn. Rồi ba anh em ruột Lê Kinh, Lê Đô và Lê Nhâm cũng đều tham gia kháng chiến và hy sinh anh dũng trên chiến trường.

Khi thành lập ngày 10/6/1950, dưới sự chỉ huy của Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Lựu, Tiểu đoàn 59 chỉ có 13 người. Sau này khi sáp nhập đội hình Trung đoàn 803, Liên khu V quyết định điều đồng chí Phạm Đạo, người Quảng Ngãi làm Chính trị viên Tiểu đoàn. Đến năm 1953, điều đồng chí Trần Ngọc Anh về làm Tiểu đoàn phó. Sau này, đồng chí Trần Ngọc Anh về làm Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 39 cũng thuộc Liên khu V.

Trong ký ức của tôi, Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Lựu lúc đó khoảng 40 tuổi, rất giản dị, quân tư trang chỉ có một bộ quần áo quân phục, một bộ quần áo bà ba đen, một chiếc mũ bê-rê và một cái quần kaki màu xanh. Buổi đầu thành lập, tuy quân số ít ỏi nhưng Tiểu đoàn 59 đánh trận nào ra trận đó, ý chí quyết tâm cao vô cùng vì có người chỉ huy quyết chiến, quyết thắng, gương mẫu đi đầu.

Một kỷ niệm đến nay vẫn còn in đậm trong trí nhớ của tôi là trận đánh đồn Lệ Sơn (nay là xã Hòa Tiến, huyện Hòa Vang). Thời điểm đó, sau khi đánh Điện Bàn rồi đánh Khu hành chính quân sự tại Kỳ Lam thì quân khu lệnh đưa Tiểu đoàn 59 chuẩn bị đánh đợt 3. Đồn Lệ Sơn đã bị ta tập kích 2 lần trước nhưng không hạ được. Theo lệnh trên, Tiểu đoàn 59 tổ chức đánh tiêu diệt đồn Lệ Sơn. Toàn Tiểu đoàn từ Cẩm Toại vượt qua Đồng Tranh,

Phần II: Anh hùng của lòng dân

Đồng Nghệ phối hợp với bộ binh tăng cường của Đại đội 2, tiếp tục đi qua sông Yên bằng thuyền câu, mỗi thuyền chỉ ngồi được hai người, qua làng Lệ Sơn. Do đêm tối mù mịt nên không thể nhìn thấy đường, Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Lựu đã nảy sinh sáng kiến, chỉ đạo bộ phận trinh sát, liên lạc buộc ba cây hương lại đốt lên, tổ trinh sát đi đầu, đi đến đâu cắm hương làm thành lộ tiêu, bộ đội cứ theo đó tiến vào đánh đồn Lệ Sơn. Ở khu này có bốn tên ác ôn, đánh đồn Vân Ly ở Gò Nổi - Điện Bàn bắt được tên Đội Huệ, đánh đồn Ngũ Giáp bắt được tên Đội Biển người Nam Bộ và đánh đồn Lệ Sơn nhằm mục tiêu bắt được tên Đội Tước. Trận đánh đồn Lệ Sơn kéo dài từ 2 đến 4 giờ sáng mới chiếm được trận địa của địch. Sau khi đánh Lệ Sơn, Liên khu V lệnh cho Trung đoàn 803 rút về hậu phương, riêng Tiểu đoàn 59 vẫn có bộ phận hoạt động nghi binh ra phía đèo Hải Vân để địch tưởng rằng bộ đội chủ lực Liên khu V vẫn chiến đấu tại Đà Nẵng.

Đêm 25/9/1952, Tiểu đoàn 59 đánh cứ điểm Đồn Nhất, chủ công là Đại đội 6 và Đại đội 4. Quân ta hành quân từ Cẩm Toại ra tới Khe Sơn (bây giờ là Hòa Liên) và bí mật áp sát miệng hầm của đèo Hải Vân. Đêm đó trời mưa lâm thâm, không thấy đường, trinh sát báo có một hàng rào dây thép gai nên ta đưa quả bộc phá 20kg vào đánh. Vách thành của Đồn Nhất xây hoàn toàn bằng đá ong, bề ngang dài hơn 1m, nối hai chiếc thang mới trèo lên đầu thành, khi nhảy xuống ta bắt ngay được tên đồn trưởng người Pháp và tên Trung úy người Nam Bộ, thu hơn 20 khẩu súng côn, 3 khẩu súng 20mm, 100 khẩu súng miset. Trước khi đánh Đồn Nhất, quân ta chỉ còn 7kg gạo, chỉ huy giao nhiệm vụ cho đồng chí Nguyễn Văn Anh người Phú Yên, Chính trị viên phó Đại đội 4 ở dưới suối Lương nấu cơm, các chiến sĩ sau khi đánh Đồn Nhất sẽ xuống ăn cơm rồi rút lui. Nhưng do không có

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

kinh nghiệm, nước lũ trên gịoi xuống cuốn trôi hết nồi niêu, com nước. Sau khi hành quân một ngày rưỡi về đến Cẩm Toại, bộ đội mới được nhân dân ở đó nấu cho nồi com nóng ăn lót dạ. Kỷ niệm đó tôi không bao giờ quên!

Sau mấy chục năm, Tiểu đoàn 59 của tôi giờ chỉ còn vài người, nhưng ký ức về một thời hành quân kháng chiến theo lý tưởng cách mạng của Đảng và Bác Hồ sẽ mãi mãi vẹn nguyên trong tâm trí tôi.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đã cho tôi và đồng đội Tiểu đoàn 59 cơ hội được cùng sống, gắn bó, chiến đấu, hy sinh, thương nhau như tình ruột thịt. Tôi may mắn hơn đồng đội vì đi qua chiến tranh vẫn an lành, trong khi những người bạn chiến đấu của tôi đã nằm lại khắp chiến trường Khu V, Tây Nguyên, họ không bao giờ trở về nữa. Máu của họ nhuộm đỏ lá cờ Tổ quốc, xương cốt của họ vùi trong đất Mẹ, giờ là màu xanh của cây cối, của bình yên. Mãi mãi, tôi luôn nhớ về họ, những người đã trở thành một phần lịch sử của Nam - Ngãi - Bình - Khánh, của Tây Nguyên anh hùng trong những năm tháng chống thực dân Pháp.

Quảng Nam, tháng 4 năm 2022

Thanh Hương - Sỹ Bằng - Tuấn Anh thực hiện

TIỂU ĐOÀN TRƯỞNG NGUYỄN LỰU - NGƯỜI HỌC TRÒ ĐẶC BIỆT

(Ghi theo lời kể của ông Nguyễn Xuân Cường -
Nguyên Tổng Biên tập báo *Quân khu 5*)



Tôi tên là Nguyễn Xuân Cường, quê quán xã Phổ An, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, tôi là học sinh Trường cấp 3 Lê Khiết ở Quảng Ngãi. Sau khi tốt nghiệp cấp 3, đầu năm 1954, tôi nhập ngũ. Tháng 7/1954, tôi tập kết ra miền Bắc, công tác tại Sư đoàn 350 Hà Nội.

Một thời gian sau, tôi được cử đi học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, học hai môn Toán và Lý. Cuối năm 1964, cấp trên điều động toàn bộ đơn vị của tôi là Sư đoàn 350 về Hải Phòng để tham gia thành lập Bộ Tư lệnh 350, gồm bộ đội chủ lực là Lữ đoàn 350, Trung đoàn 50 ở Đồ Sơn thuộc Quân khu 3 và toàn bộ lực lượng dân quân tự vệ của Hải Phòng. Tôi gặp và biết cụ Nguyễn Lưu từ ngày đó, khi cụ đang là Tư lệnh pháo binh của Bộ Tư lệnh 350.

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

Tôi về đơn vị với cấp bậc là chuẩn úy, chức vụ là giáo viên văn hóa, với nhiệm vụ dạy hai môn Toán và Văn cho cán bộ trung cao cấp của Bộ Tư lệnh 350. Cụ Lự thuộc lớp học do tôi chủ nhiệm, quản lý. Vì thế, tôi biết cụ là người cùng quê Quảng Ngãi, tham gia cách mạng từ rất sớm, từng là Tiểu đoàn trưởng một tiểu đoàn chủ lực của Liên khu V, đánh khắp chiến trường Nam - Ngãi - Bình - Khánh và Tây Nguyên. Trong lòng tôi vô cùng cảm phục.

Cụ Lự được Bộ Tư lệnh 350 phân cho một căn nhà chỗ gốc thị thôn Quy Túc cùng đồng chí Nguyễn Trường Xuân, Phó Chủ nhiệm Chính trị Bộ Tư lệnh 350, sau này là Chỉ huy trưởng quân sự của Hải Phòng và được phong hàm Thiếu tướng. Đồng chí Trường Xuân có một chiếc xe Vespa cũ, cụ Lự cũng có một chiếc xe Vespa đi từ Quy Túc lên đơn vị. Cụ Lự đẹp lão lắm, thân hình cao lớn, vạm vỡ, khỏe mạnh nên đi xe Vespa rất hợp.

Thời gian tôi gặp cụ Lự, tôi thấy cụ là một người rất ham học. Lúc đó, cụ khoảng ngoài 50 tuổi, là người lớn tuổi nhất trong lớp học của tôi nhưng lại rất ham học, không bỏ sót một buổi nào, trí tuệ rất minh mẫn, sáng suốt, ý thức học tập rất cao. Mặc dù nhà của cụ cách chỗ doanh trại chúng tôi đóng quân hơn 2km, nhưng hôm nào cụ cũng đến đúng giờ. Gần như không buổi học nào cụ vắng mặt, kể cả những ngày trời mưa gió, rét mướt. Trong giờ học, cụ thường gương mẫu phát biểu, tranh luận, thảo luận, nói chung rất kỹ và sâu.

Cụ Lự gương mẫu, chăm chỉ và ham học, nhất là đối với môn Toán. Cụ thường vận dụng kiến thức đã học vào những bài giảng của mình với các lớp bộ đội, nhất là các chiến sĩ bộ đội pháo cao xạ thuộc đơn vị của cụ.

Phần II: Anh hùng của lòng dân

Năm 1965, miền Bắc chuyển trạng thái từ bình thường sang chiến đấu vì lúc đó đế quốc Mỹ bắt đầu ném bom phá hoại. Tàu chiến Mỹ thường xâm nhập Hải Phòng. Đơn vị pháo binh của cụ Lựu (về năm thì tôi không nhớ chính xác là năm 1965 hay 1966, nhưng sự kiện thì tôi không quên) đã bắn hạ một máy bay trực thăng trên vùng biển Hải Phòng. Lúc đó, bộ đội pháo cao xạ 350 bắn trúng một chiếc máy bay chiến đấu của địch đánh vào Hải Phòng, tên phi công nhảy dù xuống vùng biển Đồ Sơn. Địch điều một chiếc trực thăng đến để cứu phi công thì bị lực lượng pháo binh của cụ Lựu bắn rơi. Chính tôi là người viết bài tường thuật về chiến công bắn hạ máy bay Mỹ, hạ trực thăng Mỹ trên vùng biển Hải Phòng đăng trên báo *Quân đội nhân dân* năm đó. Sau năm 1975, tôi được lệnh quay trở lại miền Nam và làm báo. Đầu tiên tôi được chỉ định về làm Trưởng Ban Biên tập tin Quân khu 5 kiêm Thư ký tòa soạn. Đến khi Quân khu 5 thành lập báo *Quân khu 5* thì tôi được cử làm Phó Tổng Biên tập Thường trực, Tổng Biên tập lúc đó là đồng chí Dương Minh Ngọc, Thiếu tướng, Chủ nhiệm Chính trị Quân khu 5.

Cán bộ trung cao cấp hồi đó đều đi học lớp tôi dạy. Tôi dạy cả môn Toán, môn Văn cho nên tôi quen biết nhiều, nhưng tôi chỉ nhớ những người đặc biệt như các anh Lê Hón, Nguyễn Đăng, Phan Kim Đào - sau này về Nam chiến đấu rồi hy sinh và nhớ cụ Lựu - một học trò đặc biệt của tôi.

Trong mắt của tôi, gia đình cụ Nguyễn Lựu là một gia đình tuyệt vời, có một người cha hiếu học, học toán giỏi mà con trai út của cụ - anh Nguyễn Hòa Bình - hồi học ở Trường cấp 3 Kiến An đã nối tiếp được. Đó là truyền thống hiếu học của một gia đình có gia phong tốt, yêu nước và cách mạng.

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

Sau này, về Đà Nẵng sống, tôi biết thêm một người con trai của cụ Lự là anh Nguyễn Vinh. Khi tôi biết tin con trai út của cụ Lự là Nguyễn Hòa Bình trở thành Ủy viên Bộ Chính trị, tôi rất mừng. Thứ nhất, tôi mừng vì người con út của cụ Lự, người mà tôi từng biết khi còn nhỏ đã nối tiếp được tinh thần của cụ Lự, lao động, học tập và cống hiến không mệt mỏi. Thứ hai, tôi mừng vì có một người ở quê hương mình, đồng hương với mình, là dân Quảng Ngãi đã rất tiến bộ, có học vấn và chuyên môn ở trình độ cao để phục vụ cho cách mạng, phục vụ cho ngành Tòa án trong công cuộc chống tham nhũng của Đảng.

Đối với thế hệ chúng tôi, những người đã từng tham gia kháng chiến, được gắn bó với những nhân chứng lịch sử của một thời đại hào hùng đã qua, chúng tôi luôn gửi gắm niềm tin và hy vọng vào thế hệ sau sẽ kế tục cha anh mình, giữ gìn đất nước, bảo vệ non sông, để mồ hôi, nước mắt, máu xương của cha anh không bao giờ uổng phí.

Đà Nẵng, tháng 4 năm 2022

Thanh Hương - Sỹ Bằng - Tuấn Anh thực hiện

LÍNH CỤ HỒ - LÍNH ANH HÙNG

(Ghi lại theo lời kể của Trung tá Nguyễn Kháng -
Cựu chiến binh Tiểu đoàn 59)



Tôi tên là Nguyễn Kháng, cựu chiến binh Tiểu đoàn 59.

Với tôi, Tiểu đoàn là gia đình, là tình thân, là trường học giáo dục tôi thành người lính - anh bộ đội Cụ Hồ.

Khi tôi hơn 3 tuổi thì mất mẹ, đến 11 tuổi mất cha, mồ côi, chỉ biết đi làm thuê, làm mướn để kiếm sống. Trước khi nhập ngũ, hai lần tôi đi dân công hỏa tuyến, về thì sốt rét nên ốm nhom ốm nhách, không đủ tiêu chuẩn nhập ngũ, tuyến lần nào các đồng chí chỉ huy cũng hện: “*Sang năm em lớn rồi các anh tuyển*”, nhưng rồi năm 1952 cũng trật luôn. Tôi vẫn nhớ sáng hôm đó đi bộ đến nơi tuyển quân, tôi lại bị loại vì nhỏ con quá; buổi chiều số anh em trúng tuyển được xã tổ chức làm thịt trâu chiều đãi trước khi lên đường. Đến buổi tối có biểu diễn văn nghệ mà tôi

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

không được dự, nhưng may trong xã có người bà con xa nên tôi xin ở lại xem.

Đúng khi bắt đầu buổi diễn, loa kêu tên tôi có trong danh sách tòng quân. *“Trời ơi mừng cái một!”*. Được người bạn cho một cái khăn vuông làm ruột tượng, tôi nhận xong liền chạy về báo cho người nhà. Ông anh không tin vì tôi ốm quá sao đủ sức mà được đi bộ đội.

Tôi chuẩn bị đồ rời ra xã, xếp hàng và theo đơn vị về Phù Mỹ, Bình Định bắt đầu tham gia huấn luyện. Vô đó cả tháng trời tập luyện xong khám trở lại, vẫn bị thiếu tiêu chuẩn, tôi bi quan quá, biết vậy đừng có đi, đi rồi giờ lại trở về thì mang tiếng cho gia đình. Nhưng rồi sau đó tập luyện miết, cuối cùng khám lại được, cấp trên cho tôi về làm liên lạc cho Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Lựu, đưa tin tới các đại đội, vì thế, tôi có khoảng 2 năm gắn bó với cụ như tình ruột thịt. Tôi nhỏ con nên các đồng chí chỉ huy thường gọi là em, nhỏ nhất trong đơn vị, lúc đó mới 16 tuổi, cụ Lựu thương là vậy đó!

Tiểu đoàn 59 là một tiểu đoàn rất đặc biệt, anh em nhập ngũ đa số là biệt động, cơ sở bí mật trong thành phố Đà Nẵng, cho nên nòng cốt của Tiểu đoàn cơ bản là những anh em đã hoạt động trong nội thành, chiến đấu trong lòng địch. Họ được tôi luyện, rèn giữa phẩm chất trung kiên nên sẵn sàng vào sinh ra tử, tính kỷ luật của họ rất cao, trong chiến đấu, sinh hoạt luôn tuyệt đối tuân thủ theo người chỉ huy. Khi đứng trong hàng ngũ Tiểu đoàn 59, chủ lực của Quảng Nam - Đà Nẵng rồi sau này trong đội hình Trung đoàn 803 và kết thúc kháng chiến chống thực dân Pháp, Tiểu đoàn trưởng đầu tiên và cũng là duy nhất của chúng tôi là đồng chí Nguyễn Lựu. Vì thế, trong Sử thi

Phần II: Anh hùng của lòng dân

“Trung hiếu vẹn toàn” của đồng chí Trương Công Vọng, tên của Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Lữ được nhắc đến với cả niềm tin yêu, trân trọng - ông là linh hồn của Tiểu đoàn 59.

Khi làm liên lạc cho Tiểu đoàn, tôi thường được giao mang thư liên lạc đến các đại đội, nên trực tiếp chiến đấu thì sau này tôi có tham gia một vài trận, còn lại là thực hiện nhiệm vụ do chỉ huy giao.

Trong ký ức của tôi, Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Lữ là hình ảnh mẫu mực của người chỉ huy, chững chạc và uy dũng. Liên khu V hồi đó có ba tỉnh tự do là Bình Định, Quảng Ngãi và Phú Yên nên mỗi lần đánh trận xong, Tiểu đoàn 59 về đó chỉnh huấn, chỉnh quân, huấn luyện và bồi dưỡng.

Suốt thời gian đó, Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Lữ luôn ở trên thao trường với anh em, cùng học cách đánh công kiên, lập ra lô cốt rồi tập đánh, mang cả thang ra đánh, rút kinh nghiệm và xử lý các tình huống phức tạp. Vì là lính liên lạc trinh sát nên trong những cuộc họp chính, tôi thường không được dự, nhưng Tiểu đoàn trưởng cùng chúng tôi ngày đêm luyện tập công đồn, mồ hôi đầm đìa, mới biết thủ trưởng của mình là người kiên cường trong rèn quân như thế nào. Có lẽ vì vậy mà Tiểu đoàn 59 đánh đâu thắng đó, tổn thất hy sinh cũng hạn chế được nhiều.

Trong chế độ ngày đó, thủ trưởng đơn vị được ăn bếp riêng, nhưng Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Lữ thường ăn cùng lính, món ăn cụ thích nhất là mắm cua chấm rau khoai luộc, mắm đó là do đồng bào tặng. Cụ Lữ có tiêu chuẩn lương nhưng hầu như không tiêu pha gì cho bản thân mà thường gửi về cho gia đình vì có mẹ già yếu và đàn con nhỏ. Mỗi tháng lĩnh lương, cụ lại cho tôi tiền để cắt tóc và mua đồ dùng cá nhân, khoảng

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

mấy đồng. Cho đến giờ, tôi vẫn nghĩ, mình may mắn lắm mới có được người chỉ huy thương lính như con, nghiêm khắc, kỷ luật mà ấm áp nghĩa tình như vậy.

Khi Tiểu đoàn đánh trận ở Lệ Sơn, Đồn Nhất, tôi không được tham gia vì còn nhỏ và phải làm nhiệm vụ đưa thư đi các đơn vị. Nhưng các anh em vẫn kể lại cho tôi, coi đó là thành tích mẫu mực của lịch sử Tiểu đoàn.

Sau này, tôi được tham gia trận Kon Braih (Kon Rẫy), trận đánh Kon Tum, trận đường số 19 - tập kích Plei Ring và các trận ở Phú Yên, Khánh Hòa. Với những trận đánh vào sinh ra tử này, Tiểu đoàn 59 kiêu dũng của tôi chưa từng thất bại, kẻ thù nghe danh mà khiếp sợ.

Trong đó, trận Kon Braih (Kon Rẫy) để lại trong tôi ký ức sâu đậm nhất!

Năm 1954, Tiểu đoàn 59 tham gia chiến dịch Đông Xuân, tập trung cơ động, chủ động linh hoạt hành quân phát triển lên Tây Nguyên, đánh vào nơi hiểm yếu, thực hiện nhiệm vụ do cấp trên giao. Sau khi đánh An Khê thu khẩu pháo lớn, đánh diệt viện đường số 19, Tiểu đoàn hành quân lên Tây Nguyên đánh cứ điểm Kon Braih (Kon Rẫy).

Đồn Kon Rẫy (nay gọi là Kon Braih) thuộc huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum, được thực dân Pháp xây dựng kiên cố trên một quả đồi khổng lồ chế hoàn toàn đường số 5 (nay là quốc lộ 24) - con đường huyết mạch độc đạo chạy từ Kon Tum xuống Măng Đen, quận lỵ Ba To, tiếp giáp với quốc lộ 1 ở huyện Mộ Đức, cách thị xã Quảng Ngãi 20km. Đồn Kon Braih (Kon Rẫy) là một mũi đột kích hết sức lợi hại và nguy hiểm trong bước 3 của chiến dịch Atlante, đánh chiếm thị xã Quảng Ngãi, kết thúc cuộc tấn công chiến lược ở miền Nam của tướng Navarre.

Phần II: Anh hùng của lòng dân

Đồng thời, đồn Kon Braih (Kon Rẫy) còn là căn cứ cho quân Pháp càn quét, khống chế một vùng rộng lớn; là hậu cứ yểm trợ cho hai cứ điểm Măng Đen, Măng Bút của địch; là tiền đồn phía Đông bảo vệ thị xã Kon Tum - đầu não của quân Pháp ở tỉnh Kon Tum và Bắc Tây Nguyên.

Theo kế hoạch, đêm 27/01/1954, Trung đoàn 108 diệt Măng Đen, sau đó Tiểu đoàn 59 (thiếu một đại đội) đánh đồn Kon Braih (Kon Rẫy). Ta ưu tiên để cho Măng Đen nổ súng trước, nhưng sau đó, Măng Đen nổ súng sớm. Tiểu đoàn 59 chưa kịp tập kết về Kon Braih (Kon Rẫy) thì đã bị bọn địch từ Măng Đen chạy về báo động. Trước tình huống đó, ngay trong đêm 27/01/1954, các mũi tiến công đã khẩn trương, bí mật vượt sông qua đoạn thác dữ nhất, áp sát lô cốt chân đồn, chuẩn bị phá cửa mở.

Đây là trận đánh vô cùng ác liệt, địch đã biết ta tấn công nên tăng cường hỏa lực, chặn đứng các cửa mở, quyết tâm cố thủ. Quân ta dùng thang và bộc phá tấn công mấy lần vẫn không dứt điểm được. Trong lần cuối cùng, đồng chí Trần Xung đã bị thương, máu chảy ròng ròng, nằm vắt trên rào dây thép gai, trước khi chết đã kêu anh em ôm 20kg bộc phá, băng qua thân mình, đánh lô cốt đầu cầu, mở cửa lên đồn chính. Cửa mở xong, quân ta tràn vào tiêu diệt gọn đồn Kon Braih (Kon Rẫy), địch thất bại hoàn toàn.

Chiến thắng Kon Braih (Kon Rẫy) có ý nghĩa rất quan trọng, góp phần quyết định vào chiến dịch Bắc Tây Nguyên trong chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954, tạo thời cơ thuận lợi để quân ta giải phóng Kon Plông, thị xã Kon Tum và toàn tỉnh Kon Tum.

Sau khi tiêu diệt đồn Kon Braih (Kon Rẫy), đồng chí Hà Vi Tùng, Trung đoàn phó Trung đoàn 803 đã lập đội trinh sát, gồm 7 đồng chí (3 trinh sát và 4 đặc công) vào thành phố Kon Tum,

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

chuẩn bị kế hoạch tiến đánh Kon Tum, tôi là một trong số đó. Tiểu đoàn 59 phát triển đi hướng khác, sau về đánh Đắk Đoa.

Đánh Kon Tum xong, người dân mời bộ đội ăn Tết. Hồi đó, chúng tôi được chỉ huy dặn từ việc nhỏ là ăn uống phải đàng hoàng, làm khách. Dân được giác ngộ cách mạng nên thương bộ đội lắm, từ hồi năm 1945 làm cơ sở là một lòng theo Đảng, tìm mọi cách che giấu cán bộ trước tai mắt kẻ thù, có gạo là dành cho bộ đội. Ngược lại, bộ đội cũng thương dân, không lạm dụng, nên ăn ít lắm dù thiếu đói vô cùng, nhìn thấy cơm ngon mà vẫn giữ phong thái uy nghiêm. Dân lại nắm cơm, gói gạo cho bộ đội mang đi. Những ngày kháng chiến xưa đó, lòng dân ở đâu cũng hướng về Đảng và Bác Hồ.

Bây giờ, Tiểu đoàn 59 ở Đà Nẵng còn lại khoảng dăm người, đều già cả, bệnh tật. Những anh em của tôi nằm đó mà trái tim vẫn không nguôi nhớ về thời thanh xuân cùng thủ trưởng Nguyễn Lữ và đơn vị đi đánh giặc, giải phóng đất nước, quê hương. Những bữa ăn họ nhớ nhất là cơm vắt mang theo chặng đường hành quân, là mắm cua, mắm cá nhân dân gửi tặng. Nghĩa tình của nhân dân nuôi dưỡng Tiểu đoàn 59 suốt những năm dài kháng chiến với họ mãi mãi không thể nào quên.

Đối với tôi, Tiểu đoàn 59 sẽ mãi là gia đình của tôi một thời tuổi trẻ, nơi giúp tôi trưởng thành và từ đó ra đi chiến đấu; Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Lữ - linh hồn của Tiểu đoàn, nhân dân Nam - Ngãi - Bình - Khánh, đồng bào Tây Nguyên một thửa ruộng com sẽ áo nuôi dưỡng sẽ mãi là những người thân ruột thịt.

Kỷ niệm 72 năm thành lập Tiểu đoàn, tôi được cùng đoàn làm phim thăm lại chiến trường xưa. Đứng trước những tấm bia

Phần II: Anh hùng của lòng dân

chiến thắng vinh danh Tiểu đoàn, tôi xin mượn lại hai câu cuối trong Sử thi “Trung hiếu vẹn toàn” của đồng chí Trương Công Vọng để tri ân các đồng chí, đồng đội và nhân dân nơi đây:

“Lính Cụ Hồ, lính anh hùng

Tiểu đoàn 59 hiếu trung vẹn toàn”.

Đà Nẵng, tháng 5 năm 2022

Thanh Hương - Sỹ Bằng - Tuấn Anh thực hiện

LỆ SƠN - TRẬN ĐÁNH HÀO HÙNG

(Ghi theo lời kể của ông Lê Minh Nhẫn -
Cựu chiến binh Tiểu đoàn 39, Quảng Nam - Đà Nẵng)



Tên tôi là Lê Minh Nhẫn, quê ở thôn Lệ Sơn, xã Hòa Tiến, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, trước kia là tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng. Tôi tham gia cách mạng từ tháng 7 năm Ất Dậu, trước ngày Tổng khởi nghĩa tháng 8/1945.

Tôi may mắn được tham gia đánh trận Lệ Sơn năm 1952. Ngày đó, đơn vị của tôi là địa phương quân, tăng cường cho quân chủ lực của Liên khu V, tức là làm nhiệm vụ vòng ngoài, sau trận đánh sẽ thu dọn chiến trường. Quân chủ lực trận này là Tiểu đoàn 59, mãi sau này tôi mới biết, chứ lúc đó do kỷ luật chiến trường, bí mật quân sự, ai biết việc người đó, tuyệt đối tuân thủ người chỉ huy, không được biết kế hoạch của trên.

Đồn Lệ Sơn được xây năm 1947, nằm giữa một rừng trúc, ở ngay sau đình Lệ Sơn, kẻ thù đã đập ngôi đình to đẹp để xây đồn.

Phần II: Anh hùng của lòng dân

Đồn Lệ Sơn có hình tam giác, phía Tây mặt trên núi xuống có một lô cốt cố thủ, phía Đông Nam có thêm một lô cốt cố thủ nữa. Phía sau hình tam giác cũng có một lô cốt, phía trước có chòi gác, lính gác trên đó, có gì là báo động ngay. Gạch của đình Lệ Sơn không đủ xây đồn nên gạch Pháp và lính nguy bắt phu phen tạp dịch đập gạch các nhà thờ họ, nhà dân ở quanh khu vực đó để xây. Đồn kiên cố lắm, bờ tường rào, chân tường rộng một thước, đổ đất vào giữa. Thêm nữa, phía Bắc của đồn là sông Yên, phía Nam là một con mương từ trong bầu Lệ Sơn chảy ra, rộng khoảng 10 thước, bên trên là vọng gác. Nằm ở thế các con sông vây, che chở nên đồn Lệ Sơn rất khó đánh, muốn đánh thì quân ta phải lội qua con sông đó. Phía trước đồn, địch còn đóng một trung đoàn có trận địa pháo yểm trợ. Ta muốn vào thành Đà Nẵng thì phải diệt đồn này. Vì vậy, đồn Lệ Sơn được bảo vệ rất cẩn mật. Trước đó, quân ta đã tiến đánh 2 lần nhưng bị pháo địch bắn cấp tập nên phải rút về. Đến lần thứ ba, bộ đội ta phải bí mật vượt sông Yên, đi trong đêm, đánh úp từ phía sau mới hạ được đồn.

Chốt ở đồn Lệ Sơn toàn là lính Lê dương, luân chuyển nhiều đợt cho nên có cả bọn Páctidăng rồi Commando. Trong đồn còn có tên Đội Tước - một tên Việt gian rất hung dữ, ngoan cố, cầm đầu bọn hương, lý chuyên bắt người rồi tra tấn, giết hại, tội ác chồng chất, người dân Lệ Sơn căm hận vô cùng. Vậy nên có thơ rằng:

*““Đồn” này tội ác chất tràn,
Thật là quân cướp nước dã man vô cùng.
Thường xuyên cướp phá lợi lòng.
Gieo bao thảm cảnh vô cùng tang thương.
Thật là một lũ bất lương,
Bắt người về chặt làm hai ba khúc...”*

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

Khi ta đánh vào đồn Lệ Sơn thì quân địch ở đây có khoảng một đại đội. Tên quan hai đồn trưởng người Maroc tóc quăn, hung ác vẫn dùng súng bắt lính cố thủ, sau hắn bị trúng SKZ đầu tiên, những tên khác vẫn cố thủ trong lô cốt, tìm cách chống cự đến cùng. Sau khi bộ đội chủ lực tiến đánh thì chúng tôi ở tiểu đội xung kích vào diệt số còn lại.

Khi đồn Lệ Sơn bị quân chủ lực hạ xong, vào trong mới thấy, đồn này có bảy lớp hàng rào bằng dây thép, hàng rào này cách hàng rào kia là các con mương, phía dưới cắm chông. Chúng còn bỏ lựu đạn đã rút chốt và các lon sữa gắn lên hàng rào. Hễ bộ đội ta đụng vào là nó rớt, trúng cái là nổ. Do vậy, bộ binh ta đánh rất khó, phải có cách đánh khác. Quân ta trinh sát được rồi mới tiến đánh tập hậu, không đánh mặt chính diện. Khi quân chủ lực đánh từ phía sau vào gấp ngay tên quan hai nên tiêu diệt luôn, sau đó nhanh chóng tiến vào diệt số còn lại nhưng không bắt được tên Đội Tước, hắn đã kịp chạy thoát ra ngoài và trà trộn vào dân công khiêng thương binh của ta hòng chạy trốn. Thật may có cô gái nhỏ là cơ sở, từng chặn bò cho nhà Đội Tước, phát hiện ra nhờ biết mặt hắn, báo cho quân ta. Hắn bị bắt lại ngay lúc đó.

Ta thu được khẩu mooc-chi-ê (cối) 81mm vẫn còn phủ nguyên bột, địch chưa kịp lôi ra bắn. Quân ta không thối kèn thắng trận mà đánh nhanh rút nhanh để bảo toàn lực lượng. Khi rút ra phía trước thì cổng bị khóa chéo, ta phải lấy súng trường bắn gãy khóa, mở đường ra ngoài. Ngay khi ra phía trước thì có một căn hầm vốn dành cho bọn lý, hương. Số đó đều là người địa phương, ở đây bảo vệ đồn. Anh em gọi xuống dưới hầm nhưng không thấy lên, có ý kiến là ném lựu đạn, thì tôi không cho. Tôi nói có người mình trong đó, không được ném lựu đạn vào, rồi tôi xuống mà không có đèn. Tôi rờ từng người kéo lên, tất cả

Phần II: Anh hùng của lòng dân

là 11 người, trong đó có vợ của tên Đội Tước, sau đó giao cho địa phương xử lý. Bộ đội đánh xong rồi rút lên Hòa Khương, kiểm quân số thì đơn vị tôi hy sinh 9 đồng chí, quân chủ lực thì chúng tôi không được rõ.

Sau trận Lệ Sơn, tôi vẫn ở tiểu đoàn địa phương quân của Quảng Nam - Đà Nẵng, sau đó cùng đơn vị và ba trung đoàn chủ lực Liên khu V tiến đánh Tây Nguyên. Chúng tôi đi đánh Tây Nguyên, Kon Plông, Eo Gió, Tú Thủy, Cửu An..., cuối cùng là đánh trận Măng Đen. Đến năm 1954, chúng tôi vận chuyển vũ khí xuống Đập Đá cất giấu rồi mới đi tập kết. Sau khi ra Bắc một thời gian, được điều đi xây dựng công trình Đại thủy nông Bắc - Hưng - Hải, tiếp đó lần lượt về Trung đoàn 108 tham gia làm cầu Việt Trì, về Trung đoàn 210 làm tại nông trường chè Vân Lĩnh ở Phú Thọ, về Trung đoàn 96 làm tại các nông trường cà phê và cao su.

Mấy chục năm trôi qua rồi, hiện đã có Bia Di tích chiến thắng Lệ Sơn ghi công bộ đội đánh đồn, mỗi lúc nhớ lại thời tuổi trẻ xông pha đi đánh trận, cùng đồng đội giải phóng quê hương, tôi lại bồi hồi rưng rưng nhớ đến những người ngã xuống nơi đây, có đồng chí tôi còn không biết mặt, biết tên, biết đơn vị, họ đổ máu để đồng bào được tự do, không còn bị kẻ thù kìm kẹp. Trong những người đánh trận năm xưa, chắc cũng ít người còn sống, chỉ mong sao các thế hệ cháu con nhớ rằng, có một thời, bộ đội Cụ Hồ đã chiến đấu không tiếc máu xương để bảo vệ độc lập dân tộc, bảo vệ đất nước và nhân dân.

Tôi may mắn đi qua hai cuộc chiến tranh, còn sống đến hôm nay, xin cúi đầu ngưỡng vọng anh em đồng chí đã hy sinh. Mãi mãi biết ơn họ!

Đà Nẵng, tháng 5 năm 2022

Thanh Hương - Sỹ Bằng - Tuấn Anh thực hiện

TRẬN ĐỒN NHẤT - HẢI VÂN QUAN TRONG KÝ ỨC NGƯỜI LÍNH CÔNG ĐỒN

(Ghi theo lời kể của Đại tá Huỳnh Năm -
Cựu chiến binh Tiểu đoàn 59)



Tên tôi là Huỳnh Năm, sinh năm 1932, khi về nghỉ hưu quân hàm Đại tá Quân đội nhân dân Việt Nam. Thời chống thực dân Pháp, tôi là lính của Tiểu đoàn 59 - Chủ lực cơ động Liên khu V - ngay từ buổi đầu thành lập. Tiểu đoàn 59 lúc đó chủ yếu là anh em trong thành Đà Nẵng, gan dạ, anh dũng, đã từng hoạt động bí mật, thực hiện nhiều trận đánh khiến giặc Pháp khiếp sợ. Tôi ở Đại đội 11. Thời đó, lực lượng của ta ở Quảng Nam - Đà Nẵng mới chỉ đến cấp Trung đoàn, đến năm 1954 mới thành lập cấp Đại đoàn nên chỉ huy cấp Tiểu đoàn chúng tôi hầu như không được tiếp cận. Với Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Lựu, tôi không có nhiều cơ hội nói chuyện gần gũi vì là cấp chỉ huy. Tôi chỉ biết thủ trưởng là một chỉ huy rất anh dũng, là du kích Ba Tor, từng là

Phần II: Anh hùng của lòng dân

Tiểu đoàn trưởng một đơn vị khác từ năm 1947, lính của ông có kỷ luật nghiêm minh cũng là do ông rèn từ đội ngũ chỉ huy đại đội mà thành.

Hồi trước, chúng tôi đánh giặc theo mùa. Cứ mùa đông, trời lạnh và thường có mưa là mình đi đánh giặc vì lúc đó giặc thường co cụm lại trong đồn bốt. Đánh giặc xong thì mùa xuân, mùa hè mình lại về vùng tự do huấn luyện. Vì thế, các chiến dịch thường được đặt tên theo mùa, rất dễ nhớ!

Khi đóng quân ở vùng tự do, chúng tôi học văn hóa, học chính trị và được huấn luyện đánh công đồn. Đồn giặc ngày đó thường đóng ở những vị trí hiểm yếu, có thành cao, hào sâu, lại có chòi canh, tháp canh yểm trợ, muốn đánh thì bộ đội phải được huấn luyện sử dụng thành thạo các loại bộc phá, như bộc phá khối loại 5kg đến 10kg, 20kg, 50kg, bộc phá ống,... Chúng tôi còn học đào công sự, đào lẩn chiếm, vừa bò vừa đào,... Riêng với bộc phá, từ cách giật nự xòe như thế nào, gói bộc phá như thế nào, bao nhiêu khối..., chúng tôi được học rất kỹ. Luyện tập lăn lê bò toài, bộc phá ống, bộc phá khối, cắt dây thép gai, gỡ bom mìn,... xong rồi mới đi đánh giặc. Những lúc không huấn luyện thì giúp dân làm ruộng rẫy, gặt lúa, việc gì cũng làm qua không ngại khó, vì thế, dân thương bộ đội, một lòng ủng hộ.

Tôi tham gia nhiều chiến dịch, nhưng đáng nhớ nhất là trận Đồn Nhất. Trận này, chỉ huy phân công tôi ôm bộc phá để đánh Đồn Nhất. Tôi giữ bộc phá ống - nó như ống tre, tròn, dài 1,5m, bên trong là thuốc nổ, một đầu là nự xòe. Khi mình mang vào trong, áp sát đồn, thì mình đặt nó vào và giật cái nự xòe. Bộc phá nổ sẽ làm hàng rào dây thép gai bung ra, bộ đội qua cửa mở đó để tiến đánh vào trong.

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

Trước đó, trinh sát đã điều nghiên, nếu đồn có hàng rào thép gai ở xung quanh thì dưới hàng rào chắc chắn địch sẽ đào hào sâu, có gài mìn hoặc lựu đạn, bộ đội muốn đánh phải dùng thang vượt hào đó. Đội xung kích ước tính hào dài bao nhiêu rồi ném thang sang, sau đó lát tấm ván để bộ đội đi qua. Nếu thang gãy phải có người xuống hào đặt thang lên vai để bộ đội tiếp tục tiến công đánh đồn. Vào trong rồi, nếu tường đồn quá cao mà bộc phá đánh không được thì bộ đội lại bắc thang leo lên dùng bộc phá áp sát, giật nự xòe rồi ném vào trong lỗ châu mai. Người giữ thang thì không được che chắn, phải đứng thẳng, cái chết luôn cận kề. Cứ hai người một thang, một người leo lên và một người giữ thang. Trong trận Đồn Nhất, tôi đứng ở dưới giữ thang.

Đồn Nhất bấy giờ nằm trên đỉnh đèo Hải Vân, bộ đội hành quân từ Hòa Tiến lên đó mất mấy ngày, ém dưới chân đèo, trinh sát lên trước nắm tình hình, sau đó bắt đầu đánh. Lúc đó khoảng tháng 9, trời mưa dầm, đơn vị hành quân trong đêm, bí mật bao vây đồn. Đằng trước là hàng rào dây thép gai, dưới hàng rào là mương sâu. Chỉ huy ra lệnh dùng bộc phá ống để phá hàng rào, mở cửa, rồi đẩy bộc phá khối vào để đánh sập đồn. Tôi ôm bộc phá ống, vác thang vào đó, cùng đi là đồng chí Cu. Lên đó giật bộc phá xong thì chúng tôi bò nhanh nấp đi để bộc phá nổ, sau đó các đồng chí khác nhanh chóng ôm bộc phá khối ném vào Đồn Nhất.

Trong đêm tối, giặc bắn ra như vãi đạn, chúng tôi quyết không rời trận địa, trong lúc giằng co quyết liệt, đồng chí Nguyễn Bá Dương đã dùng sức nâng thang cho đồng đội ôm bộc phá trèo lên, giật nự xòe, thả vào trong đồn, chỉ sau mấy tiếng, Đồn Nhất

hoàn toàn bị tiêu diệt. Chúng tôi giao lại chiến trường cho quân địa phương, cả đơn vị rút đi theo lệnh của chỉ huy.

Đánh xong Đồn Nhất về thì chúng tôi không có cơm ăn do bị nước lũ cuốn trôi, xuống dưới chân đèo vào nhà dân nhờ họ nấu cơm, dân biết bộ đội diệt đồn liền nấu cho ăn, cơm nóng ăn vào đến đâu biết đến đó. Hồi trước đi đánh giặc, bộ đội thường mang theo cơm vắt, mắm ruốc đựng trong ống tre để ăn dọc đường, hành quân giữa chặng được nghỉ là bỏ cơm ra ăn, ăn xong lại lên đường đi tiếp, cơm gặp mưa, có lúc thiu hỏng, nát hết, vẫn gọt bỏ bên ngoài đi rồi ăn. Đầu trần, chân đất, vũ khí chủ yếu là tịch thu được của giặc qua từng trận đánh nhưng anh em không có ai lùi bước, cứ thế Tiểu đoàn của tôi đa số quần đùi, áo cộc, đeo chiếc chiếu sau lưng, hành quân đánh khắp miền Trung rồi lên Tây Nguyên. Chỉ huy cũng như lính, hành quân bộ từ Bình Định ra Quảng Ngãi, lên Ba Tơ rồi lên tuốt Măng Đen, Măng Bút, Kon Rẫy. Có lúc đánh địch xong, chúng tôi lại hành quân về quãng đường dài như vậy bằng chân không. Giỏi thật! Không hiểu nổi làm sao có sức mạnh mà đi miết mấy năm ròng kháng chiến như thế!

Nhiều lúc tôi nằm nghĩ, mình còn sống đến ngày hôm nay cũng là nhờ đồng đội. Nhưng đồng đội Tiểu đoàn 59 của tôi giờ còn lại rất ít. Mình vẫn sống là hạnh phúc quá rồi. Bây giờ tôi chỉ mong đóng góp chút sức lực còn lại vào việc tôn tạo, tu sửa các bia di tích, giúp con cháu sau này hiểu đúng về lịch sử, biết công ơn của người đi trước, nối tiếp trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn non sông trọn vẹn.

Tôi tham gia hoạt động trong Tiểu đoàn 59 từ ngày sáp nhập đến khi rời khỏi Trung đoàn 803, tập kết ra Bắc, vì vậy, Tiểu đoàn là gia đình của tôi suốt thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp.

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

Tiểu đoàn 59 - Chủ lực cơ động Liên khu V đã làm tròn nhiệm vụ lịch sử của đất nước. Những chiến công của Tiểu đoàn được nhân dân ghi nhớ, tôn vinh. Và như thế, đồng đội của tôi sẽ sống mãi trong lòng nhân dân, đất nước.

Tôi tự hào là người lính Tiểu đoàn 59 - Chủ lực cơ động Liên khu V.

Đà Nẵng, tháng 4 năm 2022

Thanh Hương - Sỹ Bằng - Tuấn Anh thực hiện

CHUYỆN VỀ KHẨU PHÁO DƯỚI CHÂN CỘT CỜ HÀ NỘI

(Ghi theo lời kể của Đại tá Võ Văn Minh -
Cựu chiến binh Tiểu đoàn 39 Trung đoàn 803)



Tôi tên là Võ Văn Minh, sinh năm 1930, tuổi xưa gọi là Canh Ngọ. Tôi tham gia quân đội năm 1946, như vậy là 16 tuổi đã vô bộ đội; 19 tuổi được kết nạp Đảng. Ở bộ đội đến năm 1995 thì nghỉ hưu - tức 49 năm tham gia quân đội.

Khi tôi vô bộ đội thì giặc Pháp vừa chiếm xong Đà Nẵng, nhưng ở Hội An thì chưa bị chiếm. Tại Hội An, tôi gia nhập Đại đội Ngô Quyền, Thủy đội Bạch Đằng, ngày đó là bộ đội hải quân. Sau đó, khi thành lập Tiểu đoàn chủ lực 39 tại Quảng Nam, tôi về Đại đội 1.

Hồi đó ở đơn vị, phần lớn anh em không biết chữ, tôi đậu Primaire, là bậc tiểu học thôi, nhưng với đơn vị cũng là loại khá. Tôi biết chữ nên được chỉ huy cho làm thư ký đại đội. Từ thư ký đại đội, dần dần tôi lên làm cán bộ chính trị của trung đội,

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

rồi chính trị viên của đại đội. Ngày tập kết ra Bắc, tôi được phong hàm Trung úy, đóng quân ở Nghệ An.

Tiểu đoàn 39 của chúng tôi chung đội hình với Tiểu đoàn 365 và Tiểu đoàn 59 thuộc Trung đoàn 803 chủ lực cơ động Liên khu V, do vậy, chúng tôi có nhiều gắn bó trong kháng chiến, đánh giặc hiệp đồng, chinh huấn, chinh quân.

Tôi may mắn có mặt từ những ngày đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và liên tục ở một đơn vị chủ lực nên được trực tiếp tham gia nhiều trận chiến đấu. Khi nghỉ hưu, tôi viết lại những kỷ niệm về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp mà ít người biết. Câu chuyện về khẩu pháo ở Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam, dưới chân Cột cờ Hà Nội là một trong những ấn tượng sâu sắc của tôi.

Từ năm 1952, tức là bước vào những năm cuối của kháng chiến chống thực dân Pháp, bộ đội Trung đoàn 803 thắng lợi lớn lắm: giải phóng Gò Nổi, tiêu diệt đồn Xuân Đài, đồn Vân Ly, đồn Túy Loan, đặc biệt là trận tiêu diệt đồn sân bay Đà Nẵng - do Tiểu đoàn 59 đánh, nức lòng đồng bào, chiến sĩ vì quá vang dội.

Sau đó, Tiểu đoàn 59 đánh đồn Lệ Sơn, chưa đầy chục ngày sau lại diệt cứ điểm Đồn Nhất tại đèo Hải Vân. Trận Đồn Nhất - Hải Vân Quan là một trận đánh kiêu hùng, thể hiện được tinh thần của bộ đội Tiểu đoàn 59 - “Ra đi thà chết không lùi bước”. Trong trận này, liệt sĩ Nguyễn Bá Dương đã nêu cao tấm gương quyết tử, dùng sức nâng thang cho đồng đội ôm bộc phá trèo lên hạ lô cốt trong hầm đạn giặc. Gương hy sinh quên mình của anh còn được lưu lại trong lịch sử Trung đoàn 803 và khắc trên tấm bia chiến thắng ở đỉnh đèo.

Đến năm 1953, Tiểu đoàn 59 lập công lớn khi tiến công lên Tây Nguyên, đánh đồn Thượng An - lô cốt Đầu Đèo, chiếm

Phần II: Anh hùng của lòng dân

được khẩu pháo 155mm, đó là khẩu pháo đặc biệt của Khu V vì chưa từng có khẩu nào lớn như vậy. Từ đèo An Khê, lính Pháp dùng khẩu pháo này bắn thẳng xuống Bình Định, gây rất nhiều khó khăn cho ta. Tiểu đoàn 59 diệt đồn, thu được khẩu pháo đó. Di chuyển khẩu pháo đi khó khăn lắm, nhưng cuối cùng cũng chuyển được lên tàu tập kết ra Bắc.

Khẩu pháo 155mm mà Tiểu đoàn 59 thu được là khẩu pháo lớn nhất miền Nam lúc đó. Với chiến công này, cùng là lính Trung đoàn 803, chúng tôi luôn tự hào về anh em Tiểu đoàn 59. Họ giỏi đánh trận, đã đánh là thắng, anh hùng, dũng cảm mà khiêm nhường, lặng lẽ. Qua hai cuộc chiến tranh, trở về với đời thường, họ lại hòa mình vào đời sống, tuyệt đối không công thần hay đòi hỏi.

Sau này, trong một dịp tới thăm Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam ở Hà Nội, nhờ điểm đặc biệt của khẩu pháo, tôi và một số đồng chí cựu chiến binh của Trung đoàn 803 nhận ra đây chính là khẩu pháo mà Tiểu đoàn 59 thu được trong trận Thượng An - lô cốt Đầu Đèo. Tôi đã gặp cán bộ Bảo tàng để đính chính. Khi trở về, tôi đã viết một lá thư gửi lãnh đạo Bảo tàng. Anh em đã đổ máu để đánh trận này, tôi nghĩ phải trả đúng tên cho họ. Chiến quả của họ phải trả cho họ! Tôi thấy mình có trách nhiệm phải làm rõ công trạng của các anh em, để sau này cháu con hiểu rằng, lịch sử là những câu chuyện gắn với những con người cụ thể, không nên lẫn vào đám đông rồi không ai nhớ tới họ. Lãng quên cũng là có tội với quá khứ.

Hôm nay, tôi biết khẩu pháo đã được ghi công rõ ràng là chiến quả của Tiểu đoàn 59, tôi cảm thấy tự hào vì mình đã làm được một việc có ý nghĩa với máu xương của đồng đội, đồng chí đã hy sinh.

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

Trong số đồng đội đã hy sinh của Tiểu đoàn 59, tôi gắn bó nhất với anh Thiện - Đại đội phó. Anh là bộ đội Nam tiến, quê ở Thái Bình. Anh hy sinh trong trận đánh Lệ Sơn, rồi được đồng đội chôn cất ở đó. Mấy chục năm không biết gia đình có tìm lại được không? Bây giờ, nhắc đến anh em, tôi vẫn thấy xót thương vô cùng, bởi như anh Trần Xung, gần 10 năm sau gia đình mới nhận được tin báo tử. Có người thành vô danh... Nhiều anh em ngoài Bắc vào Nam chiến đấu từ năm 1945, sau đó gia đình, quê hương bị địch chiếm, đến lúc hy sinh cũng chẳng báo tin được. Cho nên hầu hết anh em ngoài Bắc vào đều không có báo tử, tội lắm! Tôi tìm được một số mộ của anh em rồi tìm được quê hương của họ! Đó là nghĩa cử nên làm của chúng ta.

Sau mấy chục năm, nhìn lại, dù ở tiểu đoàn khác nhưng tôi tự hào là người cùng thời với anh em Tiểu đoàn 59. Sở dĩ họ có được thành tích cao trong chiến đấu vì có một người chỉ huy giỏi, tích cực, nhiệt tình và dũng cảm vô cùng - đó là Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Lữ!

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của ta ở Liên khu V gian khổ, thiếu thốn trăm bề. Đơn giản như trong quân trang được cấp, làm gì có dép, có vớ. Cả năm, cả tháng, cả chiến dịch đều nằm đất và thậm chí chưa được cấp quần áo. Đồng bào cho gì mặc nấy, không có mũ, không có dép, đi chân không. Đúng là đi chân không hoàn toàn. Lúc tập kết ra Bắc, mỗi anh em được phát một đôi giày bata, nhưng nghịch lý là chúng tôi không mang được vì đi chân không quen rồi, giày toàn để treo trên cổ. Nói chung là khổ vô cùng, thế mà không ai sờn lòng, nhụt chí!

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của ta thực sự là thần thoại, bởi đã tôi luyện một đội quân chân trần, chí thép, chiến đấu và chiến thắng kẻ thù hung bạo, vũ khí trang bị hiện đại.

Phần II: Anh hùng của lòng dân

Cuộc kháng chiến này đã làm cho kẻ thù phải kính phục bởi nó thể hiện rất rõ sự trưởng thành của lực lượng vũ trang Việt Nam, những người lính bước ra từ nghèo khổ, đói rách, mù chữ mà làm nên những kỳ tích chấn động địa cầu.

Tôi xin cảm ơn các anh chị làm sách, làm phim, những người đã dành tâm sức tìm lại câu chuyện lịch sử của chúng tôi, của Liên khu V thời chống giặc Pháp. Qua đây, tôi xin gửi lời thăm hỏi đến các anh em của Tiểu đoàn 59 còn khỏe đến hôm nay. Chúc các anh em mạnh giỏi, chúng ta được sống đã là hạnh phúc khi đi qua mấy cuộc trường chinh rồi!

Chào quyết thắng!

Đà Nẵng, tháng 8 năm 2022

Thanh Hương - Sỹ Bằng - Tuấn Anh thực hiện

LÒNG DÂN NHỚ MÃI

(Ghi theo lời kể của bà Trần Thị Kim Liên (Sáu Hay) -
Cựu tù binh nhà tù Quy Nhơn, Bình Định)



Tôi là Trần Thị Kim Liên, thường gọi là Sáu Hay, sinh năm 1933, quê gốc ở Song An, An Khê, Gia Lai, là chiến sĩ cách mạng bị bắt và tù đầy ở nhà lao Quy Nhơn - Bình Định.

Hồi kháng chiến chống thực dân Pháp, tôi còn nhỏ, cha mẹ đều mất nên tôi theo bộ đội tham gia kháng chiến. Năm 19 tuổi, tôi gặp một anh bộ đội và chúng tôi cưới nhau. Năm 21 tuổi, tôi sinh đứa con đầu lòng, năm 22 tuổi sinh đứa thứ hai. Dù đã có gia đình nhưng tôi vẫn tham gia kháng chiến, làm công tác hậu phương, khi có trận đánh thì tôi thuộc đơn vị thu dọn chiến trường, thu lượm súng ống, đạn dược, chiến lợi phẩm và gánh về doanh trại. Hồi đó, đơn vị của tôi đóng quân ở An Khê.

Ngày xưa, lô cốt Đầu Đèo to lắm, trấn giữ con đường huyết mạch lên Tây Nguyên, đồn Thượng An phía bên kia, hai bên là hai mỏm đồi, phía dưới là con đường. Bộ đội mình khi đi qua là

Phần II: Anh hùng của lòng dân

bị pháo bắn nên rất khó qua lại. Pháo trên Đầu Đèo thường xuyên nã xuống phía Bình Khê, đêm đêm ùng ùng như sấm động, nghe tiếng pháo là biết bà con dưới đó bị bắn phá, tàn sát, lòng đau như cắt.

Lính trên đồn là giặc Tây, có cả Việt gian, thường xuống làng bắt gà vịt, cướp hoa màu, bắt người lên phục vụ trên lô cốt, chống lại là chúng bắn chết cả nhà, rồi bắt cơ sở của ta về đồn tra tấn dã man, tội ác không thể nói hết.

Những năm đó, xe của giặc Pháp hành quân trên đèo tối ngày. Xe to, có bánh xích, có cả súng to trên xe, lính ngồi đầy nhóc, cả lính Tây và lính ngụy. Du kích ta thường đào hố rồi bỏ mìn xuống đường, khi xe chạy qua thì nổ mìn, tiêu diệt hết quân địch. Vì thế, chúng càng khủng bố dân ở Thượng An dữ dội hơn.

Năm 1953, trên đường hành quân lên Tây Nguyên, bộ đội ta bị lô cốt Đầu Đèo và đồn Thượng An chặn ở An Khê, nên quân ta quyết định đánh đồn. Hồi đó, anh em bộ đội chủ lực ở dưới lên đánh vô đồn đó, đánh ác liệt lắm. Bộ đội đánh đồn là quân chủ lực, còn bộ đội địa phương chỉ hỗ trợ. Họ hành quân bí mật trong đêm, chúng tôi đâu có biết, chỉ nghe tiếng súng nổ vang trời, đạn bay sáng rực, sáng ra là nghe loa giục đi dọn chiến trường. Lúc đó cũng không biết là đơn vị nào đánh, chỉ thấy bộ đội ta quần áo rách nát nhưng hàng ngũ nghiêm chỉnh, mặt ai cũng hốc hác nhưng ánh mắt sáng và rất hiền.

Chúng tôi thu dọn chiến trường, địch chết nhiều, ta cũng có thương vong nhưng không đáng kể. Chúng tôi còn được nghe kể rằng: đơn vị đánh đồn này có ông chỉ huy rất giỏi, giặc Pháp phải kiêng ổng, treo thưởng mấy ngàn quan, ổng đánh đâu thắng đó mà lính ổng thì quá trời kỷ luật, dân thương hết biết.

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

Bữa đó, chúng tôi lượm được khẩu pháo to lắm, cùng rất nhiều súng đạn. Bọn lính Tây bị chết nhiều do chúng bị chính đồng bọn ném bom xăng xuống hòng diệt quân ta, ai ngờ có gió thổi, xăng bén vô đồn, đốt chết cả lính Tây và đầm, cả Tây con. Nhìn thương lắm mà biết làm sao! Theo lệnh trên, khẩu pháo được đem ra đường cái lớn, rồi tháo rời ra, tụi tôi vác, gánh mang đi Tây Sơn rồi lại từ Tây Sơn về Bình Định. Cái nào mình vác được thì mình vác, còn lại thì anh em bộ đội họ mang đi. Hồi đó bộ đội ốm nhách, tội lắm, mà toàn giành việc nặng hết tron. Xuống đến Tây Sơn, ở Định Quang làm lễ chiến thắng to lắm, mổ bò, mổ heo; rồi anh em, người dân tới rất đông, vui lắm. Tất cả cùng ăn mừng chiến thắng An Khê, mừng vì pháo đạn không còn bắn xuống Bình Khê, bà con an lòng sinh sống.

Sau này, tôi nghe nói khẩu pháo được đưa xuống tàu, đi ra Bắc, cấp trên nói là để Bác Hồ và nhân dân ở Hà Nội xem chiến quả của bộ đội ta đánh thắng giặc.

Bây giờ, sau gần 70 năm, đèo An Khê đã được hạ thấp, con đường đèo cũ nằm phía lưng núi bị lấp hết rồi, nhưng dấu tích của lô cốt thì vẫn còn. Năm xưa tôi còn khỏe, theo con làm rẫy, vẫn thấy những cọc gỗ thông nhuộm dầu cháy đen, đồ vật của lính còn sót lại. Thời Mỹ - ngụy, chúng cũng lấy đó làm căn cứ để đánh quân ta.

Thế hệ chúng tôi hiện không còn nhiều. Mười mấy đứa con của tôi cũng biết bố mẹ chúng từng đi đánh giặc, bị tù đầy, chúng cũng nếm mùi của bom đạn, chết chóc, nhưng như cha mẹ mình, chúng chưa bao giờ cam tâm làm nô lệ cho kẻ thù. Chúng vẫn biết trên núi Song An có lô cốt Đầu Đèo, nhưng rồi mai một, ai sẽ còn nhớ đến nơi đây, với trận đánh oai hùng chỉ một đêm mà phá tan đồn bốt địch kiên cố. Tôi chỉ mong Đảng và Nhà nước

Phần II: Anh hùng của lòng dân

hãy dựng lên dưới chân đèo một tấm bia chiến thắng, có ghi công những bộ đội đã hy sinh khi còn rất trẻ, bàn tay chúng tôi từng vuốt mắt cho họ, máu của họ thấm xuống đất này, linh hồn của họ cũng ở đây, tưởng nhớ họ để không quên nguồn cội. Đó là đạo lý mà tôi nghĩ đã trở thành bất diệt của người Việt Nam ta.

Gia Lai, tháng 5 năm 2022

Thanh Hương - Sỹ Bằng - Tuấn Anh thực hiện

TIỂU ĐOÀN 59 - CÁI NÔI CỦA BỘ ĐỘI ĐẶC CÔNG LIÊN KHU V

(Ghi theo lời kể của Trung tá Lữ Tấn Xa - Cựu chiến binh Tiểu đoàn 59)



Tôi sinh năm 1930. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, tôi tham gia Vệ Quốc đoàn, nhập ngũ ngày 01/01/1948 và được phiên vào Đại đội 11, Trung đoàn 108. Năm 1950, khi Tiểu đoàn 59 thành lập, tôi về Đại đội 6 là đơn vị thuộc Tiểu đoàn 59. Đại đội 6 của chúng tôi lúc bấy giờ chủ yếu là các anh em biệt động thành Thái Phiên, đánh nhiều trận khiến kẻ thù kinh hồn như trận đánh vào Cổ viện Chăm, nhà hàng Morin - Frères,... Chính nòng cốt này đã không ngừng phát triển để Tiểu đoàn 59 trở thành một đơn vị chủ lực với lối đánh công kiên, lập nên những chiến công vang dội, góp phần vào trang sử hào hùng của lực lượng vũ trang Liên khu V.

Tiểu đoàn 59 thành lập ở Tam Kỳ, Quảng Nam nhưng huấn luyện chủ yếu ở Bồng Sơn, An Nhơn, Bình Định. Khi đó, tôi là Tiểu đội trưởng trinh sát. Chấp hành mệnh lệnh của Ban Chỉ huy

Phần II: Anh hùng của lòng dân

đại đội tập đánh lô cốt và mục tiêu lớn, chúng tôi kéo vô khu vực Cầu Gành, rồi Phù Mỹ, Phù Cát ở Bình Định. Đồng chí Ninh Phụng là Đại đội trưởng thuộc Liên khu V, huấn luyện lại cho tất cả các đơn vị cách đánh đồn. Mỗi một đơn vị đánh đồn nhỏ thì chuẩn bị theo kiểu đơn vị nhỏ, nếu đánh tập trung thì chuẩn bị lớn. Ví dụ: đánh đồn trong đó địch tập trung khoảng một tiểu đoàn, thì mình phải đánh cấp trung đoàn; địch gồm một đại đội thì mình đánh cấp Tiểu đoàn; nếu địch có 3 hoặc 4 hàng rào thì mình phải chuẩn bị bộc phá ống, bộc phá khối, thuốc TNT, rồi thang để vượt tường, vượt hàng rào, chiến hào. Tất cả phải chuẩn bị đầy đủ vì đánh đồn phải tỉ mỉ. Mỗi đơn vị đánh mở đường thì phải có một tiểu đội trinh sát, một tiểu đội bộc phá, một tiểu đội hỏa lực. Khi bảo đảm cả ba tổ vật chất đó, đánh mới thắng. Tôi đã tham gia huấn luyện từ đánh cấp Tiểu đoàn đến đánh cấp Trung đoàn. Nếu một trung đoàn đánh tiểu đoàn địch, gọi là “2 đánh 1” thì phải chuẩn bị làm hai hướng, hướng chính một tiểu đoàn, hướng phụ một tiểu đoàn, còn một tiểu đoàn dự bị. Đánh điểm thì từ cấp Tiểu đội trưởng lên đến cấp Trung đội trưởng đều phải hoàn thành huấn luyện tất cả các bước.

Tiểu đoàn 59 giỏi nhất đánh điểm, với lối đánh bất ngờ. Mặc dù quân số ít nhưng Tiểu đoàn đã đánh là chắc thắng vì khi huấn luyện, chỉ huy ra tình huống cho chúng tôi xử trí, phải đối mặt với kẻ thù được trang bị vũ khí đến tận răng mà mình chỉ có vũ khí thô sơ thì phải mưu trí, trong huấn luyện phải đặt ra mọi tình huống để anh em lường trước mà vô thực tế tiến hành. Sau huấn luyện, Tiểu đoàn lập tức triển khai đi đánh đồn. Đánh Lệ Sơn - Hòa Tiến giành thắng lợi, ta thu khẩu súng máy 100mm, thêm vào vũ khí rồi đi đánh Đồn Nhất, đánh Túy Loan,... Hồi đánh đồn Lệ Sơn tôi là Trung đội trưởng. Đánh Lệ Sơn, Đồn Nhất xong thì đóng quân ở Kim Phúc, Tam Kỳ, hành quân tiến đánh ra khu vực Thu Bồn, khu vực phía Nam Đà Nẵng, đánh xong rút về vùng tự do để huấn luyện, chờ lệnh trên đi chiến dịch.

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

Tiểu đoàn 59 cứ từng bước đi lên, từ đánh nhỏ, đánh điểm đến đánh lô cốt, rồi tiến đánh An Khê, Tú Thủy - Cửu An..., đánh hiệp đồng chiến dịch ở Kon Tum,... Những trận chiến đấu đó đã cho tôi thấy đơn vị của mình rất giỏi đánh đồn. Hai trận tôi tham gia đánh đến nay vẫn nhớ không thể quên là trận Tú Thủy - Cửu An và trận Thượng An - lô cốt Đầu Đèo.

Khi đánh Tú Thủy - Cửu An, tôi là Trung đội trưởng bộc phá, giữ nhiệm vụ mở đường. Tú Thủy là cứ điểm kiên cố nhất của địch ở An Khê, đóng trên đỉnh đồi cao, cấu trúc công sự, hỏa lực mạnh, các mô đất nhấp nhô đều có trung liên, cối mai phục. Năm 1947, ta đã đánh đồn này nhưng không thành, Trung đoàn trưởng Vi Dân hy sinh. Giặc chôn anh trước cổng đồn rồi hống hách tuyên bố: *"Bao giờ sông Côn cạn nước thì Việt Minh mới hạ được đồn này"*.

Năm 1953, Liên khu V quyết định hạ đồn Tú Thủy, giao Tiểu đoàn 365 giữ vai trò chủ công, còn Tiểu đoàn 59 tham gia hiệp đồng tác chiến, Đại đội 6 của tôi là dự bị 2, Đại đội 4 và Đại đội 11 là dương công. Vào trận, Tiểu đoàn 365 bị vướng hỏa lực ngầm, tổn thất vô cùng lớn, Trung đoàn yêu cầu Tiểu đoàn 59 vào đánh trận nội. Chúng tôi đã vận dụng lối đánh đặc công, đánh úp từ phía sau, rồi dùng thủ pháo tiêu diệt địch. Đó là một trận đánh quyết liệt, tiêu diệt 2 đại đội địch, trong khi ta chỉ bị thương một số ít. Đánh trận Tú Thủy với Tiểu đoàn 59 ban đầu là dự bị nhưng cuối cùng lại là đánh chính và thắng lớn.

Trận đánh đồn Thượng An cũng rất ác liệt. Đồn Thượng An trấn giữ con đường từ đồng bằng Bình Định lên đèo An Khê - ngày đó, đèo An Khê cao lắm, từ dưới đi lên tận 10 cây số. Ở phía trên đỉnh đèo án ngữ một lô cốt kiên cố của địch, gọi là lô cốt Đầu Đèo, chặn cứng ở trên Gia Lai đi xuống, rồi kẹp hai bên còn có hai đồn yểm trợ, một bên là Tú Thủy, một bên là Cửu An. Đánh An Khê là mở được đường thông lên Tây Nguyên. Đánh trận đó,

Phần II: Anh hùng của lòng dân

Tiểu đoàn hành quân vô phía Nam Bình Định. Cụ thể: từ huyện Phù Cát, chúng tôi hành quân theo đường rừng, đường núi ra đó mới tiếp cận. Lúc đó, nếu đi dưới đồng bằng thì tề địch nhiều vô kể, bộ đội chủ lực phải bố trí bảo mật mới đánh được đèo An Khê.

Thắng trận An Khê, ta thu lớn lắm, đạn được lấy được bao nhiêu thì cấp cho dân công họ chở đi. Còn khẩu pháo 155mm, kêu là “Voi Tây Nguyên”, rất khó kéo xuống, may có anh Hoàng Hải ở bên đại đội hậu cần, do biết lái xe nên đánh xong anh được lệnh vô kéo khẩu pháo đó xuống khỏi khu vực đèo, đưa vô rừng, anh em cơ khí của Liên khu V bổ ra, rồi mang tập kết ra Bắc, mừng công lên Bác Hồ.

Ngày đó, chỉ huy Tiểu đoàn sâu sát với anh em lắm. Ông Đạo với ông Lựu đi kiểm tra bố trí đội hình, kiểm tra từng anh em một, dặn dò bố trí giữ bí mật. Chính trị viên với tiểu đoàn trưởng, đại đội trưởng giai đoạn đó coi anh em chiến sĩ là ruột thịt của mình. Chết một đứa là khóc vì trong thời kỳ chống thực dân Pháp, một đại đội mà tổn thất mất 5 - 7 anh em là khó khăn rồi, nên việc huấn luyện được đặc biệt coi trọng để tránh thương vong. Ai mà kêu khó khăn là bị loại ngay.

Từ chiến sĩ rồi thành Trung đội trưởng, tôi dần biết được tất cả các độ hỏa lực, súng thượng liên, đại liên, trung liên của giặc Pháp thời đó, sử dụng quen rồi huấn luyện cho anh em.

Có thể nói rằng, Tiểu đoàn 59 là cái nôi huấn luyện anh em đặc công Liên khu V từ buổi ban đầu mà tôi là ví dụ. Được huấn luyện cách đánh đặc công, nên lúc đi đánh tôi nghiên cứu rất kỹ. Để đánh trận, điều nghiên là quan trọng bậc nhất, xong đến tính toán để đánh cho phù hợp. Trong huấn luyện, Tiểu đoàn xây dựng các lô cốt y hệt của giặc rồi quân ta học cách đánh. Ở Bình Định chỗ gần Cầu Ghềnh, đài Chợ Cót, Bò Ri là nơi Tiểu đoàn 59 tập đánh phục kích ban ngày, tập đánh phục kích ban đêm, tập đánh điểm

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

mỗi khi trở về hậu phương. Rồi chúng tôi học đào công sự, gói thuốc nổ,... Vũ khí hồi chống giặc Pháp mình còn thiếu nhiều, không hiện đại như đánh giặc Mỹ, cho nên chúng tôi được chỉ huy căn dặn khi đánh cần phải tận dụng tất cả các kỹ thuật của con người, phát huy hết khả năng của bộ đội. Đơn giản như làm cầu độc mộc để vượt qua chiến hào thì phải dùng tre, đục đẽo sao cho nó thật chắc chắn, khi bộ đội đánh đồn tuyệt đối không để gãy, ròi. Đánh giặc bằng vũ khí, phương tiện tự tạo, tự tập, tự phát triển mà tiến công trận nào là thắng trận đó. Vai trò của người chỉ huy là rất lớn.

Sau này, nhờ những tháng ngày huấn luyện đó mà tôi lập những chiến công lớn, được tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Ba; Huân chương Kháng chiến hạng Nhất; 2 Huân chương Chiến thắng hạng Ba; Huân chương Giải phóng hạng Nhất, Nhì, Ba; Huân chương Độc lập hạng Ba; Chiến sĩ giết giặc hạng Nhất cùng hơn 20 bằng khen, giấy khen.

Riêng trong giai đoạn 1950-1954, tôi đã tham gia và chỉ huy hơn 40 trận đánh, riêng bản thân tiêu diệt hơn 30 tên địch. Với các thành tích xuất sắc đó, tôi vinh dự được Tiểu đoàn 59 cử ra Hà Nội gặp Bác Hồ và dự lễ tuyên dương tổ chức vào năm 1954. Năm 1995, trước khi nghỉ hưu, tôi là Trung đoàn trưởng Trung đoàn 3, Sư đoàn 389. Cuộc đời trận mạc của tôi, xét đến cùng, có được vinh dự và tự hào đó, được sống đến hôm nay, bình yên bên gia đình ở quê nhà, là nhờ tôi được luyện rèn trong đội ngũ của Tiểu đoàn 59 trung dũng, kiên cường.

Bây giờ, hơn 70 năm qua đi, nhớ lại ký ức những năm tháng đánh giặc Pháp, tôi luôn tự hào là người lính chủ lực Liên khu V anh hùng, là bộ đội Cụ Hồ của Tiểu đoàn 59.

Quảng Nam, tháng 8 năm 2022

Thanh Hương - Sỹ Bằng - Tuấn Anh thực hiện

TIỂU ĐOÀN 59 - MỘT LÒNG VÌ DÂN

(Ghi theo lời kể của ông Nguyễn Đắc Tấn -
Cựu chiến binh Tiểu đoàn 59)



Tôi sinh năm 1937, đầu năm 1954 vào bộ đội, khi đó tôi mới 17 tuổi với biết bao bỡ ngỡ. Ngày nhập ngũ được xung vào Tiểu đoàn 59 - Chủ lực cơ động Liên khu V, tôi hãnh diện vô cùng. Thời điểm đó, Tiểu đoàn 59 vừa đi Tây Nguyên về, thiếu quân nên tuyển bổ sung, tôi đi thế cho anh trai, mặc dù thiếu tuổi theo quy định nhưng ngày đánh Pháp đó là chuyện thường bởi trai tráng lớn lên là xung phong đi bộ đội, giết giặc cứu nước.

Buổi đầu vào đơn vị, chưa có quân trang, vẫn mặc đồ ở nhà, cũng chưa được huấn luyện nhiều vì lúc đó chiến đấu đêm ngày nên vào là đi đánh trận luôn. Tôi còn chưa quen kỷ luật, nền nếp sinh hoạt của đơn vị đã vác súng hành quân theo các anh đi đánh Núi Hiên - Đèo Cả. Trong trận đánh này, tôi được giao vác hai quả đạn cối 60mm, lúc vây đồn, nhìn lá cờ địch là nhắm trúng đó

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

mà bắn vô; tiếp đó tôi theo đơn vị đánh thêm mấy trận nữa là tới ngày đình chiến.

Tiểu đoàn được lệnh hành quân bộ, chân đất từ Phú Yên về Quảng Ngãi mấy trăm kilômét để thành lập Sư đoàn 305 và tổ chức duyệt binh ngày Quốc khánh mừng 02 tháng 9. Đó là chuyến hành quân xa đầu tiên và gian khổ nhất cuộc đời, nên khi nghỉ 10 phút, nằm xuống là tôi ngủ quên trời quên đất. Lúc đó, tôi còn chưa biết buộc ba lô cho chắc, quai ba lô tuột ra, tung tủy như vòi con voi, đồng chí chỉ huy Tiểu đoàn buộc lại giúp, giờ tôi vẫn còn nhớ mãi. Cả Tiểu đoàn cứ đi miết, bám rừng mà đi vì phía biển, địch vẫn bắn pháo sáng. Khi bí mật hành quân ra đến Quảng Ngãi - điểm cuối của hành trình, chúng tôi bắt đầu tập luyện để chuẩn bị duyệt binh chào mừng chiến thắng.

Trong buổi duyệt binh, lần đầu tiên tôi thấy súng ống đạn dược ta thu được sắp thành hàng, pháo to pháo nhỏ, đặc biệt nhất là khẩu “Voi Tây Nguyên” 155mm Tiểu đoàn thu được sau trận đánh tiêu diệt cứ điểm Thượng An - lô cốt Đầu Đèo tại An Khê. Bộ đội xếp hàng tư đi, người dân hai bên đường vỗ tay, náo nức vô cùng trước niềm vui chiến thắng. Trên lễ đài được sắp bằng những chiếc phuy lớn, chỉ huy đứng vẫy tay chào. Lúc bấy giờ, tôi chỉ là chiến sĩ, tuân lệnh người chỉ huy, mà trong lòng thấy niềm tự hào trào dâng khi được đi trong hàng ngũ của một tiểu đoàn đánh trận lẫy lừng.

Những tháng ngày đó, dù còn rất trẻ, nhưng tôi đã hiểu rất rõ ràng, sâu sắc rằng, sở dĩ bộ đội ta đánh thắng kẻ thù xâm lược là bởi có nhân dân luôn che chở, nuôi dưỡng, bảo vệ và bộ đội có tính kỷ luật rất cao: “*cho không lấy, thấy không xin*”. Vì vậy, dân thương bộ đội vô cùng, họ kho cá, nấu com mang thêm cho anh nuôi để góp phần cho bộ đội tập luyện.

Phần II: Anh hùng của lòng dân

Rồi chúng tôi được lệnh hành quân đi Quy Nhơn, tập kết ra Bắc, khi xuống tàu, giao hai ngón tay để hẹn ước với nhân dân sau 2 năm sẽ trở về mà có biết đâu là 21 năm chia cắt đau thương và biết bao máu xương lại đổ xuống để có ngày thống nhất. Cho nên, sự nghiệp thống nhất đất nước vĩ đại biết chừng nào, sự hy sinh của những lớp người đi trước biết bao mà kể xiết.

Tiểu đoàn 59 trong đội hình Trung đoàn 210, Sư đoàn 305 xuống tàu tập kết ra Thanh Hóa!

Tàu cập bến Sầm Sơn, rồi về Nông Cống, bộ đội được đón tiếp rất nồng nhiệt, có đoàn văn công vừa múa vừa hát, hô khẩu hiệu chúc mừng, đi đến đâu là thiếu nhi hai bên cầm cờ đỏ sao vàng hoan hô, cổ vũ bộ đội miền Nam tập kết. Chúng tôi được bố trí ở với dân, Thanh Hóa đã chuẩn bị chu đáo từ nhà ở, đến từng chiếc giường, đôi vớ cho cán bộ, chiến sĩ miền Nam. Dân nằm tốt dưới bếp, vì lạnh quá họ rải tranh rồi nằm dưới bếp cho ấm hơn, còn trên nhà dành cho bộ đội miền Nam. Tình cảm quá sâu nặng - đó là tình cảm của người Việt Nam với nhau, của người dân với bộ đội. Tôi nhớ mãi không bao giờ quên những hành động cổ vũ, động viên bộ đội miền Nam tập kết của đồng bào Thanh Hóa. Mãi mãi không quên!

Những bữa cơm đầu tiên trên đất Bắc, bộ đội được tiếp đãi 6 - 7 món, có nhà ăn đàng hoàng, đó là ưu tiên cho những chiến sĩ miền Nam tập kết ra Bắc sau bao ngày chiến đấu gian khổ và lênh đênh trên biển.

Sau những ngày vui tập kết, chúng tôi được giao nhiệm vụ mới: Chống cường ép đồng bào di cư. Lúc trước kẻ thù rất rõ ràng, nhưng giờ đây, chúng lẫn khuất trong giáo dân, lợi dụng niềm tin của đồng bào vào tôn giáo để ra sức chống phá cách mạng, có những nhà thờ bị kẻ thù biến thành nơi giam cầm bộ đội,

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

giáo dân, những trò lừa bịp, ma mị cũng được chúng tung ra để lôi kéo đồng bào xuống tàu đi Nam.

Bộ đội ta có đồng chí Trần Xoài bị bọn phản động bắt treo lên tháp chuông, đánh đập dã man. Trước tình hình này, bộ đội được quán triệt tư tưởng là có thể hy sinh chứ nhất quyết không để mất nước và không được làm mất lòng dân. Tuyệt đối không được nổ súng! Thêm nữa, lúc xuống tàu tập kết ra Bắc, Tiểu đoàn 59 chỉ được mang súng chứ không được mang đạn nên lúc đó bộ đội gần như đi tay không vào làng Công giáo vận động, thuyết phục đồng bào.

Những ngày đó đói lắm, vì dân bỏ đi, không cấy lúa, bộ đội phải nhường cơm, sẻ gạo cho dân. Đi lấy gạo về, dân đi theo xin, về đến đơn vị có khi không còn chút gạo nào, thương lắm. Rồi cứ dần dần, mỗi ngày một chút, bộ đội lấy được niềm tin của đồng bào Công giáo bằng những việc làm rất cụ thể: cho dân gạo, sửa đường, dựng nhà, cấy lúa..., “*ba cùng*” với dân. Dân bắt đầu ở lại, dần khôi phục sản xuất. Tôi còn nhớ, khi dân đi biển trúng mùa cá trích, họ mang cho bộ đội ăn, khi cắt lúa mới về, họ ăn khoai, lại nhường gạo cho bộ đội, mời bộ đội vô nhà, nhường chỗ ăn nghỉ. Họ đã thực sự cảm phục tình cảm của lính Cụ Hồ và thức tỉnh.

Thắng lợi trong công tác dân vận chống cưỡng ép di cư là thắng lợi của Sư đoàn 305 nói chung và Tiểu đoàn 59 nói riêng khi vận dụng đường lối của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh vào một thực tiễn cách mạng mới - như Bác nói: “*Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công*”¹ chính là ở chỗ đấy.

Từ Ba Làng, Cầu Giác về Xuân Thủy - Nam Định, xuống tới chợ Bến, chúng tôi làm được công tác chống cưỡng ép di cư,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.6, tr.234.

Phần II: Anh hùng của lòng dân

được Tổng cục Chính trị khen ngợi và coi đó là một nhiệm vụ hết sức vẻ vang. Tôi nhận thấy rõ rằng, chính thực tế cách mạng ấy đã giáo dục tôi - một thanh niên trẻ mới vào quân đội - nhanh chóng trưởng thành về nhận thức và hành động.

Một điều đáng chú ý ở đây chính là Ban Chỉ huy Tiểu đoàn, các anh, các chú rất gần gũi, ân tình, họ chỉ bảo mình từ cách ăn, ở đến hành động, mình cứ thế làm theo. Thế hệ trước đã trở thành những tấm gương cho chúng tôi học tập. Những tấm gương như thế tạo nên sức mạnh tổng hợp của Tiểu đoàn 59. Sau này, khi đi đến những miền đất mới, làm nhiệm vụ mới ở Bắc - Hưng - Hải, ở Vân Lĩnh, chúng tôi vẫn giữ vững danh hiệu Tiểu đoàn 59 - đội quân đánh giặc chiến đấu và đội quân làm kinh tế, xây dựng đất nước lúc nào cũng rực rỡ chiến công.

Sau này, tôi được tuyển chọn vào Lữ đoàn dù, huấn luyện ở Bắc Giang, rồi đi học ở Liên Xô. Từ một người lính - bộ đội chủ lực Liên khu V, trưởng thành trong môi trường của Tiểu đoàn 59, tôi đã được đi xa hơn đồng đội, đồng chí của mình, được đào tạo và phát triển, nhưng tôi mãi mãi nhớ về những ngày tháng chiến đấu, công tác, rèn luyện ở đơn vị. Sau khi chống giặc Pháp, Tiểu đoàn 59 tỏa ra khắp miền Bắc, rồi đi đến các đơn vị mới, những đồng đội, đồng chí của tôi sau này lại tiếp tục vào Nam, chiến đấu giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, có người bình an, có người mãi mãi nằm lại đâu đó mà tôi không thể biết.

Sau khi nghỉ hưu, tôi sống ở Phú Yên, ở đây chúng tôi vẫn có những đồng đội của Tiểu đoàn 59. Bây giờ, tôi đã hơn 80 tuổi, vừa qua cơn trọng bệnh, mỗi lần gặp đồng chí, đồng đội, thấy vui đi dần. Những câu chuyện của mấy chục năm trước, ai sẽ là người nhớ đến?

Đau đầu trong tôi!

Hôm nay, biết hành trình của các anh chị làm phim, làm sách tôi cảm động vô cùng. Tôi và anh Trương Bình Trọng cùng

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

các đồng đội cựu chiến binh của Tiểu đoàn 59 ở Phú Yên biết rằng, Tiểu đoàn 59 không bao giờ bị lãng quên, những tượng đài chiến thắng ở khắp miền Trung và Tây Nguyên, những câu chuyện về lịch sử chiến đấu, trưởng thành của Tiểu đoàn sẽ được kể lại, góp phần nuôi dưỡng tâm hồn cho thế hệ sau. Máu xương của những người đã ngã xuống vì thế sẽ không bao giờ uổng phí!

Cảm ơn những đồng đội đã ngã xuống, cảm ơn những tấm lòng tri ân của thế hệ sau với bộ đội Tiểu đoàn 59 - Tiểu đoàn một lòng vì Đảng, vì dân!

Trân trọng!

Phú Yên, tháng 8 năm 2022

Thanh Hương - Sỹ Bằng - Tuấn Anh thực hiện

TIỂU ĐOÀN 59 - TỪ ĐÓ TÔI RA ĐI CHIẾN ĐẤU

(Ghi theo lời kể của đồng chí Ngô Thành -
Nguyên Phó Bí thư Tỉnh ủy Gia Lai - Kon Tum,
cựu chiến binh Tiểu đoàn 59)



Tôi sinh năm 1927 tại xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam; tham gia cách mạng tháng 5/1941, làm cán bộ liên lạc cho ông Năm Công (tức đồng chí Võ Chí Công). Hồi đó, ông Năm Công là Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam, đang hoạt động thoát ly.

Năm 1943, tôi bị giặc Pháp bắt, năm 1944 thì được thả về vì vẫn đang trong tuổi vị thành niên. Năm 1946, tôi được kết nạp Đảng. Năm 1947, tôi tham gia quân đội. Khi tham gia quân đội, tôi được học ở trường văn hóa 2 năm, sau đó chuyển sang học ở Trường Lục quân Trần Quốc Tuấn 1 năm. Ra trường với quân hàm Trung đội phó, tôi về làm sĩ quan huấn luyện cho Trung đoàn 108. Sau đó, tôi thấy mình chưa có kinh nghiệm

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

trong chiến đấu, nên đã làm đơn xin ra chiến trường. Được cấp trên chấp nhận, tôi gia nhập Tiểu đoàn 59 - Chủ lực cơ động Liên khu V vào cuối năm 1950.

Tiểu đoàn khi đó vừa mới thành lập, tôi ngay lập tức được tham gia chiến đấu ở Quảng Nam, đánh ba trận ác liệt, thắng lợi ở Trà Kiệu, Điện Bàn và Hòa Vang. Sau đó chúng tôi về Bình Định chỉnh huấn, chỉnh quân. Ở Bình Định, tôi được chỉ huy rút lên làm cán bộ tuyên huấn của Tiểu đoàn 59 từ đầu tháng Giêng đến khoảng tháng 6/1951. Lúc đó, tôi đi theo Tiểu đoàn phó Trần Ngọc Anh, được ông hướng dẫn làm cán bộ tuyên huấn, hướng dẫn cho đơn vị thực hiện nhiệm vụ của Tiểu đoàn.

Sau đó, Ban Chỉ huy Tiểu đoàn phân công tôi đi học lớp Chính trị viên Đại đội. Cuối năm 1951 (tức sau 6 tháng), tôi học xong, cấp trên điều tôi đi Tây Nguyên. Tôi sống ở Tây Nguyên từ đó đến nay là 71 năm. Thời gian tôi ở Tiểu đoàn 59 không dài; các cấp chỉ huy tôi cũng không được biết hết, nhưng đó là đơn vị chiến đấu đầu tiên tôi tham gia khi tuổi đời còn rất trẻ. Môi trường rèn luyện quân ngũ của Tiểu đoàn 59 là cái nôi cho tôi trưởng thành và rèn luyện tính kỷ luật, bản lĩnh kiên cường trong chiến đấu.

Tiểu đoàn 59 lúc bấy giờ là một trong bốn tiểu đoàn của Trung đoàn 108, sau năm 1951 thì sáp nhập Trung đoàn 803. Cho nên lúc đầu tôi vào thì Tiểu đoàn 59 thuộc Trung đoàn 108, lúc tôi đi là thuộc Trung đoàn 803. Tiểu đoàn 59 là bộ đội chủ lực nhưng ngày đó vũ khí rất giản đơn, chỉ có đến súng trường, tiểu liên là cùng thôi. Tiểu đoàn không có doanh trại mà sống ở nhà dân là chính. Nhà nào rộng thì tập kết một tiểu đội, còn không thì chỉ tập trung 1 - 2 tổ. Hồi đó khó khăn như thế, nhưng tình quân dân rất khăng khít, đoàn kết. Bộ đội lúc bấy giờ ý thức

Phần II: Anh hùng của lòng dân

cao lắm, chỉ huy nói gì nghe đấy, trung thành, giữ nghiêm kỷ luật quân đội, nên không được phép vi phạm kỷ luật khi ở trong nhà dân, đối với nhân dân cũng rất tốt, đoàn kết nội bộ cũng rất tốt. Chúng tôi hành quân nay chỗ này mai chỗ khác, nên hoàn toàn là ở cùng dân, ăn với dân. Dân có nhà nào rộng thì dựng trại ở bên cạnh nấu cơm. Nói chung cuộc sống lúc bấy giờ đơn giản, nhưng rất vui vẻ, mọi người đều hăng hái, tích cực và vô tư, không nghĩ đến chuyện riêng tư, phấn đấu chấp hành tốt kỷ luật trong thời gian công tác.

Những tháng ngày đó, chúng tôi được rèn luyện và hiểu sâu sắc rằng nhân dân là chỗ dựa cho bộ đội đánh giặc, vì thế, Tiểu đoàn giao việc gì giúp dân, bộ đội đều rất nhiệt thành.

Tuổi thanh niên lúc bấy giờ không chỉ riêng tôi, mà tất cả các thanh niên đi chiến đấu, thì trước hết là được Đảng và nhân dân tín nhiệm; tiếp đó là được Đảng giáo dục, chỉ huy, rèn luyện, nhân dân giúp đỡ, nuôi nấng và bảo vệ. Cuộc sống tập thể cái gì cũng mới lạ nhưng thấy rõ hơn hết là tinh thần đoàn kết, tình anh em, tình đồng đội của cán bộ với chiến sĩ.

Đến bây giờ tôi vẫn thấy tự hào là mình đã cùng đồng đội vượt qua bao hiểm nguy, khó khăn, gian khổ. Có những đợt liên tục 21 ngày lạc trong rừng, vào đúng mùa lạnh, không có chăn, không có lửa, không có gạo, không có súng,... Chúng tôi sống nhờ củ rừng, cơm nhà mả, củ mì trong rẫy còn sót lại, rồi cuối cùng may mắn được đơn vị tìm thấy và cứu sống. Quả thực, chính do niềm tin mãnh liệt vào con đường cách mạng và sự rèn luyện kỷ luật chiến đấu từ đơn vị đã giúp chúng tôi chiến thắng những thử thách lớn như vậy.

Bây giờ, sau mấy chục năm, công việc cuốn tôi đi, tôi không biết hiện còn phiên hiệu Tiểu đoàn 59 không, nhưng khi gặp

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

các anh chị trong Đoàn làm phim về Tiểu đoàn 59, gặp cháu nội, cháu nội của Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Lưu,... kể chuyện cho tôi thì những ký ức về ngày tháng đó lại sống dậy. Tôi được biết thêm về lịch sử Tiểu đoàn 59 và các đồng đội của mình với nhiều chiến công hiển hách mà bia ghi công còn in dấu dọc miền Trung và Tây Nguyên. Trong trái tim tôi, họ là những anh hùng của nhân dân, thuộc về nhân dân, sống mãi với nhân dân.

Tôi luôn ghi nhớ về những ngày tháng sống và chiến đấu ở Tiểu đoàn 59, vô cùng biết ơn các đồng chí, đồng đội là thương binh, liệt sĩ đã hy sinh xương máu của mình cho cuộc kháng chiến của dân tộc. Tôi biết ơn những người chỉ huy dạn dày kinh nghiệm như Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Lưu, Tiểu đoàn phó Trần Ngọc Anh,... những đồng chí lãnh đạo đã xây dựng, chỉ huy Tiểu đoàn 59 đạt được những thành quả đáng trân trọng. Tôi cũng xin chúc các thế hệ thân nhân của các đồng chí, đồng đội thuộc Tiểu đoàn luôn phát huy bản chất của bộ đội Cụ Hồ, tinh thần đoàn kết bất khuất, dũng cảm chiến đấu, anh dũng hy sinh của Tiểu đoàn 59 trong khói lửa chiến tranh để tiếp tục đạt được những thành quả tốt hơn trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay.

Năm 2022, kỷ niệm 70 năm chiến thắng Đồn Nhất; tiếp đó năm 2023, kỷ niệm 70 năm chiến thắng Thượng An - lô cốt Đầu Đèo; năm 2024, kỷ niệm 70 năm chiến thắng Kon Braih - tôi đã viết sử về chiến thắng này, tôi rất hy vọng chúng ta sẽ có những tôn vinh xứng đáng dành cho Tiểu đoàn 59 - Chủ lực cơ động Liên khu V, để thế hệ sau nhớ về họ, biết ơn họ - những người đã làm nên một phần lịch sử của Liên khu V anh hùng trong kháng chiến chống thực dân Pháp.

Gia Lai, tháng 5 năm 2022

Thanh Hương - Sỹ Bằng - Tuấn Anh thực hiện

TIỂU ĐOÀN 59 TRONG TRÁI TIM TÔI

(Ghi theo lời kể của ông Trương Bình Trọng -
Cựu chiến binh Tiểu đoàn 59)



Tôi đi bộ đội từ ngày 01/01/1947, ban đầu ở bộ đội địa phương sau đó bổ sung vào Tiểu đoàn 59 - Chủ lực cơ động Liên khu V. Khi tôi gia nhập, Tiểu đoàn 59 thuộc Trung đoàn 108, sau đó theo lệnh của Quân khu sáp nhập đội hình Trung đoàn 803, sau năm 1954 thì thuộc Trung đoàn 210, Sư đoàn 305.

Vào giai đoạn những năm 1950, lệnh của Quân khu điều Tiểu đoàn về Quảng Nam, lúc đó đây là địa phương địch hoạt động rất mạnh. Nào là Túy Loan, Vân Ly, Xuân Đài, các lô cốt của địch mọc lên như nấm, vùng tự do của ta bị thu hẹp, vì vậy, bộ đội chủ lực được giao nhiệm vụ phá tháp canh, lô cốt, bảo vệ vùng tự do, bảo vệ đồng bào, bảo vệ lúa màu theo yêu cầu của cấp trên ở các chiến dịch.

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

Tiểu đoàn 59 thường đánh các đồn vào ban đêm. Đồn Vân Ly kiên cố, có sông bao quanh, địch bố trí pháo yểm trợ nên Trung đoàn giao Tiểu đoàn 59 chủ công, Đại đội 213 Tiểu đoàn 365 được bố trí tăng cường, lực lượng trợ chiến gồm cả cối 81mm, đại liên, súng SKZ. Tôi còn nhớ có bài hát với lời ca rằng: “Trời tối kia sao mai đã mọc kia kìa/Vừa tối nay tiêu diệt Xuân Đài/Vân Ly kéo đến chúng ta cũng tiếp tục tiêu diệt luôn”.

Trận Vân Ly do Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Lựu chỉ huy. Ngày đó, Tiểu đoàn trưởng tham gia đánh trận cùng lính như thường, đối mặt với hòn tên mũi đạn nên tính toán đường bước dữ lắm, sao cho thiệt hại ít nhất. Tôi nhớ trận Vân Ly đánh vào lúc 1 giờ sáng, giờ giấc hết sức nghiêm ngặt bởi chậm trễ là hỏng kế hoạch đã chuẩn bị công phu. Trận đó diễn ra dữ dội, ác liệt lắm vì toàn lính Commando của địch được vũ trang đến tận răng, trong khi mình còn thiếu thốn lắm, không được trang bị đầy đủ vũ khí, song các mũi tấn công mở cửa quyết không lùi. Sau 2 giờ chiến đấu, ta tiêu diệt gọn đồn Vân Ly - cứ điểm lớn nhất ở Gò Nổi. Trong đêm đó, ta cũng tiêu diệt được toàn bộ đồn Xuân Đài, bắt sống mấy trăm tên lính Âu - Phi. Về phía mình thì hy sinh ít thôi. Sau đó, chúng tôi tham gia các trận chống càn tại Điện Tiến... Ở Quảng Nam - Đà Nẵng, tiến đánh đèo Hải Vân, rồi đánh đồn Túy Loan, lô cốt Gốc Gáo ở Hội An.

Ông Nguyễn Lựu là Tiểu đoàn trưởng của tôi. Thời đó không có phong quân hàm, nên lính thường gọi ông là “Tiểu đoàn trưởng”. Ông này dữ tướng lắm, nghiêm khắc và kỷ luật cao nhưng rất thương lính, đánh trận nào cũng tính toán kỹ càng để ít thương vong. Ngày đó, lính hy sinh mà chỉ huy khóc thương như con em mình. Ông Nguyễn Lựu công tư phân minh, chiến đấu và công tác tốt thì khen thưởng, mà lười thôi thì chết với ông.

Phần II: Anh hùng của lòng dân

Tiểu đoàn 59 tham gia đánh Tây Nguyên nhiều trận, đáng nhớ nhất là trận Kon Rẫy, tại trận này đồng chí Trần Xung hy sinh - anh ấy thật xứng danh anh hùng. Tại trận Đắk Đoa, Đại đội trưởng Lê Công Khai hy sinh. Đánh đường số 19 thì bọn địch đồn xuống chốt giữ cầu An Vinh. Lúc đó, tôi giữ một khẩu trung liên của giặc Pháp với nhiệm vụ diệt chốt không cho địch chiếm cầu qua bên này. Bây giờ sau mấy chục năm, tôi vẫn nhớ cảnh tượng đó. Khi chuẩn bị tiếp tục đánh Pleiku thì có lệnh của Đại tướng Võ Nguyên Giáp về Hiệp định Genève đình chiến.

Sau khi có lệnh của Đại tướng, Tiểu đoàn 59 hành quân bộ từ Tây Nguyên về Quảng Ngãi, đứng trong đội hình Sư đoàn 305, tham dự duyệt binh. Cảm xúc ngày đó mãi mãi không quên khi mình đứng trong đội ngũ, đồng bào hò reo vang dậy chúc mừng bộ đội Cụ Hồ.

Khi có lệnh cấp trên yêu cầu tập kết ra Bắc, Tiểu đoàn 59 chúng tôi tiếp tục hành quân bộ vào Quy Nhơn, sau đó lên tàu ở cảng Quy Nhơn tập kết ra Sầm Sơn, Thanh Hóa. Khi mới chân ướt chân ráo ra đóng quân ở Thanh Hóa thì trúng trận võ đập Nông Cống, bộ đội mang theo mỗi người 2 - 3 ruột tượng gạo để xuống đó giúp đồng bào. Tiếp theo, chúng tôi tham gia chống cưỡng ép di cư ở Ba Làng, Thanh Hóa. Những ngày tháng đó, đánh giặc không như ở chiến trường, vì kẻ thù ẩn núp, lợi dụng đồng bào giáo dân, dùng mọi thủ đoạn kích động gây chiến. Nhưng Tiểu đoàn 59 đã xuất sắc hoàn thành nhiệm vụ, góp phần giải phóng giáo dân, chống cưỡng ép di cư, bảo đảm cuộc sống yên bình cho đồng bào Công giáo.

Sau đó, Tiểu đoàn lên Phú Thọ làm ở Nông trường chè Vân Lĩnh, rồi tiếp tục đi làm công trình Đại thủy nông Bắc - Hưng - Hải. Lúc đó, đơn vị Sư đoàn 305 lúc nào cũng giặt cờ, tức là còn trắng theo trắng, hết trắng đốt đuốc, làm suốt ngày suốt đêm.

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

Chúng tôi còn tham gia xây dựng doanh trại, cụ thể là đi lấy gạch, làm gỗ, làm đá ở Đầm Thìn, Phú Thọ. Rồi lúc đó có chủ trương giảm binh bị, tức là giảm người chuyển ngành. Tôi còn trẻ, được biên chế qua một Binh đoàn dù, do Trung tá Nguyễn Đức Bình chỉ huy, về huấn luyện tại sân bay Kép của Bắc Giang. Sau đó tôi chuyển qua Lữ đoàn đặc công, là một trong mấy trăm anh em đầu tiên của Đoàn 559 vào soi đường ở trong Khe Hó, Quảng Trị và chiến đấu đến ngày thống nhất.

Đi qua hai cuộc kháng chiến, đồng đội của tôi đa số cũng hy sinh hết. Sau hơn 70 năm, các chiến sĩ Tiểu đoàn 59 còn lại đến bây giờ là rất ít, riêng ở Phú Yên còn lại nhiều nhất cũng chỉ khoảng 20 người, mà đều đã già cả, đau yếu. Nhiều lúc tôi cũng cảm thấy buồn nhưng lại nghĩ, bây giờ mình còn sống, mà anh em đã nằm sâu dưới lòng đất, nên đó cũng là vinh dự rồi. Đánh giặc Pháp, giặc Mỹ gian khổ, thiếu thốn, hy sinh nhưng xa lâu rồi nên ít người còn sống mà kể lại. Chỉ mong sao con cháu đời sau nhớ rằng, có một thời kháng chiến, bộ đội Cụ Hồ, dân công hỏa tuyến đã không tiếc máu xương giành độc lập, tự do cho Tổ quốc.

Thương nhớ Tiểu đoàn 59 và Thủ trưởng Nguyễn Lựu của tôi!

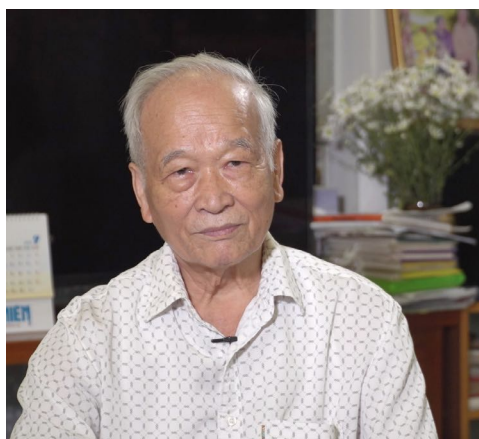
Xin hôn lên chân dung Tiểu đoàn trưởng để nhớ về tháng ngày kháng chiến đã qua!

Phú Yên, tháng 8 năm 2022

Thanh Hương - Sỹ Bằng - Tuấn Anh thực hiện

KÝ ỨC VỀ BA TÔI

(Ông Nguyễn Văn Vinh (Bốn Vinh) - Con trai Tiểu đoàn trưởng
Nguyễn Lưu viết nhân dịp kỷ niệm 72 năm thành lập
Tiểu đoàn 59 và 70 năm chiến thắng Đồn Nhất - Hải Vân Quan)



Gia đình tôi quê gốc ở thôn Kỳ Thọ Bắc, xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi. Ba tôi là Nguyễn Lưu, mẹ tôi là Trương Thị Cửu. Ba mẹ tôi sinh được sáu người con, bốn nam và hai nữ. Trong suốt những năm tháng tuổi thơ, khi gia đình tôi sống ở Quảng Ngãi, tôi ít được gặp ba vì ông đi kháng chiến, đánh giặc khắp chiến trường Liên khu V và Tây Nguyên. Mẹ tôi một tay lo liệu việc nhà, chăm sóc bà nội và nuôi nấng chị em tôi. Vì thế, nhớ đến ký ức về ba thì trước hết phải nói về mẹ chúng tôi, một người mẹ miền Nam vô cùng chịu thương chịu khó, tần tảo sớm hôm, nhẫn nại và thủy chung, hy sinh tuổi thanh xuân để chồng đi tham gia cách mạng. Chúng tôi khôn lớn, được học hành và

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

phấn đấu trưởng thành như ngày hôm nay phần lớn là nhờ công dạy bảo của mẹ và ảnh hưởng tinh thần từ ba - người lính bộ đội Cụ Hồ một lòng trung thành với Đảng, Tổ quốc và nhân dân.

Khoảng những năm 1949-1950, mỗi lần sau chiến dịch trở về Quảng Ngãi để tham gia chỉnh huấn, chỉnh quân và chỉ huy huấn luyện cho Tiểu đoàn, ba tôi thường tranh thủ ghé thăm mẹ già và vợ con. Trong trí nhớ một đứa nhỏ như tôi, hình ảnh ba vừa oai phong, lắm liệt, vừa gần gũi, thân thương vô cùng. Có lần ba đi ngựa về, nhưng cũng có lần ba đi bộ về cùng mấy chú ở đơn vị, ba tranh thủ làm những việc nặng giúp bà nội và mẹ tôi, dặn chúng tôi ở nhà phải ngoan ngoãn, thương bà, thương mẹ, chăm học..., nhưng ba chỉ ở nhà một đêm rồi lại trở về đơn vị. Cứ biến biệt bao năm như thế nhưng trong tâm trí chị em chúng tôi, ba lúc nào cũng như ở bên cạnh.

Cuối năm 1952 đầu năm 1953, trong lúc ba tôi tham gia đánh giặc ngoài chiến trường ở An Khê thì tôi được sự quan tâm của Liên khu V cho đi ra Bắc, rồi sang Trung Quốc học tại Trường Thiếu nhi Việt Nam Lư Sơn - Quế Lâm, từ đó tôi xa gia đình. Năm 1954, cả gia đình tôi tập kết ra Bắc. Ba tôi đã dò hỏi Ban Thống nhất Trung ương và biết tôi đang học tại Quế Lâm - Trung Quốc, ba tôi đã gửi thư sang động viên tôi và từ đấy tôi bắt được liên lạc với ba và gia đình.

Năm 1957, tôi về học tại Trường Học sinh miền Nam 23 tại Chương Mỹ, Hà Đông (nay thuộc thành phố Hà Nội). Lần đầu tiên sau bao nhiêu năm xa gia đình, tôi lên Lạng Giang - Bắc Giang tìm ba, lúc đó ba tôi đang ở đơn vị pháo binh. Hai cha con gặp nhau trong niềm hạnh phúc sau bao năm xa cách. Ba hỏi tôi những năm xa gia đình sống làm sao, cuộc sống bên Trung Quốc thế nào, học hành ra sao? Tôi kể cho ba nghe những năm xa gia đình

Phần II: Anh hùng của lòng dân

tôi rất nhớ nhà, nhớ bà nội, nhớ ba mẹ và các anh chị em, nhưng tôi luôn phấn đấu học tốt, rèn luyện tốt và đã gia nhập Đoàn Thanh niên Lao động trước khi về nước. Ba tôi vui lắm.

Tôi trở về Trường Học sinh miền Nam ở Chương Mỹ. Có lần ba đi mô tô đến thăm tôi. Ba dặn phải chăm học, phấn đấu hơn nữa để xứng đáng với công ơn của Bác, của Đảng. Tôi luôn ghi nhớ những lời dạy của ba và luôn phấn đấu để học tập, rèn luyện bản thân thật tốt.

Tôi nhớ có lần đến thăm ba ở Phả Lại - Hải Dương để chuẩn bị kết nạp Đảng (khi đó ba tôi đang công tác tại Lữ đoàn pháo binh, đơn vị đóng quân trên một quả đồi), tôi được ba kể cho nghe về gia đình, ông bà, về con đường đến với cách mạng của ba, về những người đồng chí đã cùng ba hoạt động, kháng chiến, về những ngày tháng được phân công làm Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 59 trong đội hình Trung đoàn 803 chiến đấu khắp Liên khu V, từ Quảng Nam - Đà Nẵng đến Tây Nguyên, từ Quảng Ngãi đến Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa; đặc biệt ba kể về những chiến công, những kỷ niệm gắn bó với người dân tại những vùng đất mà ba và đơn vị đóng quân, biết bao ân tình cách mạng, chở che, nuôi dưỡng không nói hết. Rồi tiếp đó là những ngày tháng ba tập kết ra Bắc, trở thành sĩ quan chỉ huy đơn vị pháo binh,... Tôi nằm nghe ba kể mà vẫn không thể hình dung hết về con đường ba và đồng đội đã chiến đấu, hy sinh, chỉ biết rằng từ đó, trong trái tim tôi, ba mãi mãi là hình ảnh đẹp về lý tưởng sống, tình yêu Tổ quốc và sự hy sinh. Cũng trong đêm đó, tôi thẩm thía bài học từ câu chuyện ba dạy cho tôi về lẽ sống ở đời: đó là lòng biết ơn - ơn nghĩa với Đảng, với Tổ quốc, với nhân dân mà cả cuộc đời ba tận trung, tận hiến.

Những ngày tháng sống trên đất Bắc, tại Kiến An (Hải Phòng), ba mẹ tôi sinh em út và đặt tên cho em là Nguyễn Hòa Bình,

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

cái tên chất chứa bao niềm tin và hy vọng về ngày hòa bình, thống nhất như khát vọng của hàng triệu trái tim người dân Việt Nam lúc đó. Em út là người được sống gần ba nhiều nhất và có lẽ cũng chịu ảnh hưởng nhiều từ tính cách của ba: điềm đạm và luôn yêu thương, chia sẻ với mọi người nhưng ít khi nói ra bằng lời.

Những năm ở miền Bắc, gia đình chúng tôi vẫn mỗi người một nơi. Chị Hai công tác ở Hà Nam, chúng tôi đi học ở các Trường Học sinh miền Nam, ba chuyển đổi công tác liên tục từ Bắc Giang đến Hải Dương rồi về Hải Phòng, gia đình tôi cũng như hàng nghìn, hàng vạn gia đình Việt Nam trong kháng chiến, không bao giờ được đoàn tụ đầy đủ dù vào kỳ nghỉ hè hay trong các dịp Tết cổ truyền của dân tộc.

Năm 1962, ngày tôi lên tàu đi học ở Liên Xô, dù bận công tác nhưng ba vẫn sắp xếp để đưa tôi ra sân ga Hàng Cỏ, dặn dò tôi cố gắng học để sau này trở về xây dựng đất nước, quê hương. Trong suốt 5 năm học ở Liên Xô, tôi luôn nhận được thư động viên của ba. Trong thư ba luôn dặn dò tôi phải rèn luyện, không để vật chất làm sa ngã và đừng bao giờ để chủ nghĩa xét lại làm nao núng tinh thần, phải luôn trung thành với Tổ quốc, với lý tưởng của Đảng.

Năm 1969, sau khi tốt nghiệp đại học, trở về nước, tôi lập gia đình ở Thái Bình. Khi đó, ba mẹ tôi công tác ở Kiến An nhưng vẫn đi xe đạp qua đự và chuẩn bị thuốc, chè, bánh kẹo cho tôi tổ chức một đám cưới đạm bạc nhưng vô cùng ấm cúng. Năm 1970, con gái đầu lòng của tôi chào đời (tại Thái Bình), ba lại dành tất cả tiêu chuẩn đường, sữa, thuốc bổ của ông cho con dâu và cháu nội. Tôi nhớ những viên thuốc sữa ong chúa quý hiếm ông cũng dành cho con cháu.

Phần II: Anh hùng của lòng dân

Những ngày cuối cùng trên đất Bắc, trước khi tôi trở về miền Nam sau 19 năm xa cách, hai ba con gặp nhau, chụp chung một tấm ảnh kỷ niệm trước khi chia tay và cùng nhau tâm sự... Ba nói với tôi rằng, ba làm đơn tình nguyện trở về miền Nam chiến đấu, nhưng không được toại nguyện vì tuổi tác không cho phép, ba tự hào vì đã có em trai tôi - Nguyễn Kim Vang và nay là tôi lại lên đường thay ba làm tiếp sứ mệnh, ý nguyện mà ba còn dang dở.

Mùa xuân 1972, gia đình tôi nhận tin dữ, người em của tôi - Nguyễn Kim Vang đã anh dũng hy sinh tại Phú Yên trong một chuyến công tác ở vùng tạm chiếm. Sự hy sinh của em là cả một câu chuyện dài mà ba mẹ tôi lúc còn sống cứ canh cánh mãi bên lòng, chỉ đến khi hòa bình, thống nhất, chị em tôi mang được di cốt của em về Quảng Ngãi, ba mẹ tôi mới tạm yên lòng.

Ngày 30/4/1975, miền Nam được hoàn toàn giải phóng, Nam - Bắc về chung một nhà, các gia đình được đoàn tụ. Tôi lần lượt đón vợ con, ba mẹ vào Đà Nẵng, nhưng tiếng gọi của quê hương dường như mạnh hơn, thúc giục ba mẹ trở về quê cha đất tổ ở Quảng Ngãi nên ông bà quyết định trở về quê hương, làm nhà và gầy dựng lại cuộc sống.

Những năm sống tại quê nhà Quảng Ngãi, dù tàu xe đi lại khó khăn nhưng ba tôi vẫn thường xuyên ra Đà Nẵng thăm con cháu. Cuối năm 1977, lo cho vợ tôi sắp sinh cháu nên ba ra sớm. Chính ba là người phát hiện vợ tôi sắp sinh và giục tôi đưa đi bệnh viện giữa đêm khuya, còn ba ở nhà trông cháu. Sự quan tâm và tình thương yêu của ba với con cháu khiến vợ chồng tôi thực sự biết ơn, kính trọng và ghi nhớ.

Cuộc sống của ba mẹ tôi những năm sau hòa bình, thống nhất đất nước cũng như bao gia đình khác, kham khổ, thiếu thốn

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

trăm bề nhưng ba tôi là người lính nên chưa từng một lần than trách. Hằng ngày, ba vẫn khai khẩn để mở rộng sản xuất, trồng rau, nuôi lợn, gà, vịt để cải thiện cuộc sống. Hình ảnh của ba hằng ngày cầm búa đi đục từng viên gạch, từng viên táplô để củng cố lại khu vườn; gỡ từng sợi dây kẽm gai để đan sọt chõ rau và nhốt gà, vịt; nấu những bữa cơm canh nóng hổi cho con cháu đi làm, đi học về thưởng thức vẫn in sâu trong tâm trí tôi.

Năm ba tôi 60 tuổi, ông bị cao huyết áp. Khi về già bệnh tình càng nặng thêm, ông thường xuyên phải nhập viện. Lúc này, chị em chúng tôi đã về hưu nên thay nhau chăm sóc cho ba mẹ. Những ngày tháng cuối đời, từ Bệnh viện đa khoa Quảng Ngãi, ba được chuyển ra Bệnh viện C Đà Nẵng, lúc đó ba chỉ nằm một chỗ trên giường, mọi thứ đều trông cậy vào các con. Từ vợ chồng chị Hai, anh Ba, gia đình tôi ở Đà Nẵng, vợ chồng em Hồng đều có mặt để chăm sóc ba, hai em Bình - Hà ở xa cũng thường hỏi han và nhờ cậy anh chị quan tâm săn sóc ba. Hình ảnh in sâu trong tâm trí chị em chúng tôi là sức chịu đựng kiên cường của ba trước đau đớn của bệnh tật. Đôi chân ba - đôi chân từng hành quân bôn tập khắp các nẻo đường chiến tranh dọc Liên khu V và Tây Nguyên - bị bầm đen rồi hoại tử... Vậy mà những lần bác sĩ rửa và thay băng các vết thương, chưa bao giờ thấy ba kêu rên một tiếng. Nhưng cuối cùng, ba tôi cũng không qua khỏi dù đã được tập thể các bác sĩ, y sĩ và gia đình chăm sóc tận tình.

Sáng sớm 17/10/2005 (tức ngày 15 tháng 9 năm Ất Dậu), bệnh tình ba chuyển nặng. Anh chị em chúng tôi quyết định đưa ba về nhà ở Quảng Ngãi. Đến 17 giờ, ba rời xa chúng tôi và các con cháu mãi mãi. Ba ra đi trước sự có mặt của tất cả các anh chị em chúng tôi. Nước mắt của chị em chúng tôi cứ tuôn trào mãi bởi từ đây chúng tôi mất đi người cha vô cùng kính yêu, mất đi

Phần II: Anh hùng của lòng dân

một chỗ dựa tinh thần to lớn, mất đi một cây cổ thụ mà bóng mát che chở cho chúng tôi suốt cả cuộc đời dù ở gần hay ở xa. Tiễn biệt ba trời đổ mưa như trút nước, nhưng lúc hạ huyết trời bỗng tạnh hẳn, mọi việc xong xuôi, trời lại đổ mưa. Như lẽ người xưa, chị em chúng tôi đều nghĩ rằng, ba đã ra đi thanh thản và có tổ tiên, đất trời phù hộ.

Về Tiểu đoàn 59 - máu thịt của ba tôi

Tiểu đoàn 59 là đơn vị ba tôi được Bộ Tư lệnh Quân khu 5 giao nhiệm vụ chỉ huy từ ngày thành lập (ngày 10/6/1950) đến khi đơn vị tập kết ra Bắc, giải tán phiên hiệu. Trong suốt những năm giữ vai trò Tiểu đoàn trưởng, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Bộ Tư lệnh Liên khu V, Ban Chỉ huy Trung đoàn 803, ba đã cùng với Ban Chỉ huy Tiểu đoàn từng bước xây dựng Tiểu đoàn 59 thành đơn vị chủ lực cơ động, chiến đấu và chiến thắng, lập nên những chiến công, góp phần vào thắng lợi của quân và dân ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Những chiến tích của Tiểu đoàn còn lại đến hôm nay đã được vinh danh tại Bia Di tích chiến thắng Lệ Sơn, Bia Di tích chiến thắng Đồn Nhất, Bia Di tích chiến thắng Kon Braih,...

Năm 2001, Ban liên lạc Cựu chiến binh Tiểu đoàn 59 đã tìm gặp tôi, mời tôi tham dự lễ khánh thành Bia Di tích chiến thắng Đồn Nhất của Tiểu đoàn 59 tại đỉnh đèo Hải Vân với tư cách là thân nhân của Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Lựu. Trong buổi lễ thiêng liêng và xúc động này, tôi vô cùng tự hào vì được là người con của ba tôi - Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 59 của Liên khu V anh hùng.

Sau này, Tiểu đoàn 59 lấy ngày 09 tháng Giêng hằng năm làm ngày gặp mặt các cựu chiến binh. Trong những dịp đó, tôi may mắn và hạnh phúc vì được các bác, các chú, các anh mời tham dự; trong các cuộc gặp đó, ba tôi luôn được mọi người nhắc

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

tới với tấm lòng kính trọng và yêu mến. Họ thường kể về những kỷ niệm với ba tôi, những trận chiến đấu mà ba tôi từng chỉ huy, về cách sống giản dị của ba và tình thương yêu ông dành cho đồng đội. Mỗi lần kể về ba là những giọt nước mắt lại lăn dài trên gò má nhăn nheo của các chú, các anh. Cuộc gặp mặt lần cuối cùng của các chú, các anh tại Cục Hậu cần Quân khu 5 có mặt các cựu chiến binh Tiểu đoàn 59 và thân nhân con cháu các liệt sĩ của Tiểu đoàn. Từ đó đến nay, các bác, các chú chỉ còn lại khoảng 5 - 6 người, hầu hết đều bệnh trọng nên không thể đi lại và có lẽ ngày một ngày hai, họ sẽ trở thành lịch sử, thậm chí có thể sẽ bị lãng quên, không còn ai nhớ đến ngoài gia đình.

Nhưng dù chỉ còn một vài người, điều kỳ lạ nhất là, họ có thể quên mọi thứ, nhưng gần như không ai quên ký ức về Tiểu đoàn 59, có lẽ bởi đó là tuổi thanh xuân đẹp nhất của họ - được chiến đấu "*quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh*", được sống trong một đơn vị gắn bó, có đồng đội cùng vào sinh ra tử và không chút đòi hỏi.

Trong lần đi thăm lại các đồng đội của ba tôi, Đại tá Trương Công Vọng, Đại tá Huỳnh Năm, Trung tá Nguyễn Kháng vẫn đọc sử thi của Tiểu đoàn, giọng nói vẫn sang sảng khi kể về các trận đánh Lệ Sơn, Đồn Nhất, Kon Braih..., về khẩu pháo 155mm được trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam - chiến quả của họ trong trận đánh Thượng An - lô cốt Đầu Đèo vang danh khắp Liên khu V...

Tôi hiểu rằng, trái tim của ba tôi và những chiến sĩ Tiểu đoàn 59 dù còn sống hay đã mất, mãi mãi luôn rực cháy tình yêu Tổ quốc.

Đà Nẵng, tháng 4 năm 2022

Thanh Hương - Sỹ Bằng - Tuấn Anh thực hiện

THEO DẤU ÔNG CHA

(Trích phỏng vấn ông Nguyễn Tuấn Anh -
Cháu nội Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 59 Nguyễn Lựu)



Tôi sinh ra ở Đà Nẵng nên khi còn nhỏ không có nhiều điều kiện về quê hương Quảng Ngãi thăm ông nội. Trong trí nhớ của tôi, ông nội là một người rất giản dị, ít nói, thương con cháu vô cùng nhưng ngại giải bày, thường chỉ bộc lộ qua việc chăm sóc từng bữa ăn, giấc ngủ. Khi tôi khôn lớn thì ông mất, câu chuyện về ông cũng đứt quãng theo nhịp thời gian.

Cho đến một ngày, khi đọc lại cuốn *Lịch sử Tiểu đoàn 59 Trung đoàn chủ lực 803 Liên khu V* do người lính liên lạc của ông chuyển tới gia đình, tôi mới biết rằng, đằng sau bóng hình người ông cao lớn, nghiêm nghị, ít nói, khiêm nhường đó là cả một câu chuyện dài, gắn liền với lịch sử một đơn vị chủ lực của Quảng Nam - Đà Nẵng, sau này là Liên khu V trong suốt thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp.

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

Mùa hè 2022, tôi đã quyết định cùng gia đình nhỏ của mình đi tìm lại chứng tích lịch sử về ông nội và các đồng chí, đồng đội, những người lính của ông để các con tôi hiểu thêm về ông cha mình trước khi trưởng thành, bước vào cuộc sống.

Điểm đến đầu tiên của gia đình tôi là Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam. Ở đây có trưng bày khẩu pháo 155mm, chiến quả của Tiểu đoàn 59 trong trận Thượng An - lô cốt Đầu Đèo tại An Khê, Gia Lai năm 1952. Câu chuyện về trận đánh oai hùng mà ông nội tôi, với vai trò Tiểu đoàn trưởng đích thân xông pha lửa đạn, cùng những người lính trong mấy giờ đồng hồ - với vũ khí trang bị đơn sơ, đầu trần, chân đất, đối mặt với kẻ thù đông gấp chục lần, trang bị hiện đại, có lô cốt bảo vệ - đã lập chiến công tiêu diệt hoàn toàn đồn giặc. Khẩu pháo 155mm bây giờ nằm bình yên dưới chân Cột cờ Hà Nội là minh chứng cho sức mạnh của lòng quả cảm, mưu trí và sức mạnh đoàn kết chiến đấu của Tiểu đoàn 59. Khẩu pháo nằm đó đã gần 70 năm, nhưng đến bây giờ tôi mới biết về mối liên hệ của nó với gia đình mình. Chưa bao giờ tôi thấy rõ như thế - lịch sử không phải là những gì xa lạ, khô khan, những con số lạnh lùng, mà là câu chuyện của mỗi gia đình, mỗi cá nhân trong sự gắn kết với cộng đồng ở từng giai đoạn lịch sử.

Tất cả đã thôi thúc trong tôi niềm khao khát đi đến những nơi mà ông nội đã cùng đồng đội chiến đấu. Điểm đến tiếp theo trong hành trình là Di tích lịch sử chiến thắng Kon Braih, xã Đăk Ruông, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum. Đây là lần đầu tiên tôi và con trai Hoàng Phúc được đặt chân tới vùng đất này, người địa phương gọi là "*Kon Braih*" có nghĩa là bãi cát. Tượng đài chiến thắng nằm trên một ngọn đồi cao, nơi đó năm xưa là đồn giặc, xung quanh đây hiện vẫn còn rất nhiều bom mìn chiến tranh để lại.

Phần II: Anh hùng của lòng dân

Đứng tại Tượng đài chiến thắng Kon Braih, trái tim của tôi trào dâng xúc động, tại đây, lúc 23 giờ 23 phút đêm 27/01/1954, Tiểu đoàn 59 cùng các đơn vị tăng cường đã thực hiện một trận công đồn dữ dội, tiêu diệt toàn bộ cứ điểm của địch - đó là một hệ thống lô cốt và công sự kiên cố, có hỏa lực mạnh và do lính Âu - Phi chiếm giữ. Trong trận đánh này, nhiều chiến sĩ của Tiểu đoàn 59 đã hy sinh anh dũng. Câu chuyện về Liệt sĩ Trần Xung, người đã vắt mình lên dây thép gai cho đồng đội xông lên đánh lô cốt khiến cho tôi vô cùng cảm phục.

Buổi trưa hè nắng lửa, tôi cùng con trai đứng trên ngọn đồi chiến thắng, trước mặt là dòng sông hùng vĩ với thác nước tung bọt trắng xóa, nơi đó, năm xưa, ông nội tôi cùng những người lính đã vượt sông ở đoạn thác dữ nhất để kẻ thù không thể biết, bất ngờ tấn công đồn Kon Braih (Kon Rẫy) trong đêm.

Điều gì đã làm nên sức mạnh, giúp cho những người lính bộ đội Cụ Hồ đầu trần, chân đất, vai mang thang nặng, vũ khí thô sơ có thể chiến đấu và chiến thắng kẻ thù được trang bị vũ khí hiện đại, có lô cốt kiên cố bảo vệ? Đó chính là lòng nồng nàn yêu nước, yêu Tổ quốc Việt Nam, tình yêu ấy được kết tinh và biểu hiện qua ý chí chiến đấu quả cảm không chỉ riêng của một cá nhân, mà là của cả một thế hệ trong thời đoạn đó.

Ông nội tôi cùng đồng đội Tiểu đoàn 59 đã sống và chiến đấu trong bối cảnh chung của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, bảo vệ nền độc lập non trẻ của dân tộc theo lời kêu gọi của Bác Hồ. Tôi nghĩ rằng, cuộc kháng chiến này là không gian và thời gian để dòng máu và phẩm chất anh hùng của cả một dân tộc được tôi luyện, rèn đúc.

Thế hệ của chúng tôi sau này có thể sẽ không hiểu hết được những khó khăn hay những điều tưởng chừng bất khả thi mà

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

cha ông đã vượt qua để có được thành tích vang dội như thế, nhưng rất ngưỡng mộ và lấy đó làm tấm gương học hỏi, phấn đấu trong thời bình. Bởi vì để cố gắng vượt qua những gian khổ, cha ông ta ngày xưa thiếu thốn trăm bề mà vẫn quyết tâm làm được thì giờ đây chúng ta hoàn toàn có điều kiện làm tốt hơn, góp phần xây dựng quê hương, đất nước.

Đến hôm nay, tôi mới hiểu sâu sắc rằng, những hiện vật trong bảo tàng, những bia chiến thắng, những cuốn sách lịch sử sẽ là chất keo kết nối các thế hệ để gìn giữ niềm tự hào, nuôi dưỡng cảm hứng và động lực cho thế hệ sau noi gương, ghi nhớ, không quên cội nguồn.

Từ hành trình đi tìm lại dấu vết cha ông, chưa bao giờ mạch ngầm của dòng máu cha anh lại thôi thúc, bùng cháy dữ dội trong lòng tôi đến thế. Mạch ngầm ấy chính là lý tưởng và niềm tự hào dân tộc vẫn dào dạt chảy trong huyết quản mỗi người dân nước Việt.

Bây giờ tôi không còn thấy có sự khác nhau quá lớn giữa một người chỉ huy tiểu đội rồi tiểu đoàn với hình ảnh một người ông nhân hậu, bình dị và nhẹ nhàng ở trong gia đình. Ông nội tôi và hàng ngàn người lính bộ đội Cụ Hồ trong giai đoạn đó đã ra đi chiến đấu vì lòng yêu nước, lý tưởng cách mạng và tự hào dân tộc, vì sự quyết tâm đấu tranh giải phóng đồng bào khỏi ách thống trị của thực dân. Khi mục tiêu đó đã hoàn thành nhiệm vụ, người lính quay trở về với cuộc sống cá nhân của họ thì lại là những người cha, người ông, người chồng rất đỗi bình dị và hiền hậu trong gia đình. Nếu không có chuyến đi này, tôi không thể tưởng tượng nổi ông nội mình là người như thế!

Những gì mà tôi và thế hệ con cháu được tận hưởng hôm nay chính là máu xương, mồ hôi, nước mắt của hàng ngàn vạn

Phần II: Anh hùng của lòng dân

con người đã đổ xuống trong hai cuộc chiến tranh vệ quốc. Cái giá của hòa bình là quá lớn - làm sao giữ được hòa bình trong thế giới đầy biến động, quá nhiều giá trị khác biệt, thì phải hiểu và tôn trọng giá trị lịch sử, truyền thống; phải bồi đắp cho bản thân mình những giá trị cốt lõi thuộc về nhân văn và lịch sử, truyền thống và ý thức hệ. Dù sau này thế hệ trẻ - cụ thể là các con tôi có đi khắp thế giới hay làm bất kỳ điều gì cũng không bị hòa tan, bởi vì ngược về lịch sử các cháu sẽ có được giá trị riêng, bản sắc riêng của con người Việt Nam, luôn là một thành phần tích cực ở bất kỳ nơi nào mà các cháu tham gia trong cộng đồng quốc tế.

Tôi rất trân quý và thấy mình thật may mắn vì trước khi con trai đến tuổi trưởng thành, chuẩn bị bước ra thế giới lại có cơ hội tham gia cùng hành trình này, được chứng kiến cuộc đời của cụ cố nội như thế nào qua các chứng tích lịch sử và lời kể sinh động của những nhân chứng lịch sử. Từ những câu chuyện về cụ nội, về ông Năm (Anh hùng Liệt sĩ Nguyễn Kim Vang) cùng truyền thống tốt đẹp của đại gia đình trong gần 100 năm qua, tôi tin rằng, con trai tôi sẽ trở thành một người tốt và có ích cho xã hội.

Tôi vô cùng cảm động khi được biết từ năm 1997, Đảng, Nhà nước và chính quyền địa phương đã rất quan tâm ghi nhận những chiến tích lịch sử này, đã xây dựng Tượng đài chiến thắng tại chính nơi mà ông nội tôi đã chỉ huy Tiểu đoàn 59 chiến đấu và chiến thắng để tưởng niệm những người đã ngã xuống nơi đây. Đầu những năm 2000, di tích cũng đã có sự quan tâm và trùng tu, cải tạo, tuy nhiên do đây là vùng đất nắng gió và khắc nghiệt, bom đạn chiến tranh vẫn còn chưa hết, nên di tích đã bắt đầu xuống cấp, rất cần sự đầu tư tôn tạo để dấu vết lịch sử không bị mai một.

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

Với khát vọng lần theo dấu vết lịch sử ông cha, chúng tôi là thân nhân của các cựu chiến binh Tiểu đoàn 59 vẫn đang trong hành trình tìm lại con đường ông cha đã chiến đấu, hy sinh góp phần giải phóng vùng đất này. Chúng tôi đến đây để thấp nén tâm nhang tưởng nhớ các liệt sĩ đã hy sinh cho Tổ quốc; tôn vinh tinh thần chiến đấu dũng cảm quên mình của Tiểu đoàn 59. Chúng tôi mong đợi các di tích sẽ thường xuyên được trùng tu, tôn tạo và giữ gìn để những thế hệ sau có thêm minh chứng sinh động kết nối giữa lịch sử và hiện tại, phát huy giá trị tinh thần ông cha để lại đến hôm nay và mãi mãi mai sau.

Hà Nội, tháng 4 năm 2022

Thanh Hương - Sỹ Bằng - Tuấn Anh thực hiện

GIỮ LỬA TRUYỀN THỐNG ANH HÙNG

(Ghi theo lời kể của ông Trần Đình Thuyên -
Chủ tịch Hội Cựu chiến binh xã Hòa Tiến,
huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng)



Bia Di tích chiến thắng Lệ Sơn hiện nằm trên địa bàn xã Hòa Tiến, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Đây là tấm bia ghi lại chiến công lịch sử của Tiểu đoàn 59 Trung đoàn 803 chủ lực cơ động Liên khu V.

Tấm bia này xây dựng từ năm 2001 và được Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng đăng ký bảo vệ. Hơn 20 năm qua, tấm bia hiện diện ở đó là chứng tích về chiến thắng đồn Lệ Sơn trong kháng chiến chống thực dân Pháp, về tình đoàn kết quân dân gắn bó một lòng chiến đấu chống quân xâm lược và những kẻ tay sai, bán nước, hại dân. Năm 2017, Hội Cựu chiến binh xã Hòa Tiến đã vận động kinh phí, huy động sức người để tôn tạo, bảo vệ bia. Trước đó, bia nằm cạnh đường, không có sân, đất trũng,

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

mỗi khi mưa lũ là ngập úng. Sau khi huy động được kinh phí, Hội Cựu chiến binh xã đã trực tiếp đồn phát cây, đổ đất, nâng nền làm cho khu vực bia khang trang, sạch sẽ hơn. Sau khi hoàn thành công trình, được sự thống nhất của Đảng ủy xã Hòa Tiến, Hội Cựu chiến binh xã đã mời các đồng chí từng tham gia trận chiến đó như Đại tá Lâm Quang Minh, Đại tá Lâm Quang Hùng, Đại tá Trương Công Vọng và ông Lê Vĩnh Đề về thăm lại bia, kể chuyện chiến đấu, thắp hương tưởng nhớ đồng đội, đồng chí đã hy sinh trong trận đánh đồn Lệ Sơn.

Trong ngày hôm đó, các bác, các chú đã kể lại cho chúng tôi nghe câu chuyện về trận chiến Lệ Sơn: Đồn Lệ Sơn nằm ở cửa ngõ phía Tây thành phố Đà Nẵng, được xây dựng kiên cố, thường xuyên có lính Pháp và lính ngụy chiếm đóng. Từ đồn Lệ Sơn, giặc thường tổ chức càn quét ra khu vực lân cận, bắt giữ đồng bào, mang về đồn tra tấn, giết hại. Vì thế, nhân dân gọi đây là “*địa ngục Lệ Sơn*”. Người dân hai xã Hòa Tiến và Hòa Khương đều không thể quên tội ác của kẻ thù, chúng đi ra đường muốn bắn ai thì bắn, vào nhà dân lấy đồ đạc bất cứ lúc nào,... Người dân bị mất tự do, nên khi được cơ sở báo rằng chuẩn bị đánh đồn Lệ Sơn thì đồng bào nhất tề ủng hộ, chiến thắng Lệ Sơn vì lẽ đó là chiến thắng của nhân dân, của tình đoàn kết quân dân gắn bó, keo sơn.

Để đánh đồn, trước đó, ta đã phải giao cho cơ sở theo dõi hoạt động của địch. Cuối cùng, Tiểu đoàn 59 được giao nhiệm vụ chủ lực tấn công. Lúc đó, Tiểu đoàn 59 ở trên núi Bồ Bồ, được sự chỉ đạo của Liên khu V mới tập trung chuyển vũ khí, lương thực xuống tập kết ở dưới vùng núi của xã Hòa Khương. Đêm 18/8/1952 (tức đêm 30 tháng 7 âm lịch), Tiểu đoàn 59 tập kết tại bờ sông Yên, sau đó nhân dân hai xã Hòa Khương và Hòa Tiến

Phần II: Anh hùng của lòng dân

dùng thuyền câu đưa bộ đội qua sông, quân địa phương ém sẵn đón đợi mà địch không hề hay biết. Để có thể giúp bộ đội bất ngờ hành quân, công đồn, trước đó cơ sở cách mạng đã vận động đồng bào ủng hộ, giúp đỡ. Xóm làng ngày xưa nuôi chó rất nhiều, nghe tiếng chó sủa, địch sẽ biết ta hành quân, nên cơ sở của ta đã vận động bà con đưa chó xuống hầm để chó không sủa, bảo đảm an toàn tuyệt đối cho quân ta.

Đêm 30 trời tối đen như mực, cơ sở cách mạng và chiến sĩ trinh sát lấy bẹ trắng của thân cây chuối rải bên bờ đường, rồi thắp hương làm lộ tiêu ở những đoạn đường tối, ngã rẽ, dẫn bộ đội đi xuyên qua làng, tập kết, đánh úp đồn Lệ Sơn. Trước đó, ta đã 2 lần tập kích đồn Lệ Sơn nhưng chưa hạ được vì có pháo ở xa yểm trợ. Vậy mà trong đêm 30, Tiểu đoàn 59 đã lặng lẽ hành quân, bất ngờ tấn công và hạ xong đồn chỉ trong mấy tiếng đồng hồ; bắt sống nhiều tên, trong đó có tên Đội Tước - ác ôn tay sai của kẻ thù, từng giết hại nhiều đồng bào Lệ Sơn, đặc biệt là thân nhân của những người đi kháng chiến.

Khi đồn bị tiêu diệt, lợi dụng bộ đội không nhìn rõ mặt, tên Đội Tước đã lấy bộ đồ của dân mình mặc, rồi trà trộn vào nhân dân, giả khiêng thương binh để chạy trốn. Nhưng em gái nhỏ trước giữ bò cho nhà Đội Tước (thực chất là để nắm được quy luật hoạt động của hắn để báo cho cơ sở của ta) đã cảnh giác nhận đúng mặt, lập tức hắn bị quân ta bắt lại rồi giải lên trên và bị xử bắn vì đã gây ra quá nhiều tội ác với đồng bào.

Sau trận đánh Lệ Sơn, đồn giặc bị bỏ trống, quân ta làm chủ một vùng rộng lớn, đồng bào ta không còn phải chịu cảnh bắt bớ, giết hại, cửa ngõ vào thành phố cũng không bị siết chặt như trước, mở ra một giai đoạn cách mạng mới cho vùng đất này.

Năm 2001, nhân dịp kỷ niệm 50 năm chiến thắng Lệ Sơn, thành phố Đà Nẵng đã cho xây dựng một tấm bia kỷ niệm

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

chiến thắng và tôn vinh những người chiến sĩ đã ngã xuống trong trận chiến này. Đến năm 2017, sau mười mấy năm, khu vực này bị xuống cấp nhiều, Hội Cựu chiến binh xã Hòa Tiến đã quyết tâm góp sức tôn tạo, bảo vệ Bia Di tích chiến thắng Lệ Sơn. Việc tôn tạo và bảo vệ di tích xuất phát từ cái tâm của người lính, đối với họ mảnh đất này là nơi rất thiêng liêng, có đồng chí, đồng đội của họ mãi mãi yên nghỉ; là nơi biết bao đồng bào, chiến sĩ đã bị giặc tra tấn, giết hại. Do vậy, các cựu chiến binh đã thống nhất góp tiền, góp sức, góp công nâng vị trí bia lên cho đàng hoàng, đẹp để để sau này các bác, các chú, các anh em trong đơn vị có điều kiện sẽ dẫn con cháu đến tưởng niệm và dâng hương; để bà con xung quanh và nhất là các thế hệ học sinh khi tới đây sẽ ghi nhớ về một chiến thắng oai hùng, hiểu thêm về lịch sử và tiếp bước cha ông giữ gìn truyền thống đoàn kết quân dân gắn bó.

Năm 2022, chúng tôi rất vui mừng khi biết tin: Bia Di tích chiến thắng Lệ Sơn sẽ được Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng, Ủy ban nhân dân huyện Hòa Vang trùng tu, mở rộng để trở thành một địa chỉ đỏ giáo dục truyền thống của huyện Hòa Vang. Chúng tôi hiểu rằng, lịch sử không bao giờ bị lãng quên, những người ngã xuống sẽ sống mãi trong lòng nhân dân.

Với vai trò của các cựu chiến binh sống trên mảnh đất này, chúng tôi sẽ cố gắng gìn giữ, phát huy truyền thống để cháu con biết được cha ông đã sống và chiến đấu kiên cường, anh dũng như thế nào, từ đó thêm quý trọng máu xương của người đã ngã xuống, tiếp tục xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hôm nay.

Đà Nẵng, tháng 4 năm 2022

Thanh Hương - Sỹ Bằng - Tuấn Anh thực hiện

CHIẾN THẮNG VƯỜN GÒN - ĐÁ BÀN

Mùa xuân 1953, trên khắp chiến trường miền Nam Trung Bộ, quân ta liên tiếp lập chiến công. Tại Khánh Hòa, với hệ thống đồn bốt dày đặc (109 đồn, 213 tháp canh và 12.793 lính canh giữ), thực dân Pháp và tay sai đã kiểm soát chặt nhân dân. Chúng bắt nộp lúa gạo tập trung, ban đêm dân phải ngủ đồn, việc làm ăn, đi lại bị hạn chế. Trong khi đó, thuế tăng cao, tổng động viên, bắt lính rầm rộ, khiến cho lòng dân sôi sục căm hờn, yêu cầu phải gấp rút đứng lên đánh đổ ách cai trị của địch, giải phóng cho mình, giải phóng quê hương.

Tháng 3/1953, Tiểu đoàn chủ lực 59, đơn vị đã lập chiến công xuất sắc ở chiến dịch An Khê (lấy mật danh là Tiểu đoàn 64), được Bộ Tư lệnh Liên khu V giao nhiệm vụ vào chiến trường Bắc Khánh Hòa, phối hợp với lực lượng địa phương mở đợt hoạt động mạnh, nhằm tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, bồi dưỡng lực lượng ta, gây ảnh hưởng chính trị rộng rãi trong nhân dân, tạo điều kiện giúp địa phương phát triển cơ sở, mở rộng phong trào chiến tranh du kích trong vùng sau lưng địch; đồng thời phối hợp với chiến trường phía Nam của Liên khu phá thế uy hiếp của địch đối với vùng tự do Phú Yên.

Theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, Tiểu đoàn 59 đã cùng với địa phương thành lập Ban Chỉ huy chung để chỉ đạo đợt hoạt động, thành phần gồm: Đại diện Tỉnh ủy, Ban Chỉ huy Trung đoàn 803, Ban Chỉ huy Tỉnh đội, Ban Chỉ huy Tiểu đoàn 59. Ban Chỉ huy chung thực hiện nhiệm vụ dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Khánh Hòa.

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

Đêm 03/4/1953, ta mở màn đợt hoạt động, Tiểu đoàn 59 tấn công tiêu diệt hai tháp canh Tân Phong và Nhị Sự. Đêm 09/4/1954, ta diệt tiếp tháp canh Cầu Lớn, trên đường Ninh Hòa - Hòn Khói.

Ở Ninh Hòa (Khánh Hòa), sau khi các đồn bốt ở Tân Phong, Nhị Sự, Ninh Ích, Cầu Lớn bị ta tiêu diệt thì nhân dân nổi dậy đấu tranh không chịu ngủ đồn, đòi mang lúa gạo, tài sản về nhà. Tại hệ thống kìm kẹp như các tháp canh, đồn bốt nhỏ lẻ, binh lính hoang mang không dám ngủ đêm trong đồn, lực lượng của địch tại địa phương cũng không còn đủ sức đàn áp, ngăn chặn nhân dân.

Để cứu vãn tình thế, ngày 18/4/1953, quân đội Pháp huy động trên 4.000 lính Âu - Phi thiện chiến, từ Bình Trị Thiên đổ bộ lên cửa biển Hòn Khói tiến vào. Quân cơ động của Tiểu khu Khánh Hòa, từ Nha Trang theo quốc lộ 1 kéo ra, có máy bay, pháo binh yểm trợ. Thiếu tướng Le Blanc trực tiếp chỉ huy trận càn.

Sáng 19/4/1953, pháo địch từ Xuân Sơn bắn cấp tập, dọn đường cho ba cánh quân tiến vào căn cứ Đá Bàn. Cánh phía Bắc từ Xuân Sơn tiến vào Gò Trờ, dọc theo phía Bắc sông Đá Bàn tiến lên chân dốc Chanh nhằm chặn đường rút của chủ lực ta ra vùng tự do Phú Yên.

Cánh thứ hai nhỏ hơn, từ Dốc Dài tiến ra chặn mặt phía Nam căn cứ. Cánh chính diện từ quốc lộ 1 tiến lên Bến Ghe. Trên không, máy bay trinh sát L19 dẫn đường, chỉ điểm cho máy bay oanh tạc, giội bom và pháo binh bắn dọn đường, yểm trợ cho bộ binh tiến vào. Với lực lượng mạnh cùng ba hướng tấn công như vậy, Thiếu tướng Le Blanc tin rằng sẽ chiếm được căn cứ Đá Bàn và tiêu diệt toàn bộ lực lượng bộ đội chủ lực của quân đội ta tại đây.

Phần II: Anh hùng của lòng dân

Bên trong căn cứ Đá Bàn, ta chủ động phối hợp bố trí đánh địch từ xa, dùng hầm chông, mìn gài sẵn gây cho địch nhiều tổn thất, thương vong. Mãi đến xế chiều, địch mới tiến được vào khu vực rìa căn cứ. Buổi tối, ta luân phiên pháo kích, tấn công các cụm trú quân, gây thương vong cho binh lính địch, làm tinh thần của chúng ngày càng căng thẳng, mệt mỏi.

Tiểu đoàn 59 - lúc này có thêm một trung đội của Đại đội 700 phối hợp dẫn đường, do Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Lựu chỉ huy - đã bí mật hành quân qua đường hẻm Eo Gió ra vòng ngoài phục kích trên đoạn đường Cầu Gỗ, Suối Sâu trong Vườn Gòn của sở “Thăng Lô” cũ, cách Bến Ghe khoảng nửa cây số để chặn đánh đường rút quân của địch. Mặc dù địch có bộ phận gác ở Bến Ghe nhưng chúng không hề hay biết.

Sáng 20/4/1953, phi cơ thả bom, pháo bắn vào vùng rừng gần phía Tây căn cứ, rồi bộ binh tiến vào, nhưng bị chông, mìn và du kích chặn đánh làm một số thương vong. Các cánh quân dò dẫm từng bước, chỉ đi sâu vào trong rừng khoảng 50 - 70m, đốt phá nhà dân, trại sản xuất, bãi giao liên rồi hoảng sợ quay ra. Khoảng 11 giờ trưa, chúng bắt đầu rút quân, cánh quân nọ cách cánh quân kia khoảng 15 - 20 phút, có máy bay L19 quần lượn chỉ đường.

Đến 13 giờ chiều 20/4/1953, khi cánh quân cuối cùng của địch lọt vào trận địa mai phục, Tiểu đoàn 59 quyết định tập trung toàn bộ hỏa lực, nổ súng mãnh liệt làm cho chúng không kịp trở tay. Những tên sống sót nhào xuống Suối Sâu, gài cầu thì bị mìn, lựu đạn của ta tiêu diệt. Số địch đi đầu, xoay đội hình dùng hỏa lực bắn ác liệt vào lực lượng ta, yểm trợ cho quân của chúng rút lui. Ta dùng hỏa lực đại liên, súng cối, bắn áp chế, ghìm đầu quân địch, xung phong tiêu trừ số địch còn sống sót, thu chiến

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

lợi phẩm. Trận này ta diệt gọn hơn một đại đội lính Âu - Phi, thu 1 đại liên, hơn 100 súng các loại cùng các trang bị khác của địch. Bên ta có 14 chiến sĩ hy sinh và bị thương. Khoảng 14 giờ, máy bay L19 giội bom, tàu khu trục bắn lên xung quanh trận địa, rồi các tổp trực thăng đến chở xác quân địch đưa về Nha Trang, đến khoảng 16 giờ mới chấm dứt.

Vườn Gòn - Đá Bàn là trận chiến anh hùng của Tiểu đoàn 59 tại Ninh Hòa, Khánh Hòa. Trong thế đối đầu với một viên Thiếu tướng Pháp dày dạn kinh nghiệm trận mạc được điều từ Maroc sang chỉ huy đội quân Âu - Phi thiện chiến, được trang bị vũ khí hiện đại, Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Lựu đã chỉ huy đơn vị chiến đấu và lập chiến công vang dội, trở thành cơn ác mộng đối với quân Pháp - nguy tại Ninh Hòa. Từ đó đến khi Hiệp định Genève được ký kết, tháng 7/1954, không có một cuộc càn quét nào của địch dám vượt qua khu Vườn Gòn - nơi đã có trận bão lửa diễn ra - để vào đánh phá trung tâm căn cứ Đá Bàn một lần nữa.

Ngày hôm nay, sau gần 70 năm, chiến trường xưa không còn dấu vết, nhưng lịch sử Ninh Hòa, Khánh Hòa và trái tim nhân dân nơi đây mãi mãi không bao giờ quên chiến công hiển hách Vườn Gòn - Đá Bàn của Tiểu đoàn 59 trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

(Theo *Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Khánh Hòa (1930-1975)*, 2001; *Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam huyện Ninh Hòa (1930-1975)*, 2005)

Thanh Hương - Sỹ Bằng biên soạn

CHIẾN THẮNG KON BRAIH (KON RÃY)

Cuối năm 1953, khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đang ở giai đoạn phản công, Ban Bí thư đã gửi Mật điện cho Liên khu V (ngày 02/12/1953), trong đó nêu rõ: *“Bộ Chính trị quyết định phương châm chiến lược của Liên khu là: Tích cực và mạnh bạo phát triển vào Tây Nguyên và Hạ Lào (trước hết là vào Tây Nguyên), tiếp tục củng cố vùng tự do hiện nay... Cần nhận rõ phát triển là nhiệm vụ quan trọng thứ nhất, củng cố vùng tự do là nhiệm vụ quan trọng thứ hai”*¹.

Chấp hành mệnh lệnh trên của Trung ương, Liên khu ủy, Đảng ủy và Bộ Tư lệnh Liên khu V, Trung đoàn 803 đã hành quân lên Tây Nguyên tham gia chiến dịch Đông Xuân 1953-1954, với mục tiêu nhằm làm thất bại một phần Kế hoạch Nava, chiến dịch Atlante của quân đội Pháp.

Đồn Kon Braih được thực dân Pháp xây dựng để thực hiện một trong ba bước trong chiến dịch Atlante nhằm đánh sâu và chiếm vùng tự do Liên khu V của ta, bao gồm các tỉnh Kon Tum, Bình Định, Quảng Nam, Quảng Ngãi, hoàn thành giai đoạn 1 của Kế hoạch Nava.

Đồn Kon Braih nằm trên một quả đồi cao ở hữu ngạn sông Đăk Snghé, trên trục đường số 5 đi Kon Plông - Quảng Ngãi, cách thị xã Kon Tum khoảng 30km; phía Nam có địa hình chia cắt hiểm trở, nhiều con suối nhỏ ngăn cách rất khó tiếp cận; phía Tây bằng phẳng, thoải, thấp dần, thuận lợi cho việc quan sát,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd, t.14, tr.525.

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

chốt giữ. Đường số 5 và cầu Kon Braih nối hai bờ Tây và Đông sông Đăk Snghe đều nằm dưới sự kiểm soát của địch. Công đồn mở theo hướng Bắc nối với đường số 5, khu trung tâm là cụm hầm nửa nổi, nửa chìm và hệ thống lô cốt. Lô cốt mẹ được xây dựng kiên cố bằng bê tông, cốt thép, có đường hầm liên thông với nhau. Từ cụm hầm trung tâm có các hướng ra các hầm, lô cốt, ụ súng, công sự chiến đấu cá nhân chạy xung quanh đồn. Vòng ngoài là hệ thống hầm chông, bẫy mìn và cột sắt thép gai. Lực lượng địch chiếm đóng tại đồn thường xuyên có một trung đội lính Âu - Phi thiện chiến.

Với địa thế như vậy, đồn Kon Braih kết hợp với đồn Măng Bút, Măng Đen tạo thành hệ thống pháo đài vững chắc để địch đưa quân đi càn quét, bắn phá các vùng căn cứ của ta, khống chế toàn bộ khu vực đường số 5 và các vùng xung quanh trong thế vừa phòng thủ vừa tấn công rất lợi hại.

Ngày 21/01/1954, Bộ Chỉ huy chiến dịch của ta nhận định và hạ quyết tâm: Hướng phía Tây, phải tấn công mạnh vào Bắc Kon Tum, phải tiêu diệt cả ba cứ điểm: Măng Đen, Măng Bút, Kon Braih (Kon Rẫy) trong một đêm, đập tan toàn bộ cụm phòng ngự hướng Đông Bắc Kon Tum của địch, buộc địch phải đưa lực lượng lớn trở về chống đỡ.

Theo kế hoạch, toàn bộ đội hình Trung đoàn 803 bí mật tập kết ở Tây Quảng Ngãi theo hướng chính của chiến dịch, Đại đội 11 Tiểu đoàn 59 được tách ra, vào Bình Định và tiến thẳng lên đường số 19 - hướng An Khê, phối hợp cùng lực lượng địa phương làm nhiệm vụ nghi binh.

- Trung đoàn 108 là đơn vị chủ công, được tăng cường Tiểu đoàn 365 Trung đoàn 803 làm dự bị đánh tiêu diệt đồn Măng Đen.

- Tiểu đoàn 59 (thiếu Đại đội 11 đi làm công tác nghi binh) do Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Lựu chỉ huy nhận nhiệm vụ diệt đồn

Phần II: Anh hùng của lòng dân

Kon Braih (Kon Rẫy). Theo quy định của Bộ Chỉ huy chiến dịch thì đơn vị đánh Kon Rẫy chỉ được nổ súng sau khi Trung đoàn 108 đã nổ súng đánh Măng Đen.

Đêm 27/01/1954, từ vị trí tập kết cách cứ điểm 8km, Tiểu đoàn 59 hành quân chiếm lĩnh trận địa. Khoảng 2 giờ sáng 28/01/1954, khi Trung đoàn 108 nổ súng tấn công Măng Đen, địch ở đồn Kon Braih (Kon Rẫy) được báo động nên đã đưa lực lượng ra ngoài trấn giữ. Lúc này, Tiểu đoàn 59 còn cách xa đồn vài kilômét, phải vừa đi, vừa chạy để kịp tiếp cận đồn. Đến nơi, Đại đội 4 và Đại đội 6 phải tìm đường để nhanh chóng triển khai đội hình. Các mũi, các hướng tấn công của Tiểu đoàn khẩn trương bí mật tiến sát vào chiếm lĩnh trận địa.

Áp dụng kinh nghiệm đánh cứ điểm Thượng An, Tiểu đoàn cho bộ đội bám sát địch. Mờ sáng, khi quân địch chưa kịp rút hết vào đồn, quân ta nổ súng. Bị đánh bất ngờ, số địch còn ở ngoài thì lớp chết, lớp bị thương, lớp chạy vào rừng, một số chạy được vào đồn nổ súng chống cự. Khi tổ bộc phá chuẩn bị mở rào thì địch phát hiện vị trí mở rào của ta nên đã chống trả quyết liệt. Ta phải dùng hỏa lực chế áp mạnh mẽ, yểm trợ cho tổ bộc phá lần lượt mở rào. Lúc này, một số chiến sĩ của ta bị thương vong trước khi cửa mở.

Cửa đột phá chính đã mở, nhưng cửa đột phá thứ yếu chưa vào được. Ban Chỉ huy Tiểu đoàn đã quyết định cho bộ đội vượt qua dòng thác trên sông, đánh thẳng vào vùng sau lưng địch.

Chiến sĩ thi đua Trần Xung - Trung đội phó Trung đội đột phá khẩu - luôn động viên tinh thần anh em và bản thân đồng chí ôm bộc phá trườn lên để anh em tiếp tục mở rào cuối cùng. Thấy đơn vị còn vướng dây lóp rào thép gai cuối cùng, đồng chí Trần Xung, dù lúc này đã bị thương nặng cả hai chân, vẫn cố lết tới

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

nằm đè lên dây thép gai, làm cầu để anh em chạy qua người, đưa khối bộc phá 20kg xông lên diệt lô cốt cuối cùng, mở đường để lực lượng đột kích vào giải quyết trận nội.

Ta đánh chiếm được đầu cầu. Một mũi xung kích lao thẳng vào nhà hầm nửa chìm nửa nổi giữa đồn, bắt sống tên đồn trưởng Le Bret người Pháp. Một cán bộ của ta nói bằng tiếng Pháp bảo hấn kêu gọi lính đầu hàng. Le Bret hô lớn: “Cessez le feu!” (tức là “Ngừng bắn”).

Trận đánh kết thúc khi trời vừa sáng. Cự điểm Kon Braih (Kon Rẫy) hoàn toàn bị tiêu diệt, ta thu được 6 trung liên, nhiều tiểu liên và súng trường, quân trang, quân dụng, bắt các tù binh. Về phía ta, 14 đồng chí hy sinh và bị thương, trong đó có đồng chí Trần Xung.

Tấm gương hy sinh anh dũng của đồng chí Trần Xung và các chiến sĩ Tiểu đoàn 59 trong trận đánh này sẽ mãi được ghi nhớ (tất cả các liệt sĩ được an táng ở Nam sông Đắk Snghé), góp phần tô thêm truyền thống vẻ vang của Tiểu đoàn 59.

Sau chiến thắng Kon Braih (Kon Rẫy), Tiểu đoàn 59 nhận được tin hai hôm trước, trong quá trình đi nghỉ binh, Đại đội 11 đã diệt cứ điểm Pleibông ở hướng Đông Bắc đường số 19, cách thị xã Kon Tum 20km.

Năm 1997, tại chính vị trí đồn Kon Braih, một Tượng đài chiến thắng đã được xây dựng, ghi nhớ trận đánh kiêu hùng của Tiểu đoàn 59, tôn vinh các liệt sĩ đã hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc. Đồng thời, để lưu lại chiến công hiển hách của cha anh trong chiến thắng Kon Braih, nhiều công trình có giá trị về mặt khoa học lịch sử đã nghiên cứu về trận đánh oanh liệt cũng như di tích lịch sử cách mạng này như: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Kon Tum (Tập 1)*, Nxb. Chính trị quốc gia, 1996; *Lịch sử Đảng bộ huyện*

Phần II: Anh hùng của lòng dân

Kon Plông (tập 1), 2001; Lịch sử Trung đoàn 803, Nxb. Quân đội nhân dân, 1999; Kon Tum 30 năm chiến đấu kiên cường, bất khuất; Khu V - 30 năm chiến tranh giải phóng (tập 1), Bộ Tư lệnh Quân khu 5, 1986; Lịch sử Tiểu đoàn 59 Trung đoàn chủ lực 803 Liên khu V,...

Năm 2008, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Kon Tum sau khi tổ chức nghiên cứu đầy đủ, đã tiến hành lập hồ sơ đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định công nhận Di tích lịch sử cách mạng chiến thắng Kon Braih. Theo đó, ngày 01/6/2009, Ủy ban nhân tỉnh Kon Tum đã ban hành Quyết định số 198/QĐ-CTUBND công nhận là di tích cấp tỉnh, thành phố đối với Di tích lịch sử cách mạng chiến thắng Kon Braih (thuộc thôn 9, xã Đăk Ruồng, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum).

Ngày nay, Tượng đài chiến thắng Kon Braih đã trở thành một điểm đến - địa chỉ đỏ trong hành trình khám phá lịch sử của Kon Tum - Tây Nguyên. Tiểu đoàn 59 mãi mãi bất tử với Kon Tum anh hùng.

Thanh Hương - Sỹ Bằng biên soạn

PHẦN III



MỘT SỐ HÌNH ẢNH VÀ TƯ LIỆU



Phần III: Một số hình ảnh và tư liệu



Khẩu pháo 155mm - Chiến lợi phẩm do Tiểu đoàn 59 chủ lực cơ động
Liên khu V thu được ngày 21/01/1953 trong trận đánh tiêu diệt
cứ điểm Thượng An - lô cốt Đầu Đèo tại An Khê, Gia Lai,
hiện được trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN



Đại tướng Phan Văn Giang, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng cùng Chánh án Tòa án nhân dân tối cao Nguyễn Hòa Bình thăm khẩu pháo 155mm tại Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam



Gia đình cháu nội Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Lưu thăm Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam, bên khẩu pháo 155mm - chiến công của Tiểu đoàn 59

Phần III: Một số hình ảnh và tư liệu



Bia Di tích chiến thắng Lữ Sơn tại xã Hòa Tiến,
huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng (trước khi tôn tạo - năm 2021)



Bia Di tích chiến thắng Lữ Sơn tại xã Hòa Tiến,
huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng (sau khi tôn tạo - năm 2022)

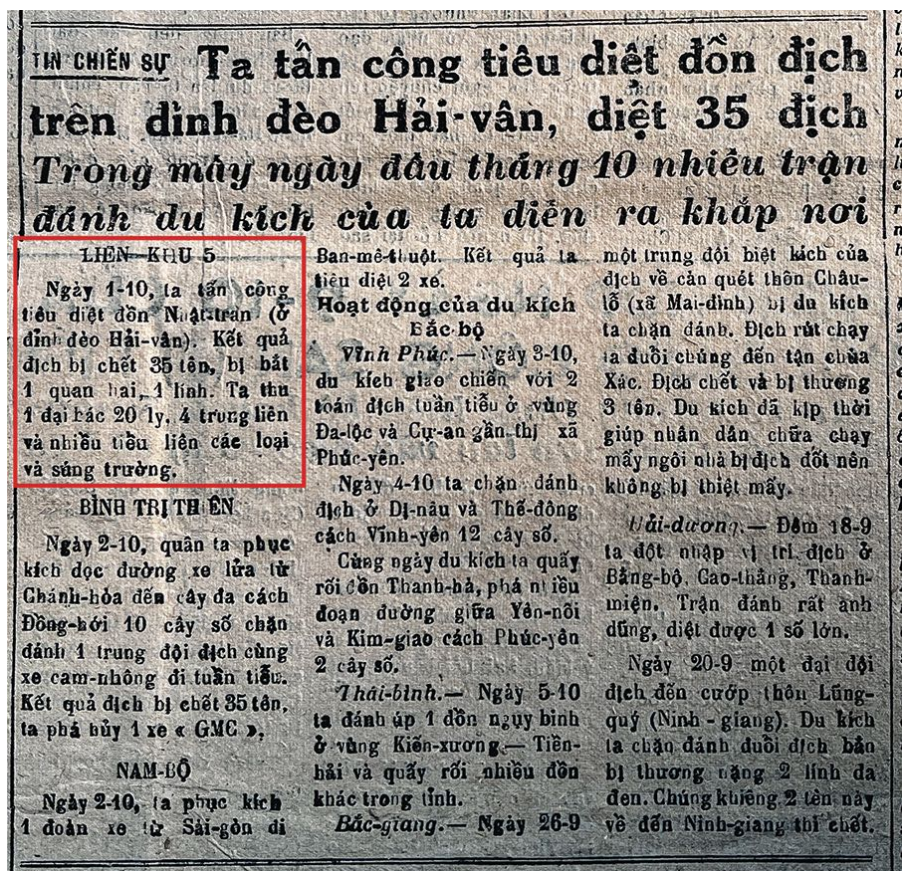
TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN



Đèo Hải Vân khoảng cuối những năm 1950



Đèo Hải Vân hiện nay (trước khi tôn tạo, 2022)



Tin chiến sự về trận đánh tiêu diệt Đồn Nhất trên đỉnh đèo Hải Vân của Tiểu đoàn 59 đăng trên báo *Cứu quốc* - cơ quan của Mặt trận Liên Việt Liên khu V, tháng 10/1952

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN



Bia Di tích chiến thắng Đồn Nhất trên đỉnh đèo Hải Vân
(trước khi tôn tạo - năm 2021)



Ông Huỳnh Năm - Cựu chiến binh Tiểu đoàn 59
kể chuyện đánh Đồn Nhất trên đỉnh đèo Hải Vân ngày 25/9/1952
cho đồng chí Nguyễn Hòa Bình - Con trai út Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Lựu

Phần III: Một số hình ảnh và tư liệu



Vùng Gò Nổi thuộc huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam ngày nay.
Tại đây, năm 1952, Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Lựu đã chỉ huy Tiểu đoàn 59
tiêu diệt hai cứ điểm Phù Kỳ, Vân Ly của thực dân Pháp.



Toàn cảnh khu căn cứ Đá Bàn, huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.
Tại đây, tháng 4/1953, Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Lựu đã chỉ huy Tiểu đoàn 59
đập tan trận càn gần 5.000 quân của thực dân Pháp
do Thiếu tướng Le Blanc chỉ huy.

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN



Đảo đá trên hồ Đá Bàn (Khánh Hòa), dưới mặt nước hồ là địa điểm Bến Ghe - nơi Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Lữ chỉ huy Tiểu đoàn 59 đánh trận Vườn Gòn - Đá Bàn (tháng 4/1953)



Bia Di tích Khu căn cứ Đá Bàn
tại xã Ninh Sơn, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa

Phần III: Một số hình ảnh và tư liệu



Đèo An Khê - nơi Tiểu đoàn 59 đánh trận Thượng An -
lô cốt Đầu Đèo (tháng 01/1953), thu khẩu pháo 155mm,
vũ khí lớn nhất trên chiến trường Đông Dương lúc đó

Trận quyết liệt Đầu Đèo, mở đường tiêu diệt đồn Thượng-an

BÓT gác Đầu Đèo nằm trên đầu đèo An - Khê, cách vị trí Thượng-an 100 thước, án ngữ cho khu quân sự địch tại An-khê; kiểm soát vùng giáp ranh và uy hiếp cả cánh đồng vùng tự do miền tây tỉnh Bình-dịnh.

Đêm 21-4, quân ta được lệnh tiêu diệt Đầu - Đèo và Thượng-an.

Địch ở đây lo sợ. Cứ tối đến là chúng ra ngủ ngoài đồn. Quân ta tiến lên gặp địch, quét một loạt liên thanh. Chúng hoảng hốt bỏ chạy cả vào đồn. Ta im lặng tiến, đoạt lấy địa hình bố trí, gỡ một đường mìn của địch từ chân đồi lên đến bót gác. Địch không hay biết gì cả.

2 giờ sáng, lệnh phát hỏa. Tiểu đội trưởng Lớn dẫn bộc phá viên Dũng tiến lên, 3 lần mìn không nổ. Địch bắn như mưa

Lớn nói với anh em : *« Nhiệm vụ quyết làm tròn, đây là lúc đáng hy sinh, anh em cứ tiến theo tôi ».*

Nói xong, cầm tiểu liên leo lên lô cốt, ném lựu đạn xuống hầm địch. Lô cốt chiếm được, nhưng đồng chí Lớn bị trúng đạn địch rất nặng. Biết mình chết, anh hô to :

— *Việt - nam độc lập muôn năm !*

— *Đảng Lao động Việt-nam muôn năm !*

— *Hồ Chủ tịch muôn năm !*
rồi ngã xuống tắt thở.

Các chiến sĩ ta lòng sôi căm hờn, tiến mạnh lên để trả thù cho đồng chí Lớn. Đồng chí Tụy tiến lên. Rồi đồng chí Dũng vác mìn chạy lên, và hô to :

— *Nơi gương Cù-chính-Lan, La-văn-Cầu, quyết làm tròn nhiệm vụ. Học là học lúc này.*

Mìn nổ tung, thành đồn tan tành. Kèn xung phong

rộn rục. Chiến sĩ ta ào lên tiêu diệt hoàn toàn bót gác Đầu-Đèo. Lúc đó đã 5 giờ sáng. Một phát hỏa châu của ta bắn vọt lên sáng choang bầu trời, báo tin cho đơn vị phụ trách diệt đồn Thượng-an biết rằng Đầu-Đèo đã bị tiêu diệt hoàn toàn.

20 phút sau. Đồn Thượng-an đã bị ta san phẳng gọn ghẽ. Khẩu đại bác 155 ly to kênh còn nguyên trong hầm, bên cạnh còn cả thuốc nổ địch định phá ca - nông, nhưng chưa kịp phá.

Ngày hôm đó, máy bay địch hoạt động ráo riết bắn phá đội bom xung quanh đồn. Nhưng anh em dân công bộ đội đã vượt mọi khó khăn diu con « voi khổng lồ » cùng mấy trăm viên đạn lớn và tất cả chiến lợi phẩm về chiến khu yên ổn.

Phóng viên Mặt trận

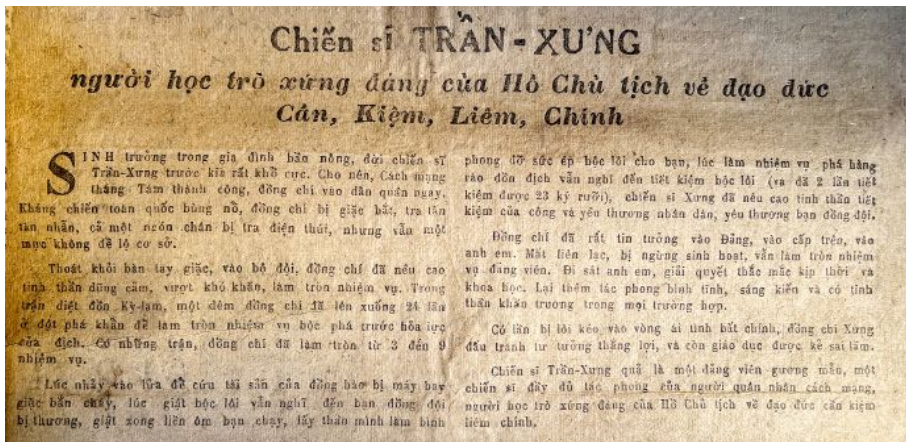
TRANG 3

Bài viết về trận đánh tiêu diệt cứ điểm Thượng An - lô cốt Đầu Đèo ở An Khê và sự hy sinh anh dũng của đồng chí Nguyễn Lớn - chiến sĩ Tiểu đoàn 59 trên báo *Cứu quốc*, cuối tháng 01/1953

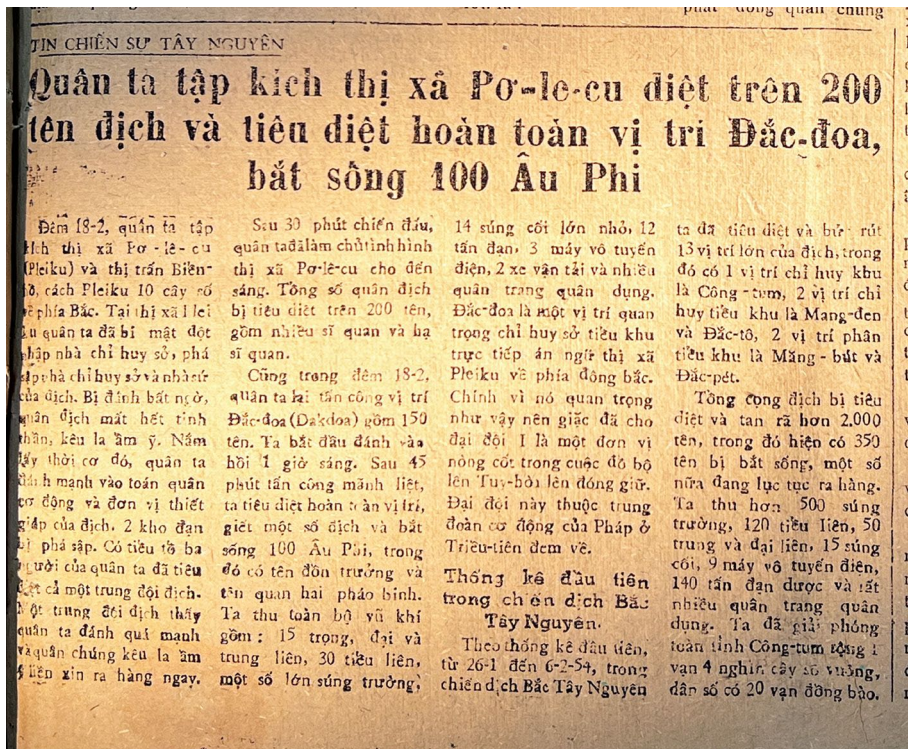


Chiến sĩ thi đua Trần Xung - bộ đội Tiểu đoàn 59
nhận giải thưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Đại hội Chiến sĩ thi đua
Công - Nông - Binh Liên khu V, Tin thi đua trên báo Cứu quốc,
số ra ngày 30/5/1953

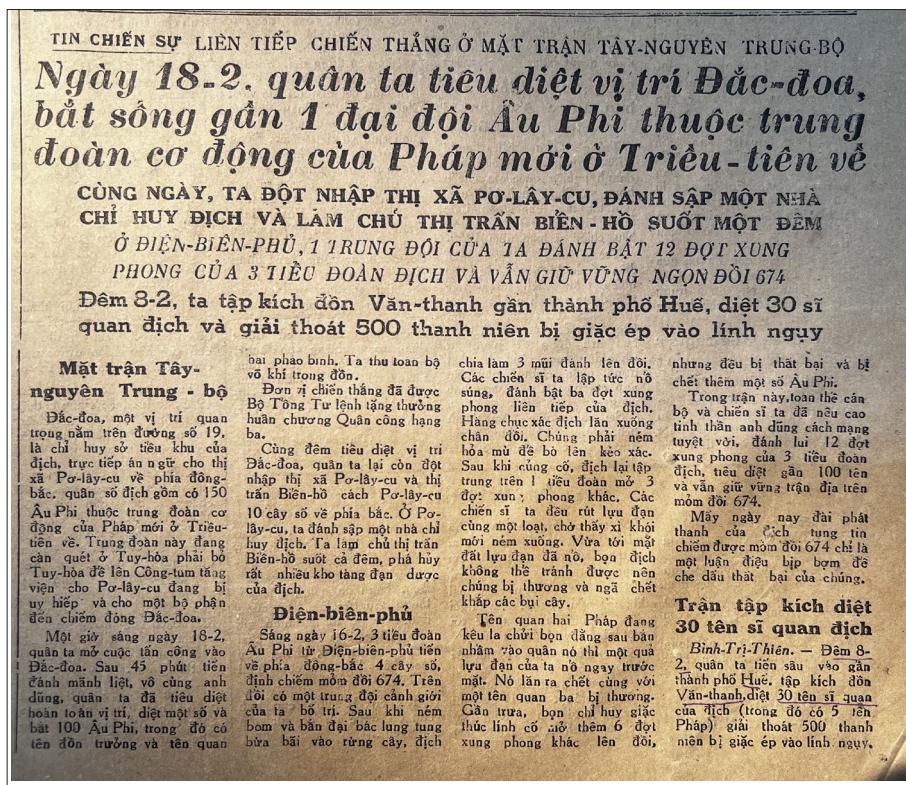
TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN



Bài viết giới thiệu về những thành tích trong chiến đấu cũng như trong đời sống hằng ngày của đồng chí Trần Xung - chiến sĩ Tiểu đoàn 59 trên báo *Cứu quốc*, số ra ngày 30/5/1953



Tin chiến sự về trận tấn công tiêu diệt đồn Đắc Đoa của Tiểu đoàn 59 trên báo *Cứu quốc*, số ra cuối tháng 02/1954



Tin chiến sự về chiến thắng Đắc Đoa và phần thưởng cao quý
Huân chương Chiến công hạng Ba của Bộ Tổng tư lệnh tặng Tiểu đoàn 59
trên báo *Cứu quốc*, số ra ngày 18/02/1954

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN



Đồn Đắk Đoa của quân đội Pháp năm 1953

(Nguồn: <https://www.aamtdm.net>)



Vị trí đồn Đắk Đoa (nay thuộc xã Đắk Sơ Mei, huyện Đắk Đoa, Gia Lai)
nơi Tiểu đoàn 59 tham gia cùng các đơn vị khác tấn công tiêu diệt
ngày 17/02/1954

Phần III: Một số hình ảnh và tư liệu



Bia Di tích chiến thắng Plei Ring (năm 1954) được xây dựng trên nền cũ điểm Plei Ring, nay thuộc xã Hbong, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN



Chiến thắng Kon Braih trong Thông cáo của Bộ Tổng tư lệnh
về thắng lợi của bộ đội Liên khu V tại chiến trường
Bắc Tây Nguyên, ngày 31/01/1954



Năm 1997, Bia Di tích chiến thắng Kon Braih
được xây dựng trên đỉnh đồi, ngay tại nền cứ điểm Kon Braih
tại xã Đắk Ruồng, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum

Phần III: Một số hình ảnh và tư liệu



Bia Di tích chiến thắng Kon Braih
được xây dựng trên chính nền cứ điểm Kon Braih
tại xã Đắk Ruồng, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN



Sông Đắk Snghe nhìn từ vị trí Bia Di tích chiến thắng Kon Braih
tại xã Đắk Ruồng, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum



Anh Nguyễn Tuấn Anh - cháu nội Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Lựu
và con trai Nguyễn Hoàng Phúc tại thác nước Kon S'Kôi
trên sông Đắk Snghe (làng Kon S'Kôi, thôn 10, xã Đắk Ruồng,
huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum), nơi Tiểu đoàn 59
đã vượt sông, đánh đồn Kon Braih, lập chiến công vang dội năm 1954.

Phần III: Một số hình ảnh và tư liệu



Gia đình anh Nguyễn Tuấn Anh, cháu nội Tiểu đoàn trưởng
Tiểu đoàn 59 Nguyễn Lưu đến thăm đồng chí Ngô Thành,
nguyên Phó Bí thư Tỉnh ủy Gia Lai - Kon Tum, cựu chiến binh Tiểu đoàn 59

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN



Tình đồng chí (Từ phải qua: ông Nguyễn Đắc Tấn và ông Trương Bình Trọng - Cựu chiến binh Tiểu đoàn 59; ông Võ Văn Kỳ - Trưởng Ban liên lạc Cựu chiến binh Sư đoàn 305 Phú Yên)



Các cựu chiến binh thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa kể chuyện chiến thắng Vườn Gòn - Đá Bàn (Từ phải sang: ông Nguyễn Văn Triết, huy hiệu 70 năm tuổi Đảng - Cựu chiến binh Ninh Hòa và ông Phạm Thanh Quang - Trưởng Ban liên lạc Cựu chiến binh Sư đoàn 305 Ninh Hòa, Khánh Hòa)



Đồng chí Nguyễn Hòa Bình, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thăm Di tích địa điểm chuyển quân tập kết ra Bắc (của các lực lượng vũ trang, lực lượng chính trị cách mạng toàn Liên khu V) tại thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

LỜI CUỐI SÁCH

Cuốn sách *Tiểu đoàn 59 - Anh hùng của lòng dân* xuất bản đúng dịp kỷ niệm 70 năm chiến thắng Lệ Sơn - Hòa Vang và chiến thắng Đồn Nhất - Hải Vân Quan của Tiểu đoàn 59 Trung đoàn 803 chủ lực cơ động Liên khu V thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp.

Với chúng tôi, để có thể kết nối trang sử vàng rực rỡ về những chiến công hiển hách của Tiểu đoàn 59 từ hơn 70 năm trước với hiện tại qua các nhân chứng, sự kiện, tư liệu là một duyên may và hạnh phúc của cuộc đời làm phim, làm sách.

Mùa xuân 2021, trong quá trình đi tìm nhân chứng và tư liệu để thực hiện bộ phim *Trái tim đỏ thắm dưới chân núi Chóp Chài* về Liệt sĩ, Anh hùng Lực lượng vũ trang Nguyễn Kim Vang, chúng tôi có cơ duyên gặp được Trung tá Nguyễn Kháng - Trưởng Ban liên lạc Cựu chiến binh Tiểu đoàn 59, người lính liên lạc của Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Lựu, thân sinh của Anh hùng Nguyễn Kim Vang.

Trong cuộc gặp gỡ này, chúng tôi được cụ Kháng tặng lại cuốn sách: *Lịch sử Tiểu đoàn 59 Trung đoàn chủ lực 803 Liên khu V*. Cuốn sách được in năm 2000, nhân dịp kỷ niệm 50 năm thành lập Tiểu đoàn 59. Khi đưa tặng sách cho chúng tôi, cụ Kháng rưng rưng lệ, gửi gắm hy vọng cuốn sách sẽ được in lại, không rồi mai một không ai còn biết đến những câu chuyện của một thời kháng chiến, máu xương của biết bao liệt sĩ đã hy sinh, nghĩa tình đồng chí, đồng bào Khu V của một thời đã qua không trở lại.

Cuốn sách đó đã mở ra cho chúng tôi những tư liệu quý về một tiểu đoàn chủ lực cơ động rạng rỡ chiến công của Khu V trung dũng, kiên cường. Lật từng trang sách, tưởng như còn thấm máu đào của biết bao anh hùng, liệt sĩ đã ngã xuống vì độc lập, thống nhất của Tổ quốc.

Từ cuốn sách đó, chúng tôi bắt đầu hành trình đi tìm nhân chứng và tư liệu để xây dựng bộ phim *Tiểu đoàn 59 - Họ đã sống và chiến đấu*, với mong muốn làm sáng rõ hình ảnh về một đơn vị chủ lực cơ động Liên khu V thời kháng chiến chống thực dân Pháp.

Để có thể tái hiện lại chân dung Tiểu đoàn 59, chúng tôi bắt tay vào đi tìm tư liệu, nhân chứng, chấp nối các sự kiện ở các địa phương mà Tiểu đoàn đã từng chiến đấu, đóng quân, hoạt động. Hơn 70 năm qua, những nhân chứng, sự kiện đều đã mai một. Chúng tôi đã đọc lịch sử Đảng bộ của các địa phương; lịch sử Khu V trong kháng chiến chống thực dân Pháp; lịch sử Trung đoàn 803; Lịch sử Tiểu đoàn 365,... và rất nhiều tài liệu khác nữa. Bước chân chúng tôi đã đi khắp Quảng Nam, Đà Nẵng, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Gia Lai, Kon Tum, Thanh Hóa, Hải Phòng, Phú Thọ để tìm lại các nhân chứng, các cựu chiến binh của Tiểu đoàn.

Trong hành trình đó, chúng tôi đã may mắn gặp được: Đại tá Trương Công Vọng - người tham gia viết lịch sử Trung đoàn 803, cũng là người viết sách *Lịch sử Tiểu đoàn 59 Trung đoàn chủ lực 803 Liên khu V*; Đại tá Huỳnh Năm - người trực tiếp mang bộc phá ống đánh Đồn Nhất năm xưa khi mới 20 tuổi; Trung tá Nguyễn Kháng - người lính liên lạc của Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Lữ; Trung tá Lữ Tấn Xa (Quảng Nam); Đại tá Nguyễn Đắc Tấn, Đại úy Trương Bình Trọng, Thiếu tá Nguyễn Chín (Phú Yên), ông Ngô Thành (Gia Lai), ông Nguyễn Viết Hoàng (Đắk Lắk),... Họ đều là những cựu chiến binh của Tiểu đoàn 59, tuy tuổi cao,

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

nhưng vẫn minh mẫn và lưu giữ ký ức rất tốt về Tiểu đoàn. Bên cạnh đó, chúng tôi còn gặp được các nhân chứng như: Đại tá Võ Văn Minh, ông Lê Minh Nhẫn (Đà Nẵng); Đại tá Võ Văn Ký (Phú Yên); Đại tá Phạm Thanh Quang, ông Nguyễn Triết, ông Nguyễn Chín (Khánh Hòa); thân nhân các liệt sĩ Trần Xung, Nguyễn Bá Dương và rất nhiều nhân chứng khác đã giúp đỡ chúng tôi tìm tư liệu, cung cấp ảnh, kể các câu chuyện về những chiến công và những tấm gương hy sinh của Tiểu đoàn thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp.

Từ câu chuyện của họ, kết nối với các tư liệu đã nghiên cứu, chân dung của Tiểu đoàn đã dần hiện lên sinh động và rõ nét. Tiểu đoàn 59 là đơn vị chủ lực của Quảng Nam - Đà Nẵng được thành lập năm 1950 theo yêu cầu nhiệm vụ của Đảng về phát triển lực lượng vũ trang tại các địa phương; năm 1951 đứng trong đội hình Trung đoàn 803 chủ lực cơ động Liên khu V. Tiểu đoàn trưởng đầu tiên là đồng chí Nguyễn Lựu, sinh năm 1913, quê ở Nghĩa Hành, Quảng Ngãi, chiến sĩ Đội du kích Ba Tơ anh hùng, Phân đội trưởng Phân đội 1, Đại đội Hoàng Hoa Thám. Ông nổi tiếng mưu trí, dũng cảm, rèn quân nghiêm khắc mà giàu tình nghĩa, yêu thương đồng chí, đồng đội; trong chiến đấu vào sinh ra tử luôn đi đầu, nêu cao vai trò của người chỉ huy; trong sinh hoạt hằng ngày vô cùng giản dị, nhường cơm sẻ áo cho anh em. Trong suốt những năm kháng chiến chống thực dân Pháp, Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Lựu cùng Chính trị viên Phạm Đạo, Tiểu đoàn phó Trần Ngọc Anh đã chỉ huy Tiểu đoàn 59 gắn bó thành một khối thống nhất, vững mạnh về tư tưởng chính trị, có tinh thần yêu nước, căm thù giặc sâu sắc, từ trong chiến đấu không ngừng trưởng thành về mọi mặt, tham gia nhiều chiến dịch lớn, lập nên những chiến công vang dội.

Chiến công của Tiểu đoàn 59 ghi dấu ấn sâu đậm với những tên đất, tên người như: Ai Nu, Vân Ly, Kỳ Lam, Phù Kỳ,

Điện Tiến, Lệ Sơn, Đồn Nhất - Hải Vân Quan, Thượng An - lô cốt Đầu Đèo, Đắc Doa, Tú Thủy, Đá Bàn, Kon Rẫy,... Trong đó, có những trận đánh chỉ cách nhau chưa đầy 10 ngày như trận Lệ Sơn và trận Đồn Nhất - hai đồn ở hai vị trí trọng yếu, khiến cho kẻ thù khiếp sợ. Rồi trận Thượng An - lô cốt Đầu Đèo, ta thu khẩu pháo 155mm, được mệnh danh là “Voi Tây Nguyên”, lớn nhất trên chiến trường Đông Dương lúc đó, hiện được trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam; trận sở “Thăng Lô”, Bến Ghe, Vườn Gòn (Ninh Hòa) - Tiểu đoàn 59 đã cùng quân dân địa phương đánh tan 4.000 quân lính Âu - Phi do Thiếu tướng Le Blanc chỉ huy, bảo vệ căn cứ Đá Bàn; trận Kon Braih mở chốt chặn cuối cùng ở Kon Rẫy để quân ta tiến vào giải phóng Kon Tum.

Những trận đánh lấy lòng của Tiểu đoàn 59 là minh chứng sinh động cho sự trưởng thành của lực lượng vũ trang Quân khu 5 thời kỳ chống thực dân Pháp theo yêu cầu của Đảng, nhiệm vụ của kháng chiến. Với lối đánh đặc công “xuất quỷ nhập thần”, lấy ít địch nhiều..., Tiểu đoàn 59 là đơn vị có nhiều sáng tạo trong chiến thuật đánh tháp canh, công đồn, diệt viện, đặc biệt là sử dụng thang tre để chiếm lĩnh độ cao trận địa diệt tháp canh, vượt hàng rào dây thép gai, kê trên vai để đồng đội xông vào đồn giặc. Vì thế, Tiểu đoàn 59 còn có tên gọi là “*Tiểu đoàn thang*”.

Là đơn vị chủ lực cơ động của Liên khu V, phạm vi địa bàn hoạt động của Tiểu đoàn 59 rất rộng, và dù hoạt động ở đâu, Tiểu đoàn cũng được nhân dân hết lòng chở che, ủng hộ, giúp đỡ. “*Bộ đội ông Lựu chỉ có tiến, không lùi*” là lời của bà Y Điệp, người Cà Dong, một nữ dân công hỏa tuyến trong trận đánh đồn Kon Braih còn nhắc mãi khi kể lại những kỷ niệm của thời kỳ đánh giặc Pháp. “*Dựa vào dân, vì nhân dân mà chiến đấu*” là bài học từ Tiểu đoàn 59 mà ông Ngô Thành, Nguyên Phó Bí thư Tỉnh ủy Gia Lai - Kon Tum, cựu chiến binh Tiểu đoàn 59 tâm niệm suốt

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

cuộc đời. Những câu chuyện xúc động được các nhân chứng kể lại là minh chứng sâu sắc về công tác dân vận của Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Lưu và các cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 59.

Những người lính Cụ Hồ, sinh ra từ mảnh đất miền Trung nghèo khó, vừa thoát ra từ cảnh nô lệ lầm than, đã sớm giác ngộ lý tưởng cách mạng, chiến đấu trong hoàn cảnh vô cùng gian khổ, thiếu thốn. Họ đánh giặc bằng mưu trí, lòng dũng cảm và tình yêu sắt son với quê hương, đất nước. Từ Tiểu đoàn 59, lớp lớp cán bộ, chiến sĩ đã trưởng thành, đi qua chiến tranh, có người nằm lại chiến trường, có người trở thành những cán bộ quân đội ưu tú, lãnh đạo cốt cán ở nhiều địa phương. Sau khi đất nước hòa bình, thống nhất, bước ra khỏi hai cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, họ trở về với đời thường, sống cuộc đời giản dị, khiêm nhường, không một lời đòi hỏi đãi ngộ công lao.

Ghi nhớ những trận đánh kiêu hùng, chiến công rạng rỡ của Tiểu đoàn 59, tại Lệ Sơn, Đồn Nhất, Kon Braih và nhiều địa phương, bia chiến thắng đã được nhân dân dựng lên ở chính nơi năm xưa Tiểu đoàn 59 đã chiến đấu và chiến thắng. Đó cũng là những địa chỉ đỏ để giáo dục thế hệ trẻ về lòng yêu nước, dũng cảm hy sinh, là bằng chứng lịch sử nhân dân mãi mãi lưu danh Tiểu đoàn 59 - Anh hùng của lòng dân.

Năm 2022, nhân kỷ niệm 70 năm chiến thắng Lệ Sơn; chiến thắng Đồn Nhất - Hải Vân Quan, được sự nhất trí của Ban liên lạc Cựu chiến binh Tiểu đoàn 59, trên nền tảng của cuốn *Lịch sử Tiểu đoàn 59 Trung đoàn chủ lực 803 Liên khu V*, cuốn sách *Tiểu đoàn 59 - Anh hùng của lòng dân* đã được biên soạn, bổ sung thêm những bài viết, tư liệu quý giá. Song song với việc xuất bản cuốn sách, bộ phim tài liệu *Tiểu đoàn 59 - Họ đã sống và chiến đấu* cũng được sản xuất. Hai công trình này là lời tri ân sâu sắc đến Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Lưu cùng

các cựu chiến binh Tiểu đoàn 59; tôn vinh những chiến công của Tiểu đoàn trong kháng chiến chống thực dân Pháp, lưu giữ những tư liệu quý giá về lịch sử của Tiểu đoàn, tri ân các liệt sĩ đã hy sinh cho hòa bình, thống nhất đất nước.

Hành trình làm phim, làm sách đã khép lại, chúng tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới đồng chí Nguyễn Hòa Bình, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Phu nhân Phùng Nhật Hà; cảm ơn các gia đình thuộc gia tộc họ Nguyễn đã cung cấp tư liệu, kết nối với các cựu chiến binh Tiểu đoàn 59 và thân nhân, giúp đỡ chúng tôi trong quá trình thực hiện. Xin chân thành cảm ơn cụ Nguyễn Kháng; cụ Huỳnh Năm, cụ Trương Công Vọng và các cựu chiến binh Tiểu đoàn đã đồng hành cùng chúng tôi trong quá trình bổ sung tư liệu, đi tìm nhân chứng, kết nối quá khứ với hiện tại.

Xin trân trọng cảm ơn Bộ Quốc phòng, Thành ủy Thành phố Đà Nẵng, Bộ Tư lệnh Quân khu 5, Tỉnh ủy Kon Tum, Viện Lịch sử Quân sự, Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam; Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Gia Lai, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Thư viện Quốc gia, Ban liên lạc Cựu chiến binh thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, Ban liên lạc Cựu chiến binh tỉnh Phú Yên và các cơ quan, đơn vị, cá nhân đã giúp đỡ chúng tôi trong hành trình thực hiện.

Hy vọng những tư liệu lịch sử quý giá của cuốn sách sẽ làm rạng rỡ thêm chân dung Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Lựu và Tiểu đoàn 59 - Chủ lực cơ động Liên khu V trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, góp phần tô đậm thêm truyền thống vẻ vang của Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng.

Xin trân trọng cảm ơn!

Ngày 30 tháng 8 năm 2022

Thanh Hương - Sỹ Bằng thực hiện

MỤC LỤC

	Trang
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Thấp lửa tri ân</i>	7
Phần I	
LỊCH SỬ TIỂU ĐOÀN 59	11
<i>Lời giới thiệu</i>	13
Chương I	
QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ CHIẾN ĐẤU ĐỘC LẬP CỦA TIỂU ĐOÀN 59 TẠI CHIẾN TRƯỜNG QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG	17
I. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH	17
II. QUÁ TRÌNH CHIẾN ĐẤU ĐỘC LẬP TẠI CHIẾN TRƯỜNG QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG (TỪ THÁNG 6/1950 ĐẾN THÁNG 11/1951)	19
1. Tham gia chiến dịch Hoàng Diệu mùa hè năm 1950	19
2. Về lại chiến trường Quảng Nam - Đà Nẵng	21
Chương II	
QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG VÀ CHIẾN ĐẤU CỦA TIỂU ĐOÀN 59 TRONG ĐỘI HÌNH TRUNG ĐOÀN CHỦ LỰC 803 (Từ tháng 11/1951 đến tháng 7/1954)	24
I. THAM GIA HỌC TẬP CHÍNH TRỊ VÀ HUẤN LUYỆN QUÂN SỰ	24
II. THAM GIA CHIẾN DỊCH ĐÔNG XUÂN 1951-1952 TẠI NAM TÂY NGUYÊN	25
1. Tham gia tiêu diệt cứ điểm Ai Nu	25
2. Bôn tập trên 200km, góp phần đánh bại cuộc hành quân Latérite của giặc Pháp ở miền Tây Quảng Ngãi	26

III. THAM GIA CHIẾN DỊCH HÈ THU 1952 TẠI QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG	27
1. Diệt khu hành chính Phù Kỳ	28
2. Diệt cứ điểm Vân Ly	29
3. Chống càn tại Điện Tiến và diệt tháp canh	31
4. Diệt khu hành chính Kỳ Lam	31
5. Diệt cứ điểm Lệ Sơn	33
6. Diệt cứ điểm Đồn Nhất trên đỉnh đèo Hải Vân	36
IV. THAM GIA CHIẾN DỊCH ĐÔNG XUÂN 1952-1953	39
1. Tham gia diệt cứ điểm Tú Thủy	40
2. Truy kích địch rút khỏi Kom Lía	41
3. Diệt cứ điểm Thượng An - lô cốt Đầu Đèo, thu đại bác 155mm	42
4. Đánh viện trên đường số 19	44
V. THAM GIA HOẠT ĐỘNG CHIẾN DỊCH HÈ 1953, TIỂU ĐOÀN ĐỘC LẬP VÀO KHÁNH HÒA HOẠT ĐỘNG, DIỆT HÀNG LOẠT THÁP CANH, ĐÁNH BẠI MỘT TRẬN CÀN LỚN CỦA ĐỊCH VÀO CHIẾN KHU ĐÁ BÀN	45
1. Diệt hàng loạt tháp canh	46
2. Đánh thiệt hại nặng một trung đoàn địch càn quét vào chiến khu Đá Bàn, bảo vệ an toàn căn cứ	46
3. Trở về hậu phương thực hiện nhiệm vụ chỉnh huấn chính trị và huấn luyện quân sự	49
VI. THAM GIA CHIẾN DỊCH ĐÔNG XUÂN 1953-1954, KẾT THÚC CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC	50
1. Chấp hành chỉ thị của cấp trên	51
2. Mở màn chiến dịch diệt cứ điểm Kon Braih (Kon Rẫy)	52
3. Đánh địch rút chạy khỏi Kon Tum	53
4. Tham gia diệt cứ điểm Đắc Đoà	54
5. Vượt đường số 19 - Tập kích Plei Ring	56
6. Chuyển quân qua đường số 7, tham gia bao vây, pháo kích cứ điểm Ai Nu	61
7. Đánh vận động trên đường số 7	61

TIỂU ĐOÀN 59 - ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN

8. Tiến xuống Phú Yên, tham gia tập kích cứ điểm Tuy Bình 63
9. Tập kích Màng Màng, chợ Xéo, sân bay Đông Tác 64

Chương III

TIỂU ĐOÀN 59 SAU NGÀY HÒA BÌNH LẬP LẠI 67

I. TÁCH KHỎI ĐỘI HÌNH TRUNG ĐOÀN 803, VỀ QUẢNG NGÃI THÀNH
LẬP TRUNG ĐOÀN 210, THAM DỰ LỄ RA MẮT SƯ ĐOÀN 305 67

II. NHỮNG NGÀY HÒA BÌNH TẠI MIỀN BẮC 69

1. Chuyển quân về Thanh Hóa, tham gia chỉnh huấn
chính trị và chống cưỡng ép di cư 69

2. Chuyển quân về Nam Định, Thái Bình, Phú Thọ,
tham gia xây dựng quân đội tiến lên chính quy, hiện đại 72

3. Tham gia xây dựng các công trình ở miền Bắc xã hội
chủ nghĩa 74

4. Chấp hành trở về Nam theo Nghị quyết Hội nghị
Trung ương lần thứ 15 (năm 1959) 76

Chương IV

VÀI NÉT ĐẶC TRƯNG

VÀ TRUYỀN THỐNG TIÊU BIỂU CỦA TIỂU ĐOÀN 59 78

I. NHỮNG NÉT ĐẶC TRƯNG CỦA TIỂU ĐOÀN 79

II. TRUYỀN THỐNG TIÊU BIỂU CỦA TIỂU ĐOÀN 79

1. Tiểu đoàn có tinh thần kỷ luật cao, tự giác và sẵn
sàng chấp hành mọi mệnh lệnh của cấp trên, đi đến bất cứ
nơi đâu, làm bất cứ nhiệm vụ gì và quyết tâm hoàn thành
tốt mọi nhiệm vụ trong mọi hoàn cảnh 80

2. Trong lịch sử xây dựng, chiến đấu và trưởng thành,
Tiểu đoàn đã không ngừng bồi dưỡng và củng cố mối quan
hệ máu thịt quân - dân nặng nghĩa, nặng tình, keo sơn, gắn
bó ở hậu phương cũng như trong lửa đạn chiến tranh 82

PHỤ LỤC: TỔNG HỢP THÀNH TÍCH CHIẾN ĐẤU 85

- Phụ lục 1: Chiến công đánh nhà hàng Morin - Frères	88
- Phụ lục 2: Chiến thắng Đồn Nhất	92

Phần II

ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN	125
- TIỂU ĐOÀN 59 - NHỮNG CHIẾN CÔNG LỊCH SỬ	127
- TIỂU ĐOÀN 59 - TƯỢNG ĐÀI BẤT TỬ TRONG LÒNG DÂN	132
- TIỂU ĐOÀN 59 - TRUNG HIẾU VỆ TOÀN	138
- TIỂU ĐOÀN TRƯỞNG NGUYỄN LỰU - NGƯỜI HỌC TRÒ ĐẶC BIỆT	147
- LÍNH CỤ HỒ - LÍNH ANH HÙNG	151
- LÊ SƠN - TRẬN ĐÁNH HÀO HÙNG	158
- TRẬN ĐỒN NHẤT - HẢI VÂN QUAN TRONG KÝ ỨC NGƯỜI LÍNH CÔNG ĐỒN	162
- CHUYỆN VỀ KHẨU PHÁO DƯỚI CHÂN CỘT CỜ HÀ NỘI	167
- LÒNG DÂN NHỚ MÃI	172
- TIỂU ĐOÀN 59 - CÁI NÔI CỦA BỘ ĐỘI ĐẶC CÔNG LIÊN KHU V	176
- TIỂU ĐOÀN 59 - MỘT LÒNG VÌ DÂN	181
- TIỂU ĐOÀN 59 - TỪ ĐÓ TÔI RA ĐI CHIẾN ĐẤU	187
- TIỂU ĐOÀN 59 TRONG TRÁI TIM TÔI	191
- KÝ ỨC VỀ BA TÔI	195
- THEO DẤU ÔNG CHA	203
- GIỮ LỬA TRUYỀN THỐNG ANH HÙNG	209
- CHIẾN THẮNG VƯỜN GÒN - ĐÁ BÀN	213
- CHIẾN THẮNG KON BRAIH (KON RẪY)	217

Phần III

MỘT SỐ HÌNH ẢNH VÀ TƯ LIỆU	223
<i>Lời cuối sách</i>	248

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội, ĐT: 080 49221, Fax: 080 49222, Email: suthat@nxbctqg.vn
Website: www.nxbctqg.org.vn, Sách điện tử: www.stbook.vn, www.thuviencoso.vn

TIỂU ĐOÀN 59 ANH HÙNG CỦA LÒNG DÂN



MÃ ĐỊNH DANH
CUỐN SÁCH

